

Số: 252/GCN-UBCK

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2022

**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**Đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 48/2015/QĐ-TTg ngày 08 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;

Xét Hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của Công ty cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý Chào bán Chứng khoán.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho:

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỄN THÔNG ELCOM**

– Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ELCOM TECHNOLOGY COMMUNICATIONS CORPORATION;

– Tên công ty viết tắt: ELCOM CORP;

– Địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà ELCOM, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội;

– Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101435127 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 07 năm 2003, thay đổi lần thứ 27 ngày 09 tháng 5 năm 2022;

– Vốn điều lệ: 509.282.430.000 đồng (Năm trăm linh chín tỷ hai trăm tám mươi hai triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng).

**Điều 2.** Cổ phiếu Công ty cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM được chào bán ra công chúng theo các nội dung sau:



1. Loại chứng khoán: cổ phiếu phổ thông.
2. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng).
3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán, phát hành: 18.843.449 cổ phiếu (Mười tám triệu tám trăm bốn mươi ba nghìn bốn trăm bốn mươi chín cổ phiếu), trong đó:
  - Số lượng cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu: 11.204.213 cổ phiếu.
  - Số lượng cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu: 7.639.236 cổ phiếu.
4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán, phát hành theo mệnh giá: 188.434.490.000 đồng (Một trăm tám mươi tám tỷ bốn trăm ba mươi bốn triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng).
5. Thời gian phân phối: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán có hiệu lực.
6. Phương thức phân phối: Theo phương án nêu trong Bản cáo bạch.
7. Tổ chức tư vấn phát hành: Công ty cổ phần Chứng khoán Rồng Việt.

**Điều 3.** Công ty cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM phải tuân thủ pháp luật Việt Nam, các quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán và nội dung tại Giấy chứng nhận này.

**Điều 4.** Giấy chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 5.** Giấy chứng nhận này được lập thành bốn (04) bản chính: 01 bản cấp cho Công ty cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM, 01 bản lưu tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, 01 bản gửi cho Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và 01 bản gửi cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.



**Vũ Thị Chân Phương**

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHỨNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỄN THÔNG ELCOM

(Giấy chứng nhận ĐKDN số 0101435127 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18/07/2003, cấp thay đổi lần thứ 27 ngày 09/05/2022)

### CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 252/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 8 năm 2022)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày 25/8/2022 tại:

#### CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỄN THÔNG ELCOM

Địa chỉ: Tòa nhà ELCOM, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3835 9359 Fax: (024) 3835 5884

Website: [www.elcom.com.vn](http://www.elcom.com.vn)

#### CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT - CHI NHÁNH HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 10, Tòa nhà Eurowindow, số 2 Tôn Thất Tùng, Phường Trung Tự, Quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 6288 2006 Fax: (024) 6288 2008

Website: <http://www.vdsc.com.vn>

#### Phụ trách công bố thông tin:

Ông/Bà: Nguyễn Đức Thiện

Chức vụ: Người được ủy quyền công bố thông tin

Điện thoại: 0913292188

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỄN THÔNG ELCOM

(Giấy chứng nhận ĐKDN số 0101435127 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp  
lần đầu ngày 18/07/2003, cấp thay đổi lần thứ 27 ngày 09/05/2022)

# elcom

### CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

**Tên cổ phiếu:** Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn Thông ELCOM

**Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông

**Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phiếu

**Giá chào bán:** 11.500 đồng/cổ phiếu

**Tổng số lượng cổ phiếu chào bán/phát hành:** 18.843.449 cổ phiếu

Trong đó:

- Số lượng cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng cho cổ đông hiện hữu: 11.204.213 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu: 7.639.236 cổ phiếu

**Tổng giá trị cổ phiếu chào bán/phát hành theo mệnh giá:** 188.434.490.000 đồng (Một trăm tám mươi tám tỷ, bốn trăm ba mươi tư triệu, bốn trăm chín mươi nghìn đồng)

#### 1. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

**Công ty TNHH Kiểm toán TTP**

(Đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 và Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty)

**Địa chỉ:** Tầng 12 Tháp Tây, Tòa nhà Hancorp Plaza, số 72 Trần Đăng Ninh, Cầu Giấy, Hà Nội

**Điện thoại:** (024) 3742 5888

**Fax:** (024) 3757 8666

#### 2. TỔ CHỨC TƯ VẤN

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Rông Việt – Chi nhánh Hà Nội**

**Địa chỉ:** Tầng 10, Tòa nhà Eurowindow, số 2 Tôn Thất Tùng, Phường Trung Tự, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**Điện thoại:** (024) 6288 2006

**Fax:** (024) 6288 2008

**Website:** <http://www.vdsc.com.vn>

## MỤC LỤC

<b>I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....</b>	<b>1</b>
1. Tổ chức phát hành.....	1
2. Tổ chức tư vấn.....	1
<b>II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....</b>	<b>2</b>
1. Rủi ro về kinh tế.....	2
2. Rủi ro về luật pháp.....	5
3. Rủi ro đặc thù.....	6
4. Rủi ro về đợt chào bán.....	7
5. Rủi ro pha loãng.....	8
6. Rủi ro quản trị công ty.....	10
7. Rủi ro khác.....	10
<b>III. CÁC KHÁI NIỆM.....</b>	<b>11</b>
<b>IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....</b>	<b>13</b>
1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành.....	13
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành.....	13
3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành.....	16
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành.....	18
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối.....	21
6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ.....	24
7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Công ty tại các doanh nghiệp khác.....	27
8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành.....	28
9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.....	28
10. Hoạt động kinh doanh.....	29
11. Chính sách đối với người lao động.....	65
12. Chính sách cổ tức.....	67
13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất.....	67
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành.....	67

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.....	67
16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.....	68
<b>V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH.....</b>	<b>68</b>
1. Kết quả hoạt động kinh doanh .....	68
2. Tình hình tài chính .....	70
3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của tổ chức phát hành .....	80
4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức.....	81
<b>VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG .....</b>	<b>83</b>
1. Thông tin về cổ đông sáng lập .....	83
2. Thông tin về cổ đông lớn .....	83
3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.....	88
<b>VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN .....</b>	<b>104</b>
1. Loại cổ phiếu.....	104
2. Mệnh giá.....	104
3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán/ phát hành dự kiến .....	104
4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán/phát hành (dự kiến) theo mệnh giá.....	105
5. Giá chào bán.....	105
6. Phương pháp tính giá .....	105
7. Phương thức phân phối .....	105
8. Đăng ký mua cổ phiếu .....	106
9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu .....	107
10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu .....	107
11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu .....	108
12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành .....	108
13. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài.....	108

14. Các loại thuế có liên quan.....	108
15. Thông tin về các cam kết.....	109
16. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt.....	110
<b>VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN.....</b>	<b>110</b>
<b>IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN.....</b>	<b>110</b>
1. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán.....	110
2. Phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán chi tiết.....	110
<b>X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN.....</b>	<b>112</b>
1. Tổ chức tư vấn.....	112
2. Tổ chức kiểm toán.....	112
3. Ý kiến của tổ chức tư vấn về đợt chào bán.....	112
<b>XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ.....</b>	<b>113</b>
<b>XII. PHỤ LỤC.....</b>	<b>115</b>

## DANH MỤC HÌNH VẼ

Hình 1. Tốc độ tăng trưởng GDP năm 2011 – 2021 .....	3
Hình 2. CPI bình quân của Việt Nam (%).....	4
Hình 3. Một số thành tựu mà Công ty đạt được .....	16
Hình 4. Cơ cấu tổ chức của Công ty.....	16
Hình 5. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Công ty.....	18
Hình 6. Một số hình ảnh sản phẩm giải pháp Giao thông thông minh của Công ty .....	33
Hình 7. Một số sản phẩm cho giải pháp An ninh quốc phòng của Công ty .....	36
Hình 9. Hình ảnh sản phẩm giải pháp y tế của Công ty .....	38
Hình 10. Xếp hạng 10 Công ty Công nghệ Cung cấp Dịch vụ, Giải pháp Phần mềm & Tích hợp hệ thống uy tín năm 2021 .....	56
Hình 11. Định hướng công nghệ giai đoạn 2022-2025 .....	62
Hình 12. Các mảng kinh doanh chính trong tương lai .....	63
Hình 13. Định hướng phát triển theo mô hình tập đoàn.....	63

## DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1. Danh sách các công ty con kiểm soát trực tiếp của ELCOM.....	22
Bảng 2. Danh sách Công ty con kiểm soát gián tiếp của ELCOM.....	23
Bảng 3. Danh sách các Công ty liên kết của ELCOM .....	23
Bảng 4. Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty .....	24
Bảng 5. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành của Công ty ngày 25/04/2022 .....	28
Bảng 6. Một số giải pháp viễn thông do ELCOM thực hiện.....	30
Bảng 7. Một số giải pháp Giao thông thông minh do ELCOM cung cấp .....	31
Bảng 8. Một số giải pháp An ninh - Quốc phòng do ELCOM cung cấp .....	35
Bảng 9. Các dự án bất động sản thương mại, dịch vụ đang được triển khai đầu tư.....	39
Bảng 10. Các dự án bất động sản thương mại, dịch vụ, dự án bất động sản khu công nghiệp đang nghiên cứu lập dự án đầu tư.....	39
Bảng 11. Cơ cấu doanh thu thuần theo lĩnh vực hoạt động - Công ty mẹ.....	40
Bảng 12. Cơ cấu doanh thu thuần theo lĩnh vực hoạt động - Hợp nhất .....	40
Bảng 13. Cơ cấu lợi nhuận gộp theo lĩnh vực hoạt động - Công ty mẹ .....	41
Bảng 14. Cơ cấu lợi nhuận gộp theo lĩnh vực hoạt động - Hợp nhất.....	41
Bảng 15. Tài sản tại ngày 30/06/2022 – Công ty mẹ .....	42
Bảng 16. Tài sản của Công ty tại ngày 30/06/2022 – hợp nhất.....	42
Bảng 17. Một số tài sản máy móc, thiết bị lớn.....	43
Bảng 18. Danh sách đất đai, nhà xưởng tại ngày 30/06/2022 .....	43
Bảng 19. Cơ cấu thị trường hoạt động – Công ty mẹ.....	44
Bảng 20. Cơ cấu thị trường hoạt động – Hợp nhất.....	44
Bảng 21. Danh sách hợp đồng lớn của Công ty từ năm 2020 .....	47



Bảng 22. Danh sách các khách hàng lớn từ năm 2020 đến nay .....	51
Bảng 23. Danh sách các nhà cung cấp lớn của Công ty từ năm 2020 đến nay .....	52
Bảng 24. Định hướng quảng bá thương hiệu của Công ty .....	59
Bảng 25. Danh sách các sản phẩm phần mềm của ELCOM đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả .....	60
Bảng 26. Cơ cấu lao động tại Công ty .....	65
Bảng 27. Tình hình chi trả cổ tức các năm gần đây của Công ty .....	67
Bảng 28. Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh - Công ty mẹ .....	68
Bảng 29. Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh - hợp nhất .....	68
Bảng 30. Vốn kinh doanh của Công ty mẹ .....	70
Bảng 31. Vốn kinh doanh của Công ty - hợp nhất .....	71
Bảng 32. Tình hình sử dụng vốn kinh doanh - Công ty mẹ .....	71
Bảng 33. Tình hình sử dụng vốn kinh doanh - hợp nhất .....	72
Bảng 34. Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty .....	72
Bảng 35. Mức lương bình quân của CBCNV trong Công ty .....	73
Bảng 36. Tổng hợp hình công nợ - Công ty mẹ .....	73
Bảng 37. Tổng hợp hình công nợ - hợp nhất .....	73
Bảng 38. Các khoản phải thu của Công ty mẹ .....	73
Bảng 39. Các khoản phải thu của Công ty theo báo cáo tài chính hợp nhất .....	74
Bảng 40. Các khoản phải thu quá hạn của Công ty tại ngày 30/06/2022 .....	74
Bảng 41. Các khoản phải trả của Công ty mẹ .....	75
Bảng 42. Các khoản phải trả của Công ty - hợp nhất .....	76
Bảng 43. Số dư các khoản thuế và phải nộp nhà nước của Công ty mẹ .....	77
Bảng 44. Số dư các khoản thuế và phải nộp nhà nước theo báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty .....	77
Bảng 45. Số dư các quỹ của Công ty mẹ .....	78
Bảng 46. Số dư các quỹ của Công ty (Hợp nhất) .....	78
Bảng 47. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty mẹ .....	79
Bảng 48. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty theo báo cáo tài chính hợp nhất .....	79
Bảng 49. Kế hoạch kinh doanh của Công ty mẹ .....	81
Bảng 50. Kế hoạch kinh doanh hợp nhất của Công ty .....	81
Bảng 51. Danh sách cổ đông lớn là cá nhân của Công ty .....	83
Bảng 52. Danh sách cổ đông lớn là tổ chức của Công ty .....	83
Bảng 53: Các doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành mà Cổ đông lớn có lợi ích liên quan .....	85
Bảng 54. Danh sách người có liên quan đến cổ đông lớn của Công ty .....	86
Bảng 55: Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu phát hành thêm .....	107

## NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

### I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

#### 1. Tổ chức phát hành

##### **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỆN THÔNG ELCOM**

**Ông Phan Chiến Thắng** Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

**Ông Phạm Minh Thắng** Chức vụ: Tổng giám đốc

**Bà Đặng Thị Thanh Minh** Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

#### 2. Tổ chức tư vấn

##### **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT – CHI NHÁNH HÀ NỘI**

**Ông Trần Thăng Long** Chức vụ: Giám đốc

*(Theo giấy ủy quyền số 90/2021/QĐ-PC ngày 07/04/2021 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt)*

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng do Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt – Chi nhánh Hà Nội tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn số 04/2022/TVTVDL-NHDT ngày 10/01/2022 với Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn Thông ELCOM. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn Thông ELCOM cung cấp.

*[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]*

## II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Môi trường kinh tế với những nhân tố cơ bản như tốc độ tăng trưởng kinh tế, chỉ số lạm phát, lãi suất... là yếu tố khách quan nhưng tác động trực tiếp đến sự phát triển của mọi ngành sản xuất, dịch vụ cũng như mọi doanh nghiệp. Do đó, kết quả kinh doanh và triển vọng phát triển của Công ty có thể bị ảnh hưởng bởi các yếu tố rủi ro được đề cập dưới đây:

### 1. Rủi ro về kinh tế

Yếu tố vĩ mô của nền kinh tế đóng vai trò quan trọng trong quá trình tăng trưởng của doanh nghiệp. Hiệu quả hoạt động và triển vọng kinh doanh đặt ra yêu cầu doanh nghiệp phải thích nghi kịp thời với sự biến động của các yếu tố từ môi trường kinh doanh. Rủi ro về kinh tế được xác định là loại rủi ro hệ thống tạo ra từ yếu tố vĩ mô, trong đó các yếu tố cơ bản tác động đến hoạt động kinh doanh là i) tốc độ tăng trưởng kinh tế; ii) tỷ lệ lạm phát và iii) tỷ lệ lãi suất. Phân tích môi trường vĩ mô nền kinh tế nhằm dự phòng mức độ tác động của yếu tố rủi ro đến chiến lược tăng trưởng và đảm bảo sự vận hành mô hình kinh doanh.

#### 1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế (tăng trưởng GDP)

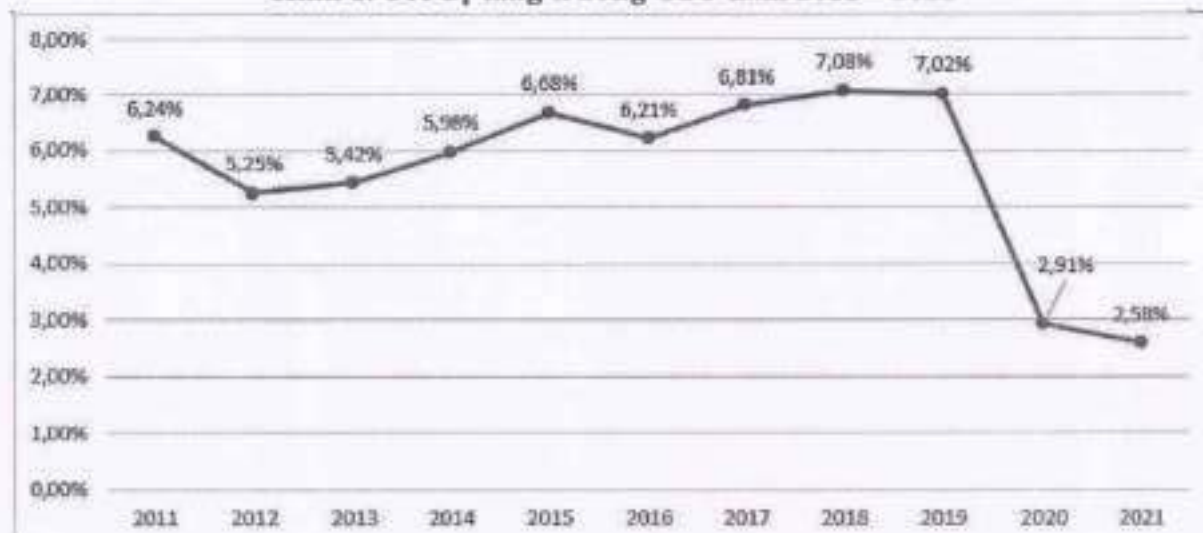
Sự tăng trưởng của nền kinh tế thế giới nói chung và kinh tế trong nước nói riêng tạo nên môi trường sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Kể từ sau khi gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), nền kinh tế Việt Nam đã dần hội nhập và gắn kết chặt chẽ với chuyển động của nền kinh tế toàn cầu.

Nếu như năm 2020, nền kinh tế toàn cầu bị bao trùm bởi một màu âm đạm và rơi vào suy thoái sâu từ tác động của đại dịch COVID-19 thì đến hết Quý I năm 2022 với sự phủ khắp của vaccine, nền kinh tế thế giới đã phục hồi nhanh hơn kỳ vọng và lấy lại đà tăng trưởng, bất chấp diễn biến phức tạp của đại dịch COVID-19 cùng cuộc khủng hoảng năng lượng và tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng đẩy lạm phát tăng cao. Dù tăng trưởng không đồng đều nhưng các chính phủ hy vọng có thể bước sang các quý còn lại của năm 2022 với nhiều lực đẩy hơn. Từ mức tăng trưởng -3,5% năm 2020, trong các báo cáo cập nhật của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), GDP thế giới năm 2021 tăng trưởng 5,5% và dự báo GDP thế giới năm 2022 có thể tăng trưởng 4,4%. Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) kỳ vọng các quốc gia có thể mở cửa mạnh mẽ trở lại trong các quý tiếp theo của năm 2022 nhưng lại lo ngại các căng thẳng chính trị và các biến thể mới của Covid-19 xuất hiện trong Quý I sẽ tiếp tục ảnh hưởng tới nền kinh tế toàn cầu trong những Quý tiếp theo.

Đối lập với diễn biến sôi động của nền kinh tế thế giới năm 2021, tính chung cả năm, GDP Việt Nam tăng 2,58%, thấp hơn mức 2,91% của năm 2020 và cũng là mức tăng thấp nhất trong thập kỷ gần đây. Cơ quan thống kê nhận định nguyên nhân của kết quả này là do dịch Covid-19 ảnh hưởng nghiêm trọng tới mọi lĩnh vực của nền kinh tế, đặc biệt là trong quý III/ 2021 nhiều địa phương trọng điểm phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài. Bước vào năm 2022, kinh tế thế giới tiếp tục duy trì đà hồi phục, các hoạt động sản xuất được đẩy mạnh, chuỗi cung ứng toàn cầu dần được khơi thông trở lại. Tuy nhiên, xung đột giữa Nga và Ukraine đã tạo ra một cuộc khủng hoảng nhân đạo lớn, ảnh hưởng đến hàng triệu người và là một cú sốc làm gián đoạn đà tăng trưởng nền kinh tế toàn cầu. Đối với Việt Nam, nhờ các chính sách chính trị đúng đắn, cùng với việc nhanh chóng phủ khắp vắc-xin và Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế -

xã hội của Chính phủ phát huy hiệu quả bất chấp sự gián đoạn đang xảy ra với nền kinh tế thế giới, nền kinh tế Việt Nam đã nhanh chóng hồi phục trở lại trong Quý I năm 2022 với tốc độ tăng trưởng GDP đạt 5,03% so với cùng kỳ năm trước (cao hơn tốc độ tăng 4,72% của Quý I năm 2021 và 3,66% của Quý I năm 2020). Bước sang Quý II/2022, Việt Nam vẫn giữ vững đà tăng trưởng GDP với tốc độ tăng 7,72% so với cùng kỳ năm trước. Nhìn chung, GDP 6 tháng đầu năm 2022 tăng 6,42%, cao hơn tốc độ tăng 5,74% của 6 tháng đầu năm 2021. Đây được đánh giá là một tín hiệu tích cực sẽ tạo đà tăng trưởng khả quan cho những quý tiếp theo của năm 2022.

**Hình 1. Tốc độ tăng trưởng GDP năm 2011 – 2021**



(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Để khắc phục hạn chế và nắm bắt cơ hội, Công ty cần có những kế hoạch định hướng phát triển rõ ràng vào thời gian tới. Do đó, tốc độ tăng trưởng kinh tế là công cụ quan trọng để Công ty dự báo các chiến lược phát triển cho từng thời kỳ nhất định. Trước bất kỳ thay đổi nào của nền kinh tế thế giới nói chung cũng như Việt Nam nói riêng, Ban lãnh đạo luôn tiến hành phân tích, nghiên cứu và đưa ra các hành động cụ thể phù hợp với nhu cầu và sức tiêu thụ của thị trường công nghệ thông tin. Vì vậy, hoạt động sản xuất kinh doanh trong những năm vừa qua luôn bám sát nhu cầu của thị trường và phù hợp với năng lực tài chính của Công ty.

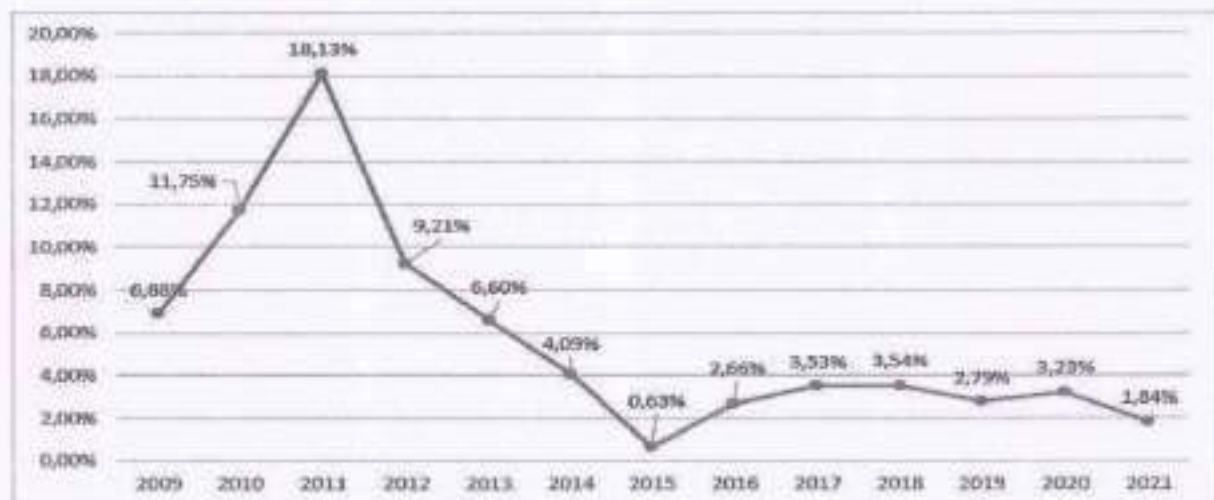
## 1.2. Rủi ro lạm phát

Bên cạnh tăng trưởng GDP, chỉ số lạm phát cũng là một yếu tố vĩ mô phản ánh thực trạng nền kinh tế. Lạm phát ảnh hưởng đến nền kinh tế và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Lạm phát cao có xu hướng tác động tiêu cực đến nền kinh tế. Tỷ lệ lạm phát cao trong giai đoạn 2010 – 2011 đã tác động tiêu cực đến nền kinh tế Việt Nam và buộc Chính phủ Việt Nam phải dành sự quan tâm hàng đầu. Trong vài năm trở lại đây, Chính phủ luôn đề ra mục tiêu là tăng trưởng kinh tế cao đi kèm với kiểm soát lạm phát ở mức dưới 4% bằng việc thực hiện các chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ linh hoạt. Giá xăng dầu, giá gas trong tháng 12 năm 2021 giảm theo giá nhiên liệu thế giới; dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp là một trong các nguyên nhân làm chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12 giảm 0,18% so với tháng trước. Theo số liệu Tổng cục Thống kê công bố, Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12 năm 2021 giảm 0,18% so với tháng trước. Tuy nhiên, sang đến đầu năm 2022, xung đột giữa Nga và Ukraine xảy ra kéo

theo hàng loạt những căng thẳng chính trị và các lệnh trừng phạt liên tiếp được đưa ra giữa Nga, EU và Mỹ khiến giá cả hàng hóa leo thang, đặc biệt là giá xăng dầu. Tính đến ngày 23/03/2022, giá dầu Brent bình quân Quý I/2022 đạt 96,13 USD/thùng, tăng 56,77% so với cùng kỳ năm trước. Đến ngày 30/06/2022, vẫn chưa có dấu hiệu giảm nhiệt khi giá dầu Brent được giao dịch ở mức 109 USD/thùng.

Trong nước, 3 tháng đầu năm của năm 2022 chứng kiến chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân tăng 1,92% so với cùng kỳ năm trước, tuy cao hơn mức tăng 0,29% của Quý I năm 2021 nhưng thấp hơn mức tăng của Quý I các năm 2017 – 2020; đồng thời lạm phát cơ bản tăng 0,81%. Đây là kết quả đáng ghi nhận trong điều hàng giá của Chính phủ trong bối cảnh nhiều quốc gia trên thế giới đánh gánh chịu “con bão giá” chưa từng có trong vài chục năm qua. Sang tới Quý II/2022, áp lực lạm phát vẫn còn khá lớn trong bối cảnh tình hình giá cả hàng hóa trên thế giới vẫn còn biến động mạnh và các xung đột chính trị vẫn chưa có dấu hiệu hạ nhiệt. CPI bình quân Quý II/2022 tăng 2,96% so với Quý II/2021. Bình quân 6 tháng đầu năm, CPI tăng 2,44% so với cùng kỳ năm trước và lạm phát cơ bản tăng 1,25%.

**Hình 2. CPI bình quân của Việt Nam (%)**



(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Lạm phát tăng sẽ khiến các chi phí vận chuyển hàng hóa, thiết bị tăng kèm theo sự tăng lên của giá mua linh kiện, phụ kiện lắp đặt sản phẩm khiến cho lợi nhuận của Công ty giảm. Để giảm thiểu rủi ro tăng giá và chi phí, Công ty luôn tìm cách đa dạng hóa nguồn cung cấp linh phụ kiện đầu vào đồng thời nghiên cứu, triển khai các giải pháp công nghệ tối ưu nhất nhằm tiết kiệm chi phí. Dự kiến trong thời gian tới, khi rủi ro về lạm phát tiếp tục được kiểm chế ở mức ổn định sẽ tạo ra những ảnh hưởng tích cực tới hoạt động triển khai các dự án sắp tới của Công ty, giúp Công ty kiểm soát được chi phí đầu vào cũng như hiệu quả hoạt động kinh doanh.

### 1.3. Rủi ro về lãi suất

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, nhằm giảm bớt khó khăn do tác động của dịch COVID-19, tạo điều kiện cho nền kinh tế có điều kiện phục hồi nhanh, trong năm 2020 Ngân hàng Nhà nước liên tiếp điều chỉnh giảm 3 lần các mức lãi suất điều hành với tổng mức giảm 1,5%-2%/năm và tiếp tục giữ lãi suất điều hành ở mức thấp trong năm 2021 và 2 quý đầu năm

2022. Trong 5 năm 2021 – 2025, Việt Nam xác định tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) bình quân đạt khoảng 6,5 - 7%/năm. Do vậy, có khả năng Chính phủ vẫn tiếp tục việc nới lỏng chính sách tiền tệ trong các Quý còn lại năm 2022 nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp và hộ gia đình gặp khó khăn kéo dài do đại dịch.

Về lãi suất cho vay, việc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tiếp tục duy trì lãi suất điều hành ở mức thấp trong 6 tháng đầu năm 2022 đã tạo điều kiện cho các tổ chức tín dụng hạ lãi suất cho vay, hỗ trợ nền kinh tế phát triển mạnh mẽ hơn so với năm trước. Nhờ đó, tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế trong Quý I/2022 và Quý II/2022 đạt lần lượt là 4,03% và 8,51% (cùng thời điểm năm 2021 tăng lần lượt 1,47% và 5,47%). Về lãi suất huy động, từ cuối tháng 8/2021, nhiều ngân hàng đã thay đổi mức lãi suất huy động theo hướng tiếp tục giảm trong bối cảnh ngân hàng dồi dào thanh khoản và tín dụng tăng chậm do ảnh hưởng của dịch COVID-19. Quý I/2022, vì nền kinh tế có dấu hiệu hồi phục khi trải qua thời gian dài giãn cách xã hội do dịch COVID-19 nên lãi suất tiền gửi được một số ngân hàng đã tăng nhẹ 0,1% - 0,3%/năm đối với kỳ hạn dưới 3 tháng và 12 tháng trở lên. Trong 6 tháng đầu năm, lãi suất tiền gửi đã tăng trung bình khoảng 0,5% - 1%/năm cho kỳ hạn 6 tháng và 12 tháng. Theo các chuyên gia, nhu cầu tín dụng dự báo tăng cao như vậy có thể gián tiếp kéo theo mặt bằng lãi suất huy động nhích tăng trở lại trong những Quý còn lại năm 2022.

Trước sự tái bùng phát lần thứ 4 của dịch COVID-19 với diễn biến phức tạp và kéo dài, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã nhanh chóng phát tín hiệu kéo dài thời gian cơ cấu nợ thêm 6 tháng, tức là thay vì thời điểm 31/12/2021 sẽ được lùi đến 30/06/2022 việc miễn, giảm lãi, phí cũng được gia hạn tương tự, nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch COVID-19. Đồng thời, Chính phủ cũng sẽ áp dụng chính sách hỗ trợ lãi suất cho doanh nghiệp trong một số ngành bị tác động nặng nề bởi COVID-19 và doanh nghiệp có trụ sở chính, hoặc cơ sở sản xuất tại các địa bàn áp dụng giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16 (ban hành ngày 31/03/2020 về việc thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch Covid-19) trên 1 tháng với mức lãi suất cho vay thấp hơn lãi suất của thị trường khoảng 3-4%/năm trong thời hạn 1 năm. Theo đó, ước tính với khoản ngân sách hỗ trợ lãi suất khoảng 3.000 tỷ đồng, các doanh nghiệp có thể tiếp cận được gói tín dụng khoảng 100 nghìn tỷ đồng với lãi suất ưu đãi khoảng 3-4%/năm (lãi suất hiện tại khoảng 7-8%/năm).

Với mô hình kinh doanh hiện nay của Công ty, việc sử dụng vốn vay là cần thiết. Do vậy, ban điều hành Công ty luôn thận trọng, cân nhắc kỹ lưỡng trước khi ra quyết định sử dụng khoản vay từ Ngân hàng để kiểm soát, hạn chế rủi ro lãi suất. Việc giảm lãi suất sẽ hỗ trợ tích cực cho các hợp đồng vay với lãi suất thả nổi, nhưng lại có ảnh hưởng trái chiều đối với các khoản vay có lãi suất cố định do khi lãi suất giảm, các hợp đồng vay đó sẽ không được hưởng lợi và chi phí vốn vay sẽ ở mức cao hơn thị trường.

## **2. Rủi ro về luật pháp**

Rủi ro luật pháp là những rủi ro thay đổi chính sách theo chiều hướng bất lợi cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Rủi ro luật pháp còn là rủi ro phát sinh từ việc không áp dụng kịp thời, phù hợp với các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viện Thông EL.COM bị chi phối

chủ yếu bởi Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Công nghệ thông tin, Luật Viễn thông,... các bộ luật về thuế quan và các quy định pháp luật khác của Việt Nam. Ngành Công nghệ thông tin và Viễn Thông là những ngành chịu sự quản lý chặt chẽ của Nhà nước do là ngành nghề kinh doanh có ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn, an ninh thông tin mạng.

Để kịp thời dự báo, ứng phó cũng như giúp Công ty có sự chuẩn bị tốt nhất đối với những thay đổi trong chính sách về luật, Công ty luôn theo dõi, cập nhật và nghiên cứu các văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động kinh doanh của mình, đồng thời tham khảo và thuê tư vấn đối với những vấn đề pháp lý nằm ngoài khả năng của Công ty, từ đó có thể tận dụng tối ưu những điều kiện pháp lý có lợi và giảm thiểu thiệt hại khi một chính sách bất lợi với ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty được đưa ra.

### **3. Rủi ro đặc thù**

#### **3.1. Rủi ro cạnh tranh**

Sự phát triển nhanh chóng về khoa học kỹ thuật và công nghệ trên thế giới có tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty khi Công ty đang hoạt động trong kinh doanh trong lĩnh vực công nghệ thông tin. Sự cạnh tranh đến từ các sản phẩm, dịch vụ của cả các doanh nghiệp trong nước lẫn nước ngoài đang tràn ngập trên thị trường hiện nay. Do vậy, để tránh nguy cơ tụt hậu về công nghệ, Công ty phải luôn đổi mới, sáng tạo, cập nhật các thông tin mới nhất về tiến bộ khoa học kỹ thuật ứng dụng phù hợp trong mọi hoạt động và nỗ lực không ngừng để nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm dịch vụ cũng như khẳng định vị thế của mình.

Đồng thời, việc các công ty công nghệ, điện tử lớn trên thế giới thiết lập các Trung tâm nghiên cứu và phát triển tại Việt Nam cũng đặt ra những thách thức không nhỏ cho các doanh nghiệp nội địa. Các doanh nghiệp trong nước sẽ phải cạnh tranh quyết liệt với các công ty nước ngoài trong điều kiện họ có tiềm lực lớn hơn, "trường vốn" hơn để sẵn sàng trả lương cao hơn, tạo điều kiện làm việc tốt hơn cho nguồn nhân lực chất lượng cao.

#### **3.2. Rủi ro nguồn nhân lực**

Nền kinh tế tự do thương mại, điều kiện lao động năng động, ảnh hưởng liên tục của thời đại kỹ thuật số đang định hình lại công việc, khiến Công ty phải đổi mới với việc xác định nhu cầu tuyển dụng, hoàn thiện kỹ năng và duy trì nguồn nhân lực để đạt được mục tiêu đề ra. Trong đó ưu tiên phát triển các chương trình đào tạo năng lực làm việc mới cho đội ngũ lao động để thay đổi phù hợp với thời đại kỹ thuật số, bảo đảm đãi ngộ, phúc lợi cho người lao động, tạo môi trường làm việc tốt và có cơ hội, không gian phát triển. Tuy nhiên, Việt Nam đang rất khó khăn khi muốn tuyển dụng nhân sự, đặc biệt là nhân sự chất lượng cao. Theo thống kê của Bộ thông tin và Truyền thông, nhu cầu tuyển dụng nhân sự ngành Công nghệ thông tin hiện nay tại nước ta là 250.000 lao động. Tuy nhiên, mỗi năm các trường đào tạo trên toàn quốc chỉ cung cấp được khoảng 32.000 sinh viên ngành Công nghệ thông tin. Điều này cho thấy ngành Công nghệ thông tin đang rất "khát" nhân lực. Bên cạnh đó, nguồn nhân lực Công nghệ thông tin hiện nay lại không đảm bảo về chất lượng, không đáp ứng nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp, điều đó dẫn đến hiện tượng thừa số lượng và thiếu chất lượng.

#### **3.3. Rủi ro về công nghệ**

Công ty chuyên cung cấp các giải pháp lĩnh vực viễn thông, công nghệ thông tin nên sẽ phải đối mặt với những rủi ro và thách thức đặc thù của ngành như sự thay đổi nhanh chóng về kỹ thuật – công nghệ, sự ra đời và thay thế liên tục của các công nghệ mới, rò rỉ bí quyết công nghệ... Để kịp thời nắm bắt được xu hướng phát triển của công nghệ mới, Công ty luôn đẩy mạnh công tác tổ chức nghiên cứu phát triển sản phẩm/dịch vụ mới và không ngừng cập nhật nắm bắt những công nghệ kỹ thuật tiên tiến nhất trên thế giới. Bên cạnh đó, việc thiết lập quy trình kiểm soát nội bộ nghiêm ngặt, quy trình quản lý hiện đại cũng rất cần thiết nhằm phòng ngừa rủi ro về công nghệ.

#### **4. Rủi ro về đợt chào bán**

##### **4.1. Rủi ro của đợt chào bán**

Hiện nay, cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) nên giá cổ phiếu của Công ty sẽ chịu tác động cung cầu của thị trường. Mỗi quan hệ cung cầu này lại chịu ảnh hưởng từ những yếu tố kinh tế vĩ mô, vĩ mô và tâm lý chung của nhà đầu tư. Tuy nhiên, với triển vọng tăng trưởng tốt của Công ty cũng như diễn biến thị trường chứng khoán có sự sôi động từ đầu năm 2021 đến nay thì khả năng thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư đối với cổ phiếu của Công ty là lớn, và đảm bảo sự thành công của đợt chào bán. Bên cạnh đó, trong trường hợp không phân phối hết số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán (đối với phần chào bán thêm ra công chúng cho cổ đông hiện hữu), ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT phân phối cho các nhà đầu tư khác và/hoặc và cổ đông hiện hữu khác với giá chào bán không thấp hơn mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu nhưng được phép thấp hơn giá trị sổ sách của cổ phiếu và giá thị trường của cổ phiếu tại thời điểm chào bán. Các điều kiện chào bán, điều kiện về quyền, nghĩa vụ của các nhà đầu tư không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu, tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật và đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông hiện hữu của Công ty.

##### **4.2. Rủi ro trong việc sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/01/2022 và Nghị quyết HĐQT số 03-03/2022/NQ-HĐQT ngày 14/03/2022, mục đích sử dụng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu là: bổ sung vốn lưu động cho Công ty, đầu tư nghiên cứu công nghệ và mở rộng sản xuất kinh doanh, cụ thể:

- Bổ sung nguồn vốn lưu động: mua hàng hóa, thiết bị, mua công cụ dụng cụ, nguyên vật liệu và dịch vụ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh (máy móc, thiết bị phần cứng, phần mềm, dịch vụ...). Việc sử dụng vốn với mục đích này sẽ cải thiện chỉ số tài chính của Công ty đồng thời đem lại hiệu quả sản xuất kinh doanh tốt hơn.
- Đầu tư nghiên cứu công nghệ, mở rộng sản xuất kinh doanh: đầu tư nghiên cứu phát triển sản xuất các sản phẩm công nghệ Camera AI, dịch vụ người dùng cuối Colearn, 1SK. Đây đều là những dự án trọng điểm trong kế hoạch và định hướng phát triển của Công ty trong những năm sắp tới khi mở rộng mạng lưới khách hàng doanh nghiệp và cá nhân.

Rủi ro việc không huy động được đủ số vốn thu được từ đợt chào bán có thể sẽ ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty khi không kịp thời bổ sung vốn lưu động và vốn



để triển khai các hoạt động nghiên cứu theo kế hoạch ban đầu.

Như vậy, mục đích sử dụng vốn như trên là phù hợp với tình hình tài chính hiện tại và định hướng phát triển của Công ty. Với kết quả kinh doanh đã đạt được trong những năm qua cùng với tiềm năng, triển vọng phát triển của Công ty trong thời gian tới, cổ phiếu ELC sẽ thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư, rủi ro về mục đích sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán được đánh giá là thấp.

## 5. Rủi ro pha loãng

### 5.1. Rủi ro pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phần

Trên góc độ sổ sách kế toán, thu nhập trên mỗi cổ phiếu:

$$EPS = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế - cổ tức cổ phiếu ưu đãi}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân}}$$

Khi thực hiện chào bán thêm cổ phiếu, số cổ phiếu được chào bán thêm thành công sẽ làm gia tăng số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân và ảnh hưởng tới chỉ tiêu EPS của Công ty.

Các giả định:

Toàn bộ số cổ phiếu chào bán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu và phát hành tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu được phân phối hết. Tổng số cổ phiếu tăng thêm sau đợt phát hành là: 18.843.449 cổ phiếu

Thời gian lưu hành thực tế trong năm của cổ phiếu phát hành thêm là: 2 tháng

Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ là:

$$\text{SL cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ} = \frac{50.818.648 \times 12 + 109.595^* \times 10 + 18.843.449 \times 2}{12} = 54.050.552 \text{ cổ phiếu}$$

\*Số cổ phiếu quỹ Công ty thương cho người lao động

Giả định lợi nhuận sau thuế đạt được như kế hoạch đặt ra năm 2022 là: 60.000.000.000 đồng.

Như vậy, EPS dự kiến cuối năm 2022 là:

$$EPS = 60.000.000.000 \text{ (đồng)} / 54.050.552 \text{ (cổ phiếu)} = 1.110,07 \text{ đồng/cổ phiếu.}$$

Như vậy, đợt chào bán cổ phiếu lần này sẽ làm cho số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty tăng lên, ảnh hưởng đến thu nhập trên mỗi cổ phiếu của Công ty. Chỉ số này sẽ giảm xuống nếu tốc độ tăng lợi nhuận thấp hơn tốc độ tăng của số lượng cổ phiếu.

Tuy nhiên, việc EPS dự kiến năm 2022 điều chỉnh giảm chỉ là nhất thời, với nguồn vốn thu được từ đợt chào bán thì hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian tới sẽ đạt được những hiệu quả nhất định và sẽ có thể tạo được sự tăng trưởng EPS trong những năm tiếp theo.

### 5.2. Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần

Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần được tính theo công thức sau:

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Tổng giá trị vốn chủ sở hữu (đồng)}}{\text{Tổng số cổ phần đang lưu hành (cổ phần)}}$$

Giá trị sổ sách tại thời điểm 30/06/2022 của Công ty:

Chỉ tiêu	30/06/2022
Tổng giá trị vốn chủ sở hữu (đồng)	858.210.200.148
Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)	50.928.243
<b>Giá trị sổ sách (đồng/CP)</b>	<b>16.851,36</b>

(Nguồn: BCTC riêng Quý II năm 2022 của Công ty)

Sau khi hoàn thành đợt chào bán, giá trị sổ sách của mỗi cổ phần sẽ có thể bị thay đổi do có sự thay đổi về số lượng cổ phiếu lưu hành và tốc độ tăng trưởng vốn chủ sở hữu. Nếu tốc độ tăng vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phần sau đợt chào bán thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần sẽ giảm và ngược lại.

### 5.3. Rủi ro pha loãng tỷ lệ nắm giữ và biểu quyết

Hiện tại, vốn điều lệ của Công ty là 509.282.430.000 đồng. Theo phương án phát hành đã được Đại hội đồng cổ đông đã thông qua, Công ty sẽ phát hành thêm 18.843.449 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Công ty qua việc thực hiện quyền mua và tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu theo tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của các cổ đông. Điều này sẽ không làm giảm tỷ lệ nắm giữ, quyền biểu quyết của các cổ đông nếu các cổ đông thực hiện quyền đầy đủ. Tỷ lệ quyền biểu quyết của cổ đông sẽ giảm trong trường hợp cổ đông từ chối hoặc chuyển nhượng quyền mua cổ phần (so với thời điểm trước ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua cổ phiếu).

Với phương án phát hành cổ phiếu đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt với tỷ lệ biểu quyết thông qua cổ đông đã được chuẩn bị về đợt phát hành này, do đó, khả năng pha loãng tỷ lệ sở hữu của các cổ đông hiện hữu được đánh giá ở mức thấp.

### 5.4. Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu

Trong đợt phát hành này, ELCOM phát hành thêm 18.843.449 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Sau khi lượng cổ phiếu này chào bán, giá cổ phiếu của Công ty sẽ bị pha loãng với mức độ nhất định.

Trường hợp thị giá cổ phiếu ELC trước ngày giao dịch không hưởng quyền cao hơn giá phát hành, giá cổ phiếu sau khi pha loãng được tính theo công thức sau:

$$P_{tt} = \frac{PR_{t-1} + (I_1 \times P_{tt})}{1 + I_1 + I_2}$$

Trong đó:

$P_{tt}$ : Giá tham chiếu tại Ngày Giao Dịch Không Hưởng Quyền.

$PR_{t-1}$ : Giá đóng cửa của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Giao Dịch Không Hưởng Quyền.

$P_{tt}$ : Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu

$I_1$ : Tỷ lệ vốn tăng thêm do phát hành quyền mua cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

$I_2$ : Tỷ lệ vốn tăng thêm do phát hành để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu.

Giá sử tại thời điểm thực hiện quyền, giá đóng cửa của cổ phiếu CTCP Công nghệ - Viện Thông ELCOM (Mã chứng khoán: ELC) tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Giao Dịch Không Hưởng Quyền là 25.000 đồng/cổ phiếu và cổ phiếu phát hành thêm được chào bán với giá 11.500 đồng, giá cổ phiếu của ELC sau khi pha loãng tính theo công thức:

$$\text{Giá điều chỉnh} = \frac{25.000 + (0,22 \times 11.500)}{1 + (0,22) + (0,15)} = 20.095 \text{ đồng/ CP}$$

Trường hợp thị giá cổ phiếu ELC trước ngày giao dịch không hưởng quyền thấp hơn giá phát hành thì sẽ không thực hiện điều chỉnh giá cổ phiếu ELC tại ngày giao dịch không hưởng quyền theo quy chế giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh.

Như vậy, việc phát hành thêm lượng cổ phiếu như trên sẽ làm pha loãng giá cổ phiếu của Công ty.

#### **6. Rủi ro quản trị công ty**

Rủi ro quản trị Công ty xuất phát từ việc quản trị Công ty không tốt, thiếu nhất quán, ảnh hưởng đến sự phát triển ổn định và lâu dài, gây thiệt hại cho Công ty, người lao động và cổ đông của Công ty. Trong trường hợp Hội đồng quản trị quản lý không hiệu quả, thiếu minh bạch, không kịp thời phát hiện những rủi ro do hành vi sai phạm của Ban điều hành sẽ gây rủi ro và ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

Những thông tin liên quan đến quản trị Công ty như cơ cấu cổ đông, mối quan hệ sở hữu giữa các cổ đông, giữa các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các bên liên quan, giữa cổ đông với Công ty... cũng là yếu tố gây ra rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty, quyền lợi của các cổ đông và người lao động.

Trong trường hợp Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty quản lý, sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán này không hiệu quả sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty, quyền lợi của cổ đông. Ngoài ra, việc phát hành cổ phiếu cũng tạo áp lực về doanh thu, lợi nhuận, cổ tức, hiệu quả sử dụng vốn... khi quy mô hoạt động kinh doanh, công tác quản lý chưa phù hợp.

Để khắc phục những rủi ro có thể xảy ra nêu trên, Công ty luôn hoàn thiện các thể chế hoạt động, năng lực quản lý, trình độ chuyên môn của Hội đồng quản trị, Ban điều hành cũng như công tác giám sát từ Ban Kiểm soát, thực hiện đúng chủ trương, kế hoạch hoạt động kinh doanh đã trình và được DHHCD thông qua. Bên cạnh đó, Công ty không ngừng hoàn thiện hệ thống website, thực hiện công bố thông tin thường xuyên tới các cổ đông, thực hiện tốt công tác quản trị, quan hệ cổ đông.

#### **7. Rủi ro khác**

Các rủi ro khác như chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh... là những rủi ro bất khả kháng, mặc dù rất hiếm khi xảy ra, nhưng khi xảy ra có thể gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Để giảm thiểu những rủi ro này, Công ty thường xuyên nắm bắt kịp thời các thông tin trên các phương tiện truyền thông, xã hội, cũng như thường xuyên kiểm tra hệ thống phòng chống cháy nổ tại Công ty để giảm thiểu và phòng ngừa những tổn thất lớn có thể xảy ra.

*[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]*

### III. CÁC KHÁI NIỆM

- 1) “Bản cáo bạch”: là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán cổ phiếu của Công ty
- 2) “Ban Điều hành”: Ban Điều hành của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn Thông ELCOM.
- 3) “Ban Kiểm soát”: Ban Kiểm soát của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn Thông ELCOM.
- 4) “Cổ đông”: là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty.
- 5) “Cổ phiếu”: là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của Công ty.
- 6) “Cổ tức”: là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác.
- 7) “Công ty”: Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn Thông ELCOM.
- 8) “Đại hội đồng cổ đông”: Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn Thông ELCOM.
- 9) “Điều lệ công ty”: Điều lệ Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn Thông ELCOM.
- 10) “Hội đồng quản trị”: Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn Thông ELCOM.
- 11) “Vốn điều lệ”: là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Công ty.

Các từ, nhóm từ được viết tắt hoặc được nhắc lại nhiều lần trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:


AI	Artificial Intelligence – Trí tuệ thông minh nhân tạo
AIoT	Artificial Intelligence of Things (AIoT) là sự kết hợp giữa công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) với hạ tầng Internet of Things (IoT)
BCTC	Báo cáo tài chính
Big Data	Tập hợp dữ liệu lớn (cấu trúc và phi cấu trúc)
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
CCCD	Căn cước công dân
CMND	Chứng minh nhân dân
CNTT	Công nghệ thông tin
CP	Cổ phần
CTCK	Công ty Chứng khoán
CTCP	Công ty cổ phần
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
ĐKDN	Đăng ký doanh nghiệp
DIT, LNST	Doanh thu thuần, Lợi nhuận sau thuế
ELC	Mã cổ phiếu của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn Thông ELCOM
GTGT	Giá trị gia tăng
HDQT	Hội đồng quản trị
HOSE	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
ICT	Công nghệ thông tin và truyền thông

KTT	Kế toán trưởng
MTV	Một thành viên
Pre-sales	Một quy trình hay một tập hợp các hoạt động để chào mời khách hàng trước khi họ đưa ra quyết định việc mua các sản phẩm
R&D	Nghiên cứu và phát triển
Sở KH&ĐT	Sở Kế hoạch và Đầu tư
TGD	Tổng Giám đốc
TNCN	Thu nhập cá nhân
Tổ chức phát hành, ELCOM, Công ty	Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn Thông ELCOM
Tổ chức tư vấn	Công ty Cổ phần Chứng khoán Rong Việt - Chi nhánh Hà Nội
TTATGT	Thông tin an toàn giao thông
TV	Thành viên
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán nhà nước
UBND	Ủy ban nhân dân
VAS	Dịch vụ giá trị gia tăng
VND	Việt Nam Đồng
VSD	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
VTS	Hệ thống kiểm soát lưu thông trên biển

*[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]*

#### IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

##### 1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành

- Tên đầy đủ: **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỆN THÔNG ELCOM**
- Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **ELCOM TECHNOLOGY COMMUNICATIONS CORPORATION**
- Tên viết tắt: **ELCOM CORP**
- Logo: 
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101435127 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18/07/2003, thay đổi lần thứ 27 ngày 09/05/2022.
- Trụ sở chính: **Tòa nhà ELCOM, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**
- Điện thoại: **(024).38359359**
- Fax: **(024).38355884**
- Website: **www.elcom.com.vn**
- Email: **info@elcom.com.vn**
- Vốn điều lệ: **509.282.430.000 đồng**
- Người đại diện theo pháp luật: **Ông Phan Chiến Thắng – Chủ tịch Hội đồng quản trị**  
**Ông Phạm Minh Thắng – Tổng giám đốc**
- Mã cổ phiếu: **ELC**
- Sàn niêm yết: **HOSE**
- Ngành nghề kinh doanh chính:
  - ✓ Hoạt động viễn thông khác;
  - ✓ Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
  - ✓ Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
  - ✓ Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa tự nhiên và kỹ thuật;
  - ✓ Sản xuất linh kiện điện tử;
  - ✓ Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển;
  - ✓ Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học;
  - ✓ Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
  - ✓ Xuất bản phần mềm;
  - ✓ Dịch vụ thông tin khác chưa phân vào đâu;
  - ✓ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
  - ✓ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

##### 2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành

Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn Thông ELCOM là một trong những công ty công nghệ hàng đầu Việt Nam với thế mạnh là các sản phẩm phần mềm và tích hợp hệ thống cho các

nhà cung cấp dịch vụ mạng, các giải pháp chia khóa trao tay và các dịch vụ kỹ thuật cho các ngành viễn thông, an ninh quốc phòng, giao thông vận tải. Công ty đồng thời còn là đơn vị phân phối và là cầu nối cho các đối tác toàn cầu muốn kết nối với thị trường trong nước.

Được thành lập từ năm 1995, trải qua hơn 1/4 thế kỷ hình thành và phát triển, ELCOM đã từng bước vươn lên trở thành một trong những doanh nghiệp dẫn đầu về các giải pháp công nghệ thông tin và cung cấp sản phẩm, dịch vụ viễn thông. ELCOM đã và đang là đối tác lâu đời, uy tín của các tập đoàn công nghệ thông tin - viễn thông lớn nhất trong và ngoài nước.

Sở hữu đội ngũ nhân sự giàu năng lực và tinh thần thiện chiến, ELCOM tiên phong cung cấp các giải pháp công nghệ có độ khó cao, ứng dụng hiệu quả cho các ngành kinh tế trọng điểm, bao gồm: Viễn thông, Công nghệ thông tin, An ninh Quốc phòng, Giao thông vận tải, Giáo dục và Y tế... ELCOM cũng liên tục đổi mới, nghiên cứu và mở rộng các dòng sản phẩm, nhằm định hướng, dẫn dắt nhu cầu của xã hội trong tương lai, và để kiến tạo một cuộc sống tốt đẹp hơn dựa trên nền tảng công nghệ.

Bằng trí tuệ và sức sáng tạo không ngừng nghỉ, ELCOM tự hào đưa sản phẩm, dịch vụ "Made by ELCOM" ghi dấu tại hơn 20 quốc gia trên toàn thế giới. Dấu chân người ELCOM tại những lãnh thổ bên ngoài Việt Nam là minh chứng rõ nét cho sức mạnh niềm tin của ELCOM trên hành trình làm sản phẩm công nghệ "Make in Vietnam", không chỉ phục vụ người Việt mà còn vươn mình, khẳng định thương hiệu Việt với cộng đồng quốc tế.

Các dấu mốc phát triển:

1995	Thành lập Công ty TNHH Đầu tư phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông tại Hà Nội với trụ sở chính đặt tại 12A Lý Nam Đế, Ba Đình, Hà Nội
1998	Thành lập Trung tâm Nghiên cứu và đào tạo phát triển phần mềm (SDTC)
2000	Sản phẩm EYS khắc phục sự cố máy tính Y2K mang đến cho ELCOM tiếng vang đầu tiên trong cộng đồng doanh nghiệp CNTT Việt Nam
2004	ELCOM chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần với tên giao dịch: Công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ điện tử - viễn thông (ELCOM JSC.) Thành lập các công ty con trực thuộc; thành lập Chi nhánh ELCOM tại Thành phố Hồ Chí Minh
2006	Thành lập Công ty Cổ phần Vật liệu mới (ELCOM Industry) hoạt động trên các lĩnh vực Chế tạo và sản xuất các sản phẩm từ nhựa Composite
2007	Công ty áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000 do BVQI (Cục Veritas chất lượng quốc tế) chứng nhận và được tổ chức ANAB (Hoa Kỳ) công nhận.
2008	Trung tâm Nghiên cứu và đào tạo phần mềm (SDTC) trở thành Công ty TNHH Giải pháp phần mềm ELCOM
2010	Cổ phiếu ELC chính thức niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh

---

2011	Bước chân vào thị trường giao thông với hệ thống quản lý giao thông trên biển VTS
2012	Làm chủ hoàn toàn công nghệ giám sát vệ tinh VSAT và vệ tinh Inmarsat phục vụ an ninh quốc phòng Khánh thành tòa nhà ELCOM tại phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Năm 2014, lọt vào top 30 doanh nghiệp công nghệ thông tin hàng đầu Việt Nam
2015	Thành công với nhiều sản phẩm công nghệ phục vụ giao thông công cộng (như hệ thống đèn tín hiệu, hướng dẫn đỗ xe tự động, quản lý phương tiện vận tải,...) được sử dụng rộng rãi tại nhiều thành phố; nhận bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và nằm trong Top 40 doanh nghiệp công nghệ thông tin hàng đầu Việt Nam.
2016	Nằm trong Top 50 doanh nghiệp công nghệ thông tin hàng đầu Việt Nam hạng mục Phần mềm, Giải pháp và Dịch vụ CNTT Chính thức mở rộng triển khai cung cấp dịch vụ sang thị trường châu Mỹ Thuộc top 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam Hoàn thành triển khai dự án quan trọng đường trực tuyến dẫn Bắc Nam cho đối tác chiến lược MobiFone
2017	Phát triển mảng sản phẩm và giải pháp dịch vụ nông nghiệp công nghệ cao EGREEN Nằm trong top 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam 2017 Nằm trong top 500 doanh nghiệp có lợi nhuận tốt nhất Việt Nam (PROFIT500)
2018	ELCOM nằm trong top 50 doanh nghiệp CNTT hàng đầu Việt Nam năm 2018 hạng mục Phần mềm, Giải pháp và Dịch vụ CNTT
2019	Đẩy mạnh nghiên cứu các công nghệ AI, Big Data, Cloud,...
2020	Nhận giải thưởng top 10 doanh nghiệp Cung cấp giải pháp công nghệ thông tin cho thành phố thông minh và top 10 doanh nghiệp dịch vụ, giải pháp công nghệ thông tin do Hiệp hội Vinasat trao tặng
2021	Nhận giải thưởng top 10 doanh nghiệp Cung cấp giải pháp công nghệ thông tin cho thành phố thông minh và top 10 doanh nghiệp dịch vụ, giải pháp công nghệ thông tin do Hiệp hội Vinasat trao tặng
2022	Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 đã thông qua việc đổi tên công ty thành Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM. Đồng thời Công ty cũng thay đổi nhận diện thương hiệu, đổi logo và đổi mẫu dấu theo tên Công ty mới.

---



Hình 3. Một số thành tựu mà Công ty đạt được



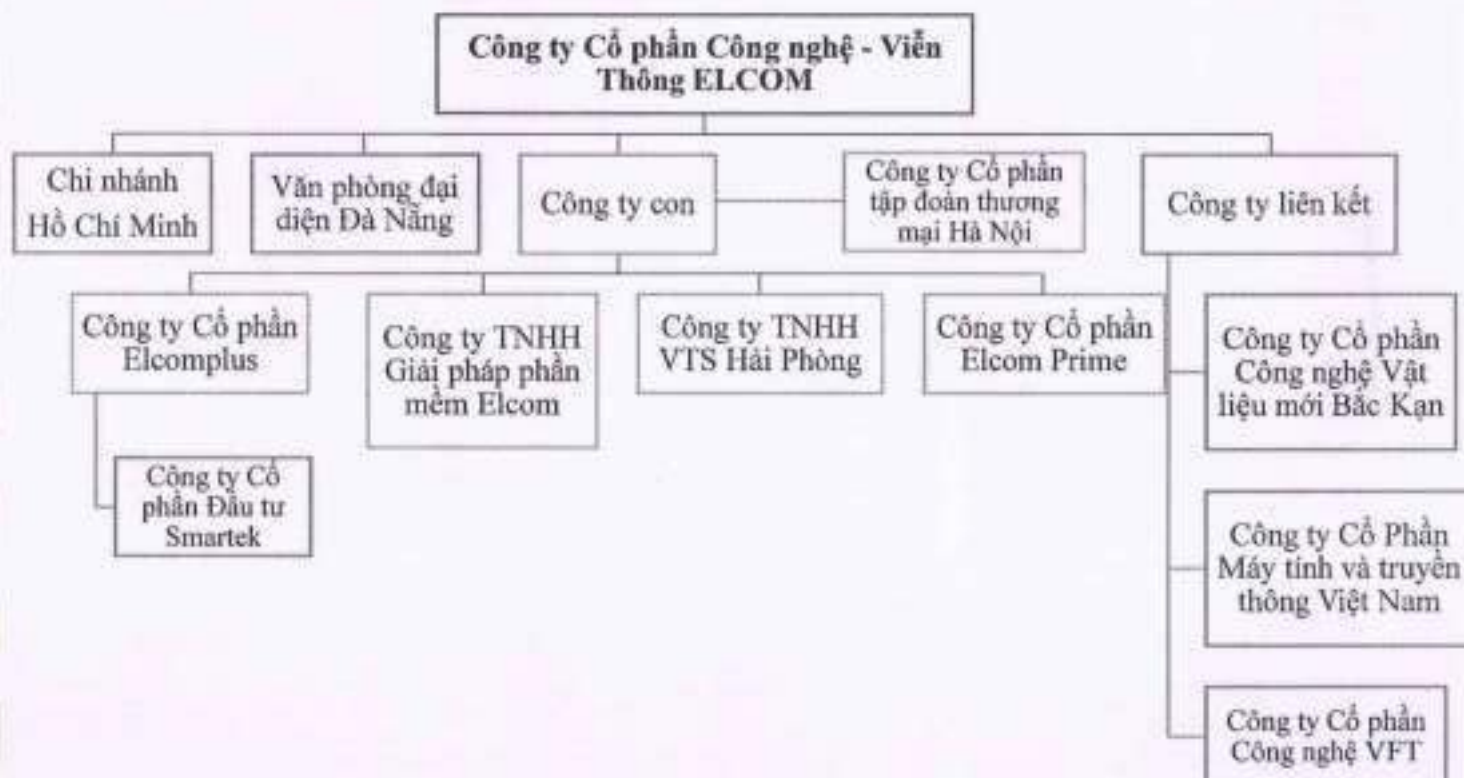
ELCOM được vinh dự nhận 2 giải thưởng: Top 10 Doanh nghiệp Cung cấp Giải pháp CNTT cho thành phố thông minh và Top 10 Doanh nghiệp Dịch vụ, Giải pháp CNTT do Hiệp hội Vinasat trao tặng

(Nguồn: CTCP Công nghệ - Viễn Thông ELCOM)

### 3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành

Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn Thông ELCOM được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn Thông ELCOM và các văn bản pháp luật có liên quan khác.

Hình 4. Cơ cấu tổ chức của Công ty



(Nguồn: CTCP Công nghệ - Viễn Thông ELCOM)

- ❖ **Trụ sở chính Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn Thông ELCOM**  
Địa chỉ: Tòa nhà ELCOM, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam  
Điện thoại: (024) 3835 9359 Fax: (024) 3835 5884  
Website: www.elcom.com.vn  
Email: hn.info@elcom.com.vn
- ❖ **Chi nhánh, văn phòng đại diện:**
  - **Chi nhánh Hồ Chí Minh**  
Địa chỉ: 162/12 Đường Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (024) 3553 4980/81  
Email: hcm.info@elcom.com.vn
  - **Văn phòng đại diện Đà Nẵng:**  
Địa chỉ: tầng 5, tòa nhà Lighthouse, 1254 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng.  
Điện thoại: (051) 1362 6888
- ❖ **Các Công ty con**  
ELCOM hiện đang nắm giữ trên 50% vốn điều lệ của các Công ty con sau:
  - **Công ty TNHH Giải pháp phần mềm ELCOM**  
Địa chỉ: Tòa nhà ELCOM, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
Điện thoại: (024) 3835 9359 Fax: (024) 3835 5884
  - **Công ty TNHH VTS Hải Phòng**  
Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà ELCOM, phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội  
Điện thoại: 0914 208 484
  - **Công ty Cổ phần Elcomplus**  
Địa chỉ: Tòa nhà ELCOM, phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội  
Điện thoại: (024) 3835 9359  
Fax: (024) 3835 5884  
Email: info@elcom.com.vn
  - **Công ty Cổ phần ElcomPrime**  
Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Hà Phan, số 5 Phan Xích Long, Phường 2, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (84-28). 62756716  
Fax: (84-28). 62756717
  - **Công ty Cổ phần Tập đoàn Thương mại Hà Nội**  
Địa chỉ: Tầng 6, số 18 Nguyễn Chí Thanh, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: 0975844156
- ❖ **Các Công ty liên kết**  
Công ty liên kết là những công ty mà Công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không

**ELCOMplus**

  
**Elcom Prime**

kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty, bao gồm:

- **Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn:**  
Địa chỉ: Số 91, đường Trần Hưng Đạo, tổ 1A, Phường Đức Xuân, Thành phố Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam  
Điện thoại: 0919 368 998 Fax: 0281.3810869
- **Công ty Cổ Phần Máy tính và truyền thông Việt Nam:**  
Địa chỉ: Số 18 Nguyễn Chí Thanh, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Tp Hà Nội  
Điện thoại: (024) 3771 5126  
Email: vninfor@hn.vnn.vn
- **Công ty Cổ Phần Công nghệ VFT:**  
Địa chỉ: Đường 72, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội  
Điện thoại: 84 24 33 845 847 Fax: 84 24 33 845 359

#### 4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành

Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn Thông ELCOM hoạt động theo mô hình tổ chức công ty cổ phần. Mô hình quản trị này được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển chiến lược kinh doanh của Công ty, tuân thủ theo các quy định của Pháp luật Việt Nam và các quy định tại Điều lệ Công ty:

Hình 5. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Công ty



(Nguồn: CTCP Công nghệ - Viễn Thông ELCOM)

#### 4.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. ĐHĐCĐ có các quyền bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo các quy định cụ thể trong Điều lệ hoạt động của Công ty.

#### 4.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị Công ty ít nhất là 05 người và nhiều nhất là 7 người.

Danh sách thành viên HĐQT hiện nay gồm 07 người, gồm:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Phan Chiến Thắng	Chủ tịch HĐQT
2	Nguyễn Đức Thiện	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Trần Hùng Giang	Thành viên HĐQT
4	Ngô Ngọc Hà	Thành viên HĐQT
5	Nguyễn Mạnh Hải	Thành viên HĐQT
6	Đỗ Minh Tiến	Thành viên HĐQT độc lập
7	Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT độc lập

#### 4.3. Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại Hội đồng cổ đông do Đại hội đồng cổ đông bầu. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính và thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Điều hành.

Ban Kiểm soát Công ty gồm 03 thành viên, gồm:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ngô Kiều Anh	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Hoàng Thị Phương Thúy	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Vũ Thị Ngân Hà	Thành viên Ban Kiểm soát

#### 4.4. Ban Điều hành

Ban Điều hành của Công ty bao gồm 01 Tổng Giám đốc và 01 Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

Phó Tổng Giám đốc giúp việc Tổng Giám đốc trong lĩnh vực nội chính và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các nội dung công việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc được Tổng Giám đốc ủy quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Danh sách Ban Điều hành gồm:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Phạm Minh Thắng	Tổng Giám đốc
2	Ông Ngô Ngọc Hà	Phó Tổng Giám đốc

#### 4.5. Các phòng ban

##### ❖ Khối Kinh doanh

Khối kinh doanh bao gồm các “AM” – quản lý khách hàng, các “Presale” phân chia theo từng lĩnh vực: viễn thông, an ninh quốc phòng, giao thông.

Nhiệm vụ của Khối Kinh doanh là phân tích tìm hiểu nhu cầu của thị trường, phát triển thị trường khách hàng, kinh doanh, thương mại, bán hàng các sản phẩm/dịch vụ của Công ty và sản phẩm của đối tác tại thị trường nội địa/nước ngoài; duy trì, phát triển quan hệ đối tác; hỗ trợ và phối hợp bộ phận liên quan thực hiện các kế hoạch marketing, triển khai dự án/hợp đồng; quản lý thông tin hợp đồng/khách hàng; quản trị các sản phẩm, giải pháp của Công ty.

##### ❖ Khối Triển khai

Chức năng, nhiệm vụ của Khối Triển khai như sau:

- Triển khai và hỗ trợ kỹ thuật cho tất cả các hợp đồng, dự án Công ty đã ký kết
- Triển khai, bảo hành, bảo trì, sửa chữa và hỗ trợ kỹ thuật cho các sản phẩm kinh doanh đảm bảo chất lượng dịch vụ kỹ thuật sau bán hàng.

##### ❖ Khối nghiên cứu phát triển

Trung tâm nghiên cứu và phát triển của ELCOM được chia ra các bộ phận nghiên cứu về các lĩnh vực AI, IOT, phòng phần mềm 1, phòng phần mềm 2,...Từng bộ phận có nhiệm vụ:

- Nghiên cứu chuyên sâu & định hướng phát triển các giải pháp, công nghệ mới trong các sản phẩm thuộc lĩnh vực bộ phận phụ trách của doanh nghiệp
- Tạo/lập trình các phần mềm, thiết kế phần mềm trên các nền tảng công nghệ, giải pháp phục vụ các hợp đồng, dự án của Công ty
- Phát triển tầm nhìn, lộ trình sản phẩm của Công ty, thiết lập hệ thống cho các dự án, sản phẩm.

##### ❖ Dự án E-Online

- Xây dựng và phát triển kinh doanh các dự án trực tuyến của Công ty (các sản phẩm cho

người dùng cuối)

- Vận hành mô hình kinh doanh từng sản phẩm

❖ **Khối hỗ trợ vận hành gồm các phòng ban:**

- **Phòng tài chính kế toán:**

- Quản lý và duy trì, kiểm soát hệ thống quản lý, quản lý tài chính của Công ty

- Lập kế hoạch tài chính

- Quản lý, kiểm soát và thực hiện các công việc Tài chính - Kế toán

- Lập Báo cáo tài chính; báo cáo Ban điều hành về kết quả kinh doanh, tình hình tài chính và công tác kế toán hàng tháng, quý, năm của Công ty.

- **Phòng nhân sự:**

- Quản lý sử dụng và phát triển nguồn nhân lực

- Tư vấn cho ban lãnh đạo công ty xây dựng, cải tiến mô hình cơ cấu tổ chức của Công ty, cách thức tổ chức các bộ phận trong Công ty

- Tuyển dụng, đào tạo nhân sự

- Quản lý và phát triển nguồn nhân lực

- Chính sách lao động, tiền lương.

- **Phòng truyền thông marketing:**

- Phụ trách hoạt động Xây dựng và phát triển quan hệ giữa Công ty và cộng đồng, phát triển và quản trị thương hiệu Công ty

- Quan hệ báo chí, quan hệ cộng đồng

- Quản trị thương hiệu

- Truyền thông nội bộ

- Quản trị website.

- **Phòng hành chính:**

- Quản lý và thực hiện các công tác hành chính quản trị, quản lý các tài sản của Công ty, bảo vệ, lễ tân

- Thực hiện các công việc hành chính văn phòng trong Công ty

- **Phòng cung ứng:**

- Nhập và cung ứng hàng hóa cho các đơn vị kinh doanh.

- Triển khai các hợp đồng cung ứng hàng hoá, dịch vụ, vật tư, nguyên nhiên vật liệu.

- **Văn phòng Hội đồng quản trị:**

- Trợ giúp HĐQT trong các lĩnh vực về pháp lý, quan hệ cổ đông; tổ chức các cuộc họp HĐQT.

- Thực hiện các công việc hành chính liên quan đến HĐQT; ghi chép biên bản và lưu trữ các Nghị quyết, Quyết định, các văn bản khác của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT.

**5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối**

**5.1. Công ty mẹ của Tổ chức phát hành**

Không có

5.2. Công ty con của Tổ chức phát hành

Bảng 1. Danh sách các công ty con kiểm soát trực tiếp của ELCOM

TT	Tên công ty	Năm năm giữ	Năm thành lập	Số giấy ĐKDN	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
1	Công ty TNHH Giải pháp phần mềm ELCOM	2008 - nay	2008	0103136549 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/12/2008, cấp thay đổi lần thứ 3 ngày 12/01/2015	Sản xuất phần mềm máy tính, lắp đặt hệ thống dây chuyền công nghệ cao	30.000	100,00%	100,00%
2	Công ty Cổ phần Elcomplus	2014 - nay	2014	0106659610 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp lần đầu ngày 08/10/2014, cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 28/02/2020	Cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng	15.000 <sup>1</sup>	92,86%	92,86%
3	Công ty TNHH VTS Hải Phòng	2014 - nay	2014	0106645015 do Sở KH&ĐT Hải Phòng cấp lần đầu ngày 22/9/2014, cấp thay đổi lần thứ 3 ngày 21/12/2017	Xây dựng hệ thống quản lý hàng hải tàu biển VTS luồng Hải Phòng	18.542	65,00%	65,00%
4	Công ty Cổ phần Elcom Prime	2018 - nay	2018	0315060718 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp lần đầu ngày 23/05/2018, cấp thay đổi lần thứ 1 ngày 12/06/2018	Xuất bản phần mềm, sản xuất linh kiện điện tử	10.000	70,00%	70,00%

<sup>1</sup> Vốn điều lệ đăng ký từ khi thành lập của Công ty Cổ phần Elcomplus là 15 tỷ đồng. Tuy nhiên, đến thời điểm 30/06/2022 vốn điều lệ thực góp của Công ty Cổ phần Elcomplus là 14,7 tỷ đồng.

TT	Tên công ty	Năm năm giữ	Năm thành lập	Số giấy ĐKDN	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
5	Công ty Cổ phần tập đoàn thương mại Hà Nội	2022	2019	0108804158	Kinh doanh bất động sản	19.500	68,68%	68,68%

(Nguồn: CTCP Công nghệ - Viễn Thông ELCOM)

**Bảng 2. Danh sách Công ty con kiểm soát gián tiếp của ELCOM**

TT	Tên công ty	Năm năm giữ	Năm thành lập	Số giấy ĐKDN	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Ghi chú
1	Công ty Cổ phần Smartek	2021	2021	01095139 23 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp lần đầu ngày 28/01/2021	Xuất bản phần mềm, sản xuất linh kiện điện tử	10.000	74,29%	74,29%	Sở hữu gián tiếp thông qua công ty con là CTCP Elcomplus

(Nguồn: CTCP Công nghệ - Viễn Thông ELCOM)

### 5.3. Công ty liên kết

**Bảng 3. Danh sách các Công ty liên kết của ELCOM**

TT	Tên công ty	Năm năm giữ	Năm thành lập	Số giấy ĐKKD	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
1	Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	2014 - nay	2008	4700162684 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp lần đầu ngày 10/10/2008, cấp thay đổi lần thứ nhất ngày 17/04/2009	Sản xuất vật liệu công nghệ cao và khai thác khoáng sản	60.000 <sup>2</sup>	42,97%	42,97%

<sup>2</sup> Theo Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 17/04/2009, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn là 60 tỷ đồng. Tuy nhiên, tính đến thời điểm 30/06/2022 vốn điều lệ thực góp của Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn chỉ đạt 14,568 tỷ đồng.



TT	Tên công ty	Năm năm giữ	Năm thành lập	Số giấy ĐKKD	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
2	Công ty Cổ phần Máy tính và truyền thông Việt Nam	2019	2004	0101518447 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp lần đầu ngày 11/08/2004, cấp thay đổi lần thứ 10 ngày 10/09/2009	Tư vấn chuyên gia công nghệ và dịch vụ khoa học công nghệ, dịch vụ cho thuê văn phòng	60.000	35,40%	35,40%
3	Công ty Cổ phần Công nghệ VFT	2021-nay	2021	0500233757 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/10/2012, cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 29/04/2021	Sản xuất, bán các hệ thống viễn thông và phát triển phần mềm	72.787	34,00%	34,00%

(Nguồn: CTCP Công nghệ - Viện Thông ELCOM)

#### 6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ

Kể từ ngày thành lập, Công ty đã trải qua những lần tăng vốn như được trình bày dưới đây:

**Bảng 4. Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty**

STT	Thời điểm tăng/giảm vốn	Giá trị vốn tăng/giảm (Đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng/giảm (Đồng)	Hình thức tăng giảm vốn	Đơn vị cấp phép	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
1	07/2003		10.000.000.000	Thành lập Công ty cổ phần	ĐHĐCĐ, Sở KH&ĐT Hà Nội	Không có
2	02/2007 – 09/2009	2.500.000.000	12.500.000.000	Phát hành cổ phiếu thưởng cho cán bộ công nhân viên từ quỹ khen thưởng phúc lợi	ĐHĐCĐ, Sở KH&ĐT Hà Nội	Không có
		85.000.000.000	97.500.000.000	Phát hành cổ phiếu	ĐHĐCĐ, Sở	Không có

STT	Thời điểm tăng/giảm vốn	Giá trị vốn tăng/giảm (Đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng/giảm (Đồng)	Hình thức tăng giảm vốn	Đơn vị cấp phép	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
				cho cổ đông hiện hữu	KH&ĐT Hà Nội	
3	8/2007 - 9/2009	15.000.000.000	112.500.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	ĐHĐCĐ, Sở KH&ĐT Hà Nội	Không có
		4.000.000.000	116.500.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu		
		4.200.000.000	120.700.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên		
		2.000.000.000	122.700.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông chiến lược		
4	01/2010 - 03/2010	29.760.000.000	152.460.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông chiến lược	ĐHĐCĐ, Sở KH&ĐT Hà Nội	Không có
		6.135.000.000	158.595.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên		
		18.405.000.000	177.000.000.000	Chia thặng dư vốn và cổ tức		
5	06/2010	44.250.000.000	221.250.000.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu	ĐHĐCĐ, Sở KH&ĐT Hà Nội	Không có

STT	Thời điểm tăng/giảm vốn	Giá trị vốn tăng/giảm (Đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng/giảm (Đồng)	Hình thức tăng giảm vốn	Đơn vị cấp phép	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
6	12/2010	71.750.000.000	293.000.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	UBCKNN, ĐHĐCĐ, Sở KH&ĐT Hà Nội	Không có
7	3/2012	73.249.090.000	366.249.090.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu	UBCKNN, ĐHĐCĐ, Sở KH&ĐT Hà Nội	Không có
8	11/2013	7.150.000.000	373.399.090.000	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	UBCKNN, ĐHĐCĐ, Sở KH&ĐT Hà Nội	Không có
9	02/2014	6.000.000.000	379.400.000.000	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	UBCKNN, ĐHĐCĐ, Sở KH&ĐT Hà Nội	Không có
10	6/2015	30.320.890.000	409.719.980.000	Chia cổ phiếu thưởng	UBCKNN, ĐHĐCĐ, Sở KH&ĐT Hà Nội	Không có

STT	Thời điểm tăng/giảm vốn	Giá trị vốn tăng/giảm (Đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng/giảm (Đồng)	Hình thức tăng giảm vốn	Đơn vị cấp phép	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
11	12/2015	6.000.000.000	415.719.980.000	Phát hành cổ theo chương trình lựa chọn cho người lao động	UBCKNN, ĐHĐCĐ, Sở KH&ĐT Hà Nội	Không có
12	04/2016	8.000.000.000	423.719.980.000	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	UBCKNN, ĐHĐCĐ, Sở KH&ĐT Hà Nội	Không có
13	07/2016	42.253.770.000	465.973.750.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu	UBCKNN, ĐHĐCĐ, Sở KH&ĐT Hà Nội	Không có
14	03/2017	10.000.000.000	475.973.750.000	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	UBCKNN, ĐHĐCĐ, Sở KH&ĐT Hà Nội	Không có
15	09/2017	33.308.680.000	509.282.430.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu	UBCKNN, ĐHĐCĐ, Sở KH&ĐT Hà Nội	Không có

(Nguồn: CTCP Công nghệ - Viễn Thông ELCOM)

**7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Công ty tại các doanh nghiệp khác**

Từ năm 2020 cho đến thời điểm hiện tại, Công ty không có khoản góp vốn, thoái vốn lớn nào có giá trị từ 10% tổng tài sản trở lên (theo giá trị tổng tài sản của Công ty tại thời điểm góp

vốn, thoái vốn).

**8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành**

**Bảng 5. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành của Công ty ngày 25/04/2022**

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông (cổ đông)	Số lượng cổ phiếu (cổ phiếu)	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ/ Vốn Điều Lệ (%)
<b>I</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>7.212</b>	<b>49.376.808</b>	<b>493.768.080.000</b>	<b>96,95</b>
1	Tổ chức	37	3.844.778	38.447.780.000	7,55
2	Cá nhân	7.175	45.532.030	455.320.300.000	89,40
3	Cổ đông ưu đãi	-	-	-	-
<b>II</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>91</b>	<b>1.551.435</b>	<b>15.514.350.000</b>	<b>3,05</b>
1	Tổ chức	18	925.620	9.256.200.000	1,82
2	Cá nhân	73	625.815	6.258.150.000	1,23
3	Cổ đông ưu đãi	-	-	-	-
<b>III</b>	<b>Tổ chức có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>7.303</b>	<b>50.928.243</b>	<b>509.282.430.000</b>	<b>100,00</b>
	<i>Trong đó</i>				
	<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>7.303</i>	<i>50.928.243</i>	<i>509.282.430.000</i>	<i>100,00</i>
	<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>

(Nguồn: Danh sách cổ đông của Công ty do VSD cấp ngày 25/04/2022)

Ghi chú: Toàn bộ cổ phiếu đã phát hành và đang lưu hành của Công ty đều là cổ phiếu phổ thông.

- Các loại chứng khoán khác: Không có

**9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài**

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty theo quy định Pháp luật:

Theo Công văn số 1020/UBCK-PTTT ngày 02/03/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viện Thông ELCOM là 49%.

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ công ty (nếu có): Không có.

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty hiện tại (theo thông tin về số liệu sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài, hiệu lực ngày 25/04/2022 của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam): 3,15%<sup>3</sup>

## 10. Hoạt động kinh doanh

### 10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

#### *Các sản phẩm/dịch vụ chính*

ELCOM nghiên cứu và ứng dụng các công nghệ tiên tiến nhất: IoT, AI, Big Data, Cloud và phát triển sản phẩm của riêng mình trong lĩnh vực Công nghệ thông tin dựa trên đội ngũ chuyên gia có trình độ chuyên môn cao và kinh nghiệm dày dặn. ELCOM đảm bảo luôn có giải pháp, công nghệ đi trước để hình thành sản phẩm đón đầu kịp thời theo xu hướng vận động của nhu cầu thị trường khách hàng. Các giải pháp tích hợp được kết hợp mềm dẻo và hiệu quả giữa sản phẩm của đối tác và giải pháp của ELCOM. Với thể mạnh nắm bắt kịp thời công nghệ mới và hiểu sâu về các hệ thống, công nghệ hiện đại cũng như nhu cầu khách hàng trong nước nên giải pháp triển khai tích hợp của ELCOM cung cấp đem lại lợi ích tối đa và được khách hàng đánh giá rất cao. Các sản phẩm, giải pháp công nghệ của ELCOM được ứng dụng trong rất nhiều lĩnh vực như:

- Viễn thông
- Giao thông thông minh
- An ninh - Quốc phòng
- Khối doanh nghiệp SME
- Người dùng cá nhân trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe y tế và chia sẻ kiến thức online trong giáo dục.

#### ❖ **Giải pháp viễn thông:**

ELCOM là doanh nghiệp công nghệ cung cấp giải pháp phần mềm và cung ứng thiết bị công nghệ – viễn thông uy tín lâu năm tại Việt Nam. Hầu hết các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông lớn nhất tại Việt Nam như Vinaphone, Mobifone, Viettel, Vietnamobile... đều là khách hàng, đối tác của ELCOM. ELCOM cung cấp trọn gói các dịch vụ từ tư vấn tiền dự án, đến triển khai, đào tạo, bảo hành – bảo trì. Các sản phẩm, dịch vụ và giải pháp viễn thông mà ELCOM cung cấp rất đa dạng, với 5 mảng chính gồm:

- BSS/OSS - Phần mềm Tính cước viễn thông và chăm sóc khách hàng
- Các giải pháp truyền dẫn: truyền dẫn vô tuyến (viba) và truyền dẫn lõi (DWDM, metro)
- Mạng lõi viễn thông và CNTT. Các giải pháp kết nối giữa mạng lõi viễn thông và ứng dụng SMPP Platform, VASplatform
- Dịch vụ giá trị gia tăng (VAS)/ Nội dung số: Ringback Tone, Missed calls Alert, Voice mail, Voice chat, Express Call, Signature Call, Wellcom SMS, Busy SMS, Vsign,....
- Hạ tầng viễn thông và CNTT; Hệ thống đồng bộ.

<sup>3</sup> Nguồn: <https://www.hsx.vn/Modules/Cms/Web/ViewArticle/d88accdc-e5c8-45d4-a404-35db9cd0cd8f>

**Bảng 6. Một số giải pháp viễn thông do ELCOM thực hiện**

STT	Dự án	Giải pháp	Khách hàng
1	Trang bị thiết bị mạng truyền dẫn Backbone Bắc Nam	Thiết kế, cung cấp và lắp đặt thiết bị DWDM	Tổng Công ty Viễn thông Mobifone
2	Mở rộng hệ thống truyền dẫn liên tỉnh khu vực Miền Nam	Thiết kế, cung cấp và đo kiểm hệ thống truyền dẫn	Tổng công ty hạ tầng mạng VNPTNet
3	Mua sắm thiết bị truyền dẫn DWDM cho trục và liên huyện của Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông Quân đội		Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (VIETTEL GROUP)
4	Hệ thống cuộc gọi nhỡ, nhạc chuông nhạc chờ cho các thị trường Nước ngoài của Viettel	Cung cấp giải pháp hệ thống cuộc gọi nhỡ MCA, CRBT	Tổng công ty Đầu tư Quốc tế Viettel
5	Nâng cấp và phát triển hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến	Cung cấp lắp đặt hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến	Viễn thông Quảng Ninh
6	Trang bị thiết bị tăng cường phủ sóng cho khu vực Duyên hải, biển đảo mạng MobiFone	Trang bị thiết bị khuếch đại công suất	Tổng Công ty Viễn thông Mobifone
7	Đầu tư mở rộng mạng truyền dẫn DWDM/Viba/Đồng bộ	Mua sắm mở rộng dung lượng thiết bị truyền dẫn	Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội
8	Trang bị bổ sung hệ thống nguồn cho các trạm BTS	Cung cấp lắp đặt hệ thống nguồn cho các trạm BTS	Tổng Công ty Viễn thông MobiFone
9		Trang bị thiết bị Metro cho các tỉnh Thanh Hóa và Nghệ An	Tổng Công ty Viễn thông MobiFone
10		Trang bị thiết bị viba cho Trung tâm mạng lưới Miền Bắc	Tổng Công ty Viễn thông MobiFone
11		Thiết kế kỹ thuật, cung cấp và lắp đặt thiết bị truyền dẫn quang DWDM Hà Nội - Móng Cái	EVN - Telecom

STT	Dự án	Giải pháp	Khách hàng
12	Trang bị hệ thống Revenue Assurance để tăng cường kiểm soát, chống gian lận, thất thoát, lãng phí tài nguyên cho Trung tâm tính cước		Công ty Dịch vụ Viễn thông Vinaphone
13	Hỗ trợ công nghệ thông tin cho Ban thư ký Thượng viện Campuchia và Văn phòng Quốc hội Lào	Cung cấp, lắp đặt hạ tầng thiết bị và lắp đặt đường truyền	Tổng công ty đầu tư quốc tế VIETTEL
14	Trang bị hệ thống tin nhắn quảng bá phục vụ sản xuất kinh doanh	Cung cấp lắp đặt hệ thống tin nhắn quảng bá	Công ty Dịch vụ Viễn thông Vinaphone
15	Mua sắm trang bị hệ thống Công nghệ thông tin		Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam

(Nguồn: CTCP Công nghệ - Viễn Thông ELCOM)

❖ **Giải pháp Giao thông thông minh:**

Hệ thống Giao thông thông minh (Intelligent Transport System - ITS) của ELCOM ứng dụng các công nghệ viễn thông, công nghệ thông tin và tự động hóa tiên tiến nhất hiện nay (IoT, AI, Cloud, RFID, V2X ...) kết hợp với các thiết bị cảm biến, điều khiển điện tử và kỹ thuật giao thông để quản lý, điều hành các hệ thống giao thông vận tải đường bộ và đường biển.

Các phần mềm được phát triển, đóng gói và cho phép người dùng lựa chọn các tính năng một cách linh động phù hợp với nhu cầu thực tế quản lý. Mô hình triển khai đa dạng, đáp ứng đầy đủ nhu cầu theo hiện trạng khảo sát tại từng địa phương. Hiện nay, giải pháp giao thông thông minh của ELCOM đã được áp dụng tại các hệ thống giám sát thông tin an toàn giao thông như:

- Hệ thống Trung tâm Giám sát điều hành giao thông thông minh nội đô
- Hệ thống Trung tâm Giám sát điều hành giao thông thông minh đường cao tốc
- Hệ thống Thu phí đường bộ tự động không dừng (ETC)
- Hệ thống Kiểm soát tải trọng tự động không dừng (WIM)
- Hệ thống Quản lý đỗ xe thông minh
- Hệ thống Giám sát và điều hành tàu thuyền cho đường thủy nội địa và đường biển (VTS)
- Hệ thống Quản lý và điều hành xe buýt

**Bảng 7. Một số giải pháp Giao thông thông minh do ELCOM cung cấp**

STT	Dự án	Giải pháp	Khách hàng
1	Trung tâm dữ liệu thành phố thông minh	Mua sắm lắp đặt thiết bị trung tâm dữ liệu thành phố thông minh, đào tạo và chuyển giao công nghệ - giai đoạn 2	Trung tâm dữ liệu thành phố thông minh



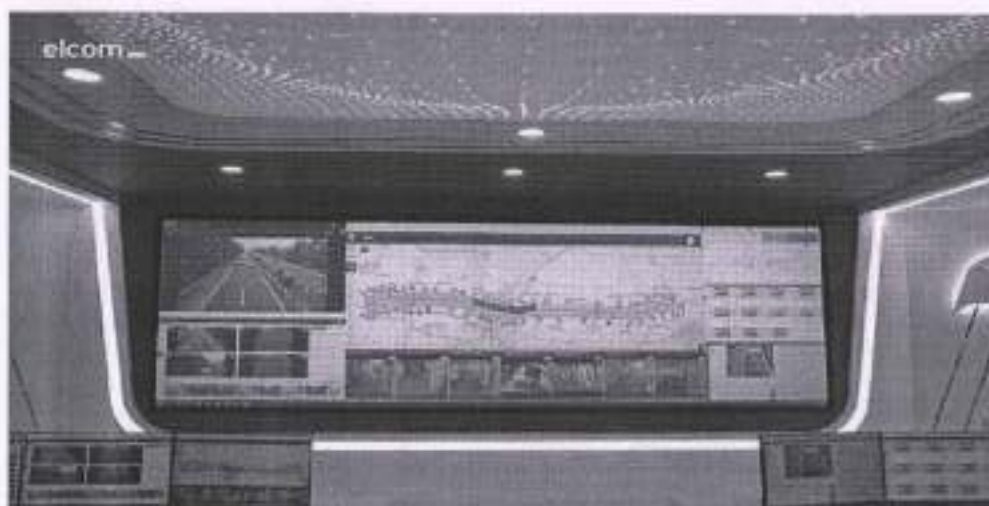
STT	Dự án	Giải pháp	Khách hàng
2	Xây dựng Trung tâm chỉ huy, hệ thống giám sát an ninh trật tự và an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Cải tạo Trung tâm chỉ huy, xây lắp hạ tầng ngoại vi và cung cấp lắp đặt các thiết bị phần cứng, phần mềm và thuê đường truyền	Công an tỉnh Thanh Hóa
3	Xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị thông minh tỉnh Yên Bái	Thi công xây dựng và mua sắm lắp đặt thiết bị, phần mềm hạng mục hệ thống Camera giám sát đô thị thông minh tỉnh Yên Bái	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái
4	Đầu tư xây dựng Đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai	Cung cấp, lắp đặt thiết bị HT cân tải trọng xe tự động tại nút giao IC17, IC4, Trạm thu phí Km6 trên tuyến Nội Bài - Lào Cai	Tổng công ty Đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam (VEC)
5	Hệ thống kiểm soát tải trọng xe trên ĐT741	Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị, thuộc công trình Hệ thống kiểm soát tải trọng xe trên ĐT741	Sở Giao thông vận tải tỉnh Bình Dương
6	Dự án thu phí tự động không dừng và kiểm soát tải trọng xe trên toàn quốc – Giai đoạn 1 áp dụng cho Quốc lộ 1 và đường Hồ Chí Minh đoạn qua Tây nguyên	Mua sắm thiết bị nhập khẩu Front-end để triển khai một số trạm thu phí	Công ty TNHH Thu phí tự động VECT
7	Đầu tư xây dựng đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình	Cung cấp và thi công lắp đặt thiết bị trạm thu phí tự động không dừng	Tổng công ty đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam
8		Hệ thống phần mềm và dịch vụ cài đặt, tích hợp, triển khai Hệ thống phần mềm Giám sát và xử lý vi phạm trật tự an toàn giao thông tại Quảng Ninh	UBND Tỉnh Quảng Ninh
9	Đầu tư xây dựng Đường ô tô cao tốc Hà Nội – Hải Phòng	Hoàn thiện thiết kế, cung cấp và lắp đặt hệ thống Giao thông thông minh – Trạm cân Đình Vũ	Tổng Công ty Đầu tư phát triển Đường cao tốc Việt Nam
10	Lắp đặt hangar tạm tại cảng hàng không Buôn Ma Thuột	Lắp đặt hệ thống camera quan sát tại cảng hàng không Buôn Ma Thuột.	Công ty cổ phần Hàng không Vietjet

STT	Dự án	Giải pháp	Khách hàng
11	Dự án sửa chữa, khắc phục hư hỏng hệ thống Quản lý hàng hải tàu biển (VTS) luồng Sài Gòn – Vũng Tàu, hệ thống VTS luồng Cái Mép – Thị Vải	Thiết kế BVTC và thi công xây dựng các trạm Radar, thiết kế BVTC và cung cấp lắp đặt thiết bị, xây dựng phần mềm hệ thống VTS Luồng Cái Mép – Thị Vải và đào tạo, chuyển giao công nghệ	Cục Hàng hải Việt Nam BQLDA Hệ thống quản lý Hành Hải tàu biển luồng Sài Gòn – Vũng Tàu
12	Dự án thu phí tự động không dừng và kiểm soát tải trọng xe trên toàn quốc - Giai đoạn 1 áp dụng cho Quốc lộ 1 và đường Hồ Chí Minh đoạn qua Tây Nguyên theo hình thức Hợp đồng BOO	Thiết kế BVTC, cung cấp giải pháp, thiết bị và triển khai lắp đặt hệ thống thu phí tự động không dừng ETC các làn còn lại của 3 trạm thu phí.	Công ty TNHH thu phí tự động VETC
13	Nâng cấp mở rộng Quốc lộ 13 đoạn từ Km62+700 đến Km95+000	Hệ thống thu phí không dừng hai trạm thu phí Chơn Thành và trạm thu phí Tân Khai thuộc Quốc lộ 13, tỉnh Bình Phước	Công ty CP Đầu tư xây dựng Cơ sở hạ tầng Bình Phước
14	Đầu tư hạng mục thu phí không dừng ETC cho Trạm thu phí ĐT741 tỉnh Bình Dương	Thiết kế-Cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng hệ thống	Công ty TNHH MTV Đầu tư hạ tầng VRG
15	Đầu tư xây dựng công trình hầm đường bộ Phước Tượng và Phú Gia, Quốc lộ 1A, Tỉnh Thừa Thiên Huế theo hình thức BOT	Xây lắp nhà điều hành, trạm thu phí và các công trình phụ trợ	Công ty CP Phước Tượng Phú Gia BOT

(Nguồn: CTCP Công nghệ - Viện Thông ELCOM)

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

Hình 6. Một số hình ảnh sản phẩm giải pháp Giao thông thông minh của Công ty



Mô phỏng trung tâm điều hành, giám sát Giao thông thông minh do ELCOM thiết lập



(Nguồn: CTCP Công nghệ - Viện Thông ELCOM)

❖ **Giải pháp An ninh - Quốc phòng:**

ELCOM được Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng (Bộ Quốc phòng) cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện tham gia vào hoạt động công nghiệp quốc phòng tại Việt Nam từ năm 2015 theo Giấy chứng nhận số 2418/2015/GCN-CNQP cấp ngày 24/04/2015.

Với năng lực công nghệ và khả năng nắm bắt tốt nhu cầu của khách hàng, hiểu rõ các đặc thù ngành an ninh – quốc phòng, các giải pháp của ELCOM luôn đáp ứng được các yêu cầu về tính năng, độ ổn định và tính bảo mật, nhận được sự tin nhiệm cao của khách hàng và đối tác trong lĩnh vực đặc biệt này.

ELCOM đã và đang cung cấp nhiều giải pháp thông tin liên lạc, truyền dẫn, giám sát, chặn thu, trung tâm chỉ huy, trung tâm điều khiển, các giải pháp an toàn thông tin, giám sát

mạng và một số sản phẩm chuyên dụng... cho nhiều đơn vị thuộc Bộ Công an và Bộ Quốc phòng Việt Nam:

- Giám sát, theo dõi, chặn thu (vệ tinh/vô tuyến)
- Sản phẩm chuyên dụng cho an ninh quốc phòng: eVision Military, Eyesea, UAV, USV
- An toàn thông tin và giám sát mạng: Giám sát thoại, giám sát vô tuyến băng rộng
- Giải pháp thông tin liên lạc, truyền dẫn: Tổng đài, thông tin liên lạc môi trường quốc phòng, trạm thông tin cơ động; truyền dẫn hữu tuyến/vô tuyến.

**Bảng 8. Một số giải pháp An ninh - Quốc phòng do ELCOM cung cấp**

STT	Dự án	Giải pháp	Khách hàng
1	Cung cấp Hệ thống giám sát tàu thuyền trên biển AIS (Thiết bị phần cứng, phần mềm và các dịch vụ lắp đặt, huấn luyện, đào tạo)	Hệ thống giám sát tàu thuyền trên biển AIS	Bộ Quốc phòng
2	Xây dựng hệ thống giám sát an ninh tập trung và cảnh báo sớm hạ tầng thông tin	Mua sắm thiết bị, phần mềm và triển khai, lắp đặt	Bộ Quốc phòng
3	Đầu tư nâng cấp phòng thí nghiệm trọng điểm về an toàn, an ninh thông tin thuộc Bộ Quốc phòng	Cung cấp thiết bị hạ tầng phòng thí nghiệm	Bộ Quốc phòng
4	Đầu tư Khu dịch vụ hàng hải; sửa chữa, đóng mới tàu biển và công trình dầu khí biển	Mua sắm thiết bị phục vụ công tác bảo vệ, an ninh, cảnh giới	Bộ Quốc phòng
5	Đào tạo, bồi dưỡng lực lượng đảm bảo an toàn, an ninh hệ thống thông tin	Mua sắm các công cụ hỗ trợ đào tạo quản trị an toàn mạng	Học viện kỹ thuật quân sự
6		Đầu tư nâng cấp, thay thế Hệ thống mạng WAN của Tổng Công Ty Hàng không Việt Nam	Tổng Công ty Hàng không Việt Nam
7		Mua trang thiết bị vật tư nghiệp vụ và công cụ hỗ trợ phục vụ công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông	Bộ Công An
8	Mạng cáp quang ngành công an	Nâng cấp mở rộng thiết bị truyền dẫn – Lộ trình phía Tây	Bộ Công An
9		Hệ thống định vị tàu thuyền trên biển LRIT qua trạm Inmarsat	Bộ Công An
10		Giải pháp giám sát và giải mã dữ liệu thông tin vệ tinh VSAT	Bộ Quốc phòng

STT	Dự án	Giải pháp	Khách hàng
11	Thay thế, trang bị, nâng cấp và gia hạn dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật bán quyền tính năng thiết bị mạng, bảo mật cho các đơn vị trong ngành Bảo hiểm xã hội	Cung cấp, lắp đặt, cài đặt, hiệu chỉnh, đào tạo chuyên gia công nghệ thiết bị cân bằng tải	Ban Quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng ngành Bảo hiểm xã hội
12	Nâng cao năng lực mạng WAN phục vụ sản xuất kinh doanh của TCT Điện lực Việt Nam	Cung cấp & lắp đặt thiết bị	Công ty Công nghệ thông tin Điện lực Miền Bắc
13		Mua sắm thiết bị, phần mềm cho Trung tâm giám sát an toàn thông tin mạng	Bộ Quốc phòng
14		Mua sắm thiết bị truyền số liệu	Bộ Quốc phòng

(Nguồn: CTCP Công nghệ - Viễn Thông ELCOM)

Hình 7. Một số sản phẩm cho giải pháp An ninh quốc phòng của Công ty



Hệ thống giám sát VSAT cho hoạt động công nghiệp quốc phòng



EyeSea - Hệ thống giám sát tàu thuyền

❖ **Một số giải pháp khác:**

Bên cạnh những giải pháp ứng dụng công nghệ thông minh nêu trên, ELCOM đã và đang nghiên cứu thêm các sản phẩm, dịch vụ mới trong lĩnh vực y tế, giáo dục... đồng thời mở rộng kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản.

- **Y tế:**

ELCOM đang nghiên cứu và phát triển nền tảng kết nối thiết bị theo dõi và chăm sóc sức khỏe từ xa TeleVital. Kết hợp hai công nghệ: công nghệ IoT trong y tế IoMT và công nghệ hỗ trợ điều trị y tế từ xa TeleMed, nền tảng TeleVital cho phép người bệnh tự theo dõi sức khỏe ngay tại nhà một cách chủ động và liên tục. Nền tảng có khả năng tích hợp với nhiều thiết bị đo thông dụng hiện nay, hỗ trợ đo nhiều chỉ số: nhiệt độ, huyết áp, tiểu đường, SpO2, ECG... giúp bác sĩ xác định tình trạng sức khỏe hay bệnh mãn tính của bệnh nhân. Ngoài ra, bệnh nhân có thể kết nối từ xa với bác sĩ để điều trị y tế qua cuộc gọi video nhờ TeleVital. Các chức năng chính trong nền tảng TeleVital:

- + Thu thập liên tục và lưu trữ dữ liệu sức khỏe của bệnh nhân từ xa qua thiết bị đo sức khỏe
- + Cho phép bác sĩ, bệnh nhân và người nhà theo dõi dữ liệu sức khỏe qua màn hình ứng dụng
- + Ứng dụng AI/Big Data để hỗ trợ phân tích và đưa ra cảnh báo sớm
- + Cung cấp công cụ gọi video trực tuyến hỗ trợ tư vấn sức khỏe từ xa

Nền tảng được hứa hẹn sẽ mở ra nhiều gói dịch vụ y tế trực tuyến, phục vụ bệnh nhân ở các vùng xa, hay những người bệnh sau điều trị có nhu cầu xuất viện sớm, trẻ em ốm, người già mắc bệnh mãn tính như tiểu đường, huyết áp... hay những người có nhu cầu theo dõi sức khỏe thường xuyên.

*[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]*

Hình 8. Hình ảnh sản phẩm giải pháp y tế của Công ty



Hình ảnh ứng dụng chăm sóc sức khỏe từ xa

(Nguồn: CTCP Công nghệ - Viễn Thông ELCOM)

**- Giáo dục:**

CoLearn – một ứng dụng học tập trực tuyến do ELCOM phát triển đã vượt mốc 100 ngàn người dùng khi mới ra mắt chưa đầy 2 tháng với hàng ngàn câu hỏi được giải đáp mỗi ngày, giúp hành trình học tập của học sinh không bị gián đoạn, nâng cao hiệu quả trong mùa dịch. Người học có thể hỏi bài tập của tất cả các môn trong chương trình, tính năng này đặc biệt hữu ích khi học sinh muốn tìm kiếm lời giải hay cho các bài tập khó, nâng cao.

CoLearn cung cấp một đội ngũ giáo viên, gia sư luôn sẵn sàng hỗ trợ giải đáp các câu hỏi của học sinh trên cộng đồng mà không phát sinh bất kỳ một khoản chi phí nào, đây chính là điểm khác biệt so với các ứng dụng khác trên thị trường, mang đến sức hút cho CoLearn. Một điểm cộng nữa cho ứng dụng này, đó chính là kho thư viện được cung cấp miễn phí cho học sinh trong mùa dịch với: hàng nghìn bài giảng được biên soạn độc quyền và giảng dạy bởi các thầy cô có kinh nghiệm; kho học liệu với hàng vạn tài liệu chuyên đề, ebook, bộ đề... hệ thống bài trắc nghiệm tính điểm giúp học sinh dễ dàng tự học tại nhà.

Hàng nghìn câu hỏi được giải đáp mỗi ngày với hơn 100.000 người dùng đăng ký trong chưa đầy 2 tháng đầu phát hành đã khẳng định sức hút của CoLearn đối với học sinh trong hành trình chinh phục kiến thức. Và chắc chắn, với xu hướng giáo dục trực tuyến ngày càng phát triển mạnh mẽ như hiện nay, những ứng dụng học tập bổ ích, mang tính hữu dụng cao như CoLearn sẽ tiếp tục phát triển mạnh mẽ hơn nữa.

**❖ Bất động sản**

Cùng với sự phát triển nhanh chóng của cơ sở hạ tầng sản xuất kinh doanh cũng như quá trình đô thị hoá mạnh mẽ, Công ty đã và đang đầu tư vào một số dự án bất động sản bao gồm bất động sản thương mại, dịch vụ và bất động sản công nghiệp tại một số địa bàn trọng điểm để tạo ra một nguồn tài sản có tính khai thác bền vững. Cụ thể:

**Bảng 9. Các dự án bất động sản thương mại, dịch vụ đang được triển khai đầu tư**

STT	Tên dự án	Địa điểm	Diện tích (Khoảng)
1	Toà nhà Hỗ trợ khu thương mại dịch vụ, khách sạn, văn phòng cho thuê và căn hộ để ở	Số 18 Nguyễn Chí Thanh, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, Hà Nội.	2.262,4 m <sup>2</sup>
2	Khu dịch vụ thương mại kết hợp văn phòng	Đường 72, Dương Nội, Quận Hà Đông, Hà Nội	10.000 m <sup>2</sup>

(Nguồn: CTCP Công nghệ - Viện Thông ELCOM)

**Bảng 10. Các dự án bất động sản thương mại, dịch vụ, dự án bất động sản khu công nghiệp đang nghiên cứu lập dự án đầu tư**

STT	Tên dự án	Địa điểm	Diện tích (Khoảng)
1	Trung tâm nghiên cứu trí tuệ nhân tạo (AI) kết hợp văn phòng, trụ sở làm việc.	Đường Hoàng Tăng Bí, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	10.000 m <sup>2</sup>



STT	Tên dự án	Địa điểm	Diện tích (Khoảng)
2	Đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp Làng nghề Giẽ Thượng, xã Phú Yên, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội.	Xã Phú Yên, Huyện Phú Xuyên, Hà Nội.	50 ha
3	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Tam Hưng, Thanh Oai, TP Hà Nội	Xã Tam Hưng, Huyện Thanh Oai, Hà Nội	35 ha

(Nguồn: CTCP Công nghệ - Viện Thông ELCOM)

#### Tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra đều đặn và liên tục quanh năm và không có tính thời vụ cố định

#### Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ

##### a. Cơ cấu doanh thu thuần theo lĩnh vực hoạt động

**Bảng 11. Cơ cấu doanh thu thuần theo lĩnh vực hoạt động - Công ty mẹ**

Lĩnh vực	Năm 2020		Năm 2021		6 tháng đầu năm 2022	
	Doanh thu (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Doanh thu (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Doanh thu (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Viễn thông	235.782	30,00	144.766	23,00	87.102	26,00
Giao thông thông minh	227.922	29,00	188.825	30,00	130.654	39,00
An ninh - Quốc phòng	235.782	30,00	214.002	34,00	43.551	13,00
Khác	86.453	11,00	81.825	13,00	73.702	22,00
<b>Tổng cộng</b>	<b>785.939</b>	<b>100,00</b>	<b>629.418</b>	<b>100,00</b>	<b>335.009</b>	<b>100,00</b>

(Nguồn: CTCP Công nghệ - Viện Thông ELCOM)

**Bảng 12. Cơ cấu doanh thu thuần theo lĩnh vực hoạt động - Hợp nhất**

Lĩnh vực	Năm 2020		Năm 2021		6 tháng đầu năm 2022	
	Doanh thu (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Doanh thu (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Doanh thu (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Viễn thông	256.715	32,00	171.374	26,00	105.187	28,00
Giao thông thông minh	224.624	28,00	191.148	29,00	150.268	40,00

Lĩnh vực	Năm 2020		Năm 2021		6 tháng đầu năm 2022	
	Doanh thu (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Doanh thu (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Doanh thu (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
An ninh – Quốc phòng	256.715	32,00	217.514	33,00	45.080	12,00
Khác	64.179	8,00	79.096	12,00	75.134	20,00
<b>Tổng cộng</b>	<b>802.233</b>	<b>100,00</b>	<b>659.132</b>	<b>100,00</b>	<b>375.669</b>	<b>100,00</b>

(Nguồn: CTCP Công nghệ - Viện Thông ELCOM)

b. Cơ cấu lợi nhuận gộp theo lĩnh vực hoạt động

**Bảng 13. Cơ cấu lợi nhuận gộp theo lĩnh vực hoạt động - Công ty mẹ**

Chi tiêu	Năm 2020		Năm 2021		6 tháng đầu năm 2022	
	Lợi nhuận (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Lợi nhuận (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Lợi nhuận (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Viễn thông	42.498	33,00	29.554	26,00	10.337	25,00
Giao thông thông minh	28.332	22,00	28.417	25,00	16.539	40,00
An ninh – Quốc phòng	39.923	31,00	44.331	39,00	4.963	12,00
Khác	18.030	14,00	11.367	10,00	9.510	23,00
<b>Tổng cộng</b>	<b>128.783</b>	<b>100,00</b>	<b>113.669</b>	<b>100,00</b>	<b>41.349</b>	<b>100,00</b>

(Nguồn: CTCP Công nghệ - Viện Thông ELCOM)

**Bảng 14. Cơ cấu lợi nhuận gộp theo lĩnh vực hoạt động - Hợp nhất**

Chi tiêu	Năm 2020		Năm 2021		6 tháng đầu năm 2022	
	Lợi nhuận (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Lợi nhuận (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Lợi nhuận (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Viễn thông	48.736	36,00	32.270	25,00	17.193	27,00
Giao thông thông minh	27.075	20,00	27.108	21,00	26.107	41,00
An ninh – Quốc phòng	44.674	33,00	51.633	40,00	5.731	9,00
Khác	14.891	11,00	18.071	14,00	14.645	23,00
<b>Tổng cộng</b>	<b>135.376</b>	<b>100</b>	<b>129.082</b>	<b>100</b>	<b>63.676</b>	<b>100,00</b>

(Nguồn: CTCP Công nghệ - Viện Thông ELCOM)

## 10.2. Tài sản

Tại thời điểm 30/06/2022, tình hình tài sản của Công ty như sau:

**Bảng 15. Tài sản tại ngày 30/06/2022 – Công ty mẹ**

Đơn vị: triệu đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%GTCL/NG
<b>I</b>	<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>94.107</b>	<b>8.217</b>	<b>8,73%</b>
1	Nhà cửa vật kiến trúc	-	-	-
2	Máy móc thiết bị	66.740	33	0,05%
3	Phương tiện vận tải	10.139	4.136	40,79%
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	13.057	1.970	15,09%
5	TSCĐ Khác	4.171	2.078	49,82%
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>9.344</b>	<b>65</b>	<b>0,69%</b>
1	Phần mềm	9.344	65	0,69%
<b>III</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>10.191</b>	<b>8.038</b>	<b>78,87%</b>
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	10.191	8.038	78,87%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>113.642</b>	<b>16.320</b>	<b>14,36%</b>

(Nguồn: BCTC Quý II năm 2022 của Công ty)

**Bảng 16. Tài sản của Công ty tại ngày 30/06/2022 – hợp nhất**

Đơn vị: triệu đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%GTCL/NG
<b>I</b>	<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>144.409</b>	<b>62.667</b>	<b>43,40%</b>
1	Nhà cửa vật kiến trúc	54.545	53.455	98%
2	Máy móc thiết bị	62.161	1.396	2,25%
3	Phương tiện vận tải	11.080	4.529	40,87%
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	12.489	1.476	11,82%
5	TSCĐ Khác	4.133	1.812	43,85%
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>7.833</b>	<b>1.843</b>	<b>23,52%</b>
1	Phần mềm	7.089	1.146	16,17%
2	TSCĐ khác	744	696	93,54%
<b>III</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>10.191</b>	<b>8.038</b>	<b>78,87%</b>
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	10.191	8.038	78,87%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>162.433</b>	<b>72.548</b>	<b>44,66%</b>

(Nguồn: BCTC hợp nhất Quý II năm 2022 của Công ty)

**Bảng 17. Một số tài sản máy móc, thiết bị lớn  
Công ty đang sở hữu tại ngày 30/06/2022**

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%GTCL/NG (%)
1	Card xử lý báo hiệu truyền dẫn mạng-SS7LDH4Q-311	257	107	41,63
2	HT nhà màng Egreen 1780	551	92	16,70
3	HT lắp dựng mẫu nhà EGH.02-12.8	298	49	16,44
4	HT Demo Room	309	249	80,58
5	Máy chủ Supermicro 4029GP-TRT2 32GB DDR4	543	256	47,15
6	Máy chủ Super 6019U-TR4T, Ram 16GB 2933x8, bảng	301	217	72,09
7	Ô tô Mazda 30E -185.82	700	10	1,43
8	Ô tô NISSAN (29C-98778)	618	300	48,54
9	Ô tô MAZDA2 (30G-324-31)	602	384	63,79
10	Ô tô Mercedes Benz GLC 250 (30E-364.86)	1.270	1.023	80,55
11	Ô tô Mercedes Benz V250 (30H-241.54)	2.710	987	36,42
12	Phần mềm nội bộ (EP)	475	10	2,11
13	Phần mềm quản trị DN (HRM)	410	55	13,41
14	Thiết bị thu thập dữ liệu hướng đi - TC1	278	185	66,55
	<b>Tổng cộng</b>	<b>10.762</b>	<b>3.924</b>	<b>36,46</b>

(Nguồn: CTCP Công nghệ - Viện Thông ELCOM)

**Bảng 18. Danh sách đất đai, nhà xưởng tại ngày 30/06/2022**

STT	Địa chỉ	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Loại hình	Thời hạn sử dụng còn lại	Mục đích
1	Căn hộ 08.04 của Hợp tác xã Thương mại Dịch vụ Hợp Thành - Số 22 ngõ 4 Phố Kim Mã, Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội	57,79 (sử dụng 56,69)	Chung cư	Lâu năm	Đầu tư

STT	Địa chỉ	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Loại hình	Thời hạn sử dụng còn lại	Mục đích
2	Căn hộ A tầng 8 Tháp B Mỹ Đình đường Phạm Hùng, Xã Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội	124,79	Chung cư	Lâu năm	Đầu tư
3	Căn hộ B (11.2) tầng 11 CT3 - Vimeco Phường Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	139,44	Chung cư	Lâu năm	Đầu tư

(Nguồn: CTCP Công nghệ - Viện Thông ELCOM)

### 10.3. Thị trường hoạt động

**Bảng 19. Cơ cấu thị trường hoạt động – Công ty mẹ**

Thị trường	Năm 2020		Năm 2021		6 tháng đầu năm 2022	
	Doanh thu (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Doanh thu (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Doanh thu (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Hà Nội	525.413	66,85	439.220	69,78	237.664	70,94
Hồ Chí Minh	10.201	1,30	10.921	1,74	7.244	2,16
Nước ngoài + Khác	250.325	31,85	179.277	28,48	90.102	26,90
<b>Tổng</b>	<b>785.939</b>	<b>100,00</b>	<b>629.418</b>	<b>100,00</b>	<b>335.009</b>	<b>100,00</b>

(Nguồn: CTCP Công nghệ - Viện Thông ELCOM)

**Bảng 20. Cơ cấu thị trường hoạt động – Hợp nhất**

Thị trường	Năm 2020		Năm 2021		6 tháng đầu năm 2022	
	Doanh thu (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Doanh thu (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Doanh thu (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Hà Nội	541.706	67,52	459.966	69,78	239.526	63,76
Hồ Chí Minh	10.201	1,27	10.922	1,66	26.420	7,03
Nước ngoài + Khác	250.326	31,21	188.244	28,56	109.708	29,21
<b>Tổng</b>	<b>802.233</b>	<b>100,00</b>	<b>659.132</b>	<b>100,00</b>	<b>375.654</b>	<b>100,00</b>

(Nguồn: CTCP Công nghệ - Viện Thông ELCOM)

### 10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

Mạng thị trường Viễn thông: là mạng truyền thống đã mang lại kết quả kinh doanh lớn cho công ty trong giai đoạn trước. Sau những bước chững lại của thị trường cũng như những khó khăn, biến động khách quan từ thị trường, khách hàng khiến cho mạng viễn thông gặp nhiều khó khăn, thi kể từ năm 2020, ELCOM đã vực lại được mạng thị trường truyền thống

này của mình. Với những chuyển hướng về định hướng chiến lược, và việc triển khai quyết liệt để củng cố lại thị trường, khách hàng, phát triển giải pháp sản phẩm chiến lược...ELCOM đã nắm bắt được những cơ hội khi tình hình thị trường và khách hàng ổn định, nhu cầu đầu tư của khách hàng để phát triển kinh doanh tăng cao theo những xu hướng mới của thị trường. Kết quả kinh doanh của mảng trong 2020 tăng mạnh so với năm 2019 và đóng góp lớn vào trong kết quả kinh doanh Công ty, mở đầu cho giai đoạn bắt đầu hồi phục của mảng thị trường truyền thống. Bên cạnh các giải pháp sản phẩm truyền thống như hệ thống SMPP GW, hệ thống CRBT, hệ thống MCA, dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật công nghệ cao, ELCOM sẽ tập trung mũi nhọn vào các mảng giải pháp sản phẩm Telco core, Transport, Synchronization, VAS,... Trước những xu thế mới của Viễn thông như việc triển khai 4G TDD, 5G, MEC,... sẽ được triển khai trên diện rộng kéo theo đó là hàng loạt các đầu tư về mặt hạ tầng đi kèm bao gồm truyền dẫn DWDM, IPxhaul, đồng bộ cùng các xu thế về IoT, eSIM, AR/VR cũng như việc chuyển đổi số trong ngành viễn thông tạo ra tiềm năng và cơ hội rất lớn. Cùng chiến lược phù hợp và sự chuẩn bị đầy đủ của ELCOM cho thị trường, trong những năm tiếp theo, mảng thị trường Viễn thông kỳ vọng sẽ tiếp tục tăng trưởng và đóng góp cao hơn nữa vào kết quả Công ty.

Mảng thị trường Giao thông thông minh: Năm 2020 và 2021, mảng Giao thông thông minh của ELCOM đã tiếp tục được mở rộng và tiến hành triển khai các dự án cung cấp các giải pháp sản phẩm về thu phí (ETC, MTC,...) ở hàng loạt các trạm, trên khắp các quốc lộ trải dài từ Nam tới Bắc. Không những thế, các dòng giải pháp sản phẩm chiến lược đón xu thế mới là giám sát an ninh trật tự, giám sát an ninh xử phạt, tối ưu hóa lưu trữ video, Giải pháp điều hành cao tốc (ITS cao tốc), Giải pháp điều hành nội đô (ITS nội đô)...sau thời gian nghiên cứu, thử nghiệm và đặt chân vào thị trường thành công, thì đến năm 2020 đã mang lại những kết quả đáng mong đợi khi đã liên tiếp được mở rộng, triển khai tiếp ở nhiều khách hàng, tỉnh/ thành. Kết quả kinh doanh của mảng Giao thông tiếp tục tăng trưởng so với năm trước và đóng góp cao thứ hai trong kết quả kinh doanh của công ty sau mảng viễn thông. Cùng với những kết quả nghiên cứu liên tục được hoàn thiện, bổ sung từ đội ngũ R&D về các xu thế công nghệ mới và ứng dụng vào các giải pháp sản phẩm cho thị trường giao thông nói chung và các mảng khác của ELCOM nói riêng, trong các năm tới, ELCOM tự tin sẽ là một trong những doanh nghiệp đón đầu được cơ hội và xu thế mới trong mảng giao thông thông minh.

Mảng An ninh quốc phòng: vẫn luôn là mảng kinh doanh duy trì được kết quả và sự đóng góp ổn định trong cơ cấu kinh doanh của Công ty qua các năm. Mảng An ninh - Quốc phòng tiếp tục duy trì sự ổn định về thị trường, khách hàng và doanh số, lợi nhuận mang lại. Tiếp nối từ những tiền đề thị trường, khách hàng và uy tín, vị thế đã có, cùng với các giải pháp sản phẩm ELCOM đã nghiên cứu, thử nghiệm và thương mại thành công, năm 2020 các giải pháp sản phẩm chiến lược cho thị trường An ninh quốc phòng như VSAT, giải pháp giám sát an toàn an ninh, giải pháp sản phẩm chuyên dụng,...đã tiếp tục được triển khai, mở rộng tới các khách hàng trọng điểm. Bên cạnh đó, các giải pháp chiến lược mới cho thị trường đặc thù này vẫn luôn được ELCOM tiếp tục nghiên cứu, thử nghiệm theo định hướng chiến lược của Công ty để đáp ứng nhu cầu khách hàng, đồng thời tạo ra những giải pháp tiên phong, đi đầu, tiếp nối những giải pháp tiêu biểu hiện có cho mảng thị trường này của ELCOM.

### 10.5. Các hợp đồng lớn

*[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]*

**Bảng 21. Danh sách hợp đồng lớn của Công ty từ năm 2020**

Hợp đồng	Giá trị (triệu đồng)	Thời điểm kết thúc	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/Dịch vụ đầu vào	Sản phẩm/Dịch vụ đầu ra	Đối tác	Mối quan hệ với Người nội bộ/Cổ đồng lớn của TCPH
69/2020/HĐ-TB	108.861	2020	2020	Thi công xây dựng và mua sắm lắp đặt thiết bị, phần mềm hạng mục hệ thống camera giám sát đô thị thông minh	Thi công xây dựng và mua sắm lắp đặt thiết bị, phần mềm hạng mục hệ thống camera giám sát đô thị thông minh tỉnh Yên Bái	Văn phòng UBND tỉnh Yên Bái	Không
02/HĐMB/NDC-ELCOM	164.655	2020	2020	Thiết bị DWDM	Thiết bị DWDM	CTCP N.D.C	Không
01/2020/HĐKT/CATH- ELCOM-TSC	65.751	2020	2020	Cải tạo trung tâm chỉ huy, xây lắp hạ tầng ngoại vi và cung cấp lắp đặt thiết bị phần cứng, phần mềm và thuê đường truyền	Cải tạo trung tâm chỉ huy, xây lắp hạ tầng ngoại vi và cung cấp lắp đặt thiết bị phần cứng, phần mềm và thuê đường truyền	Công an Tỉnh Thanh Hóa	Không
01/Viettel-N.D.C- ELCOM/2020	67.842	2020	2020	Thiết bị truyền dẫn DWDM	Thiết bị truyền dẫn DWDM	Tập đoàn Công nghệ – Viện thông Quân Đội	Không



Hợp đồng	Giá trị (triệu đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/Dịch vụ đầu vào	Sản phẩm/Dịch vụ đầu ra	Đối tác	Mối quan hệ với Người nội bộ/Có đồng lớn của TCPH
680-20- MOBIFONE/ELCOM	65.975	2020	2020	Mở rộng mạng truyền dẫn quang Backbone Bắc Nam	Mở rộng mạng truyền dẫn quang Backbone Bắc Nam	Tổng Công ty viễn thông Mobifone	Không
2611/2021/HDDA/TTTH- ELCOM-GLOBAL	69.560	2021	2022	Thiết bị	Mua sắm thiết bị	Trung tâm tin học, Bộ kế hoạch và đầu tư	Không
02/2020/HĐKT/BTL- ELCOM	15.443	2020	2020	Thiết bị truyền dẫn quang	Thiết bị truyền dẫn quang	Bộ tư lệnh thông tin liên lạc	Không
07/2020/HĐKT/BQLDA- GTC-ELCOM	42.234	2020	2020	Thiết bị cân bằng tải	Thiết bị cân bằng tải	Ban quản lý dự án đầu tư & xây dựng ngành bảo hiểm xã hội	Không
05/2020/HĐETC-VEIC	10.311	2020	2021	Thiết bị cho hệ thống thu phí tự động không dừng ETC	Hệ thống thu phí tự động không dừng ETC	Công ty TNHH thu phí tự động VETC	Không

Hợp đồng	Giá trị (triệu đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/Dịch vụ đầu vào	Sản phẩm/Dịch vụ đầu ra	Đối tác	Mối quan hệ với Người nội bộ/Cố đồng lớn của TCHP
01/VVT-ELCOM/2020/RFID	17.096	2020	2020	Thiết bị đọc thẻ RFID, Antenna, TB chuyên mạch, cáp kết nối	Thiết bị đọc thẻ RFID, Antenna, TB chuyên mạch, cáp kết nối	CTCP Thương mại Dịch vụ viễn thông Việt Vượng	Không
03/VVT-ELCOM/2020/Laser	21.827	2020	2020	Cảm biến Laser phát hiện xe, phân tích & đo chiều dài xe	Cảm biến Laser phát hiện xe, phân tích & đo chiều dài xe	CTCP Thương mại Dịch vụ viễn thông Việt Vượng	Không
3012/CAM-TPBN	15.589	2021	2022	Camera an ninh	Triển khai lắp đặt thi điểm Camera an ninh trên địa bàn TP Bắc Ninh	Phòng quản lý đô thị Thành phố Bắc Ninh	Không
TECH/TCT-756-21-MBF-ELCOM	11.350	2021	2022	Hệ thống SDC	Nâng cấp hệ thống SDC trên mạng MBF	Tổng công ty Viễn thông Mobifone	Không
01/NDC-ELCOM/2021_SLA	17.108	2021	2021	Dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật	Dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật	CTCP N.D.C	Không
01/VIETTEL-ELCOM/2021	15.199	2021	2021	Thiết bị đồng bộ Phase time năm 2020	Thiết bị đồng bộ Phase time năm 2020	Tập đoàn Công nghệ - Viễn thông Quân đội	Không
2303/2022/VPBNV	121.748	2022	2022	Thiết bị	Thiết bị, phần mềm, đào tạo và chuyên giao công nghệ	Văn phòng Bộ nội vụ	Không

Hợp đồng	Giá trị (triệu đồng)	Thời điểm kết thúc	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/Dịch vụ đầu vào	Sản phẩm/Dịch vụ đầu ra	Đối tác	Mối quan hệ với Người nội bộ/Cổ đồng lớn của TCPH
12/2022/HĐ-PTH/TB-01	214.620	2022	2022 - 2023	Thiết bị cho hệ thống giao thông minh	Hệ thống giao thông thông minh ITS đoạn Diễn Châu - Bãi Vọt	Công ty CP đầu tur Phúc Thành Hưng	Không
01/2022/HĐMB/VETC- ELCOM	14.850	2022	2022	Thiết bị	Cung cấp thẻ Etag	Công ty TNHH thu phí tự động VETC	Không
04/HĐ-VEC/2022	13.250	2022	2022	Thiết bị, phần mềm ITS cao tốc	Sửa chữa, nâng cấp thiết bị ITS tuyến đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình	Tổng Công ty đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam	Không
03-22- MOBIFONE/ELCOM	14.418	2022	2022	Dịch vụ	Cung cấp dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật trên mạng đường trục Bắc - Nam	Tổng Công ty viễn thông Mobifone	Không
02/HĐMB/NDC- ELCOM/2022	116.207	2022	2022 - 2023	Thiết bị	Mở rộng đường truyền dẫn DWDM	Công ty CP NDC	Không
26/HĐTCXL/2022	13.197	2022	2022	Thiết bị cho hệ thống thu phí tự động	Hệ thống thu phí tự động không dừng ETC	Cty CP đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Bình Phước	Không

(Nguồn: CTCP Công nghệ - Viện Thông ELCOM)

**10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn**  
**Danh sách các khách hàng lớn**

**Bảng 22. Danh sách các khách hàng lớn từ năm 2020 đến nay**

STT	Tên đối tác	Giá trị giao dịch trên doanh thu/doanh số mua hàng (triệu đồng)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm, dịch vụ giao dịch	Mối quan hệ với Người nội bộ/ Cổ đông lớn của TCPH
1	Tổng Công ty viễn thông Mobifone	84.671	2020	Thiết bị Metro, dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật, cho thuê thiết bị Viba và các DV khác.	Không
2	Viettel	202.888	2020	Hệ thống DWDM, hệ thống CRBT, dịch vụ MCA	Không
3	Công ty TNHH thu phí Tự động VETC	24.980	2020	Thiết bị Front-end	Không
4	Bộ tư lệnh thông tin liên lạc	22.121	2020	Thiết bị truyền dẫn quang, truyền số liệu	Không
5	CTCP Giao thông số Việt Nam	17.608	2020	Thẻ Etag, phần mềm trạm thu phí	Không
6	Tổng Công ty viễn thông Mobifone	95.451	2021	Thiết bị DWDM, dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật, cho thuê thiết bị Viba và các DV khác.	Không
7	Viettel	62.385	2021	Hệ thống DWDM, Phase time	Không
8	Công ty TNHH thu phí Tự động VETC	15.417	2021	Thiết bị, phần mềm thu phí ETC	Không
9	Bộ tư lệnh thông tin liên lạc	29.992	2021	Thiết bị truyền số liệu, truyền dẫn SDH, cisco	Không
10	Bộ Công An và Công an các tỉnh	240.491	2021	Thiết bị vô tuyến, camera TTATGT, hệ thống VSAT	Không

SIT	Tên đối tác	Giá trị giao dịch trên doanh thu/doanh số mua hàng (triệu đồng)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm, dịch vụ giao dịch	Mối quan hệ với Người nội bộ/ Cổ đông lớn của TCPH
11	CTCP Giao thông số Việt Nam	29.148	2021	Thẻ Etag, phần mềm, dịch vụ lắp đặt trạm thu phí	Không
12	Văn phòng Bộ nội vụ	121.748	2022	Thiết bị, phần mềm, đào tạo và chuyển giao công nghệ	Không
13	Công ty CP đầu tư Phúc Thánh Hưng	214.620	2022 - 2023	Hệ thống giao thông thông minh ITS	Không
14	Tổng Công ty viễn thông Mobifone	15.054	2022	Dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật mạng	Không
15	Công ty Cổ phần NDC	108.485	2022	Thiết bị mở rộng đường truyền dẫn DWDM	Không
16	Tổng Công ty đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam	12.046	2022	Nâng cấp thiết bị ITS tuyến đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình	Không

(Nguồn: CTCP Công nghệ - Viễn Thông ELCOM)

**Danh sách nhà cung cấp lớn**

**Bảng 23. Danh sách các nhà cung cấp lớn của Công ty từ năm 2020 đến nay**

SIT	Tên đối tác	Giá trị giao dịch trên doanh thu/doanh số mua hàng (triệu đồng)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm, dịch vụ giao dịch	Mối quan hệ với Người nội bộ/ Cổ đông lớn của TCPH
1	Ciena Communications Inc	207.213	2020	Thiết bị truyền dẫn, Hệ thống DWDM	Không



STT	Tên đối tác	Giá trị giao dịch trên doanh thu/doanh số mua hàng (triệu đồng)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm, dịch vụ giao dịch	Mối quan hệ với Người nội bộ/ Cổ đông lớn của TCPH
2	Comverse Network Ltd	198.484	2020	Thiết bị lưu trữ, thiết bị chuyển mạng, hệ thống thu phí tự động không dừng,	Không
3	ISG Technology Pte Ltd	50.599	2020	Thiết bị xử lý dữ liệu số, thiết bị chuyển mạch, máy chủ giải mã, hệ thống antenna	Không
4	Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật CNC An Phát Đạt	55.178	2020	Hệ thống phần cứng, phần mềm camera	Không
5	CTCP kỹ thuật Toàn cầu	27.000	2020	Thiết bị cân bằng tải	Không
6	Công ty TNHH Thiết bị Công nghiệp & tự động hóa AUMI	15.274	2020	Máy quét laser và cảm biến laser	Không
7	Comverse Network Ltd	253.984	2021	Thiết bị lưu trữ, thiết bị chuyển mạng, hệ thống thu phí tự động không dừng	Không
8	Ciena Communications Inc	22.341	2021	Dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật, thiết bị truyền dẫn.	Không
9	Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật CNC An Phát Đạt	22.755	2021	Hệ thống phần cứng, phần mềm camera	Không

STT	Tên đối tác	Giá trị giao dịch trên doanh thu/doanh số mua hàng (triệu đồng)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm, dịch vụ giao dịch	Mối quan hệ với Người nội bộ/ Cổ đông lớn của TCPH
10	Công ty TNHH Công nghệ & Giải pháp tích hợp Smarttech	19.424	2021	Thiết bị & Xây dựng hạ tầng	Không
11	Công ty TNHH thiết bị và giải pháp kỹ thuật Hùng Thịnh	15.773	2021	Thiết bị ngoại vi	Không

(Nguồn: CTCP Công nghệ - Viện Thông ELCOM)

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

## 10.7. Vị thế của Công ty trong ngành

### *Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành*

ELCOM là một trong những công ty công nghệ hàng đầu Việt Nam cung cấp các sản phẩm phần mềm và tích hợp hệ thống cho các nhà cung cấp dịch vụ mạng, các giải pháp chia khóa trao tay và các dịch vụ kỹ thuật cho ngành Viễn thông, An ninh quốc phòng, Giao thông vận tải, môi trường công nghiệp... đồng thời là đơn vị phân phối, là cầu nối hoàn hảo cho các đối tác toàn cầu muốn kết nối với thị trường Việt Nam.

Tương lai của nền kinh tế số là kinh tế nền tảng. Đó cũng là lý do ELCOM liên tục nghiên cứu và đưa ra các sản phẩm nền tảng về IoT, Big Data, nền tảng cho doanh nghiệp, giáo dục, y tế, và đặc biệt là giao thông thông minh. Mạng Giao thông thông minh đã được ELCOM tiếp tục mở rộng và triển khai các dự án cung cấp các giải pháp sản phẩm về thu phí (ETC, MTC, Giám sát xử phạt giao thông...) ở hàng loạt các trạm, trên khắp các quốc lộ trải dài từ Nam tới Bắc. Cuối năm 2020 và năm 2021 Công ty cũng tham gia vào cung cấp các sản phẩm ITS nội đô với 3 dự án đầu tiên ở các tỉnh Quảng Ninh, Yên Bái, Thanh Hóa với giá trị mỗi dự án hàng trăm tỷ đồng. Các dự án này là tiền đề để ELCOM tiếp tục triển khai các dự án về sau do nhu cầu về thành phố thông minh đang rất lớn.

Việc đi trước trong phát triển các sản phẩm chiến lược đón xu thế mới trong giao thông thông minh như giám sát an ninh trật tự, giám sát an ninh xử phạt, Giải pháp điều hành cao tốc (ITS cao tốc), Giải pháp điều hành nội đô (ITS nội đô)... giúp ELCOM có lợi thế trong việc cạnh tranh với các đối thủ.

Năm 2021, ELCOM được Hiệp hội phần mềm và dịch vụ Công nghệ thông tin Việt Nam ("VINASA") trao giải Top 10 Doanh nghiệp cung cấp giải pháp thành phố thông minh.





Đối với thị trường viễn thông, các nhà mạng tiếp tục chi hàng chục nghìn tỷ đồng cho chuyển đổi và thay thế hệ thống từ 4G sang 4G TDD, 5G, MEC... và đầu tư thêm vào các hệ thống giá trị gia tăng, hệ thống lõi để cung cấp thêm các dịch vụ trải nghiệm cho khách hàng sử dụng. ELCOM tiếp tục nắm giữ lợi thế khi đã tham gia mảng này từ rất lâu cùng với các nhà mạng lớn Viettel, Vinaphone, Mobiphone và chiếm thị phần lớn so với các đối thủ khác.

Trong năm 2020 - 2021, bên cạnh các giải pháp sản phẩm truyền thống như hệ thống SMPP GW, hệ thống CRBT, hệ thống MCA, dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật công nghệ cao... ELCOM cũng khá nhanh chân trong việc bám sát các nhà mạng để cung cấp các giải pháp lõi về IoT, eSIM, AR/VR và các dịch vụ chuyển đổi số mới.

Nằm trong nhóm công ty công nghệ thông tin hàng đầu tại Việt Nam, ELCOM còn có lợi thế đặc biệt ở mảng thị trường ngách cho các giải pháp công nghệ cho giám sát an ninh quốc gia. Gia nhập thị trường từ năm 1995, nhóm giải pháp công nghệ giám sát VSAT cho ngành An ninh, Quốc phòng đã là một trong những dòng sản phẩm trọng tâm, tạo nên diện mạo và mang đến sức mạnh thương hiệu quốc gia cho ELCOM. Trải qua các thời kỳ công nghệ thoại, fax, di động... và đến nay là công nghệ vệ tinh, VSAT của ELCOM luôn phát huy thế mạnh về công nghệ và đáp ứng phù hợp, theo kịp các nhu cầu chiến lược thời cuộc quan trọng trong ngành An Ninh, Quốc phòng.

ELCOM đã triển khai thành công Hợp đồng công nghệ giám sát an ninh quốc phòng (VSAT) với giá trị gần 200 tỷ đồng trong năm 2021. Bên cạnh đó, nhiều sản phẩm chiến lược khác như, giải pháp giám sát an toàn an ninh, giải pháp sản phẩm chuyên dụng... cũng đã tiếp tục được triển khai, mở rộng tới các khách hàng.

Với khả năng cạnh tranh ngang ngửa thậm chí hơn hẳn các đối thủ đến từ Đức hay Israel, theo nhu cầu nâng cấp cải tiến hàng năm cho nhu cầu giám sát, trinh sát an ninh quốc phòng gia tăng, ELCOM vẫn có lợi thế rất lớn và mang tính lợi thế chiến lược cho kế hoạch phát triển dài hạn của ELCOM.

### Hình 9. Xếp hạng 10 Công ty Công nghệ Cung cấp Dịch vụ, Giải pháp Phần mềm & Tích hợp hệ thống uy tín năm 2021

TOP 10 CÔNG TY CÔNG NGHỆ CUNG CẤP DỊCH VỤ, GIẢI PHÁP PHẦN MỀM VÀ TÍCH HỢP HỆ THỐNG NĂM 2021	
	CÔNG TY TNHH PHẦN MỀM FPT
	CÔNG TY TNHH TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHỆ VÀ GIẢI PHÁP CMC
	CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ CÔNG NGHIỆP ĐUÔI CHÍNH VIỄN THÔNG
	CÔNG TY CP MISA
	CÔNG TY CP VIỄN THÔNG - TIN HỌC BƯU ĐIỆN
	CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG
	CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP PHẦN MỀM TƯƠNG MINH
	CÔNG TY CP ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ FSI
	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN HIPT
	CÔNG TY CP DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT

(Nguồn: Vietnam Report <sup>4</sup>)

<sup>4</sup><https://toptenvietnam.vn/TopTen/Index/124>

Năm 2021, ELCOM tiếp tục nằm trong Top 10 Doanh nghiệp Công nghệ Cung cấp Dịch vụ, Giải pháp Phần mềm & Tích hợp hệ thống. ELCOM đã vững vàng nằm trong Top 10 nhiều năm liền.

Thị phần của Công ty trong ngành: Không xác định, do Công ty không có thông tin, số liệu để đánh giá thị phần của Công ty trong ngành.

### Triển vọng phát triển của ngành

Đại dịch COVID-19 đã đẩy nhanh nhu cầu và làn sóng chuyển đổi số, đầu tư công nghệ tại nhiều tổ chức và doanh nghiệp trên khắp cả nước. Điều này vừa là thách thức cho các doanh nghiệp trong ngành Công nghệ thông tin – Viễn thông, lại vừa tạo ra cơ hội rõ ràng cho tiến trình phát triển bền vững của các công ty công nghệ đi tiên phong trong cung cấp các giải pháp, nền tảng, dịch vụ và sản phẩm chuyển đổi số. Đặc biệt xu hướng chuyển đổi số có thể sẽ diễn ra mạnh mẽ hơn khi khách hàng nhận thấy tầm quan trọng của việc số hóa sau dịch COVID-19 như: giúp giảm chi phí, tăng hiệu suất... Thêm vào đó là sự bão hòa của thị trường sản phẩm dịch vụ truyền thống đang mở ra những cơ hội mới đối với các xu hướng mới nổi trên thị trường. Nhận định chung trong bối cảnh hiện tại, các chuyên gia công nghệ Việt Nam đều thống nhất rằng xu hướng online là xu hướng chủ đạo và để làm được điều đó thì cần phát triển hơn nữa công nghệ đám mây (Cloud), Hạ tầng viễn thông 5G, Cáp quang, Trung tâm dữ liệu (Data Center), Mobile Web.

Đầu tư nghiên cứu và phát triển (R&D) tiếp tục được coi là nhiệm vụ sống còn của mọi doanh nghiệp Công nghệ thông tin – Viễn thông và có tới 70,6% doanh nghiệp công nghệ đánh giá đây là rào cản lớn nhất cần phải vượt qua. Với sự biến đổi không ngừng của khoa học kỹ thuật, các hoạt động đổi mới sáng tạo, nghiên cứu và phát triển luôn là mối quan tâm hàng đầu của mọi doanh nghiệp công nghệ. Với góc nhìn vĩ mô, hoạt động R&D sẽ tạo ra sự phân cực mạnh mẽ giữa các quốc gia, một bên là các quốc gia có nền tảng nghiên cứu và nền tảng khoa học công nghệ tốt, và một bên là các quốc gia chỉ có khả năng ứng dụng khoa học công nghệ tốt. Điều này vẫn đúng khi nhìn từ góc độ doanh nghiệp.

Thị trường viễn thông sẽ chứng kiến những cuộc đua của các nhà mạng trong việc nghiên cứu và triển khai các sản phẩm, dịch vụ 5G để chứng minh trình độ khoa học công nghệ của doanh nghiệp, đặc biệt khi dịch vụ 5G được thương mại hóa vào cuối năm 2020. Sự xuất hiện của các smart home, smart city kéo theo nhu cầu sử dụng dịch vụ di động của người tiêu dùng Việt ngày càng tăng mạnh, điều này đã tạo thuận lợi cho các nhà sản xuất cung cấp thiết bị, cơ sở hạ tầng và các dịch vụ viễn thông trong và ngoài nước có cơ hội hợp tác, hoàn thiện hóa hệ thống tự động, nâng cao áp dụng trí tuệ nhân tạo (AI)...

Ngoài ra, xu hướng khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực công nghệ ở Việt Nam ngày càng mạnh mẽ, nhiều doanh nghiệp truyền thống trong các lĩnh vực du lịch, nông nghiệp, bất động sản cũng đang chuyển mình sang các lĩnh vực liên quan đến chuyển đổi số và thương mại điện tử.

**Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung thế giới**

Trong xu hướng phát triển của kỹ nguyên số, công nghệ thông tin có vai trò quan trọng,

công cụ dẫn dắt, thúc đẩy, thăng hạng tăng trưởng của mọi quốc gia trong đó có Việt Nam.

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 14/1/2020 về thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam. Chỉ thị có mục tiêu và 12 giải pháp đột phá.

Theo Chỉ thị này, mô hình của một số nước có nền kinh tế phát triển dựa trên các doanh nghiệp công nghệ số cho thấy, đến năm 2030, Việt Nam cần ít nhất 100.000 doanh nghiệp công nghệ số để phát triển kinh tế số, xây dựng đô thị thông minh, chính quyền điện tử, ứng dụng thành tựu công nghệ số rộng khắp trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội và thực hiện chuyển đổi số quốc gia. Bốn loại doanh nghiệp công nghệ số cần tập trung phát triển bao gồm: (1) Các tập đoàn, doanh nghiệp thương mại, dịch vụ lớn trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội chuyển hướng hoạt động sang lĩnh vực công nghệ số, đầu tư nghiên cứu công nghệ lõi; (2) Các doanh nghiệp công nghệ thông tin đã khẳng định được thương hiệu đảm nhận các sứ mệnh tiên phong nghiên cứu, phát triển, làm chủ công nghệ số và chủ động trong sản xuất; (3) Các doanh nghiệp khởi nghiệp ứng dụng công nghệ số để tạo ra các sản phẩm, dịch vụ mới trong các ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội; và (4) Các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới, sáng tạo về công nghệ số.

Năm 2022, Bộ Thông tin và Truyền thông sẽ tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện Luật Công nghiệp công nghệ số nhằm thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về phát triển công nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp công nghệ số; Chiến lược phát triển công nghiệp công nghệ số Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 để định hướng, dẫn dắt phát triển công nghiệp công nghệ số.

Đồng thời, Chính phủ đang đẩy mạnh đầu tư các tuyến đường cao tốc Bắc Nam, dự kiến đến năm 2025 - 2026 sẽ phải hoàn thành 24 tuyến đường cao tốc có lắp đặt hệ thống giao thông thông minh sẽ tạo ra cơ hội kinh doanh rất lớn cho ELCOM trong năm 2022 và các năm tiếp theo, khi mà các sản phẩm công nghệ cao của ELCOM đã được triển khai và khẳng định chất lượng. Hiện tại, ELCOM đã ký kết một số hợp đồng lớn cung cấp giải pháp giao thông thông minh trên các tuyến này như Cầu Giẽ - Ninh Bình, Diễn Châu - Bãi Vọt... và đang tiếp tục xúc tiến, triển khai để tiếp tục ký kết những hợp đồng lớn tiếp theo. Dự kiến trong những năm tới, mảng Giao thông thông minh sẽ có những sự bứt phá và tăng trưởng mạnh mẽ đóng góp trong cơ cấu kinh doanh Công ty.

Với những định hướng phát triển chung của toàn quốc gia, chiến lược phát triển của ELCOM là phù hợp, cũng như tận dụng được những lợi thế mà chính sách chung đề ra nhằm tạo điều kiện cho ngành công nghệ thông tin phát triển.

#### **10.8. Hoạt động Marketing**

Công ty luôn quan tâm và đề cao tầm quan trọng của hoạt động Marketing. Uy tín của doanh nghiệp có vai trò quyết định trong mọi nỗ lực Marketing. Chiến lược Marketing chung của Công ty là:

- Tăng cường độ phủ thương hiệu trên tất cả các điểm chạm với công chúng mục tiêu (bao gồm cả kênh trả phí và miễn phí)
- Xây dựng mô hình inbound Marketing (Marketing dựa trên nội dung số mang lại giá trị cho khách hàng) để phát triển thương hiệu bền vững, tập trung và đầu tư cho nội dung nhằm thu

hút tương tác, truy cập một cách tự nhiên

- Đẩy thương hiệu cá nhân của các key people (người chủ chốt) để làm đại diện thương hiệu cho Công ty/sản phẩm.

Hàng năm, Công ty đều xây dựng lộ trình Marketing chi tiết, phù hợp với mục tiêu kinh doanh và kế hoạch phát triển. Năm 2022, định hướng quảng bá thương hiệu của Công ty như sau:

**Bảng 24. Định hướng quảng bá thương hiệu của Công ty**

Thời gian triển khai	Nội dung kế hoạch
10/01/2022 - 08/03/2022	<ul style="list-style-type: none"><li>• Rà soát và thay đổi các điểm chạm thương hiệu cũ</li><li>• Phát hành và ứng dụng các nhận diện thương hiệu mới theo kế hoạch</li><li>• Lập và triển khai kế hoạch phát triển kênh youtube, fanpage và website Công ty theo định hướng inbound marketing</li><li>• Truyền thông trước sự kiện và xử lý tiền kỳ kỹ thuật</li><li>• Xây dựng kế hoạch đẩy đại diện thương hiệu cho Công ty</li></ul>
09/03/2022 - 31/03/2022	<ul style="list-style-type: none"><li>• Truyền thông lan tỏa hậu sự kiện (kênh truyền thông của Công ty, nội bộ, báo chí, mạng xã hội, quảng cáo có trả phí, seeding)</li><li>• Tiếp tục rà soát, cập nhật và ứng dụng nhận diện thương hiệu vào các điểm chạm từ Công ty ra bên ngoài</li><li>• Tiếp tục phát triển nội dung kênh youtube, fanpage và website Công ty theo định hướng inbound marketing</li></ul>
01/04/2022 - 31/12/2022	<ul style="list-style-type: none"><li>• Lễ công bố nhận diện thương hiệu và chiến lược mới của ELCOM (online) được tổ chức vào ngày 10/04/2022.</li><li>• Thúc đẩy và giám sát việc ứng dụng nhận diện thương hiệu mới</li><li>• Tham gia tài trợ các sự kiện công nghệ lớn</li><li>• Tham gia các giải thưởng lớn trong lĩnh vực công nghệ thông tin</li><li>• Tổ chức sự kiện như ra mắt sản phẩm/sự kiện công nghệ thường niên...</li><li>• Tham gia tài trợ cho các chương trình/cuộc thi tài năng của các trường đại học</li><li>• Tham gia các cộng đồng, tham gia vào Ban quản trị của các cộng đồng để gia tăng quyền lợi cho công ty trong việc quản lý danh tiếng, xử lý khủng hoảng và quyền lợi truyền thông qua các nhóm của cộng đồng</li><li>• Xây dựng và phát triển mạng lưới báo chí, KOLs</li><li>• Tiếp tục phát triển nội dung kênh youtube, fanpage và website công ty theo định hướng inbound marketing</li></ul>

(Nguồn: CTCP Công nghệ - Viện Thông ELCOM)

### 10.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

- Danh sách các sản phẩm, giải pháp phần mềm của Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả như sau:

**Bảng 25. Danh sách các sản phẩm phần mềm của ELCOM đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả**

STT	Tên sản phẩm đăng ký	Ngày cấp	Nơi cấp
1	Phần mềm Data Mediation	05/10/2010	Bộ văn hóa, thể thao và du lịch Cục bản quyền tác giả
2	Phần mềm Service Activation	06/10/2010	Bộ văn hóa, thể thao và du lịch Cục bản quyền tác giả
3	Phần mềm Report Analytical CRM	06/10/2010	Bộ văn hóa, thể thao và du lịch Cục bản quyền tác giả
4	Phần mềm Self Care	06/10/2010	Bộ văn hóa, thể thao và du lịch Cục bản quyền tác giả
5	Phần mềm EMO MCA	20/04/2011	Bộ văn hóa, thể thao và du lịch Cục bản quyền tác giả
6	Phần mềm EMO SGS	09/03/2012	Bộ văn hóa, thể thao và du lịch Cục bản quyền tác giả
7	Phần mềm EMO CBS	02/05/2012	Bộ văn hóa, thể thao và du lịch Cục bản quyền tác giả
8	Phần mềm EVISION	06/03/2013	Bộ văn hóa, thể thao và du lịch Cục bản quyền tác giả
9	Phần mềm EMO Magic Call	09/07/2013	Bộ văn hóa, thể thao và du lịch Cục bản quyền tác giả
10	Phần mềm EMO Xpress Call	09/07/2013	Bộ văn hóa, thể thao và du lịch Cục bản quyền tác giả
11	Phần mềm EMO Busy SMS	09/07/2013	Bộ văn hóa, thể thao và du lịch Cục bản quyền tác giả
12	Phần mềm EMO Ringback Tone	11/07/2013	Bộ văn hóa, thể thao và du lịch Cục bản quyền tác giả
13	Phần mềm e BOP	15/01/2014	Bộ văn hóa, thể thao và du lịch Cục bản quyền tác giả
14	Phần mềm e HOTEL	23/09/2014	Bộ văn hóa, thể thao và du lịch Cục bản quyền tác giả
15	Phần mềm eWIM Station	25/02/2016	Bộ văn hóa, thể thao và du lịch Cục bản quyền tác giả
16	Phần mềm eWIM Center	24/02/2016	Bộ văn hóa, thể thao và du lịch Cục bản quyền tác giả
17	Phần mềm e ITS	11/08/2016	Bộ văn hóa, thể thao và du lịch Cục bản quyền tác giả

STT	Tên sản phẩm đăng ký	Ngày cấp	Nơi cấp
18	Biểu tượng e WIM	27/09/2016	Bộ văn hóa, thể thao và du lịch Cục bản quyền tác giả
19	Phần mềm e ETC	28/09/2016	Bộ văn hóa, thể thao và du lịch Cục bản quyền tác giả
20	Phần mềm e ETC	28/09/2016	Bộ văn hóa, thể thao và du lịch Cục bản quyền tác giả
21	Phần mềm iTMON	17/12/2018	Bộ văn hóa, thể thao và du lịch Cục bản quyền tác giả
22	Phần mềm trò chơi Giải đố	27/08/2019	Bộ văn hóa, thể thao và du lịch Cục bản quyền tác giả
23	Phần mềm nền tảng phân tích video thông minh DeepVision	13/12/2021	Bộ văn hóa, thể thao và du lịch Cục bản quyền tác giả

(Nguồn: CTCP Công nghệ - Viễn Thông ELCOM)

❖ **Thương hiệu đang tiến hành đăng ký**

- Logo Công ty:



Ý nghĩa logo: Hình ảnh mới của ELCOM chất chứa sứ thi của những người mở đường, khám phá. Những người tiên phong trong mảnh đất công nghệ còn chưa được khai phá hết. Trên những lãnh thổ mới đó có ngọn cờ của Elcom. Ngọn cờ không chỉ đánh dấu bước đi mới mà còn mở ra một kỷ nguyên mới. Một kỷ nguyên của công nghệ không chỉ thông minh hơn, hiệu quả hơn, mà với Elcom nó phải là nhân văn hơn. Đó mới chính là lá cờ tiên phong đầy bản sắc của Elcom. Biểu tượng mới của Elcom kế thừa những mảng màu vốn có nhưng tạo nên nền tảng thị giác mới vững chắc, hài hòa và mới mẻ hơn. Nó cũng mang đầy ý nghĩa vừa cụ thể, vừa trừu tượng để người xem luôn có thể tự diễn giải. Trước hết là ý nghĩa bản sắc của Elcom với chữ cái E & C phát âm nổi trội trong tên thương hiệu. Chữ cái E là Electronics, là Exploration, Excellence, Energy, Elcom, Era... Chữ cái C là Communication, Cooperation, Creation, Compassion, Care... Vì thế biểu tượng này được sáng tạo để khơi dậy liên tưởng về một kỷ nguyên mới, một ngọn cờ tiên phong đang dẫn bước mà như đôi tai và hộp thoại lắng nghe, thấu hiểu để viết tiếp khát vọng về một ngày mai tươi đẹp hơn.

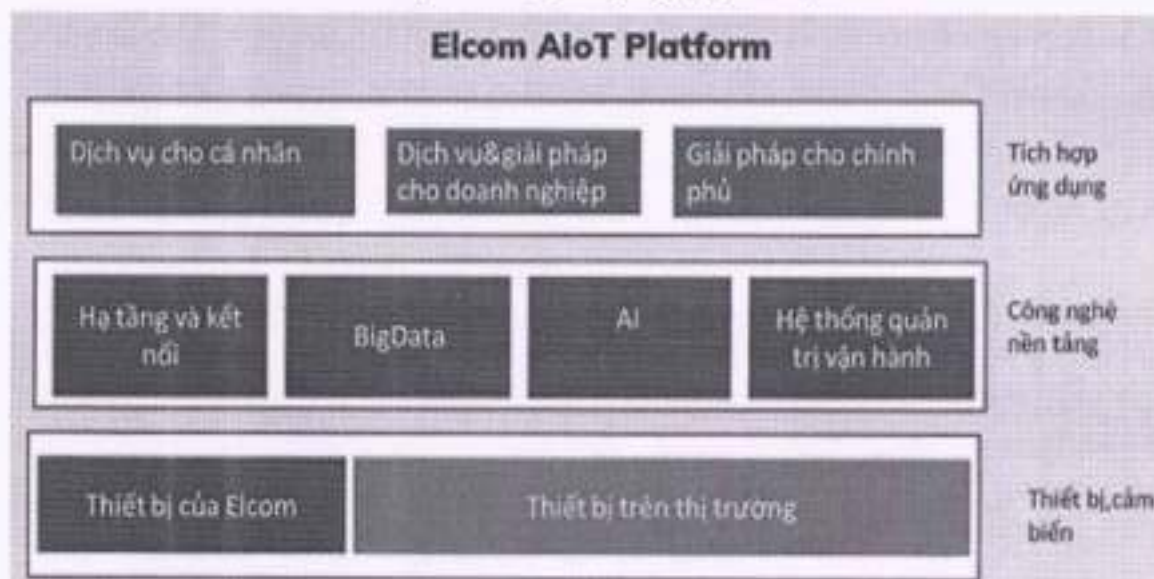
**10.10. Chính sách nghiên cứu và phát triển**

Về mặt nghiên cứu, phát triển công nghệ (R&D) và thương mại hóa sản phẩm, dịch vụ, là một doanh nghiệp công nghệ hàng đầu, với định hướng tập trung vào giải pháp sản phẩm để đáp ứng tốt nhất nhu cầu khách hàng, thị trường, công tác R&D vẫn luôn được chú trọng đầu tư và ưu tiên hàng đầu ở ELCOM.

Trong năm 2020, ELCOM đã làm chủ các công nghệ mới nhất hiện nay như AI, Big Data, IoT, Cloud. ELCOM đã phát triển xong các dòng sản phẩm chiến lược mới và đã/đang trong

quá trình thương mại hóa và phát triển nâng cao để phục vụ cho các mảng thị trường theo định hướng chiến lược của Công ty. Điển hình như các sản phẩm về AI ứng dụng trong dòng sản phẩm thu phí tự động ETC, dòng sản phẩm giám sát xử phạt/xử phạt nguội tự động, dòng sản phẩm ITS, dòng sản phẩm giám sát an ninh tự động, dòng sản phẩm camera AI và một số dòng sản phẩm dưới dạng nền tảng dịch vụ sẽ được thương mại hóa trong năm 2022. Các dòng sản phẩm chiến lược của ELCOM đang tập trung đều là những dòng sản phẩm mà nhu cầu thị trường/khách hàng giai đoạn sắp tới được đánh giá sẽ rất lớn.

**Hình 10. Định hướng công nghệ giai đoạn 2022-2025**



(Nguồn: CTCP Công nghệ - Viễn Thông ELCOM)

Định hướng tập trung vào AIoT trong giai đoạn 2022 - 2025 là đi đúng vào xu hướng phát triển của sự hội tụ các công nghệ AI, IOT, Big Data, Cloud để tạo ra các giải pháp sản phẩm dịch vụ cũng như các mô hình kinh doanh mới. Mặt khác chiến lược này phát huy được thế mạnh khác biệt truyền thống của ELCOM khi luôn thành công khi xây dựng các hệ thống phức tạp tích hợp phần cứng, phần mềm, và dịch vụ.

Mảng thiết bị phần cứng thông minh bao gồm Camera giám sát chuyên dụng và dân dụng, Thiết bị y tế và chăm sóc sức khỏe, Thiết bị tập thể dục, Thiết bị giáo dục... Một phần các thiết bị này do chính Elcom thiết kế, một số khác được OEM/ODM hoặc tích hợp với các nhà cung cấp lớn trên thị trường.

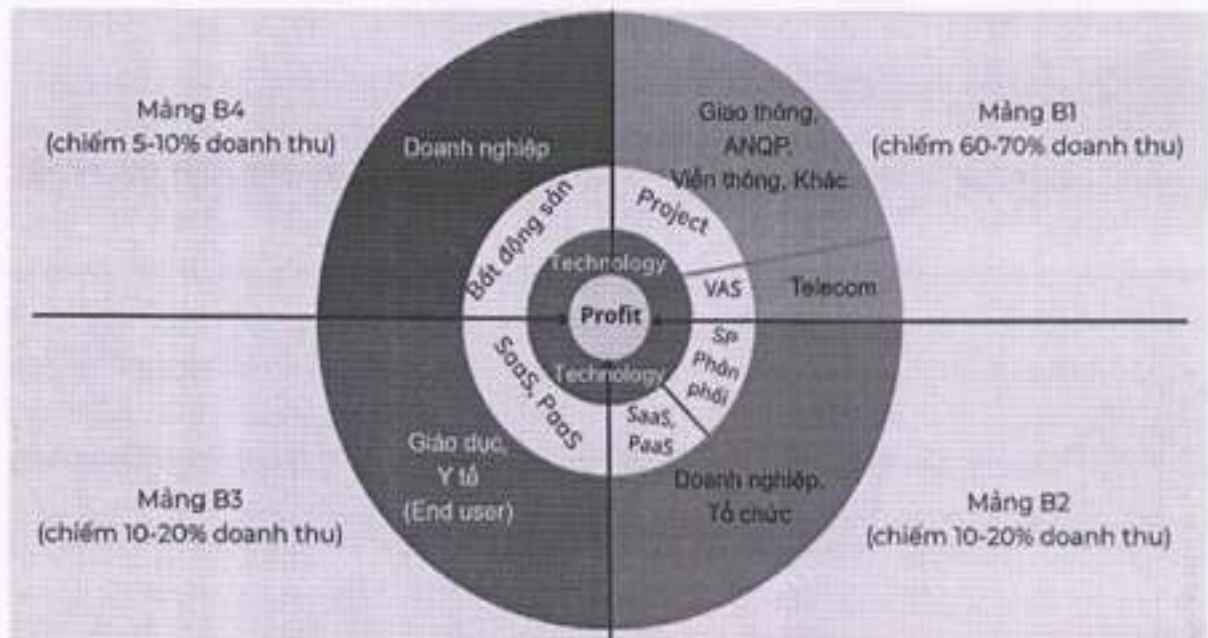
Các hệ thống máy chủ AI/Big Data/IOT được triển khai linh hoạt theo dạng Cloud cho các dịch vụ hướng tới thị trường cá nhân, doanh nghiệp nhỏ hoặc theo hình thức chia khóa trao tay như đang làm với thị trường Chính phủ/Doanh nghiệp lớn.

Lớp Giải pháp, sản phẩm và dịch vụ có thể triển khai theo nhu cầu chuyển đổi số đa dạng của thị trường. Trong năm 2022 Elcom sẽ đưa ra thị trường một số nền tảng AIOT chuyên sâu cho các thị trường Chăm sóc sức khỏe, Đào tạo giáo dục, Thành phố thông minh, Giao thông thông minh. Đồng thời bắt đầu nghiên cứu phát triển một số AIoT Platform mới. Đầu tư R&D sâu vào AIoT cũng tạo ra cơ hội mở rộng hợp tác sản xuất các thiết bị thông minh thế hệ mới cho thị trường trong nước và xuất khẩu.

### 10.11. Chiến lược kinh doanh

Sau giai đoạn khó khăn do thị trường viễn thông bị bão hòa, ELCOM bắt đầu thay đổi chiến lược phát triển theo mô hình Tập đoàn với bốn trụ cột chính bao gồm mảng B1 gồm những hoạt động kinh doanh cốt lõi hiện hữu, mảng B2 cung cấp các sản phẩm, giải pháp công nghệ (SaaS, PaaS) cho khách hàng doanh nghiệp, mảng B3 cung cấp các ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực giáo dục (Colearn), y tế (Vital Sign), sức khỏe (ISK) cho Khách hàng cá nhân, và mảng B4 đầu tư và phát triển bất động sản. Với sự thay đổi về cấu trúc này, có thể thấy ELCOM đang dần đa dạng hóa danh mục khách cũng như dần dịch chuyển các dịch vụ công nghệ theo hướng phát sinh định kỳ hơn, nhằm giảm độ biến động trong kết quả kinh doanh nếu chỉ phụ thuộc vào các dự án trúng thầu. Điều này cũng sẽ đòi hỏi ELCOM sự đầu tư lớn vào việc nghiên cứu và phát triển các công nghệ lõi nhằm hỗ trợ những lĩnh vực kinh doanh mới này.

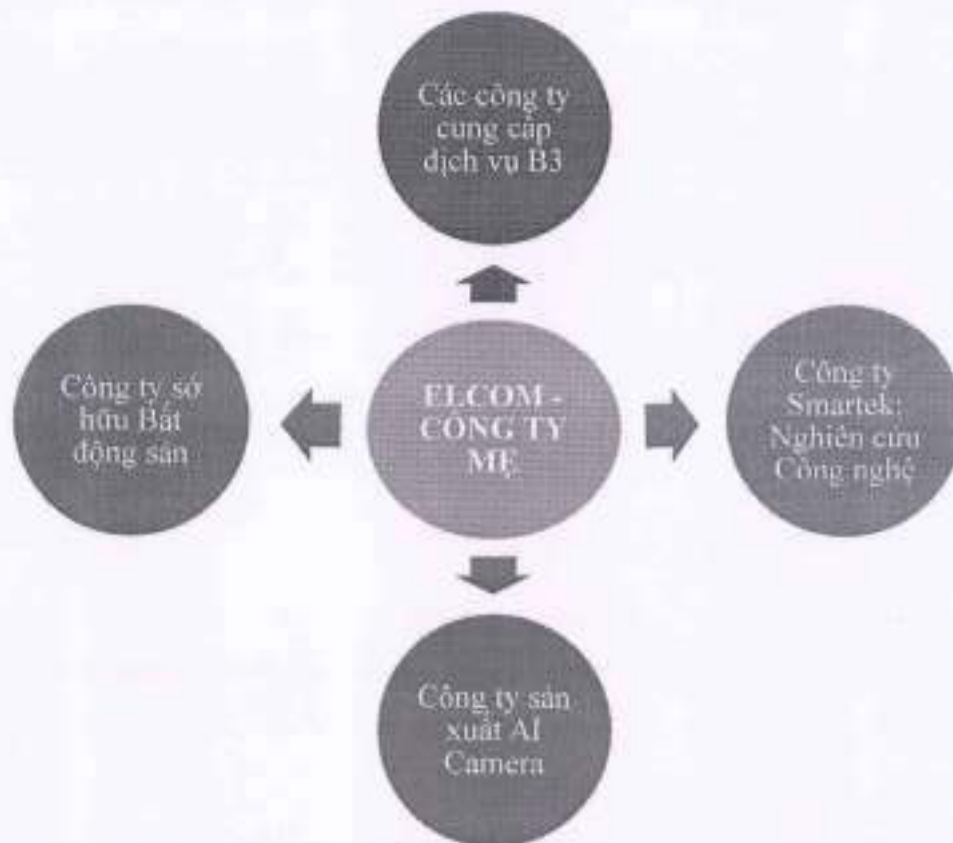
Hình 11. Các mảng kinh doanh chính trong tương lai



(Nguồn: CTCP Công nghệ - Viễn Thông ELCOM)

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]





**Hình 12. Định hướng phát triển theo mô hình tập đoàn**

(Nguồn: CTCP Công nghệ - Viện Thông ELCOM)

❖ **Định hướng chiến lược 2022 – 2025**

- ELCOM sẽ phát triển và tăng trưởng tập trung, ổn định ở ngưỡng doanh thu trên 1.000 tỷ đồng.
- Có các dòng sản phẩm giá trị “Made by ELCOM”, dài hạn trong nước luôn ở top 3 và cung cấp ra thị trường nước ngoài.
- Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận sẽ dịch chuyển do có thêm sự đóng góp của dòng sản phẩm CNTT chuyển đổi số (B2) và dịch vụ trực tuyến (B3)
- Hoàn thành thủ tục và tiến hành khởi công xây dựng toà nhà ở 18 Nguyễn Chí Thanh - Ba Đình - Hà Nội
- Quản trị theo OKR (Quản trị theo mục tiêu và kết quả then chốt), tăng tính kỷ luật và đào tạo bộ máy kế cận trẻ, có chất lượng, năng suất lao động cao.

❖ **Định hướng chiến lược 2025-2030**

- ELCOM sẽ giữ phát triển bền vững ở quy mô doanh thu từ 1.500 đến 3.000 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt từ 100 đến 200 tỷ đồng do sự phát triển bán hàng mảng B1 sẽ đột phá lên quy mô mới và là điểm rơi thành quả đầu tư của các mảng B2, B3, B4.
- Trở thành tập đoàn công nghệ vững mạnh có chiều sâu hàng đầu ở VN với tiềm năng và định hướng đi như hiện nay.
- 5G sẽ là thị trường mới tiềm năng rất lớn, ELCOM đã chuẩn bị cung cấp hạ tầng viễn thông, một số phần mềm core và các dịch vụ nội dung số.
- Sở hữu nhiều dòng sản phẩm công nghệ tiên tiến, giá trị, cung cấp cho các thị trường trong nước và ngoài nước.

- Tổ chức đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, bài bản với các lớp thể hệ kế cận phát triển không giới hạn.

❖ **Các mục tiêu phát triển bền vững**

- ELCOM định hướng trở thành “mái nhà công nghệ” uy tín hàng đầu cả nước, nơi quy tụ và kết nối nhiều nhân tài có sức sáng tạo và đam mê, cùng hướng tới mục tiêu phát triển các sản phẩm, giải pháp, dịch vụ công nghệ chất lượng cao, hữu ích, phục vụ cho cuộc sống con người và cho cộng đồng.

❖ **Nguồn vốn và nguồn lực để thực hiện chính sách phát triển**

Để thực hiện các chiến lược kinh doanh, Công ty lập ra kế hoạch về nguồn lực và nguồn vốn như sau:

- Huy động tối đa các nguồn vốn vay ngân hàng, vốn góp từ các cổ đông; Sử dụng linh hoạt, hiệu quả các nguồn vốn này để phát triển mở rộng.

- Lập các kế hoạch tài chính chủ động, tính toán vòng quay vốn chính xác, thúc đẩy nâng cao hệ số sử dụng vốn và hệ số đòn bẩy tài chính.

- Xây dựng hệ thống nhân sự khoa học, tư duy nhạy bén, thích nghi tốt với tình hình thị trường với nhiều biến động, phán đoán các nguy cơ rủi ro tiềm ẩn để hoàn toàn chủ động và có các kế hoạch, định hướng chiến lược thúc đẩy phát triển.

**10.12. Thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan**

Không có.

**11. Chính sách đối với người lao động**

**11.1. Cơ cấu lao động**

**Bảng 26. Cơ cấu lao động tại Công ty**

STT	Tiêu chí	ĐVT	Bình quân năm 2020	Bình quân năm 2021
<b>I</b>	<b>Theo trình độ lao động</b>			
1	Sau đại học	Người	16	29
2	Cử nhân, Kỹ sư	Người	168	182
3	Cao đẳng	Người	5	6
4	Trung học chuyên nghiệp	Người	5	6
<b>II</b>	<b>Theo giới tính</b>			
1	Nữ	Người	71	81
2	Nam	Người	123	142
	<b>Tổng cộng</b>	Người	<b>194</b>	<b>223</b>

(Nguồn: CTCP Công nghệ - Viễn Thông ELCOM)

## 11.2. Chính sách đối với người lao động

### *Chế độ làm việc*

Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8 giờ/ngày, 5,5 ngày/tuần, nghỉ trưa 1,5 giờ. Thực hiện nghỉ vào chiều thứ 7 và ngày chủ nhật. Khi có yêu cầu về tiến độ kinh doanh thì nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước và đãi ngộ thoả đáng cho người lao động. Bộ phận gián tiếp làm theo giờ hành chính, bộ phận trực tiếp được bố trí làm theo ca.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc được thiết kế kang trang, thoáng mát. Lực lượng lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ các phương tiện và công cụ làm việc, vệ sinh lao động.

Các chế độ về ngày phép và các ngày nghỉ khác tuân thủ hướng dẫn từ Luật lao động.

### *Chính sách tuyển dụng*

Công tác tuyển dụng được thực hiện theo chiến lược phát triển của Công ty và thực hiện theo kế hoạch hàng năm. Công ty đề ra tiêu chí tuyển dụng lao động, trong đó ưu tiên lao động tốt nghiệp đại học và sau đại học trong và ngoài nước, lao động có chuyên môn giỏi, kinh nghiệm và năng lực đáp ứng được yêu cầu của Công ty.

Riêng khối công nghệ đã triển khai thu hút sinh viên khá giỏi vừa mới tốt nghiệp trong và ngoài nước nhằm tạo nguồn phát triển lâu dài cho Công ty.

### *Chính sách đào tạo*

Chính sách đào tạo cho người lao động luôn được Công ty chú trọng. Với mục tiêu nâng cao chất lượng chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng của nguồn nhân lực, Công ty đã dành ngân sách và thời gian để thực hiện việc đào tạo một cách khoa học, hệ thống và mang lại hiệu quả cao.

Năm 2021, Công ty ưu tiên các hoạt động đào tạo nội bộ, kèm cập trên công việc, trong bối cảnh dịch các hoạt động đào tạo được tổ chức dạng online với những diễn giả nội bộ. Tổ chức hơn 20 khóa/chủ đề chia sẻ, với gần 600 lượt học viên tham gia.

Các khóa đào trong năm 2021 tập trung vào: Kỹ năng mềm chung cho cán bộ nhân viên và một số khóa về nhận diện thương hiệu mới, văn hóa Công ty.

### *Chính sách lương thưởng*

Lương, thưởng của cán bộ nhân viên được chi trả căn cứ vào hiệu quả công việc, thực tế đóng góp của từng người vào kết quả sản xuất kinh doanh của công ty theo quy chế tiền lương cụ thể được công bố tới từng cán bộ nhân viên.

Mức lương được chia làm 2 phần chính là Lương cơ bản: phù hợp với quy định của Luật lao động và Thưởng theo hiệu quả công việc cá nhân tháng/quý theo đánh giá hiệu quả cá nhân hàng tháng/quý.

Ngoài ra, có phần thưởng theo hiệu quả, thành tích: Theo doanh thu/doanh số; theo lợi nhuận, theo thành tích đặc biệt.

Mức thưởng cuối năm và thưởng tháng lương thứ 13 dựa trên hiệu quả kinh doanh chung của Công ty. Ban lãnh đạo xác định quỹ thưởng cho từng phòng, trên cơ sở đó các trưởng bộ phận phân chia cho từng cán bộ nhân viên trong phòng theo quy định của công ty và hướng dẫn

của bộ phận nhân sự.

### **Chính sách trợ cấp**

Hỗ trợ ăn trưa tại Công ty đảm bảo tính an toàn và tiện nghi đặc biệt trong mùa dịch.

Khám sức khỏe định kỳ (thông thường danh mục/chi phí khám cao hơn gấp 2 so với quy định của Luật lao động).

Gói bảo hiểm sức khỏe (từ Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Bưu điện) được thiết kế dành riêng cho cán bộ nhân viên ELCOM nhằm giảm thiểu những rủi ro không may mắn phải với mức bồi hoàn, mức bảo vệ và dịch vụ khám cao cấp. Việc được mua gói bảo hiểm sức khỏe dựa trên đánh giá theo kết quả công việc, cống hiến và thâm niên nên đã trở thành động lực thúc đẩy cán bộ nhân viên luôn hoàn thành công việc.

Nhìn chung, các chính sách đối với người lao động của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn Thông ELCOM thực hiện trong những năm qua đã thực sự đem lại hiệu quả, tạo ra sự cạnh tranh thi đua trong công việc, tạo động lực và giữ vững niềm tin nơi người lao động để họ tiếp tục gấn bó và cống hiến hết mình cho Công ty.

### **12. Chính sách cổ tức**

Công ty thực hiện việc chi trả cổ tức theo quy định tại Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Theo đó, cổ tức sẽ được Công ty công bố và chi trả từ nguồn lợi nhuận sau thuế sau khi được Đại hội cổ đông thông qua. Hội đồng Quản trị có thể tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty. Việc chi trả cổ tức sẽ được tiến hành khi Công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành xong các nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước.

**Bảng 27. Tình hình chi trả cổ tức các năm gần đây của Công ty**

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021
Tỷ lệ trả cổ tức	3%	3%
Hình thức	Bằng tiền mặt	Bằng tiền mặt

(Nguồn: CTCP Công nghệ - Viễn Thông ELCOM)

### **13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất**

Trong vòng 02 năm tính đến thời điểm đăng ký chào bán, Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn Thông ELCOM không thực hiện chào bán cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.

### **14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành**

Không có

### **15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán**

ELCOM đã nhận Quyết định về xử lý vi phạm hành chính thuế số 5275/QĐ-CT-TKT15-XPVPHC của Cục thuế Thành phố Hà Nội ngày 16/02/2022. Do cơ quan thuế xác định lại một số khoản mục chi phí trong năm 2020 của ELCOM dẫn đến số tiền thuế giá trị gia tăng và thuế

thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung là 31.877.069 đồng và số tiền phạt chậm nộp là 8.986.146 đồng. ELCOM đã nộp đầy đủ số tiền thuế truy thu, tiền phạt và tiền chậm nộp nêu trên vào ngày 29/12/2021 và 16/02/2022 vào Kho bạc nhà nước.

Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành khác: Không có.

**16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích**

Công ty cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

**V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH**

**1. Kết quả hoạt động kinh doanh**

**1.1. Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh**

**Bảng 28. Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh - Công ty mẹ**

*Đơn vị: triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	%Tăng/Giảm (%)	6 tháng đầu năm 2022
1	Tổng giá trị tài sản	1.469.951	1.086.639	(26,08)	1.055.507
2	Doanh thu thuần	785.940	629.419	(19,92)	335.009
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	40.061	36.648	(8,52)	15.182
4	Lợi nhuận khác	1.053	(1.949)	-	(262)
5	Lợi nhuận trước thuế	41.114	34.699	(15,60)	14.920
6	Lợi nhuận sau thuế	32.247	26.370	(18,22)	11.187
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	47,38	57,94	10,56	-
8	Cổ tức (%/mệnh giá)	3,00	3,00	0,00	-

*(Nguồn: CTCP Công nghệ - Viễn Thông ELCOM)*

**Bảng 29. Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh - hợp nhất**

*Đơn vị: triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	%Tăng/Giảm (%)	6 tháng đầu năm 2022
1	Tổng giá trị tài sản	1.498.158	1.145.326	(23,55)	1.096.264
2	Doanh thu thuần	802.233	659.132	(17,82)	375.654
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	39.316	60.760	54,54	28.501

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	%Tăng/Giảm (%)	6 tháng đầu năm 2022
4	Lợi nhuận khác	941	(1.966)	-	(271)
5	Lợi nhuận trước thuế	40.257	58.794	46,05	28.231
6	Lợi nhuận sau thuế	31.199	50.309	61,25	18.804
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	49,87	30,37	(19,50)	-
8	Cổ tức (%/mệnh giá)	3,00	3,00	0,00	-

(Nguồn: CTCP Công nghệ - Viễn Thông ELCOM)

Lợi nhuận sau thuế năm 2021 trên báo cáo tài chính hợp nhất tăng so với cùng kỳ chủ yếu do hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh từ các công ty con, công ty liên kết.

Lợi nhuận sau thuế năm 2021 trên báo cáo tài chính công ty mẹ giảm so với cùng kỳ do trong năm 2021, Công ty thay đổi mô hình quản lý theo hướng phát triển mở rộng các mảng kinh doanh, dự án chuyên biệt ra các công ty con phù hợp với mục tiêu chiến lược 2022 – 2025 nên lợi nhuận có sự dịch chuyển sang công ty con.

## 1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2021 và 2022

### Thuận lợi

- Đại dịch COVID-19 kéo dài trong hai năm qua đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình kinh tế toàn thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Bên cạnh những lĩnh vực bị ảnh hưởng nặng nề như du lịch, dịch vụ, lưu trú, vận tải, hàng không,... thì ngành công nghệ thông tin, cung cấp giải pháp công nghệ cao được xem là vẫn phát triển tốt và có mức tăng trưởng đáng kể.
- Năm 2021 là một năm ghi dấu nhiều chuyển biến trong hoạt động của ngành công nghiệp ICT Việt Nam khi khung hành lang pháp lý thúc đẩy phát triển công nghiệp công nghệ số Việt Nam đang được xây dựng, hoàn thiện; doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam đóng góp to lớn trong việc chung tay thực hiện "mục tiêu kép" - vừa phòng, chống dịch bệnh vừa đóng góp phục hồi phát triển kinh tế.
- Có sự đồng lòng nhất trí của các đơn vị và người lao động với Ban lãnh đạo Công ty trong việc định hướng chiến lược phát triển kinh doanh;
- Công ty đã tạo dựng thành công các mối quan hệ tốt đẹp với các khách hàng quan trọng sau tái cơ cấu, được các khách hàng tin tưởng và ủng hộ;
- Trình độ kỹ thuật, công nghệ của Công ty đã được khẳng định qua nhiều năm và được các khách hàng lớn thừa nhận. Đây là một trong những lợi thế không nhỏ trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Một số dự án chiến lược đã được Công ty chuẩn bị, đầu tư từ nhiều năm trước đến giai đoạn này đã bước đầu trở thành hiện thực và hứa hẹn sẽ mang lại thành công cho Công ty trong các năm tiếp theo.

**Khó khăn**

- Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ số đòi hỏi sự điều chỉnh trong khuôn khổ pháp lý tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp công nghệ số hoạt động và sản xuất kinh doanh.
- Nhân lực trong ngành Công nghệ thông tin chưa đủ chuyên môn và cũng khan hiếm, chưa đáp ứng được nhu cầu trong giai đoạn mới.
- Việc bố trí ngân sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp công nghệ số tại các địa phương còn hạn chế.
- Dịch bệnh Covid 19 kéo dài ảnh hưởng đến tiến độ triển khai một số hợp đồng lớn của Công ty bị chậm.

**Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất**

Không có

**2. Tình hình tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty được ghi chép bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

**2.1. Các chỉ tiêu cơ bản**

**Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh**

**a. Vốn điều lệ**

- Vốn điều lệ hiện tại của Công ty là: 509.282.430.000 đồng

**b. Vốn kinh doanh**

Vốn kinh doanh của Công ty như sau:

**Bảng 30. Vốn kinh doanh của Công ty mẹ**

Đơn vị: triệu đồng

Vốn kinh doanh	31/12/2020	31/12/2021	30/06/2022
Nợ ngắn hạn	611.585	228.241	190.784
Nợ dài hạn	3.382	8.974	6.513
Vốn chủ sở hữu	854.984	849.423	858.210
<i>Trong đó:</i>			
- Vốn góp của chủ sở hữu	509.282	509.282	509.282
- Thặng dư vốn cổ phần	88.677	86.677	86.424
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	213.764	208.203	215.894
- Cổ phiếu quỹ	(3.349)	(1.349)	-
- Quỹ đầu tư phát triển	41.410	41.410	41.410
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	5.200	5.200	5.200
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.469.951</b>	<b>1.086.638</b>	<b>1.055.507</b>

(Nguồn: BCTC riêng năm 2020, 2021 đã được kiểm toán và BCTC riêng Quý 2/2022 của Công ty)

**Bảng 31. Vốn kinh doanh của Công ty – hợp nhất**

Đơn vị: triệu đồng

Vốn kinh doanh	31/12/2020	31/12/2021	30/06/2022
Nợ ngắn hạn	635.693	267.967	194.415
Nợ dài hạn	9.173	8.974	6.513
Vốn chủ sở hữu	853.292	868.385	895.336
<i>Trong đó:</i>			
- Vốn góp của chủ sở hữu	509.282	509.282	509.282
- Thặng dư vốn cổ phần	88.677	86.677	86.424
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	201.462	213.859	223.009
- Cổ phiếu quỹ	(3.349)	(1.349)	-
- Quỹ đầu tư phát triển	41.410	41.410	41.410
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	5.200	5.200	5.200
- Lợi ích cổ đông không kiểm soát	10.610	13.306	24.580
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.498.158</b>	<b>1.145.326</b>	<b>1.096.264</b>

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2020 và 2021 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý 2/2022 của Công ty)

Tình hình sử dụng vốn kinh doanh của Công ty:

**Bảng 32. Tình hình sử dụng vốn kinh doanh - Công ty mẹ**

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tài sản	2020	2021	30/06/2022
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	298.811	139.635	112.106
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	21.442	26.545	27.183
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	626.148	530.144	461.347
4	Hàng tồn kho	185.175	89.006	132.834
5	Tài sản ngắn hạn khác	1.095	1.007	3.741
6	Tài sản cố định	63.185	7.764	8.281
7	Bất động sản đầu tư	8.038	8.038	8.038
8	Tài sản dở dang dài hạn	247	247	247
9	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	263.517	281.801	289.133
10	Tài sản dài hạn khác	2.294	2.451	3.697

(Nguồn: BCTC riêng năm 2020 và 2021 đã được kiểm toán và BCTC riêng Quý 2/2022 của Công ty)



**Bảng 33. Tình hình sử dụng vốn kinh doanh - hợp nhất**

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tài sản	2020	2021	30/06/2022
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	305.194	154.655	126.566
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	23.922	27.245	27.607
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	643.217	556.367	470.526
4	Hàng tồn kho	232.087	138.755	143.987
5	Tài sản ngắn hạn khác	1.395	1.323	8.978
6	Các khoản phải thu dài hạn	182	182	8.953
7	Tài sản cố định	66.946	10.809	64.510
8	Bất động sản đầu tư	8.038	8.038	8.038
9	Tài sản dở dang dài hạn	247	247	247
10	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	213.155	244.356	231.650
11	Tài sản dài hạn khác	3.775	3.350	5.202

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2020 và 2021 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý 2/2022 của Công ty)

**Trích khấu hao TSCĐ**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Thời gian khấu hao của Công ty phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT – BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

**Bảng 34. Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty**

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	25 năm
Máy móc, thiết bị	03 - 08 năm
Phương tiện, vận tải	05 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	03 - 08 năm
Phần mềm máy tính	03 - 05 năm
TSCĐ vô hình (Quyền sử dụng đất)	42 năm

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán của Công ty)

**Mức lương bình quân**

Công ty áp dụng thang bảng lương tiên tiến tự xây dựng phù hợp với đặc thù sản xuất kinh doanh của Công ty. Người lao động được nhận tiền lương, tiền thưởng... căn cứ vào hợp đồng lao động, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty và kết quả công việc cụ thể của từng

người theo quy chế của Công ty. Công ty luôn bảo đảm trả lương đúng hạn, đầy đủ cho cán bộ công nhân viên.

**Bảng 35. Mức lương bình quân của CBCNV trong Công ty**

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021
Mức lương bình quân (triệu đồng/người/tháng)	20	20,5

(Nguồn: CTCP Công nghệ - Viễn Thông ELCOM)

Đối với ngành Công nghệ thông tin, mức lương bình quân của người lao động trong ngành này tại Việt Nam năm 2021 là khoảng 17.300.000 đồng/tháng<sup>5</sup>. Mức lương bình quân của người lao động trong các doanh nghiệp của Tp. Hà Nội năm 2021 là 6.600.000 đồng/tháng<sup>6</sup>. Như vậy, mức lương bình quân của người lao động tại Công ty cao hơn mức lương bình quân của các doanh nghiệp khác cùng ngành tại Việt Nam và cao hơn mức lương bình quân của người lao động trong các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

**Tình hình công nợ**

Tình hình công nợ của Công ty như sau:

**Bảng 36. Tổng hợp hình công nợ - Công ty mẹ**

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	30/06/2022
1	Các khoản phải thu	626.148	530.144	461.347
2	Các khoản phải trả	614.967	237.215	197.297

(Nguồn: BCTC riêng năm 2020 và 2021 đã được kiểm toán và BCTC riêng Quý 2/2022 của Công ty)

**Bảng 37. Tổng hợp hình công nợ - hợp nhất**

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	30/06/2022
1	Các khoản phải thu	643.399	556.548	479.479
2	Các khoản phải trả	644.866	276.941	200.928

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2020 và 2021 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý 2/2022 của Công ty)

a. Các khoản phải thu

**Bảng 38. Các khoản phải thu của Công ty mẹ**

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	30/06/2022
<b>I</b>	<b>Phải thu ngắn hạn</b>	<b>626.148</b>	<b>530.143</b>	<b>461.347</b>
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	536.334	416.843	337.516
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	84.203	116.870	125.189

<sup>5</sup> Nguồn: <http://www.salaryexplorer.com/salary-survey.php?loc=236&loctype=1&job=1&jobtype=1>

<sup>6</sup> Nguồn: <http://www.congdoan.vn/tin-tuc/quan-he-lao-dong-505/tien-luong-binh-quan-cua-ha-noi-trong-nam-2021-607342.tld>

STT	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	30/06/2022
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn	15.450	2.900	-
4	Phải thu ngắn hạn khác	29.430	28.196	33.309
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(39.269)	(34.666)	(34.666)
<b>II</b>	<b>Phải thu dài hạn</b>	0	0	0
	<b>Tổng cộng</b>	<b>626.148</b>	<b>530.143</b>	<b>461.347</b>

(Nguồn: BCTC riêng năm 2020 và 2021 đã được kiểm toán và BCTC riêng Quý 2/2022 của Công ty)

**Bảng 39. Các khoản phải thu của Công ty theo báo cáo tài chính hợp nhất**

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	30/06/2022
<b>I</b>	<b>Phải thu ngắn hạn</b>	<b>643.217</b>	<b>556.367</b>	<b>470.526</b>
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	544.087	429.460	338.605
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	87.834	123.025	125.261
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn	18.842	6.292	3.392
4	Phải thu ngắn hạn khác	31.723	32.256	37.934
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(39.269)	(34.666)	(34.666)
<b>II</b>	<b>Phải thu dài hạn</b>	<b>182</b>	<b>182</b>	<b>8.953</b>
1	Phải thu cho vay dài hạn	-	-	8.900
2	Phải thu dài hạn khác	182	182	53
	<b>Tổng cộng</b>	<b>643.399</b>	<b>556.548</b>	<b>479.479</b>

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2020 và 2021 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý 2/2022 của Công ty)

**Bảng 40. Các khoản phải thu quá hạn của Công ty tại ngày 30/06/2022**

STT	Khách hàng	Giá gốc (triệu đồng)	Giá trị có thể thu hồi (triệu đồng)	Thời gian quá hạn	Nguyên Nhân	Đánh giá khả năng thu hồi
1	CTCP Công nghệ Vật Liệu mới bắc Kạn	4.138	-	Trên 3 năm	Khách hàng khó khăn	Khó có thể thu hồi

STT	Khách hàng	Giá gốc (triệu đồng)	Giá trị có thể thu hồi (triệu đồng)	Thời gian quá hạn	Nguyên Nhân	Đánh giá khả năng thu hồi
2	CTCP Công nghệ Vật Liệu mới	4.111	-	Trên 3 năm	Khách hàng khó khăn	Khó có thể thu hồi
3	Tập đoàn Viễn thông Quân Đội	30.379	12.533	Trên 3 năm	Hệ thống không tương thích	Khó có thể thu hồi
4	TCT HT mạng/VNPT NET	15.534	10.874	Trên 3 năm	Hệ thống không tương thích	Khó có thể thu hồi
5	CTCP Thủy sản N.G Việt Nam	12.943	11.816	2 năm	Khách hàng khó khăn	Khó có thể thu hồi
6	Đối tượng khác	2.783	-	Trên 3 năm	Khách hàng khó khăn	Khó có thể thu hồi
	<b>Tổng cộng</b>	<b>69.889</b>	<b>35.223</b>			

(Nguồn: BCTC hợp nhất Quý 2/2022 của Công ty)

b. Các khoản phải trả:

Số dư các khoản phải trả của Công ty như sau:

**Bảng 41. Các khoản phải trả của Công ty mẹ**

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chi tiêu	31/12/2020	31/12/2021	30/06/2022
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>611.585</b>	<b>228.241</b>	<b>190.784</b>
1	Phải trả người bán ngắn hạn	283.380	129.226	93.344
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	233.294	46.136	53.976
3	Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	10.083	3.458	4.120
4	Phải trả người lao động	8.010	7.486	4.576
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	5.953	10.308	1.825
6	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	577	1.275	2.262
7	Phải trả ngắn hạn khác	20.086	12.590	12.271
8	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	46.562	6.328	9.422
9	Dự phòng phải trả ngắn hạn khác	798	7.497	2.918
10	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.842	3.937	6.070

STT	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	30/06/2022
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>3.382</b>	<b>8.974</b>	<b>6.513</b>
1	Phải trả dài hạn khác	1.604	2.592	2.592
2	Dự phòng phải trả dài hạn	1.778	6.382	3.921
	<b>Tổng cộng</b>	<b>614.967</b>	<b>237.215</b>	<b>197.297</b>

(Nguồn: BCTC riêng năm 2020 và 2021 đã được kiểm toán và BCTC riêng Quý 2/2022 của Công ty)

**Bảng 42. Các khoản phải trả của Công ty - hợp nhất**

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	30/06/2022
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>635.693</b>	<b>267.967</b>	<b>194.415</b>
1	Phải trả người bán ngắn hạn	282.417	129.412	98.124
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	240.249	58.080	57.349
3	Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	10.298	4.169	5.044
4	Phải trả người lao động	8.535	8.852	5.355
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	5.953	10.393	1.830
6	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	663	1.391	2.285
7	Phải trả ngắn hạn khác	19.694	11.844	11.339
8	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	63.238	31.386	3.094
9	Dự phòng phải trả ngắn hạn	798	7.497	2.918
10	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.848	4.943	7.076
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>9.173</b>	<b>8.974</b>	<b>6.513</b>
1	Phải trả dài hạn khác	1.604	2.592	2.592
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	5.791	-	-
3	Dự phòng phải trả dài hạn	1.778	6.382	3.921
	<b>Tổng cộng</b>	<b>644.866</b>	<b>276.941</b>	<b>200.928</b>

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2020 và 2021 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý 2/2022 của Công ty)

c. Tình hình thanh toán các khoản nợ

Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2020 và năm 2021 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2022 của Công ty, Công ty luôn thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ.

d. Việc vi phạm các điều khoản khác

Không có.

**Các khoản phải nộp theo luật định**

Công ty thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản phải nộp Nhà nước khác theo đúng quy định hiện hành.

**Bảng 43. Số dư các khoản thuế và phải nộp nhà nước của Công ty mẹ**

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chi tiêu	31/12/2020	31/12/2021	30/06/2022
1	Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.252	1.893	-
2	Thuế Xuất nhập khẩu	-	-	-
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.313	1.106	3.234
4	Thuế thu nhập cá nhân	134	219	142
5	Thuế Tài nguyên	-	-	-
6	Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	-
7	Các loại thuế khác	270	126	631
8	Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	113	113	113
<b>Tổng cộng</b>		<b>10.082</b>	<b>3.457</b>	<b>4.120</b>

(Nguồn: BCTC riêng năm 2020 và 2021 đã được kiểm toán và BCTC riêng Quý 2/2022 của Công ty)

**Bảng 44. Số dư các khoản thuế và phải nộp nhà nước theo Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty**

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chi tiêu	31/12/2020	31/12/2021	30/06/2022
1	Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.314	2.259	236
2	Thuế Xuất nhập khẩu	-	-	-
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.313	1.113	3.710
4	Thuế thu nhập cá nhân	287	559	353
5	Thuế Tài nguyên	-	-	-
6	Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	-

STT	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	30/06/2022
7	Thuế nhà thầu	270	126	631
8	Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	113	113	113
<b>Tổng cộng</b>		<b>10.297</b>	<b>4.170</b>	<b>5.044</b>

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2020 và 2021 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý 2/2022 của Công ty)

**Trích lập các quỹ theo luật định**

Công ty thực hiện trích lập các quỹ dựa trên cơ sở lợi nhuận hàng năm và kế hoạch phát triển của Công ty theo đúng Điều lệ Công ty và quy định pháp luật. Mức trích lập cụ thể cho từng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị. Hiện nay, Công ty mới trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và chưa thực hiện trích lập các quỹ: quỹ đầu tư phát triển, các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu...

**Bảng 45. Số dư các quỹ của Công ty mẹ**

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	30/06/2022
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.842	3.937	6.070
Quỹ đầu tư phát triển	41.410	41.410	41.410
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	5.200	5.200	5.200

(Nguồn: BCTC riêng năm 2020 và 2021 đã được kiểm toán và BCTC riêng Quý 2/2022 của Công ty)

**Bảng 46. Số dư các quỹ của Công ty (Hợp nhất)**

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	30/06/2022
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.848	4.943	7.076
Quỹ đầu tư phát triển	41.410	41.410	41.410
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	5.200	5.200	5.200

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2020 và 2021 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý 2/2022 của Công ty)

**Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất**

Việc phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ đợt này của Công ty có thể ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình tài chính Công ty. Số vốn tăng thêm sẽ giảm bớt sự lệ thuộc của Công ty vào nguồn vốn vay, giảm thiểu rủi ro tài chính nhờ nguồn vốn dài hạn, tự chủ hơn về tài chính và đảm bảo cấu trúc tài chính lành mạnh hơn.

**2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

**Bảng 47. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty mẹ**

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020	Năm 2021
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn: <i>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i>	Lần	1,85	3,45
Hệ số thanh toán nhanh: <i>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</i> <i>Nợ ngắn hạn</i>	Lần	1,55	3,06
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,42	0,22
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,72	0,28
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho: <i>Giá vốn hàng bán</i> <i>Hàng tồn kho BQ</i>	Lần	3,67	3,76
Vòng quay tổng tài sản: <i>Doanh thu thuần</i> <i>Tổng tài sản BQ</i>	Lần	0,55	0,49
Vòng quay vốn lưu động <i>Doanh thu thuần</i> <i>Tổng tài sản ngắn hạn BQ</i>	Lần	0,73	0,66
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,10	4,19
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu BQ	%	7,54	3,09
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản BQ	%	2,28	2,06
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng/CP	637,06	520,96

(Nguồn: BCTC riêng năm 2020 và 2021 đã được kiểm toán của Công ty)

**Bảng 48. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty theo Báo cáo tài chính hợp nhất**

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020	Năm 2021
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn: <i>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i>	Lần	1,90	3,28



Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020	Năm 2021
Hệ số thanh toán nhanh: <i>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</i> <i>Nợ ngắn hạn</i>	Lần	1,53	2,76
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,43	0,24
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,76	0,32
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho: <i>Giá vốn hàng bán</i> <i>Hàng tồn kho BQ</i>	Lần	2,95	2,86
Vòng quay tổng tài sản: <i>Doanh thu thuần</i> <i>Tổng tài sản BQ</i>	Lần	0,55	0,50
Vòng quay vốn lưu động <i>Doanh thu thuần</i> <i>Tổng tài sản ngắn hạn BQ</i>	Lần	0,69	0,63
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3,89	7,63
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu BQ	%	3,72	5,84
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản BQ	%	2,14	3,81
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng/CP	625,76	947,74

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2020 và 2021 đã được kiểm toán của Công ty)

### 3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của tổ chức phát hành

#### 3.1. Đối với Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2020 của Tổ chức phát hành

Ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán TTP: "Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn Thông ELCOM tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất."

#### 3.2. Đối với Báo cáo tài chính riêng đã kiểm toán năm 2020 của Tổ chức phát hành

Ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán TTP: "Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của"

Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn Thông ELCOM tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.”

### 3.3. Đối với Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2021 của Tổ chức phát hành

Ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán TTP: “Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn Thông ELCOM tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.”

### 3.4. Đối với Báo cáo tài chính riêng đã kiểm toán năm 2021 của Tổ chức phát hành

Ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán TTP: “Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn Thông ELCOM tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.”

## 4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

### 4.1. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2022

Bảng 49. Kế hoạch kinh doanh của Công ty mẹ

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022	% (+/-) 2021-2022
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	629,41	970,00	54,11
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	26,37	60,00	127,53
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,19	6,19	2,00
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	3,09	6,14	3,05
Tỷ lệ cổ tức	%/Mệnh giá	3%	Tối đa 12%	9,00

(Nguồn: CTCP Công nghệ - Viễn Thông ELCOM)

Bảng 50. Kế hoạch kinh doanh hợp nhất của Công ty

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022	% (+/-) 2021-2022
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	659,13	1.000,00	51,72
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	50,30	70,00	39,17
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	7,63	7,00	(0,63)

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022	% (+/-) 2021-2022
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	5,84	7,02	1,18
Tỷ lệ cổ tức	%/Mệnh giá	3%	Tối đa 12%	9,00

(Nguồn: CTCP Công nghệ - Viễn Thông ELCOM)

#### 4.2. Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch 2022

Ban Điều hành đã xây dựng kế hoạch và được Đại hội đồng cổ đông Công ty phê duyệt tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.

#### 4.3. Căn cứ để đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Theo định hướng chiến lược năm 2022 của Công ty, mảng mang lại doanh thu chính cho Công ty là mảng B1 (mảng kinh doanh các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước và các doanh nghiệp lớn), chiếm 60-70% doanh thu dự kiến. Tập trung nguồn lực vào thế mạnh của Công ty là giải pháp công nghệ thông tin, doanh thu đến từ thị trường viễn thông, thị trường an ninh quốc phòng và thị trường giao thông thông minh sẽ chiếm tỉ trọng lớn cơ cấu doanh thu mảng B1 (29-32%). Đối với mảng VAS, Công ty sẽ đưa vào khai thác thương mại nhiều giải pháp sản phẩm mới cho các nhà mạng, mở rộng sang thị trường nước ngoài. Với mảng kinh doanh B1, mục tiêu Công ty là đẩy mạnh, dịch chuyển đúng theo chiến lược lấy giải pháp sản phẩm làm trung tâm; tăng trưởng mạnh cả về quy mô và hiệu quả ở cả 3 thị trường truyền thống là an ninh quốc phòng, viễn thông và giao thông. Dự kiến mảng kinh doanh B1 sẽ tăng trưởng 30-50% so với năm 2021, trong đó mảng VAS được kỳ vọng sẽ mang lại doanh thu tăng trưởng gấp đôi, tạo sự đột phá doanh thu so với năm 2021 và tạo tiền đề cho tiềm năng tăng trưởng mạnh ở các năm tiếp theo.

Trong năm 2022, ELCOM cũng sẽ khẳng định việc kinh doanh thành công từ mảng B2 (dòng sản phẩm chuyển đổi số phục vụ cho khách hàng doanh nghiệp) phân phối sản phẩm theo mô hình phân phối dịch vụ ứng dụng phần mềm và cung cấp các công cụ phần cứng và phần mềm là những công cụ cần thiết để phát triển ứng dụng cho các đối tác doanh nghiệp tổ chức. Đây được kỳ vọng sẽ mang lại doanh thu lâu dài cho Công ty cũng mục tiêu với mảng sản phẩm B3 bao gồm các sản phẩm cho người dùng cuối liên quan đến các lĩnh vực giáo dục, y tế.

Mảng B4 là kinh doanh bất động sản. Đây là mảng kinh doanh mới được đưa vào hoạt động của Công ty. Công ty định hướng kể từ năm 2021 sẽ đầu tư vào lĩnh vực bất động sản bao gồm các loại hình như: cụm công nghiệp và tổ hợp văn phòng để ở, sở hữu và cho thuê. Đối tượng khách hàng của Công ty là doanh nghiệp. Trong năm 2022, Công ty có kế hoạch gia tăng tài sản và khai thác tối đa hiệu quả để tăng doanh thu với kỳ vọng thu nhập sẽ đạt 5-10% tổng doanh thu dự kiến năm 2022.

#### 4.4. Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Là đơn vị tư vấn tài chính chuyên biệt, Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt – Chi nhánh Hà Nội đã thu thập các thông tin, tiến hành nghiên cứu phân tích và đánh giá về hoạt động của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn Thông ELCOM.

Chúng tôi nhận thấy kế hoạch kinh doanh của Công ty đặt ra trên cơ sở thận trọng dựa vào đánh giá tình hình kinh tế, năng lực sản xuất và kinh nghiệm của bộ máy điều hành. Công ty đã tích cực trong việc đẩy mạnh doanh thu, tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh và quản lý. Công ty đã có những chiến lược, định hướng phù hợp với tình hình hiện tại trong năm 2022.

## VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

### 1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 120 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 “Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông”. Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn Thông ELCOM hoạt động theo mô hình công ty cổ phần bắt đầu từ ngày 18/07/2003 theo Giấy chứng nhận ĐKDN số số 0101435127 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18/07/2003, do vậy toàn bộ cổ phiếu của cổ đông sáng lập tại thời điểm đăng ký lần đầu ngày 18/07/2003 đã hết thời hạn bị hạn chế chuyển nhượng kể từ ngày 18/07/2006.

### 2. Thông tin về cổ đông lớn

#### 2.1. Danh sách cổ đông lớn

**Bảng 51. Danh sách cổ đông lớn là cá nhân của Công ty**

STT	Tên	Năm sinh	Quốc tịch
1	Phan Chiến Thắng	1971	Việt Nam
2	Trần Hùng Giang	1969	Việt Nam
3	Nguyễn Mạnh Hải	1971	Việt Nam

(Nguồn: CTCP Công nghệ - Viễn Thông ELCOM)

- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành: được trình bày chi tiết tại Mục VI.3.1.1 và Mục VI.3.1.2.

**Bảng 52. Danh sách cổ đông lớn là tổ chức của Công ty**

STT	Tên	Năm thành lập	ĐKKD	Quốc tịch	Địa chỉ trụ sở chính	Vốn điều lệ	Người đại diện theo pháp luật	Người đại diện theo ủy quyền tại TCPH
1	Công ty TNHH Đầu tư DT&T	2010	0104508126	Việt Nam	Tầng 7, tòa nhà 8 tầng, 18 Nguyễn Chí	30 tỷ đồng	Nguyễn Văn Hòa – Tổng Giám đốc Công ty	Nguyễn Văn Hòa

STT	Tên	Năm thành lập	ĐKKD	Quốc tịch	Địa chỉ trụ sở chính	Vốn điều lệ	Người đại diện theo pháp luật	Người đại diện theo ủy quyền tại TCPH
					Thanh, Bà Đình, Hà Nội		TNHH Đầu tư DT&T	

(Nguồn: CTCP Công nghệ - Viễn Thông ELCOM)

- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành: Không có
- Các doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành mà Cổ đông lớn có lợi ích liên quan: được thể hiện ở Bảng 53 trang kế tiếp.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

**Bảng 53: Các doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành mà Cổ đông lớn có lợi ích liên quan**

STT	Tên	Ngành nghề kinh doanh chính	Hoạt động kinh doanh mang tính cạnh tranh với TCPH			Số lượng cổ phần (tỷ lệ sở hữu)	Chức vụ đang nắm giữ	Phương án kiểm soát xung đột lợi ích
			Phân khúc khách hàng mục tiêu	Địa bán hoạt động	Sản phẩm, dịch vụ			
1	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Phát triển Hạ tầng Viễn thông	Lắp đặt hệ thống điện, sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	Việt Nam	Việt Nam	Hệ thống thu thập dữ liệu công tơ điện tử (AMR), Hệ thống giám sát điều khiển SCADA/EMS/DMS, điều khiển hệ thống chiếu sáng đô thị	0 cổ phần (0%)	Ông Phan Chiến Thắng đang là Thành viên Hội đồng quản trị	Công ty sẽ thực hiện tách phiếu biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ của cổ đông Phan Chiến Thắng và người có liên quan của cổ đông này khi thông qua các giao dịch của Công ty với Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Phát triển Hạ tầng Viễn thông
2	Công ty Cổ phần ElcomPlus	Cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng	Việt Nam	Việt Nam và nước ngoài	Dịch vụ giá trị gia tăng	0 cổ phần (0%)	Ông Phan Chiến Thắng đang là Chủ tịch Hội đồng quản trị	Công ty sẽ thực hiện tách phiếu biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ của cổ đông Phan Chiến Thắng và người có liên quan của cổ đông này khi thông qua các giao dịch của Công ty với Công ty Cổ phần ElcomPlus

(Nguồn: CTCP Công nghệ - Viên Thông ELCOM)

Bảng 54. Danh sách người có liên quan đến cổ đông lớn của Công ty

Tên	Số lượng và tỷ lệ cổ phần năm giữ		Số lượng và tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết	
	Tại thời điểm trở thành CDL	Tại ngày chốt danh sách gần nhất làm ban cáo bạch	Tại thời điểm trở thành CDL	Tại ngày chốt danh sách gần nhất làm ban cáo bạch
<b>Phan Chiến Thắng</b>	<b>1.728.782 (7,81%)</b>	<b>4.786.906 (9,40%)</b>	<b>1.728.782 (7,81%)</b>	<b>4.786.906 (9,40%)</b>
<b>Người có liên quan của ông Phan Chiến Thắng</b>				
1. Nguyễn Thị Lệ Thủy	651.665 (1,28%)	651.665 (1,28%)	651.665 (1,28%)	651.665 (1,28%)
2. Phan Thanh Tú	372.572 (0,73%)	372.572 (0,73%)	372.572 (0,73%)	372.572 (0,73%)
3. Nguyễn Đức Sơn	4 (0,00%)	4 (0,00%)	4 (0,00%)	4 (0,00%)
4. Công ty TNHH đầu tư DT & T	3.105.514 (6,10%)	3.105.514 (6,10%)	3.105.514 (6,10%)	3.105.514 (6,10%)
<b>Trần Hùng Giang</b>	<b>1.832.493 (8,28%)</b>	<b>2.988.437 (5,87%)</b>	<b>1.832.493 (8,28%)</b>	<b>2.988.437 (5,87%)</b>
<b>Người có liên quan của ông Trần Hùng Giang</b>				
1. Lê Thị Thủy Loan	592.932 (1,16%)	592.932 (1,16%)	592.932 (1,16%)	592.932 (1,16%)
2. Trần Mi Ca	494.038 (0,97%)	494.038 (0,97%)	494.038 (0,97%)	494.038 (0,97%)
				<b>6.558.061 (9,40%)</b>
				<b>6.558.061 (9,40%)</b>

Tên	Số lượng và tỷ lệ cổ phần nắm giữ		Số lượng và tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết	Dự kiến sau đợt chào bán	Dự kiến sau đợt chào bán	Dự kiến sau đợt chào bán
	Tại thời điểm trở thành CDL	Tại ngày chốt danh sách gần nhất làm nhất làm báo cáo bạch				
3. Nguyễn Thị Hồng Chiến	3 (0,00%)	3 (0,00%)	3 (0,00%)	3 (0,00%)	3 (0,00%)	3 (0,00%)
4. Nguyễn Mạnh Hải	1.187.030 (5,37%)	2.967.515 (5,83%)	1.187.030 (5,37%)	4.065.495 (5,83%)	2.967.515 (5,83%)	4.065.495 (5,83%)
<b>Người có liên quan của ông Nguyễn Mạnh Hải</b>						
1. Phùng Thị Thịnh	3 (0,00%)	3 (0,00%)	3 (0,00%)	3 (0,00%)	3 (0,00%)	3 (0,00%)
2. Nguyễn Thị Minh Hạnh	388.651 (0,76%)	388.651 (0,76%)	388.651 (0,76%)	518.074 (0,76%)	388.651 (0,76%)	518.074 (0,76%)
3. Công ty TNHH Đầu tư DT&T	3.105.514 (6,10%)	3.105.514 (6,10%)	3.105.514 (6,10%)	4.254.554 (6,10%)	3.105.514 (6,10%)	4.254.554 (6,10%)
<b>Người có liên quan của Công ty TNHH Đầu tư DT&amp;T</b>						
Phan Chiến Thắng	1.728.782 (7,81%)	4.786.906 (9,40%)	1.728.782 (7,81%)	6.558.061 (9,40%)	4.786.906 (9,40%)	6.558.061 (9,40%)

(Nguồn: CTCP Công nghệ - Viễn Thông ELCOM)

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]



2.2. Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành với cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Tổ chức phát hành và những người có liên quan của họ

Không có

3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

3.1. Hội đồng quản trị

Danh sách thành viên HĐQT gồm:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Phan Chiến Thắng	Chủ tịch HĐQT
2	Nguyễn Đức Thiện	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Trần Hùng Giang	Thành viên HĐQT
4	Ngô Ngọc Hà	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
5	Nguyễn Mạnh Hải	Thành viên HĐQT
6	Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT độc lập
7	Đỗ Minh Tiến	Thành viên HĐQT độc lập

3.1.1. Ông Phan Chiến Thắng – Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Họ và tên: Phan Chiến Thắng
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 25/01/1971
- Quốc tịch: Việt Nam
- CCCD số: 040071022294, ngày cấp: 24/06/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
- Địa chỉ: Căn hộ số 1906, tòa P02, khu đô thị Nam Thăng Long, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
- Trình độ học vấn: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư đo lường điều khiển tự động, ĐH Bách Khoa Hà Nội
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1995	Công ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ điện tử - viễn thông	Thành viên sáng lập
2003 – 2005	Công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ điện tử - viễn thông	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
2005 – tháng 4/2020	Công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ điện tử - viễn thông	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Tháng 5/2020 – 08/05/2022	Công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ điện tử - viễn thông	Chủ tịch HĐQT
Từ 09/05/2022	Công ty Cổ phần công nghệ - viễn thông ELCOM (Tên cũ: Công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ điện tử - viễn thông)	Chủ tịch HĐQT
2011 – nay	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh	Chủ tịch HĐQT
2010 – nay	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Phát triển Hạ tầng Viễn thông	Thành viên HĐQT
2014 – nay	Công ty Cổ phần ElcomPlus	Chủ tịch HĐQT

- Chức vụ công tác hiện nay:
  - + Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
  - + Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Thăng Long Xanh; Thành viên HĐQT công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Phát triển Hạ tầng Viễn thông; Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần ElcomPlus.
- Tổng số cổ phiếu nắm giữ: 4.786.906 cổ phiếu tương đương 9,40% vốn điều lệ.
  - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu
  - + Cá nhân sở hữu: 4.786.906 cổ phiếu
- Những người liên quan nắm giữ cổ phiếu tại Công ty:

STT	Họ tên	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ	Số cổ phiếu sở hữu tại tổ chức phát hành	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Nguyễn Thị Lệ Thủy		Vợ	651.665	1,28
2	Phan Thanh Tú		Anh trai	372.572	0,73
3	Nguyễn Đức Sơn		Em rể	4	0,00
4	Công ty TNHH đầu tư DT&T		Chủ sở hữu	3.105.514	6,10
<b>Tổng cộng</b>				<b>4.129.755</b>	<b>8,11</b>

- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đến Công ty:

Thù lao, tiền lương			Lợi ích khác			Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện
Năm 2020 (triệu đồng)	Năm 2021 (triệu đồng)	6T/2022 (triệu đồng)	Năm 2020 (triệu đồng)	Năm 2021 (triệu đồng)	6T/2022	
520	532	113,5	300	300	Không có	Không có

- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: Ông Phan Chiến Thắng có lợi ích tại Công ty Cổ phần ElcomPlus, Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Phát triển Hạ tầng Viễn thông, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh. Thông tin chi tiết về các Công ty này đã được nêu tại Mục VI.2.1.

### 3.1.2. Ông Nguyễn Đức Thiện – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Họ và tên: Nguyễn Đức Thiện
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 04/09/1971
- Quốc tịch: Việt Nam
- CCCD số: 001071007723 cấp ngày 14/03/2016 tại Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Địa chỉ: Số 56B, tổ 23, cụm 4, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, Hà Nội
- Trình độ học vấn: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư đo lường điều khiển tự động ĐH Bách Khoa Hà Nội
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1995	Công ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ điện tử - viễn thông	Thành viên sáng lập
1996 - 2002	Công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ điện tử - viễn thông	Thành viên Hội đồng thành viên
2003 – 04/2022	Công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ điện tử - viễn thông	Thành viên HĐQT
05/2022 - nay	Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn Thông ELCOM (Tên cũ: Công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ điện tử - viễn thông)	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Chức vụ công tác hiện nay:
  - + Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
  - + Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: không
- Tổng số cổ phiếu nắm giữ: 1.122.353 cổ phiếu tương đương 2,20% vốn điều lệ.

- + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu
- + Cá nhân sở hữu: 1.122.353 cổ phiếu

- Những người liên quan nắm giữ cổ phiếu tại Công ty:

STT	Họ tên	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ	Số cổ phiếu sở hữu tại tổ chức phát hành	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Bùi Thị Thanh Huyền		Vợ	360.648	0,71
2	Nguyễn Đức Nghĩa		Em trai	2	0,00
<b>Tổng cộng</b>				<b>360.650</b>	<b>0,71</b>

- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đến Công ty:

Thù lao, tiền lương			Lợi ích khác			Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện
Năm 2020 (triệu đồng)	Năm 2021 (triệu đồng)	6T/2022 (triệu đồng)	Năm 2020	Năm 2021	6T/2022	
149,5	170	74,5	Không có	Không có	Không có	Không có

- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: Không có

### 3.1.3. Ông Trần Hùng Giang - Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên: Trần Hùng Giang
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 24/09/1969
- Quốc tịch: Việt Nam
- CCCD số: 001069008217 cấp ngày 15/08/2016 tại Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Địa chỉ: 67 Cửa Bắc, Quán Thánh, Ba Đình, Hà Nội
- Trình độ học vấn: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư đầu máy Diesel ĐH Giao thông vận tải
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1995	Công ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ điện tử - viễn thông	Thành viên sáng lập
2003 - 2005	Công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ điện tử - viễn thông	Phó Tổng Giám đốc

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2003 - 2005	Trung tâm Đào tạo và Phát triển Phần mềm	Giám đốc
Tháng 2/2008 - 2016	Công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ điện tử - viễn thông	Phó Tổng Giám đốc
Tháng 2/2008 - 2016	Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm (Esoft)	Giám đốc
2017 - Tháng 4/2022	Công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ điện tử - viễn thông	Thành viên HĐQT
05/2022 - nay	Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn Thông ELCOM (Tên cũ: Công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ điện tử - viễn thông)	Thành viên HĐQT
2017 - nay	Công ty TNHH VTS Hải Phòng	Tổng Giám đốc

- Chức vụ công tác hiện nay:
  - + Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Thành viên Hội đồng Quản trị
  - + Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Tổng Giám đốc Công ty TNHH VTS Hải Phòng
- Tổng số cổ phiếu nắm giữ: 2.988.437 cổ phiếu tương đương 5,87 % vốn điều lệ.
  - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu
  - + Cá nhân sở hữu: 2.988.437 cổ phiếu
- Những người liên quan nắm giữ cổ phiếu tại Công ty:

STT	Họ tên	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ	Số cổ phiếu sở hữu tại tổ chức phát hành	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Lê Thị Thúy Loan		Vợ	592.932	1,16
2	Trần Mĩ Ca		Anh trai	494.038	0,97
<b>Tổng cộng</b>				<b>1.086.970</b>	<b>2,13</b>

- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đến Công ty:

Thù lao, tiền lương			Lợi ích khác			Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện
Năm 2020 (triệu đồng)	Năm 2021 (triệu đồng)	6T/2022 (triệu đồng)	Năm 2020	Năm 2021	6T/2022	
149,5	170	74,5	Không có	Không có	Không có	Không có

- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành:

STT	Tên	Ngành nghề kinh doanh chính	Hoạt động kinh doanh mang tính cạnh tranh với TCPH			Mối quan hệ của cổ đông lớn của TCPH với doanh nghiệp		Phương án kiểm soát xung đột lợi ích
			Phân khúc khách hàng mục tiêu	Địa bàn hoạt động	Sản phẩm, dịch vụ	Số lượng cổ phần (tỷ lệ sở hữu)	Chức vụ đang nắm giữ	
1	Công ty TNHH VTS Hải Phòng	Xây dựng hệ thống quản lý hàng hải tàu biển	Hải Phòng	Việt Nam	Hệ thống quản lý hàng hải tàu biển	0 cổ phần (0%)	Ông Trần Hùng Giang đang là Tổng Giám đốc	Công ty sẽ thực hiện tách phiếu biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ của cổ đông Trần Hùng Giang và người có liên quan của cổ đông này khi thông qua các giao dịch của Công ty với Công ty TNHH VTS Hải Phòng

### 3.1.4. Ông Nguyễn Mạnh Hải - Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên: Nguyễn Mạnh Hải
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 22/02/1971
- Quốc tịch: Việt Nam
- CCCD số: 001071027294 cấp ngày 21/04/2021 tại Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
- Địa chỉ: P101, Nhà E21, KTT Bách Khoa, Bách Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Trình độ học vấn: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân khoa học ĐH Tổng hợp Hà Nội
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1995	Công ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ điện tử - viễn thông	Thành viên sáng lập

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2003 - 2009	Công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ điện tử - viễn thông	Giám đốc Kinh doanh
2006 - 2007	Tham gia khóa đào tạo IeMBA (chương trình Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh Quốc tế) tại HSB (Khoa Quản trị kinh doanh, ĐH Quốc Gia Hà Nội)	
Tháng 6/2009 - 2017	Công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ điện tử - viễn thông	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
2018 - 04/2022	Công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ điện tử - viễn thông	Thành viên HĐQT
05/2022 - nay	Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn Thông ELCOM (Tên cũ: Công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ điện tử - viễn thông)	Thành viên HĐQT

- Chức vụ công tác hiện nay:
  - + Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Thành viên Hội đồng Quản trị
  - + Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: không
- Tổng số cổ phiếu nắm giữ: 2.967.515 cổ phiếu tương đương 5,83 % vốn điều lệ.
  - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu
  - + Cá nhân sở hữu: 2.967.515 cổ phiếu
- Những người liên quan nắm giữ cổ phiếu tại Công ty:

STT	Họ tên	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ	Số cổ phiếu sở hữu tại tổ chức phát hành	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Nguyễn Thị Minh Hạnh		Vợ	388.651	0,76

- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đến Công ty:

Thù lao, tiền lương			Lợi ích khác			Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện
Năm 2020 (triệu đồng)	Năm 2021 (triệu đồng)	6T/2022 (triệu đồng)	Năm 2020	Năm 2021	6T/2022	
149,5	170	74,5	Không có	Không có	Không có	Không có

- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: Không có

**3.1.5. Ông Ngô Ngọc Hà - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc**

- Họ và tên: Ngô Ngọc Hà
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 14/01/1970
- Quốc tịch: Việt Nam
- CCCD số: 001070015047 cấp ngày 30/03/2018 tại Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Địa chỉ: P116 – A11 Khương Thượng, Trung Tự, Đống Đa, Hà Nội
- Trình độ học vấn: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư đo lường điều khiển tự động ĐH Bách Khoa Hà Nội
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1995	Công ty TNHH đầu tư phát triển công nghệ điện tử - viễn thông	Thành viên sáng lập
2003 - 2005	Công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ điện tử - viễn thông	Cố đồng sáng lập
2005 – tháng 5/2007	Công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ điện tử - viễn thông	Trưởng phòng Kỹ thuật
2007 - 2009	Tham gia khóa đào tạo MBA (chương trình Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh Quốc tế) do Trung tâm phát triển hệ thống (Nay là Trung tâm Công nghệ Đào tạo và Hệ thống việc làm (ETC) - ĐH Quốc gia Hà Nội) hợp tác với ĐH California Miami (Hoa Kỳ) tổ chức	
2010 - 2016	Công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ điện tử - viễn thông	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc kỹ thuật
2017 – 4/2022	Công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ điện tử - viễn thông	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc
05/2022 - nay	Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn Thông ELCOM (Tên cũ: Công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ điện tử - viễn thông)	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

- Chức vụ công tác hiện nay:
  - + Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc
  - + Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: không



- Tổng số cổ phiếu nắm giữ: 2.432.130 cổ phiếu tương đương 4,78 % vốn điều lệ.
- + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu
- + Cá nhân sở hữu: 2.432.130 cổ phiếu
- Những người liên quan nắm giữ cổ phiếu tại Công ty:

STT	Họ tên	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ	Số cổ phiếu sở hữu tại tổ chức phát hành	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Nguyễn Thị Thanh Thủy		Vợ	627.758	1,23
2	Ngô Trọng Hiếu		Em trai	270.055	0,53
3	Nguyễn Thị Hạ		Mẹ vợ	76.557	0,15
<b>Tổng cộng</b>				<b>974.370</b>	<b>1,91</b>

- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đến Công ty:

Thù lao, tiền lương			Lợi ích khác			Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện
Năm 2020 (triệu đồng)	Năm 2021 (triệu đồng)	6T/2022 (triệu đồng)	Năm 2020	Năm 2021	6T/2022	
412,1	432,4	195,7	Không có	Không có	Không có	Không có

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: Không có

### 3.1.6. Ông Nguyễn Mạnh Hùng - Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

- Họ và tên: Nguyễn Mạnh Hùng
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 23/05/1971
- Quốc tịch: Việt Nam
- CCCD số: 012318574 cấp ngày 04/06/2011 tại CA. Hà Nội
- Địa chỉ: Số 706 – 34T Đô thị Trung Hòa, Nhân Chính, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
- Trình độ học vấn: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1996 - 2000	Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt	Trưởng phòng

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2000 - 2005	Tổng Công ty Công nghiệp ô tô Việt Nam	Trưởng phòng
2005 đến nay	Công ty Cổ phần đầu tư phát triển và xây dựng Hà An	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
2018 - 4/2022	Công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ điện tử - viễn thông	Thành viên HĐQT độc lập
5/2022 - nay	Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn Thông ELCOM (Tên cũ: Công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ điện tử - viễn thông)	Thành viên HĐQT độc lập

- Chức vụ công tác hiện nay:
  - + Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập
  - + Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc tại Công ty Cổ phần đầu tư phát triển và xây dựng Hà An
- Tổng số cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu tương đương 0,00 % vốn điều lệ.
  - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu
  - + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu
- Những người liên quan nắm giữ cổ phiếu tại Công ty: không có
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đến Công ty:

Thù lao, tiền lương			Lợi ích khác			Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện
Năm 2020 (triệu đồng)	Năm 2021 (triệu đồng)	6T/2022 (triệu đồng)	Năm 2020	Năm 2021	6T/2022	
120	120	60	Không có	Không có	Không có	Không có

- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: Không có

### 3.1.7. Ông Đỗ Minh Tiến - Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

- Họ và tên: Đỗ Minh Tiến
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 20/10/1984
- Quốc tịch: Việt Nam
- CCCD số: 013579279
- Địa chỉ: Tòa nhà Thăng Long Number One, Số 1 Đại lộ Thăng Long, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

- Trình độ học vấn: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2008 - 2014	Công ty CP Đầu tư xây dựng Tây Hà	Kỹ sư
2014 đến nay	Công ty TNHH BNB Hà Nội	Chủ tịch HĐQT
5/2022 - nay	Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn Thông ELCOM (Tên cũ: Công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ điện tử - viễn thông)	Thành viên HĐQT độc lập

- Chức vụ công tác hiện nay:
  - + Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập
  - + Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH BNB Hà Nội
- Tổng số cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu tương đương 0% vốn điều lệ.
  - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu
  - + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu
- Những người liên quan nắm giữ cổ phiếu tại Công ty: Không có
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đến Công ty:

Thù lao, tiền lương			Lợi ích khác			Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện
Năm 2020 (triệu đồng)	Năm 2021 (triệu đồng)	6T/2022 (triệu đồng)	Năm 2020	Năm 2021	6T/2022	
Không có	Không có	20	Không có	Không có	Không có	Không có

- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: Không có

### 3.2. Ban Điều hành

Danh sách Ban Điều hành gồm:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Phạm Minh Thắng	Tổng Giám đốc
2	Ông Ngô Ngọc Hà	Phó Tổng Giám đốc

#### 3.2.1. Ông Phạm Minh Thắng - Tổng Giám đốc

- Họ và tên: Phạm Minh Thắng

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 10/04/1977
- Quốc tịch: Việt Nam
- CCCD số: 024077000643 cấp ngày 20/07/2020 tại Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
- Địa chỉ: Đội 3 Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội
- Trình độ học vấn: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
05/2006 – 2/2008	Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm ELCOM	Phó phòng
3/2008 – 12/2009	Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm ELCOM	Trưởng phòng
1/2010 – 5/2014	Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm ELCOM	Phó Giám đốc
6/2014 – 9/2016	Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm ELCOM	Giám đốc
10/2016 – T4/2020	CTCP Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông	Phó Tổng Giám đốc
10/2016 – T4/2020	Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm ELCOM	Tổng Giám đốc
T5/2020 đến T4/2022	CTCP Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông	Tổng Giám đốc
T5/2022 đến nay	Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn Thông ELCOM (Tên cũ: Công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ điện tử - viễn thông)	Tổng Giám đốc
T5/2020 đến nay	Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm ELCOM	Tổng Giám đốc

- Chức vụ công tác hiện nay:
  - + Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Tổng Giám đốc
  - + Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Tổng Giám đốc Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm ELCOM
- Tổng số cổ phiếu nắm giữ: 612.052 cổ phiếu tương đương 1,20 % vốn điều lệ.
  - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu
  - + Cá nhân sở hữu: 612.052 cổ phiếu
- Những người liên quan nắm giữ cổ phiếu tại Công ty: Không có
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đến Công ty:

Thù lao, tiền lương			Lợi ích khác			Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện
Năm 2020 (triệu đồng)	Năm 2021 (triệu đồng)	6T/2022 (triệu đồng)	Năm 2020	Năm 2021	6T/2022	
461,3	418,7	196,9	Không có	Thưởng 150.000 cổ phiếu ELC	Thưởng 30.595 cổ phiếu ELC	Không có

- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: Không có

### 3.2.2. Ông Ngô Ngọc Hà - Phó Tổng Giám đốc

Thông tin chi tiết đã được nêu ở mục 3.1.4

### 3.3. Kế toán trưởng

#### Bà Đặng Thị Thanh Minh

- Họ và tên: Đặng Thị Thanh Minh
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 13/12/1968
- Quốc tịch: Việt Nam
- CMND/CCCD số: 011371387 cấp ngày: 20/08/2013 tại CA Hải Phòng
- Địa chỉ: Số 54 ngõ 2, Nguyễn Hồng, Hà Nội
- Trình độ học vấn: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế ĐH Tài chính kế toán Hà Nội
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1993 – 1996	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thành Công	Kế toán trưởng
1997 – 2004	Công ty Cổ phần Việt Sáng tạo Hà Nội	Kế toán trưởng
2004 – T4/2022	CTCP Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông	Kế toán trưởng
T5/2022 - nay	Cổ phần Công nghệ - Viễn Thông ELCOM (Tên cũ: Công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ điện tử - viễn thông)	Kế toán trưởng

- Chức vụ công tác hiện nay:
  - + Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Kế toán trưởng
  - + Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: không
- Tổng số cổ phiếu nắm giữ: 82.767 cổ phiếu tương đương 0,16% vốn điều lệ
  - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu
  - + Cá nhân sở hữu: 82.767 cổ phiếu
- Những người liên quan nắm giữ cổ phiếu tại Công ty: Không có

- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đến Công ty:

Thù lao, tiền lương			Lợi ích khác			Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện
Năm 2020 (triệu đồng)	Năm 2021 (triệu đồng)	6T/2022 (triệu đồng)	Năm 2020	Năm 2021	6T/2022	
545	548,2	318,5	Không có	Không có	Thưởng 3.000 cổ phiếu ELC	Không có

- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: Không có

### 3.4. Ban kiểm soát

Danh sách Ban kiểm soát gồm:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bà Ngô Kiều Anh	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Bà Hoàng Thị Phương Thúy	Kiểm soát viên
3	Bà Vũ Thị Ngân Hà	Kiểm soát viên

#### 3.4.1. Bà Ngô Kiều Anh - Trưởng Ban Kiểm soát

- Họ và tên: Ngô Kiều Anh
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 14/04/1979
- Quốc tịch: Việt Nam
- CCCD số: 111437610 cấp ngày 15/08/2011 tại CA. Hà Nội
- Địa chỉ: P705, tòa nhà TTTM&CHCC Khu Đô thị Xa La, Hà Đông
- Trình độ học vấn: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Tài chính – Kế toán
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Tháng 01/2022 – tháng 08/2004	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Văn Minh	Kiểm toán viên
Tháng 09/2004 – tháng 06/2011	Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam	Kiểm toán viên
Tháng 08/2011 – tháng 03/2014	Công ty TNHH MTV Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam (VEFAC)	Trợ lý Ban Điều hành
Tháng 04/2014 – tháng	Công ty TNHH MTV Trung tâm Hội chợ	Trưởng Ban Kiểm

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
– tháng 04/2015	Triển lãm Việt Nam (VEFAC)	soát
Tháng 05/2015 – tháng 08/2015	Công ty Cổ Phần Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam	Trợ lý Ban Điều hành
Tháng 09/2015 - 2018	Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn Thông ELCOM	Chuyên viên Kiểm soát nội bộ
Tháng 04/2018 - T4/2022	CTCP Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông	Trưởng Ban Kiểm soát
Tháng 04/2022 - nay	Cổ phần Công nghệ - Viễn Thông ELCOM (Tên cũ: Công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ điện tử - viễn thông)	Trưởng Ban Kiểm soát

- Chức vụ công tác hiện nay:
  - + Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Trưởng Ban Kiểm soát
  - + Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Tổng số cổ phiếu nắm giữ: 2.281 cổ phiếu tương đương 0,004% vốn điều lệ.
  - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu
  - + Cá nhân sở hữu: 2.281 cổ phiếu
- Những người liên quan nắm giữ cổ phiếu tại Công ty: Không có
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đến Công ty:

Thù lao, tiền lương			Lợi ích khác			Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện
Năm (triệu đồng)	Năm (triệu đồng)	6T/2022 (triệu đồng)	Năm 2020	Năm 2021	6T/2022	
297,2	290,5	164,8	Không có	Không có	Không có	Không có

- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: Không có

#### 3.4.2. Bà Hoàng Thị Phương Thúy – Kiểm soát viên

- Họ và tên: Hoàng Thị Phương Thúy
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 02/02/1984
- Quốc tịch: Việt Nam
- CCCD số: 001184003888 cấp ngày 27/10/2014 tại Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Địa chỉ: 89, tổ 5B phường Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội

- Trình độ học vấn: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2006 - 2007	Công ty Viễn thông Điện lực	Chuyên viên
2009	Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh	Chuyên viên
2010 đến Tháng 4/2022	CTCP Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông	Kiểm soát viên
Tháng 5/2022 đến nay	Cổ phần Công nghệ - Viễn Thông ELCOM (Tên cũ: Công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ điện tử - viễn thông)	Kiểm soát viên

- Chức vụ công tác hiện nay:
  - + Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Kiểm soát viên
  - + Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Tổng số cổ phiếu nắm giữ: 22.551 cổ phiếu tương đương 0,04 % vốn điều lệ.
  - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu
  - + Cá nhân sở hữu: 22.551 cổ phiếu
- Những người liên quan nắm giữ cổ phiếu tại Công ty: Không có
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đến Công ty:

Thù lao, tiền lương			Lợi ích khác			Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện
Năm 2020 (triệu đồng)	Năm 2021 (triệu đồng)	6T/2022 (triệu đồng)	Năm 2020	Năm 2021	6T/2022	
133,7	36	18	Không có	Không có	Không có	Không có

- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: Không có

#### 3.4.3. Bà Vũ Thị Ngân Hà – Kiểm soát viên

- Họ và tên: Vũ Thị Ngân Hà
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 26/06/1979
- Quốc tịch: Việt Nam
- CCCD số: 013489807 cấp ngày 07/01/2012 tại Công an Thành phố Hà Nội
- Địa chỉ: Tổ 10 Lĩnh Nam, Quận Hoàng Mai, Hà Nội
- Trình độ học vấn: 12/12



- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Luật
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2001 - 2004	Công ty Cổ phần ITC	Chuyên viên
12/2004 - 01/2005	Công ty Cổ phần Bắc Việt	Chuyên viên
02/2005 - 2015	Công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ điện tử - viễn thông	Chuyên viên Pháp chế
2016 – T4/2022	Công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ điện tử - viễn thông	Chánh văn phòng HĐQT kiêm kiểm soát viên
Tháng 5/2022 đến nay	Cổ phần Công nghệ - Viễn Thông ELCOM (Tên cũ: Công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ điện tử - viễn thông)	Kiểm soát viên

- Chức vụ công tác hiện nay:
  - + Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Chánh văn phòng HĐQT kiêm Kiểm soát viên
  - + Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Tổng số cổ phiếu nắm giữ: 6.543 cổ phiếu tương đương 0,01% vốn điều lệ.
  - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu
  - + Cá nhân sở hữu: 6.543 cổ phiếu
- Những người liên quan nắm giữ cổ phiếu tại Công ty: Không có
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đến Công ty:

Thu lao, tiền lương			Lợi ích khác			Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện
Năm 2020 (triệu đồng)	Năm 2021 (triệu đồng)	6T/2022 (triệu đồng)	Năm 2020	Năm 2021	6T/2022	
323,1	334,3	154,2	Không có	Không có	Không có	Không có

- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: Không có

## VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
2. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán/ phát hành dự kiến: 18.843.449 cổ phiếu

Trong đó:

- Số lượng cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu: 11.204.213 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu: 7.639.236 cổ phiếu

**4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán/phát hành (dự kiến) theo mệnh giá:**

188.434.490.000 đồng

- Giá trị cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng: 112.042.130.000 đồng
- Giá trị cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu: 76.392.360.000 đồng

**5. Giá chào bán:**

Giá chào bán cổ phiếu ra công chúng là  
11.500 đồng/cổ phiếu

**6. Phương pháp tính giá**

- Giá trị sổ sách cổ phiếu Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn Thông ELCOM tại thời điểm 31/12/2021 trên BCTC kiểm toán năm 2021:

Giá trị sổ sách = (Vốn chủ sở hữu - Tài sản vô hình)/Số cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 31/12/2021

= (849.423.503.039 - 0) / 50.818.648

= 16.715 đồng/cổ phiếu

Bình quân giá đã điều chỉnh của cổ phiếu Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn Thông ELCOM trên HOSE 30 phiên (từ ngày 22/11/2021 đến 31/12/2021): 26.227 đồng/cổ phiếu. Căn cứ vào nhu cầu và tình hình thị trường, giá chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Công ty là 11.500 đồng/cổ phiếu.

**7. Phương thức phân phối**

**7.1. Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng:**

- Cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng cho cổ đông hiện hữu được phân phối thông qua phương thức thực hiện quyền.

- Tỷ lệ thực hiện quyền: là 100:22 (Tại ngày chốt danh sách để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền, cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được mua 22 cổ phiếu mới). Số cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

*Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách, cổ đông A sở hữu 155 cổ phiếu sẽ được hưởng 155 quyền. Khi đó, số cổ phiếu phát hành thêm cổ đông A được mua như sau:  $155 \times 22 / 100 = 34,1$  cổ phiếu. Sau khi làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phiếu mà cổ đông A được quyền mua là 34 cổ phiếu.*

- Chuyển nhượng quyền mua: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho người khác trong thời gian quy định và chỉ được chuyển nhượng 01 lần (người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng cho người thứ ba). Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng, thanh toán tiền và chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định liên quan đến việc chuyển nhượng.

*Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách, cổ đông A sở hữu 300 cổ phần sẽ được hưởng 300 quyền*

mua. Cổ đông A có thể chuyển nhượng 200 quyền mua cho nhà đầu tư B và chuyển nhượng 100 quyền mua cho nhà đầu tư C. Nhà đầu tư B và C không được chuyển nhượng tiếp quyền mua cho người thứ ba.

- Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu: Không áp dụng.
- Phương thức xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký mua, không nộp tiền mua (cổ phiếu còn dư): Số cổ phiếu lẻ và số cổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký mua, không nộp tiền mua trong đợt chào bán (số cổ phiếu còn dư) sẽ được Hội đồng quản trị thực hiện phân phối cho các đối tượng khác (bao gồm các cổ đông hiện hữu khác và Nhà đầu tư khác) với giá chào bán không thấp hơn mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu nhưng được phép thấp hơn giá trị sổ sách của cổ phiếu và giá thị trường của cổ phiếu tại thời điểm chào bán. Các điều kiện chào bán, điều kiện về quyền, nghĩa vụ của các nhà đầu tư không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu, hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán. HĐQT xây dựng tiêu chí và lựa chọn cổ đông/Nhà đầu tư khác có nhu cầu mua cổ phiếu còn dư. Trường hợp hết thời hạn phân phối cổ phiếu theo quy định pháp luật (bao gồm thời gian gia hạn nếu có) mà cổ phiếu vẫn chưa được phân phối hết thì số cổ phiếu chưa được phân phối hết này được hủy và HĐQT quyết định kết thúc đợt chào bán.

## 7.2. Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ Nguồn vốn chủ sở hữu

- Cổ phiếu phát hành thêm để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu được phân phối thông qua phương thức thực hiện quyền.
- Tỷ lệ thực hiện quyền là 100:15 (Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền, cổ đông sở hữu 100 quyền sẽ được nhận thêm 15 cổ phiếu mới). Sau khi nhân với tỷ lệ thực hiện quyền, số lượng cổ phiếu phát hành sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ được hủy bỏ.

*Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 155 cổ phiếu, với tỷ lệ thực hiện quyền 100:15 thì số cổ phiếu mà cổ đông A nhận được là:  $155 \times 15 / 100 = 23,2$  cổ phiếu. Theo nguyên tắc làm tròn ở trên thì số cổ phiếu mới mà cổ đông A được nhận là 23 cổ phiếu. Số cổ phiếu lẻ (0,2 cổ phiếu) sẽ được hủy bỏ.*

- Nguyên tắc làm tròn và phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Sau khi nhân với tỷ lệ thực hiện quyền, số lượng cổ phiếu phát hành sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ được hủy bỏ.
- Nguồn vốn thực hiện: Từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán tại thời điểm 31/12/2021 bởi Công Ty TNHH Kiểm toán TTP.

## 8. Đăng ký mua cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đăng ký mua tối thiểu: Không quy định
- Thời hạn nhận đăng ký: Công ty sẽ công bố chính thức thời hạn đăng ký cụ thể trong Bản thông báo phát hành và đảm bảo thời gian đăng ký và nộp tiền mua chứng khoán cho nhà đầu tư (đối với phần chào bán cổ phiếu ra công chúng) tối thiểu là 20 ngày theo đúng quy định của pháp luật.
- Phương thức xử lý trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua không đạt mức tối

thiếu (nếu có): Không quy định

- Phương thức đăng ký và thanh toán tiền mua cổ phiếu đối với phần chào bán thêm ra công chúng: Danh sách cổ đông tại thời điểm chốt danh sách là cơ sở đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu mới chào bán theo tỷ lệ được mua đã quy định.

- + Với cổ đông đã lưu ký: làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký đặt mua tại các Thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký và nộp tiền mua vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu quy định tại Bản cáo bạch này.
- + Với cổ đông chưa lưu ký: làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký đặt mua tại Trụ sở Công ty - Tòa nhà ELCOM, Phố Duy Tân, Quận Cầu Giấy, Hà Nội và nộp tiền đặt mua cổ phiếu vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu quy định tại Bản cáo bạch này.

## 9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

**Bảng 55: Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu phát hành thêm**

STT	Công việc	Thời gian (dự kiến)
1.	UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu	T
2.	ELCOM thực hiện công bố thông tin về Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu	T+1
3.	Thông báo với VSD để chốt danh sách cổ đông được quyền mua cổ phiếu chào bán thêm	T+1
4.	Chốt danh sách cổ đông được quyền mua cổ phiếu chào bán thêm, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	T+9
5.	Phân bổ và thông báo quyền mua cổ phiếu chào bán thêm, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu	Từ T+12
6.	Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu	T+12 – T+30
7.	Đăng ký thực hiện quyền và nộp tiền mua cổ phiếu	T+12-T+32
8.	Tổng hợp thực hiện quyền	T+32 - T+33
9.	Báo cáo kết quả phát hành với UBCKNN	T+34
10.	Nhận xác nhận kết quả phát hành do UBCKNN cấp	T+37
11.	Nộp hồ sơ lưu ký, niêm yết cổ phiếu	Từ T+38

(T: Ngày làm việc)

Thời gian phân phối cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận Giấy chứng nhận đăng ký chào bán do UBCKNN cấp.

## 10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu

### 10.1. Đối với cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng

- Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho người khác trong thời gian quy định và chỉ được chuyển nhượng 01 lần (người nhận chuyển

nhượng không được chuyển nhượng cho người thứ ba).

Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng, thanh toán tiền và chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định liên quan đến việc chuyển nhượng.

- Số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh và số lượng cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu được mua nhưng từ chối mua được chào bán cho đối tượng khác bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

## **10.2. Đối với cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu**

Cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu không bị hạn chế chuyển nhượng.

## **11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu**

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành thêm từ nguồn vốn chủ sở hữu sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa sau:

- Chủ tài khoản: Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn Thông ELCOM
- Số tài khoản: 0541102498004
- Nơi mở tài khoản: Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Thăng Long

## **12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành**

Tổ chức phát hành không thuộc ngành, nghề kinh doanh có điều kiện mà pháp luật chuyên ngành quy định phải có chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về việc phát hành.

## **13. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài**

Căn cứ theo ngành nghề kinh doanh của Công ty hiện nay và các quy định khác có liên quan, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 49%. Công ty đã thực hiện thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty theo quy định tại Điều 142 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Công ty cam kết luôn đảm bảo tuân thủ đúng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa trước, trong và sau đợt phát hành là 49%.

Đối với phương án xử lý cổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký mua, không nộp tiền mua (cổ phiếu còn dư) trong đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu, Hội đồng quản trị sẽ ưu tiên phân phối cho nhà đầu tư trong nước, trong trường hợp phân phối cho nhà đầu tư nước ngoài sẽ đảm bảo tuân thủ tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty không vượt quá 49% theo quy định.

## **14. Các loại thuế có liên quan**

### **14.1. Thuế liên quan đến hoạt động doanh nghiệp**

#### ***Thuế giá trị gia tăng***

Thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty thực hiện theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Công ty nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế GTGT cho hàng xuất nhập khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

### **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008 và Luật số 32/2013/QH13 được Quốc hội ban hành ngày 19/06/2013 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, thì mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty là 20% được áp dụng kể từ ngày 01/01/2016.

#### **14.2. Thuế liên quan đến nhà đầu tư, cổ đông của Công ty**

##### **Thuế áp dụng đối với nhà đầu tư cá nhân**

Theo quy định tại Điều 3 Luật Thuế thu nhập cá nhân số 26/2012/QH13, ban hành ngày 22/11/2012 và Điều 3 Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ban hành ngày 27/06/2013 của Chính phủ về các khoản thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân bao gồm: thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức) và thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán). Mức thuế suất đối với từng loại như sau:

- Thuế suất đối với thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức): 5%.
- Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thường, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này thì nhà đầu tư mới phải thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất tương tự như trường hợp chuyển nhượng chứng khoán.
- Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán) được xác định như sau:
  - + Đối với nhà đầu tư trong nước: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất là 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.
  - + Đối với nhà đầu tư nước ngoài: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất thuế TNCN là 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng.

##### **Thuế áp dụng với nhà đầu tư tổ chức**

Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:

Tổ chức trong nước: Theo quy định tại Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008 và Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/06/2013 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 thì thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

Riêng đối với doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế.

Thu nhập từ cổ tức: được miễn thuế theo quy định tại Khoản 6 Điều 4 Luật Thuế thu nhập Doanh nghiệp 2008.

#### **15. Thông tin về các cam kết**

Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn Thông ELCOM cam kết triển khai thực hiện niêm yết bổ sung và đăng ký chứng khoán bổ sung đối với toàn bộ số lượng cổ phiếu đã phát hành trên Sở giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo quy định pháp luật.

Cam kết khác liên quan đến đợt chào bán: Không có.

16. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt  
Không có

### VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Bổ sung vốn lưu động cho Công ty, đầu tư nghiên cứu công nghệ và mở rộng sản xuất kinh doanh.

### IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

#### 1. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

Tổng số tiền dự kiến thu được từ việc chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2022 là 128.848.449.500 đồng sẽ được Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn Thông ELCOM đầu tư vào các hạng mục cụ thể như sau:

STT	Mục đích sử dụng	Số tiền (đồng)	Thời gian dự kiến giải ngân
1	Bổ sung vốn lưu động: Mua hàng hóa, thiết bị, mua công cụ dụng cụ, nguyên vật liệu và dịch vụ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh (máy móc, thiết bị phần cứng, phần mềm, dịch vụ...)	87.278.092.310	Quý III/2022 – Quý I/2023
2	Đầu tư nghiên cứu công nghệ, mở rộng sản xuất kinh doanh: đầu tư nghiên cứu sản xuất các sản phẩm công nghệ Camera AI, dịch vụ người dùng cuối Colearn, ISK	41.570.357.190	Quý III/2022 – Quý I/2023
	<b>Tổng cộng</b>	<b>128.848.449.500</b>	

Trong trường hợp số tiền thu được không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích dự kiến, Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn Thông ELCOM sẽ thực hiện phân bổ lần lượt theo thứ tự ưu tiên như sau cho đến khi sử dụng hết tổng số tiền thu được từ đợt chào bán, cụ thể như sau:

- (1) Mua hàng hóa, thiết bị, mua công cụ dụng cụ, nguyên vật liệu và dịch vụ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh (máy móc, thiết bị phần cứng, phần mềm, dịch vụ...): 87.278.092.310 đồng.
- (2) Đầu tư nghiên cứu công nghệ, mở rộng sản xuất kinh doanh: đầu tư nghiên cứu sản xuất các sản phẩm công nghệ Camera AI, dịch vụ người dùng cuối Colearn, ISK: 41.570.357.190 đồng.

#### 2. Phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán chi tiết

##### 2.1. Bổ sung vốn lưu động

Chi tiết các Đơn đặt hàng mua hàng hóa, thiết bị, công cụ dụng cụ, nguyên vật liệu và dịch vụ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như sau:

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

TT	Đơn đặt hàng	Đối tác	Hàng hóa	Mối quan hệ với TCPH và người có liên quan của TCPH	Giá trị thanh toán (USD)	Giá trị thanh toán dự kiến (đồng)*	Giá trị giải ngân dự kiến (đồng)	Thời gian dự kiến giải ngân
1	Đơn đặt hàng số JSC 21085 ngày 23/12/2021	CINEA Communications INC	Phần cứng	Không	3.446.106,86	79.150.182.360,48	79.150.182.360	Quý III/2022 – Quý I/2023
2	Đơn đặt hàng số JSC 21086 ngày 23/12/2021	CINEA Communications INC	Phần mềm	Không	161.653,07	3.712.847.711,76	3.712.847.711	Quý III/2022 – Quý I/2023
3	Đơn đặt hàng số JSC 22003 ngày 11/01/2022	CINEA Communications INC	Dịch vụ hỗ trợ	Không	108.937,31	2.502.072.136,08	2.502.072.136	Quý III/2022 – Quý I/2023
4	Đơn đặt hàng số JSC 22002 ngày 11/01/2022	CINEA Communications INC	Dịch vụ đào tạo trực tuyến	Không	25.310,00	581.320.080,00	581.320.080	Quý III/2022 – Quý I/2023
5	Đơn đặt hàng số JSC 22004 ngày 11/01/2022	CINEA Communications INC	Dịch vụ chuyển môn	Không	57.993,99	1.332.005.962,32	1.331.670.023	Quý III/2022 – Quý I/2023
	<b>Tổng cộng</b>				<b>3.800.001,23</b>	<b>87.278.428.250,64</b>	<b>87.278.092.310</b>	

\*Tỷ giá VND/USD dự kiến: 22.968 VND/USD



## 2.2. Đầu tư nghiên cứu công nghệ, mở rộng sản xuất kinh doanh

STT	Sản phẩm	Chi phí nghiên cứu phát triển dự kiến (đồng)	Thời gian dự kiến giải ngân
1	COLEARN - Cùng học, cùng giỏi	14.000.000.000	Quý III/2022 – Quý I/2023
2	ISK- Nền tảng rèn luyện và chăm sóc sức khỏe	10.000.000.000	Quý III/2022 – Quý I/2023
3	Camera Giao thông thông minh	17.570.357.190	Quý III/2022 – Quý I/2023
	<b>Tổng cộng</b>	<b>41.570.357.190</b>	

## X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

### 1. Tổ chức tư vấn

#### Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt – Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 10, Tòa nhà Eurowindow, số 2 Tôn Thất Tùng, P. Trung Tự, Q. Đống Đa Tp. Hà Nội

Điện thoại: (024) 6288.2006 Fax: (024) 6288.2008

Website: <http://www.vdsc.com.vn>

### 2. Tổ chức kiểm toán

#### Công ty TNHH Kiểm toán TTP

(Đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 và Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty)

Địa chỉ: Tầng 12 Tháp Tây, Tòa nhà Hancorp Plaza, số 72 Trần Đăng Ninh, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3742.5888 Fax: (024) 3757.8666

### 3. Ý kiến của tổ chức tư vấn về đợt chào bán

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt – Chi nhánh Hà Nội đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và chi tiết để đưa ra những đánh giá về đợt chào bán.

Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán thêm ra công chứng cho cổ đông hiện hữu dùng để bổ sung vốn của Công ty và đầu tư nghiên cứu công nghệ và mở rộng sản xuất kinh doanh là phù hợp với định hướng phát triển của Công ty.

Khối lượng chào bán cổ phiếu ra công chứng cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu là 18.843.449 cổ phiếu (tương đương 37,00% số lượng cổ phiếu đang lưu hành hiện tại của Công ty). Giá chào bán cổ phiếu là 11.500 đồng/cổ phiếu. Thu nhập trên mỗi cổ phiếu của Công ty (EPS) năm 2021 là 520,96 đồng/cổ phiếu. Như vậy, mức P/E là 22,07 lần. So với mặt bằng P/E của ngành và trên thị trường hiện tại đây là mức hợp lý.

Với diễn biến thị trường chứng khoán Việt Nam kể từ đầu năm 2021 đến nay khá thuận

lợi, dòng tiền đổ vào thị trường lớn. Chúng tôi đánh giá đợt chào bán có cơ sở để thành công.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

**XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

Không có.

*[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]*

Hà Nội, ngày 01 tháng 08 năm 2022

**ĐẠI DIỆN TỜ CHỨC PHÁT HÀNH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỄN THÔNG ELCOM**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**PHAN CHIẾN THẮNG**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

A blue ink signature.

**PHẠM MINH THẮNG**

**KÊ TOÁN TRƯỞNG**

A blue ink signature.

**ĐẶNG THỊ THANH MINH**

**ĐẠI DIỆN TỜ CHỨC TƯ VẤN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT - CHI NHÁNH HÀ NỘI**



**TRẦN THẮNG LONG**

## XII. PHỤ LỤC

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới nhất của Công ty;
2. Nghị quyết và Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 số 01/2022/NQ-DHĐCĐ ngày 26/01/2022 của Công ty;
3. Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty thông qua việc triển khai phương án chào bán cổ phiếu và một số vấn đề liên quan số 03-03/2022/NQ-HĐQT ngày 14 tháng 03 năm 2022;
4. Điều lệ Công ty;
5. Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2020, năm 2021 đã được kiểm toán của Công ty;
6. Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất Quý 2 năm 2022 của Công ty;

*[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]*



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

**Mã số doanh nghiệp: 0101435127**

*Đăng ký lần đầu: ngày 18 tháng 07 năm 2003*

*Đăng ký thay đổi lần thứ: 27, ngày 09 tháng 05 năm 2022*

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỄN THÔNG ELCOM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ELCOM TECHNOLOGY COMMUNICATIONS CORPORATION

Tên công ty viết tắt: ELCOM CORP

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

*Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Điện thoại: (84-24) 38359359

Fax: (84-24) 38355884

Email: [hn.info@elcom.com.vn](mailto:hn.info@elcom.com.vn)

Website: <http://www.elcom.com.vn>

**3. Vốn điều lệ**

Vốn điều lệ: 509.282.430.000 đồng.

*Bằng chữ: Năm trăm lẻ chín tỷ hai trăm tám mươi hai triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng*

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 50.928.243

**4. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

\* Họ và tên: PHAN CHIÊN THẮNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 25/01/1971

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 040071022294

Ngày cấp: 24/06/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Căn hộ số 1906, tòa P02, Khu đô thị Nam Thăng Long, TDP Nam Thăng Long, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Căn hộ số 1906, tòa P02, Khu đô thị Nam Thăng Long, TDP Nam Thăng Long, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

\* Họ và tên: PHAM MINH THẮNG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: *10/04/1977*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *024077000643*

Ngày cấp: *20/07/2020*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về  
Trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Đội 3, Xã Tả Thanh Oai, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội,  
Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Đội 3, Xã Tả Thanh Oai, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt  
Nam*

**TRƯỞNG PHÒNG**



*Đỗ Văn Tình*



**BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2022  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ  
ĐIỆN TỬ - VIỄN THÔNG**

Hôm nay, vào hồi 9 giờ 30 phút ngày 26 tháng 01 năm 2022, tại Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ điện tử - viễn thông (mã số doanh nghiệp 0101435127) đã tổ chức phiên họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 ("Đại hội").

**I. THÀNH PHẦN THAM DỰ**

1. Tại thời điểm 9 giờ 30 phút, tham dự Đại hội có 46 cổ đông và đại diện theo ủy quyền của cổ đông, đại diện cho 28.015.256 cổ phần, chiếm 55,128% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
2. Các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban điều hành Công ty.

**II. NỘI DUNG VÀ DIỄN BIẾN ĐẠI HỘI**

**A. Thông báo kết quả đăng ký dự họp**

Đại hội đã nghe bà Ngô Kiều Anh - Trưởng ban kiểm soát Báo cáo kết quả cổ đông đăng ký dự họp. Dựa trên số liệu cổ đông đăng ký tham gia dự họp, Đại hội đồng cổ đông Công ty đủ điều kiện để tiến hành họp lệ và đúng pháp luật.

**B. Bầu Đoàn chủ tịch**

Để điều hành Đại hội, Đại hội đã biểu quyết nhất trí thông qua Đoàn Chủ tịch gồm các thành viên sau đây:

1. Ông Phan Chiến Thắng, chủ tịch HĐQT
2. Ông Nguyễn Đức Thiện, thành viên HĐQT: Chủ tọa điều hành Đại hội theo ủy quyền của Chủ tịch HĐQT Công ty
3. Ông Phạm Minh Thắng, Tổng Giám đốc

ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua Đoàn chủ tịch như trên với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 99,992% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp

**C. Bầu Ban kiểm phiếu và cử Ban thư ký**

- Chủ tọa Đại hội đã chỉ định bà Trần Hoàng Hà - Thư ký Văn phòng HĐQT làm thư ký cuộc họp ĐHĐCĐ.
- Ban kiểm phiếu của ĐHĐCĐ bao gồm các thành viên: Bà Ngô Kiều Anh (Trưởng ban - Trưởng BKS), bà Vũ Thị Ngân Hà (Thành viên) và bà Nguyễn Thị Minh Hiền (Thành viên). ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua Ban kiểm phiếu như trên với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 99,962% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

#### D. Thông qua nội dung chương trình Đại hội

DHĐCĐ đã biểu quyết thông qua Chương trình họp ĐHĐCĐ với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 99,98% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

#### E. Thông qua Quy chế tổ chức họp ĐHĐCĐ

DHĐCĐ đã biểu quyết thông qua Quy chế tổ chức họp với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 99,98% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

#### F. Trình bày các Tờ trình về các nội dung xin ý kiến biểu quyết tại ĐHĐCĐ:

- Ông Nguyễn Đức Thiện, thành viên Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị trình bày các Tờ trình để thảo luận và biểu quyết thông qua tại Đại hội, gồm:
  - (1) Tờ trình thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty;
  - (2) Tờ trình thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động;
  - (3) Tờ trình thông qua việc sửa đổi, bổ sung cập nhật ngành nghề kinh doanh;
  - (4) Tờ trình thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;

#### G. Các ý kiến phát biểu tại Đại hội:

**Câu hỏi 1:** Công ty có thể chia sẻ thêm về kết quả kinh doanh năm 2021 doanh thu và lợi nhuận sau thuế? Tỷ trọng doanh thu, lợi nhuận năm 2021 theo các mảng kinh doanh.

**Trả lời:** Về kết quả kinh doanh năm 2021, Công ty đã hoàn thành vượt gần 30% lợi nhuận sau thuế, doanh thu đạt khoảng gần 80% kế hoạch ĐHĐCĐ đề ra. Kết quả này chủ yếu đến từ 3 mảng kinh doanh chính của Công ty (Giao thông thông minh, viễn thông và an ninh quốc phòng). Về cơ cấu doanh thu, lợi nhuận hiện 3 mảng này chiếm tỷ trọng khá cân bằng nhau.

**Câu hỏi 2:** Mục đích huy động vốn của Công ty trong đợt phát hành này là gì?

**Trả lời:** Số tiền thu được từ đợt phát hành sẽ phục vụ cho việc đầu tư nghiên cứu, phát triển các sản phẩm công nghệ mang tính chiến lược như các dòng sản phẩm cho người dùng cuối và đẩy mạnh sản xuất, thương mại các dòng sản phẩm như camera AI; bổ sung vốn lưu động cho công ty.

**Câu hỏi 3:** Công ty có thể chia sẻ về tình hình kinh doanh của Công ty và mục tiêu chiến lược sắp tới không?

**Trả lời:** Về định hướng chiến lược cho giai đoạn 2022 – 2025, Công ty tập trung phát triển một số lĩnh vực kinh doanh chính như Giao thông thông minh, An ninh quốc phòng, Viễn thông và 1 số dịch vụ người dùng cuối hướng tới mục tiêu tăng trưởng ổn định, phát triển bền vững.

Với mảng giao thông thông minh, việc Chính phủ đang đẩy mạnh đầu tư các tuyến đường cao tốc Bắc Nam, dự kiến đến năm 2025-2026 sẽ phải hoàn thành 24 tuyến đường cao tốc có lắp đặt hệ thống giao thông thông minh. Đây là một cơ hội kinh doanh rất lớn cho ELCOM. Hiện tại, ELCOM đã ký kết một số hợp đồng lớn cung cấp giải pháp giao thông thông minh trên các tuyến này như Cầu Giẽ - Ninh Bình, Diễn Châu – Bãi Vọt,.... Các giải pháp giao thông thông minh do ELCOM nghiên cứu, phát triển và làm chủ về mặt công nghệ nên hàm lượng chất xám khá cao, tỷ lệ lợi nhuận biên khá lớn.



Mảng An ninh quốc phòng, ELCOM có bề dày kinh nghiệm trong việc triển khai các dự án lớn với các sản phẩm phù hợp với thị trường đặc thù này như nhóm giải pháp về giám sát an ninh, giám sát vệ tinh .... Theo đó, tỷ trọng doanh thu của mảng này thường khá ổn định.

Mảng Viễn thông vẫn tiếp tục là mảng kinh doanh cốt lõi của ELCOM nhưng tỷ trọng doanh thu có thể giảm trong cơ cấu doanh thu của công ty. Ngoài ra, các dịch vụ cho người dùng cuối như Colearn, 1SK dự kiến sẽ mang lại nguồn doanh thu, lợi nhuận ổn định trong những năm tới. Bên cạnh đó, Công ty cũng đã chuẩn bị triển khai một số dự án trọng điểm trong lĩnh vực bất động sản.

### III. BIỂU QUYẾT VÀ KẾT QUẢ KIỂM PHIẾU

Tại thời điểm 10 giờ 26 phút, tham dự Đại hội có 68 cổ đông và đại diện theo ủy quyền của cổ đông, đại diện cho 31.327.566 cổ phần chiếm 61,646% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Bà Ngô Kiều Anh - Trưởng ban kiểm phiếu thay mặt Ban kiểm phiếu đã công bố kết quả kiểm phiếu như sau:

- Tổng số thẻ biểu quyết phát ra: 68, đại diện cho 31.327.566 cổ phần bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp.
- Số thẻ biểu quyết thu về: 66, đại diện cho 31.305.566 cổ phần, chiếm 99,930% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp.
- Tổng số thẻ biểu quyết không thu về: 2, đại diện cho 22.000 cổ phần, chiếm 0,07% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp.

**Nội dung 1:** Thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty (Theo các Nội dung cụ thể tại Tờ trình số 01/2022/TT-ĐHĐCĐ, Phụ lục 1, Phụ lục 2 ngày 05/01/2022).

#### ***Kết quả biểu quyết như sau:***

- Hình thức biểu quyết: Biểu quyết bằng phiếu biểu quyết, mỗi cổ phần tương ứng với 01 phiếu biểu quyết.
- Tổng số phiếu biểu quyết: 31.327.566 phiếu, chiếm 100,00% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu hợp lệ: 31.305.566 phiếu, chiếm 99,930% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu biểu quyết tán thành: 31.300.166 phiếu, chiếm 99,913% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu biểu quyết không tán thành: 500 phiếu, chiếm 0,002% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu biểu quyết không có ý kiến: 4.900 phiếu, chiếm 0,016% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Kết quả: Thông qua với tỷ lệ tán thành đạt 99,913% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

**Nội dung 2:** Thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (Theo Tờ trình số 02/2022/TT-ĐHĐCĐ ngày 05/01/2022).

**a. Chưa loại trừ số phiếu biểu quyết của cán bộ nhân viên và người có liên quan**

**Kết quả biểu quyết như sau:**

- Hình thức biểu quyết: Biểu quyết bằng phiếu biểu quyết, mỗi cổ phần tương ứng với 01 phiếu biểu quyết.
- Tổng số phiếu biểu quyết: 31.327.566 phiếu, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu hợp lệ: 31.305.566 phiếu, chiếm 99,930% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu biểu quyết tán thành: 31.286.166 phiếu, chiếm 99,868% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu biểu quyết không tán thành: 14.200 phiếu, chiếm 0,045% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu biểu quyết không có ý kiến: 5.200 phiếu, chiếm 0,017% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Kết quả: Thông qua với tỷ lệ tán thành đạt 99,868% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

**b. Đã loại trừ số phiếu biểu quyết của cán bộ nhân viên và người có liên quan**

**Kết quả biểu quyết như sau:**

- Hình thức biểu quyết: Biểu quyết bằng phiếu biểu quyết, mỗi cổ phần tương ứng với 01 phiếu biểu quyết.
- Tổng số phiếu biểu quyết: 8.249.600 phiếu, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp đã loại trừ số phiếu của cán bộ nhân viên và người liên quan.
- Tổng số phiếu hợp lệ: 8.227.600 phiếu, chiếm 99,733% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp đã loại trừ số phiếu của cán bộ nhân viên và người có liên quan.
- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp đã loại trừ số phiếu của cán bộ nhân viên và người có liên quan.
- Tổng số phiếu biểu quyết tán thành: 8.208.200 phiếu, chiếm 99,498% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp đã loại trừ số phiếu của cán bộ nhân viên và người có liên quan.
- Tổng số phiếu biểu quyết không tán thành: 14.200 phiếu, chiếm 0,172% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp đã loại trừ số phiếu của cán bộ nhân viên và người có liên quan.
- Tổng số phiếu biểu quyết không có ý kiến: 5.200 phiếu, chiếm 0,063% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp đã loại trừ số phiếu của cán bộ nhân viên và người có liên quan.
- Kết quả: Thông qua với tỷ lệ tán thành đạt 99,498% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp đã loại trừ số phiếu của cán bộ nhân viên và người có liên quan.

**Nội dung 3:** Thông qua việc sửa đổi, bổ sung, cập nhật ngành nghề kinh doanh và sửa đổi Điều lệ Công ty phù hợp với nội dung bổ sung ngành nghề (Theo Tờ trình số 03/2022/TT-ĐHĐCĐ, Phụ lục số 03 ngày 05/01/2022).

***Kết quả biểu quyết như sau:***

- Hình thức biểu quyết: Biểu quyết bằng phiếu biểu quyết, mỗi cổ phần tương ứng với 01 phiếu biểu quyết.
- Tổng số phiếu biểu quyết: 31.327.566 phiếu, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu hợp lệ: 31.305.566 phiếu, chiếm 99,930% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu biểu quyết tán thành: 31.298.561 phiếu, chiếm 99,907% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu biểu quyết không tán thành: 0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu biểu quyết không có ý kiến: 7.005 phiếu, chiếm 0,022% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Kết quả: Thông qua với tỷ lệ tán thành đạt 99,907% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

**Nội dung 4:** Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (Theo Tờ trình số 04/2022/TT-ĐHĐCĐ, Phụ lục số 03 ngày 05/01/2022).

***Kết quả biểu quyết như sau:***

- Hình thức biểu quyết: Biểu quyết bằng phiếu biểu quyết, mỗi cổ phần tương ứng với 01 phiếu biểu quyết.
- Tổng số phiếu biểu quyết: 31.327.566 phiếu, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu hợp lệ: 31.305.566 phiếu, chiếm 99,930% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu biểu quyết tán thành: 31.299.361 phiếu, chiếm 99,910% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu biểu quyết không tán thành: 0 phiếu, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số phiếu biểu quyết không có ý kiến: 6.205 phiếu, chiếm 0,020% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Kết quả: Thông qua với tỷ lệ tán thành đạt 99,910% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

#### **IV. CÁC NỘI DUNG ĐƯỢC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA**

1. Thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty (Theo các Nội dung cụ thể tại Tờ trình số 01/2022/TT-ĐHĐCĐ, Phụ lục 1, Phụ lục 2 ngày 05/01/2022 đính kèm).

**Phương án phát hành tổng thể:**

Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ điện tử - viễn thông
Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	10.000 đồng/cổ phiếu
Vốn điều lệ trước khi phát hành	509.282.430.000 đồng ( <i>Năm trăm linh chín tỷ, hai trăm tám mươi hai triệu, bốn trăm ba mươi nghìn đồng</i> )
Số lượng cổ phiếu trước khi phát hành	50.928.243 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50.818.648 cổ phiếu
Cổ phiếu quỹ	109.595 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu phát hành thêm	Tối đa 19.843.449 cổ phiếu
Trong đó:	
- Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (tỷ lệ 100:15)	Tối đa 7.639.236 cổ phiếu
- Chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá 11.500 đồng/cổ phiếu (tỷ lệ 100:22)	Tối đa 11.204.213 cổ phiếu
- Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động với giá 10.000 đồng/cổ phiếu, chi tiết theo Tờ trình số 02/2022/TT-ĐHĐCĐ ngày 05/01/2022	Tối đa 1.000.000 cổ phiếu
Mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành	Bổ sung vốn lưu động cho công ty, đầu tư nghiên cứu công nghệ và mở rộng sản xuất kinh doanh
Thời gian dự kiến phát hành	Năm 2022 hoặc thời hạn khác theo Quyết định của HĐQT, ngay sau khi được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận. Việc phát hành có thể thực hiện thành nhiều đợt theo quyết định của HĐQT.

Số lượng cổ phiếu sau khi phát hành	Tối đa 70.771.692 cổ phiếu
Vốn điều lệ sau khi phát hành	Tối đa 707.716.920.000 đồng ( <i>Bảy trăm linh bảy tỷ, bảy trăm mười sáu triệu, chín trăm hai mươi nghìn đồng</i> )

Nội dung chi tiết của Phương án phát hành theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 đính kèm.

### **Đánh giá mức độ pha loãng cổ phần dự kiến sau khi phát hành**

Trong đợt phát hành có thể xuất hiện rủi ro pha loãng cổ phiếu, bao gồm: Pha loãng về giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền; Pha loãng thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS); Pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (BVPS); Pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết.

### **Thông qua việc đăng ký lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung**

Ngay sau khi hoàn tất đợt phát hành, Công ty cam kết sẽ thực hiện đăng ký chứng khoán bổ sung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (“VSD”)/Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh toàn bộ số lượng cổ phiếu đã phát hành theo đúng quy định của Pháp luật.

### **Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT:**

- Thực hiện việc phát hành cổ phiếu và quyết định, thực hiện thủ tục phân phối cổ phiếu theo các phương án phát hành chi tiết;
- Quyết định chi tiết nội dung phương án phát hành cổ phiếu và/hoặc sửa đổi, bổ sung, thay đổi phương án phát hành khi cần thiết theo tình hình thực tế của Công ty hoặc theo yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền để đảm bảo đợt phát hành được thành công cũng như việc huy động vốn của Công ty được thực hiện đúng quy định Pháp luật, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và Công ty;
- Quyết định số lượng cổ phiếu phát hành theo số lượng cổ phiếu đang lưu hành thực tế tại thời điểm triển khai phương án phát hành;
- Quyết định thứ tự triển khai các phần phát hành phù hợp với số lượng cổ phiếu phát hành đối với từng phần ;
- Lựa chọn thời điểm thích hợp để thực hiện chào bán, phát hành cổ phiếu sau khi được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận;
- Cân đối và quyết định nguồn vốn sử dụng để phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu;
- Quyết định phương án sử dụng vốn cụ thể và chủ động điều chỉnh phương án sử dụng vốn, mục đích sử dụng vốn trong trường hợp cần thiết và phù hợp với tình hình thực tế của Công ty;
- Tiến hành các thủ tục sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty sau khi hoàn tất việc phát hành theo quy mô vốn điều lệ mới tăng thêm;
- Triển khai các công việc, thủ tục pháp lý cần thiết để thay đổi vốn điều lệ trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau khi hoàn tất việc phát hành theo quy mô vốn điều lệ mới tăng thêm;

- Thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký chứng khoán bổ sung tại VSD và đăng ký niêm yết bổ sung tại HOSE toàn bộ số lượng cổ phiếu thực tế phát hành theo quy định của Pháp luật;
  - Ngoài những nội dung ủy quyền trên đây, trong quá trình thực hiện phương án phát hành, HĐQT ủy quyền cho Hội đồng quản trị bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh phương án phát hành (bao gồm cả quyết định về các nội dung chưa được trình bày trong phương án tăng vốn này) theo yêu cầu của Cơ quan quản lý Nhà nước sao cho việc huy động vốn của Công ty được thực hiện hợp pháp, đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và Công ty;
  - Các nội dung khác để đảm bảo thực hiện Phương án phát hành tổng thể này.
- 2. Thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (Theo Tờ trình số 01/2022/TT-HĐCĐ ngày 05/01/2022)**

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ điện tử - viễn thông
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phiếu
Đối tượng phát hành:	Cán bộ nòng cốt đóng góp cho sự thành công trong kết quả kinh doanh của Công ty.
Số lượng phát hành:	Tối đa 1.000.000 (Một triệu) cổ phiếu
Giá phát hành:	10.000 đồng/cổ phiếu
Thời gian thực hiện dự kiến:	Năm 2022 hoặc thời hạn khác theo quyết định của HĐQT
Mục đích:	Gắn kết lợi ích của nhân viên và Công ty Bổ sung thêm vốn lưu động cho Công ty
Hạn chế chuyển nhượng	Hạn chế chuyển nhượng 1 năm kể từ ngày kết thúc phát hành
Điều kiện khác	Cổ phiếu được đăng ký, lưu ký bổ sung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam ("VSD")/ Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và niêm yết bổ sung tại Sở giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh ("HOSE").

**Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT:**

- Quyết định triển khai thực hiện phát hành và quyết định việc sửa đổi, bổ sung, hoàn chỉnh nội dung phương án phát hành cổ phiếu để phù hợp với tình hình thực tế phát hành, quy định của pháp luật và yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền để đảm bảo đợt phát hành được thành công;

- Quyết định nội dung và ban hành Quy chế phát hành (bao gồm nhưng không hạn chế tiêu chuẩn người lao động được tham gia chương trình, nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng) để thực hiện phương án này;
  - Quyết định thời điểm phát hành ESOP phù hợp;
  - Quyết định danh sách người lao động đủ điều kiện tham gia chương trình;
  - Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài trong trường hợp phát hành cổ phiếu cho người lao động là nhà đầu tư nước ngoài;
  - Sửa đổi Điều lệ Công ty và thực hiện thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp của Công ty về phần/nội dung vốn điều lệ căn cứ kết quả phát hành;
  - Thực hiện các thủ tục đăng ký, lưu ký chứng khoán bổ sung tại VSD và đăng ký niêm yết bổ sung tại HOSE toàn bộ cổ phiếu phát hành thêm này;
  - Tùy từng trường hợp cụ thể, HĐQT được ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT để thực hiện một hoặc một số công việc cụ thể nêu trên.
3. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung, cập nhật ngành nghề kinh doanh và sửa đổi Điều lệ Công ty phù hợp với nội dung bổ sung ngành nghề (Theo Tờ trình số 03/2022/TT-ĐHĐCĐ, Phụ lục số 03 ngày 05/01/2022).
  4. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (Theo Tờ trình số 04/2022/TT-ĐHĐCĐ, Phụ lục số 04 ngày 05/01/2022).

#### V. THÔNG QUA BIÊN BẢN ĐẠI HỘI

Biên bản này được lập vào hồi 11 giờ 30 phút ngày 26 tháng 01 năm 2022.

Biên bản này được đọc lại trước toàn thể Đại hội và được số cổ đông đại diện cho 99,97% số cổ phần có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội biểu quyết đồng ý thông qua./.

THƯ KÝ



TRẦN HOÀNG HÀ



NGUYỄN ĐỨC THIÊN

Số: 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2022**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ**  
**ĐIỆN TỬ - VIỄN THÔNG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ hoạt động của Công ty CP đầu tư phát triển công nghệ điện tử - viễn thông;
- Căn cứ theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 số 01/2022/BB-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 01 năm 2022 của Công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ điện tử - viễn thông.

**QUYẾT NGHỊ**

**Điều 1.** Thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty (Theo các nội dung cụ thể tại Tờ trình số 01/2022/TT-ĐHĐCĐ, Phụ lục 1, Phụ lục 2 ngày 05/01/2022 đính kèm).

**Phương án phát hành tổng thể:**

Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ điện tử - viễn thông
Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	10.000 đồng/cổ phiếu
Vốn điều lệ trước khi phát hành	509.282.430.000 đồng (Năm trăm linh chín tỷ, hai trăm tám mươi hai triệu, bốn trăm ba mươi nghìn đồng)
Số lượng cổ phiếu trước khi phát hành	50.928.243 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50.818.648 cổ phiếu
Cổ phiếu quỹ	109.595 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu phát hành thêm	Tối đa 19.843.449 cổ phiếu



Trong đó:	
- Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (tỷ lệ 100:15)	Tối đa 7.639.236 cổ phiếu
- Chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá 11.500 đồng/cổ phiếu (tỷ lệ 100:22)	Tối đa 11.204.213 cổ phiếu
- Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động với giá 10.000 đồng/cổ phiếu, chi tiết theo Tờ trình số 02/2022/TT-ĐHĐCĐ ngày 05/01/2022	Tối đa 1.000.000 cổ phiếu
Mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành	Bổ sung vốn lưu động cho công ty, đầu tư nghiên cứu công nghệ và mở rộng sản xuất kinh doanh
Thời gian dự kiến phát hành	Năm 2022 hoặc thời hạn khác theo Quyết định của HĐQT, ngay sau khi được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận. Việc phát hành có thể thực hiện thành nhiều đợt theo quyết định của HĐQT.
Số lượng cổ phiếu sau khi phát hành	Tối đa 70.771.692 cổ phiếu
Vốn điều lệ sau khi phát hành	Tối đa 707.716.920.000 đồng (Bảy trăm linh bảy tỷ, bảy trăm mười sáu triệu, chín trăm hai mươi nghìn đồng)

Nội dung chi tiết của Phương án phát hành theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 đính kèm.

#### **Đánh giá mức độ pha loãng cổ phần dự kiến sau khi phát hành**

Trong đợt phát hành có thể xuất hiện rủi ro pha loãng cổ phiếu, bao gồm: Pha loãng về giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền; Pha loãng thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS); Pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (BVPS); Pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết.

#### **Thông qua việc đăng ký lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung**

Ngay sau khi hoàn tất đợt phát hành, Công ty cam kết sẽ thực hiện đăng ký chứng khoán bổ sung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (“VSD”)/Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh toàn bộ số lượng cổ phiếu đã phát hành theo đúng quy định của Pháp luật.

**Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT:**

- Thực hiện việc phát hành cổ phiếu và quyết định, thực hiện thủ tục phân phối cổ phiếu theo các phương án phát hành chi tiết;
- Quyết định chi tiết nội dung phương án phát hành cổ phiếu và/hoặc sửa đổi, bổ sung, thay đổi phương án phát hành khi cần thiết theo tình hình thực tế của Công ty hoặc theo yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền để đảm bảo đợt phát hành được thành công cũng như việc huy động vốn của Công ty được thực hiện đúng quy định Pháp luật, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và Công ty;
- Quyết định số lượng cổ phiếu phát hành theo số lượng cổ phiếu đang lưu hành thực tế tại thời điểm triển khai phương án phát hành;
- Quyết định thứ tự triển khai các phần phát hành phù hợp với số lượng cổ phiếu phát hành đối với từng phần ;
- Lựa chọn thời điểm thích hợp để thực hiện chào bán, phát hành cổ phiếu sau khi được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận;
- Cân đối và quyết định nguồn vốn sử dụng để phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu;
- Quyết định phương án sử dụng vốn cụ thể và chủ động điều chỉnh phương án sử dụng vốn, mục đích sử dụng vốn trong trường hợp cần thiết và phù hợp với tình hình thực tế của Công ty;
- Tiến hành các thủ tục sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty sau khi hoàn tất việc phát hành theo quy mô vốn điều lệ mới tăng thêm;
- Triển khai các công việc, thủ tục pháp lý cần thiết để thay đổi vốn điều lệ trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau khi hoàn tất việc phát hành theo quy mô vốn điều lệ mới tăng thêm;
- Thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký chứng khoán bổ sung tại VSD và đăng ký niêm yết bổ sung tại HOSE toàn bộ số lượng cổ phiếu thực tế phát hành theo quy định của Pháp luật;
- Ngoài những nội dung ủy quyền trên đây, trong quá trình thực hiện phương án phát hành, ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh phương án phát hành (bao gồm cả quyết định về các nội dung chưa được trình bày trong phương án tăng vốn này) theo yêu cầu của Cơ quan quản lý Nhà nước sao cho việc huy động vốn của Công ty được thực hiện hợp pháp, đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và Công ty;
- Các nội dung khác để đảm bảo thực hiện Phương án phát hành tổng thể này.

**Điều 2.** Thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (Theo Tờ trình số 01/2022/TT-ĐHĐCĐ ngày 05/01/2022)

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ điện tử - viễn thông
---------------	---

Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phiếu
Đối tượng phát hành:	Cán bộ nòng cốt đóng góp cho sự thành công trong kết quả kinh doanh của Công ty.
Số lượng phát hành:	Tối đa 1.000.000 (Một triệu) cổ phiếu
Giá phát hành:	10.000 đồng/cổ phiếu
Thời gian thực hiện dự kiến:	Năm 2022 hoặc thời hạn khác theo quyết định của HĐQT
Mục đích:	Gắn kết lợi ích của nhân viên và Công ty Bổ sung thêm vốn lưu động cho Công ty
Hạn chế chuyển nhượng	Hạn chế chuyển nhượng 1 năm kể từ ngày kết thúc phát hành
Điều kiện khác	Cổ phiếu được đăng ký, lưu ký bổ sung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (“VSD”)/ Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và niêm yết bổ sung tại Sở giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh (“HOSE”).

**Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT:**

- Quyết định triển khai thực hiện phát hành và quyết định việc sửa đổi, bổ sung, hoàn chỉnh nội dung phương án phát hành cổ phiếu để phù hợp với tình hình thực tế phát hành, quy định của pháp luật và yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền để đảm bảo đợt phát hành được thành công;
- Quyết định nội dung và ban hành Quy chế phát hành (bao gồm nhưng không hạn chế tiêu chuẩn người lao động được tham gia chương trình, nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng) để thực hiện phương án này;
- Quyết định thời điểm phát hành ESOP phù hợp;
- Quyết định danh sách người lao động đủ điều kiện tham gia chương trình;
- Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài trong trường hợp phát hành cổ phiếu cho người lao động là nhà đầu tư nước ngoài;
- Sửa đổi Điều lệ Công ty và thực hiện thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp của Công ty về phần/nội dung vốn điều lệ căn cứ kết quả phát hành;
- Thực hiện các thủ tục đăng ký, lưu ký chứng khoán bổ sung tại VSD và đăng ký niêm yết bổ sung tại HOSE toàn bộ cổ phiếu phát hành thêm này;
- Tùy từng trường hợp cụ thể, HĐQT được ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT để thực hiện một hoặc một số công việc cụ thể nêu trên.

- Điều 3.** Thông qua việc sửa đổi, bổ sung, cập nhật ngành nghề kinh doanh và sửa đổi Điều lệ Công ty phù hợp với nội dung bổ sung ngành nghề (Theo các nội dung cụ thể tại Tờ trình số 03/2022/TT-ĐHĐCĐ, Phụ lục 03 ngày 05/01/2022).
- Điều 4.** Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (Theo các nội dung cụ thể tại Tờ trình số 04/2022/TT-ĐHĐCĐ, Phụ lục số 04 ngày 05/01/2022).
- Điều 5. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 của Công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ điện tử - viễn thông thông qua toàn văn tại cuộc họp. Hội đồng quản trị căn cứ nội dung Nghị quyết này để thực hiện.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**NGUYỄN ĐỨC THIÊN**

**PHỤ LỤC 1 : PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TĂNG VỐN  
ĐIỀU LỆ TỪ NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

*(Đính kèm Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường ngày 26/01/2022 của Công ty  
Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ điện tử - viễn thông)*

1	Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành :	Tối đa 7.639.236 cổ phiếu Số lượng cổ phiếu phát hành căn cứ theo tỷ lệ thực hiện quyền trên số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty và thực hiện theo phương pháp làm tròn xuống đến hàng đơn vị.
2	Tổng giá trị phát hành dự kiến theo mệnh giá:	Tối đa 76.392.360.000 đồng (Bảy mươi sáu tỷ, ba trăm chín mươi hai triệu, ba trăm sáu mươi nghìn đồng)
3	Tỷ lệ thực hiện quyền:	100:15 (Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền, cổ đông sở hữu 100 quyền sẽ được nhận thêm 15 cổ phiếu mới).
4	Đối tượng phát hành:	Tất cả cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty tại ngày chốt danh sách cổ đông để phát hành.
5	Nguồn vốn sử dụng:	Từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khác (nếu có) theo Báo cáo tài chính ký gần nhất được kiểm toán của Công ty. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT cân đối và quyết định nguồn vốn sử dụng theo quy định của pháp luật hiện hành.
6	Nguyên tắc làm tròn và phương án xử lý cổ phiếu lẻ:	Sau khi nhân với tỷ lệ thực hiện quyền, số lượng cổ phiếu phát hành sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ được hủy bỏ. Ví dụ : Cổ đông A sở hữu 155 cổ phiếu, với tỷ lệ thực hiện quyền 100:15 thì số cổ phiếu mà cổ đông A nhận được là : $155 \times 15 / 100 = 23,2$ cổ phiếu. Theo nguyên tắc làm tròn ở trên thì số cổ phiếu mới mà cổ đông A được nhận là 23 cổ phiếu. Số cổ phiếu lẻ (0,2 cổ phiếu) sẽ được hủy bỏ.
7	Hạn chế chuyển nhượng:	Cổ phiếu phát hành thêm không bị hạn chế chuyển nhượng.

**PHỤ LỤC 2: PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU THEO PHƯƠNG THỨC THỰC HIỆN QUYỀN MUA**

*(Đính kèm Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường ngày 26/01/2022 của Công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ điện tử - viễn thông)*

1	Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán:	Tối đa 11.204.213 cổ phiếu
2	Tổng giá trị chào bán (theo mệnh giá):	Tối đa 112.042.130.000 đồng (Một trăm mười hai tỷ, không trăm bốn mươi hai triệu, một trăm ba mươi nghìn đồng)
3	Giá chào bán:	11.500 (Mười một nghìn, năm trăm) đồng/cổ phiếu
4	Tổng số tiền huy động theo giá chào bán dự kiến :	Tối đa 128.848.449.500 (Một trăm hai mươi tám tỷ, tám trăm bốn mươi tám triệu, bốn trăm bốn mươi chín nghìn, năm trăm đồng)
5	Mục đích sử dụng vốn, phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán	Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán là 128.848.449.500 đồng được sử dụng vào các mục đích sau: bổ sung vốn lưu động cho công ty, đầu tư nghiên cứu công nghệ và mở rộng sản xuất kinh doanh.
6	Tỷ lệ thực hiện quyền:	100:22 (Tại ngày chốt danh sách để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền, cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được mua 22 cổ phiếu mới). Số cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.  Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách, cổ đông A sở hữu 155 cổ phiếu sẽ được hưởng 155 quyền. Khi đó, số cổ phiếu phát hành thêm cổ đông A được mua như sau: $155 \times 22 / 100 = 34,1$ cổ phiếu. Sau khi làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phiếu mà cổ đông A được quyền mua là 34 cổ phiếu.
7	Phương thức chào bán:	Chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua.
8	Đối tượng chào bán:	Cổ đông hiện hữu theo danh sách cổ đông được chốt tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm.

9	Chuyển nhượng quyền mua:	<p>Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho người khác trong thời gian quy định và chỉ được chuyển nhượng 01 lần (người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng cho người thứ ba). Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng, thanh toán tiền và chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định liên quan đến việc chuyển nhượng.</p> <p>Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách, cổ đông A sở hữu 300 cổ phần sẽ được hưởng 300 quyền mua. Cổ đông A có thể chuyển nhượng 200 quyền mua cho nhà đầu tư B và chuyển nhượng 100 quyền mua cho nhà đầu tư C. Nhà đầu tư B và C không được chuyển nhượng tiếp quyền mua cho người thứ ba.</p>
11	Phương thức xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký mua, không nộp tiền mua (cổ phiếu còn dư)	<p>Số cổ phiếu lẻ và số cổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký mua, không nộp tiền mua trong đợt chào bán (số cổ phiếu còn dư) sẽ được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện phân phối cho các đối tượng khác (bao gồm các cổ đông hiện hữu khác và Nhà đầu tư khác) với giá chào bán không thấp hơn mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu nhưng được phép thấp hơn giá trị sổ sách của cổ phiếu và giá thị trường của cổ phiếu tại thời điểm chào bán. Các điều kiện chào bán, điều kiện về quyền, nghĩa vụ của các nhà đầu tư không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu, hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.</p> <p>DHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT xây dựng tiêu chí và lựa chọn cổ đông/Nhà đầu tư khác có nhu cầu mua cổ phiếu còn dư.</p> <p>Trường hợp hết thời hạn phân phối cổ phiếu theo quy định pháp luật (bao gồm thời gian gia hạn nếu có) mà cổ phiếu vẫn chưa được phân phối hết thì số cổ phiếu chưa được phân phối hết này được hủy và HĐQT quyết định kết thúc đợt chào bán.</p>
12	Hạn chế chuyển nhượng	Cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu được tự

		<p>do chuyển nhượng.</p> <p>Cổ đông hiện hữu đang sở hữu cổ phiếu đang trong tình trạng hạn chế chuyển nhượng vẫn được nhận quyền mua cổ phiếu. Số lượng cổ phiếu mua thêm từ quyền mua không bị hạn chế chuyển nhượng.</p> <p>Số cổ phiếu còn dư khi được chào bán cho các cổ đông/Nhà đầu tư khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán theo đúng quy định.</p>
13	Chào mua công khai	<p>Đồng ý cho cổ đông/Nhà đầu tư (được HĐQT lựa chọn) khi thực hiện mua số cổ phiếu còn dư sẽ không phải thực hiện các thủ tục chào mua công khai theo quy định của Luật Chứng khoán nếu việc mua đó dẫn đến tỷ lệ sở hữu đạt hoặc vượt các tỷ lệ sở hữu quy định tại Khoản 1 Điều 35 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019.</p>
14	Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu	Không áp dụng
15	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài	<p>Giao và ủy quyền cho HĐQT thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.</p>



## **NGHỊ QUYẾT**

*V/v: Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu và một số vấn đề liên quan*

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ - VIỄN THÔNG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/01/2022 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 14/03/2022 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông;

### **QUYẾT NGHỊ**

#### **Điều 1: Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2022**

Hội đồng quản trị thống nhất thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu (đối với phần phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu) theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/01/2022 như sau:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 18.843.449 cổ phiếu
- Giá trị phát hành theo mệnh giá dự kiến: 188.434.490.000 đồng
- Mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành: Bổ sung vốn lưu động cho Công ty, đầu tư nghiên cứu công nghệ và mở rộng sản xuất kinh doanh

- Thời gian dự kiến phát hành: Năm 2022 sau khi được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận

**1. Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu**

Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành:	7.639.236 cổ phiếu
Tổng giá trị phát hành dự kiến theo mệnh giá:	76.392.360.000 đồng ( <i>Bảy mươi sáu tỷ, ba trăm chín mươi hai triệu, ba trăm sáu mươi nghìn đồng</i> )
Tỷ lệ thực hiện quyền:	100:15 (Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền, cổ đông sở hữu 100 quyền sẽ được nhận thêm 15 cổ phiếu mới).
Đối tượng phát hành:	Tất cả cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty tại ngày chốt danh sách cổ đông để phát hành.
Nguồn vốn sử dụng:	Từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến thời điểm 31/12/2021 theo Báo cáo tài chính riêng năm 2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP.
Nguyên tắc làm tròn và phương án xử lý cổ phiếu lẻ:	Sau khi nhân với tỷ lệ thực hiện quyền, số lượng cổ phiếu phát hành sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ được hủy bỏ.  <i>Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 155 cổ phiếu, với tỷ lệ thực hiện quyền 100:15 thì số cổ phiếu mà cổ đông A nhận được là: <math>155 \times 15 / 100 = 23,2</math> cổ phiếu. Theo nguyên tắc làm tròn ở trên thì số cổ phiếu mới mà cổ đông A được nhận là 23 cổ phiếu. Số cổ phiếu lẻ (0,2 cổ phiếu) sẽ được hủy bỏ.</i>
Hạn chế chuyển nhượng:	Cổ phiếu phát hành thêm không bị hạn chế chuyển nhượng.

**2. Phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua**

Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán:	11.204.213 cổ phiếu
Tổng giá trị chào bán (theo mệnh giá):	112.042.130.000 đồng ( <i>Một trăm mười hai tỷ, không trăm bốn mươi hai triệu, một trăm ba mươi nghìn đồng</i> )
Giá chào bán:	11.500 ( <i>Mười một nghìn, năm trăm</i> ) đồng/cổ phiếu
Tổng số tiền huy động theo giá chào bán dự kiến:	128.848.449.500 đồng ( <i>Một trăm hai mươi tám tỷ, tám trăm bốn mươi tám triệu, bốn trăm bốn mươi chín nghìn, năm trăm đồng</i> )

Mục đích sử dụng vốn, phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán	Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán là 128.848.449.500 đồng được sử dụng vào các mục đích sau: bổ sung vốn lưu động cho Công ty, đầu tư nghiên cứu công nghệ và mở rộng sản xuất kinh doanh.
Tỷ lệ thực hiện quyền:	100:22 (Tại ngày chốt danh sách để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền, cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được mua 22 cổ phiếu mới). Số cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.  <i>Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách, cổ đông A sở hữu 155 cổ phiếu sẽ được hưởng 155 quyền. Khi đó, số cổ phiếu phát hành thêm cổ đông A được mua như sau: <math>155 \times 22 / 100 = 34,1</math> cổ phiếu. Sau khi làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phiếu mà cổ đông A được quyền mua là 34 cổ phiếu.</i>
Phương thức chào bán:	Chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua.
Đối tượng chào bán:	Cổ đông hiện hữu theo danh sách cổ đông được chốt tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm.
Chuyển nhượng quyền mua:	Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho người khác trong thời gian quy định và chỉ được chuyển nhượng 01 lần (người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng cho người thứ ba). Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng, thanh toán tiền và chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định liên quan đến việc chuyển nhượng.  <i>Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách, cổ đông A sở hữu 300 cổ phần sẽ được hưởng 300 quyền mua. Cổ đông A có thể chuyển nhượng 200 quyền mua cho nhà đầu tư B và chuyển nhượng 100 quyền mua cho nhà đầu tư C. Nhà đầu tư B và C không được chuyển nhượng tiếp quyền mua cho người thứ ba.</i>

<p>Phương thức xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký mua, không nộp tiền mua (cổ phiếu còn dư)</p>	<p>Số cổ phiếu lẻ và số cổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký mua, không nộp tiền mua trong đợt chào bán (số cổ phiếu còn dư) sẽ được Hội đồng quản trị thực hiện phân phối cho các đối tượng khác (bao gồm các cổ đông hiện hữu khác và Nhà đầu tư khác) với giá chào bán không thấp hơn mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu nhưng được phép thấp hơn giá trị sổ sách của cổ phiếu và giá thị trường của cổ phiếu tại thời điểm chào bán. Các điều kiện chào bán, điều kiện về quyền, nghĩa vụ của các nhà đầu tư không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu, hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.</p> <p>HDQT xây dựng tiêu chí và lựa chọn cổ đông/Nhà đầu tư khác có nhu cầu mua cổ phiếu còn dư.</p> <p>Trường hợp hết thời hạn phân phối cổ phiếu theo quy định pháp luật (bao gồm thời gian gia hạn nếu có) mà cổ phiếu vẫn chưa được phân phối hết thì số cổ phiếu chưa được phân phối hết này được hủy và HDQT quyết định kết thúc đợt chào bán.</p>
<p>Hạn chế chuyển nhượng</p>	<p>Cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu được tự do chuyển nhượng.</p> <p>Cổ đông hiện hữu đang sở hữu cổ phiếu đang trong tình trạng hạn chế chuyển nhượng vẫn được nhận quyền mua cổ phiếu. Số lượng cổ phiếu mua thêm từ quyền mua không bị hạn chế chuyển nhượng.</p> <p>Số cổ phiếu còn dư khi được chào bán cho các cổ đông/Nhà đầu tư khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán theo đúng quy định.</p>
<p>Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu</p>	<p>Không áp dụng</p>

**Điều 2: Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài**

Căn cứ theo ngành nghề kinh doanh của Công ty hiện nay và các quy định khác có liên quan, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 49%. Công ty đã thực hiện thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty theo quy định tại Điều 142 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Công ty cam kết luôn đảm bảo tuân thủ đúng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa trước, trong và sau đợt phát hành là 49%.

Đối với phương án xử lý cổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký mua, không nộp tiền mua (cổ phiếu còn dư) trong đợt chào bán này, Hội đồng quản trị sẽ ưu tiên phân phối cho nhà đầu tư trong nước, trong trường hợp phân phối cho nhà đầu tư nước ngoài sẽ đảm bảo tuân thủ tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty không vượt quá 49% theo quy định.

**Điều 3: Thông qua phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu**

Tổng số tiền dự kiến thu được từ việc chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2022 là 128.848.449.500 đồng sẽ được Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông đầu tư vào các hạng mục cụ thể như sau:

STT	Mục đích sử dụng	Số tiền (đồng)	Thời gian dự kiến giải ngân
1	Bổ sung vốn lưu động: Mua hàng hóa, thiết bị, mua công cụ dụng cụ, nguyên vật liệu và dịch vụ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh (máy móc, thiết bị phần cứng, phần mềm, dịch vụ....)	87.278.092.310	Quý III/2022 – Quý I/2023
2	Đầu tư nghiên cứu công nghệ, mở rộng sản xuất kinh doanh: đầu tư nghiên cứu phát triển các dự án sản xuất Camera AI, dịch vụ người dùng cuối Colearn, 1SK.	41.570.357.190	Quý III/2022 – Quý I/2023
	<b>Tổng cộng</b>	<b>128.848.449.500</b>	

- Trong trường hợp số tiền thu được không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích dự kiến, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông sẽ thực hiện phân bổ lần lượt theo thứ tự ưu tiên như sau cho đến khi sử dụng hết tổng số tiền thu được từ đợt chào bán, cụ thể như sau:
  - (1) Mua hàng hóa, thiết bị, mua công cụ dụng cụ, nguyên vật liệu và dịch vụ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh (máy móc, thiết bị phần cứng, phần mềm, dịch vụ....): 87.278.092.310 đồng.
  - (2) Đầu tư nghiên cứu công nghệ, mở rộng sản xuất kinh doanh: đầu tư nghiên cứu phát triển các dự án sản xuất Camera AI, dịch vụ người dùng cuối Colearn, 1SK: 41.570.357.190 đồng.

**Điều 4: Thông qua cam kết niêm yết cổ phiếu sau khi kết thúc đợt phát hành**

Hội đồng quản trị Công ty cam kết thực hiện việc hoàn tất hồ sơ niêm yết cổ phiếu phát hành thêm của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh không chậm hơn ba mươi (30) ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

Thời gian thực hiện hoàn tất đăng ký niêm yết kể trên không bao gồm thời gian do cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền trì hoãn phê duyệt.

**Điều 5: Ủy quyền**

Thông qua việc ủy quyền cho Ông Phan Chiến Thắng - Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty thực hiện và ký các hồ sơ liên quan đến các công việc sau:

- Chủ động xây dựng, sửa đổi, bổ sung và giải trình hồ sơ phát hành cổ phiếu với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Lựa chọn thời điểm thích hợp để triển khai việc chào bán sau khi có quyết định chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

- Triển khai phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành phù hợp với mục đích phát hành, phương án sử dụng vốn đã được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty thông qua.
- Thực hiện các thủ tục cần thiết để thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và sửa đổi Điều lệ Công ty theo số vốn điều lệ mới sau khi hoàn thành đợt chào bán.
- Thực hiện việc báo cáo kết quả và công bố thông tin về đợt chào bán với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo đúng quy định hiện hành.
- Thực hiện các thủ tục, hồ sơ cần thiết để đăng ký niêm yết bổ sung trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và đăng ký chứng khoán bổ sung trên Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam sau khi hoàn tất đợt chào bán.
- Các công việc có liên quan khác đến đợt phát hành.

#### **Điều 6: Hiệu lực thi hành**

Các Ông/Bà thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các bộ phận và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký./.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 5, 6;
- Lưu VPHĐQT

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**PHAN CHIẾN THẮNG**



**ĐIỀU LỆ**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỄN THÔNG ELCOM**

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2022

# MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU .....	3
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	3
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	3
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY .....	3
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.....	4
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	5
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty .....	5
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.....	14
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP .....	14
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập .....	14
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu .....	14
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	15
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần .....	15
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT .....	15
Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	15
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	15
Điều 11. Quyền của cổ đông.....	15
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông.....	17
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông .....	20
Điều 16. Thay đổi các quyền .....	21
Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông .....	21
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông .....	22
Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	22
Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.....	24
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông .....	25
Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	26
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông .....	27
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	27
Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	27
Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị .....	28
Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.....	28
Điều 27. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị:.....	29
Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị:.....	30
Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị .....	31
Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị .....	32
Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty .....	32
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC .....	33
Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý.....	33
Điều 33. Người điều hành Công ty.....	33
Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc.....	33
IX. BAN KIỂM SOÁT .....	34
Điều 35. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) .....	34
Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	35
Điều 39. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	35
Điều 40. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....	36



X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC .....	36
Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	36
Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường .....	37
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY .....	37
Điều 43. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	37
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	38
Điều 44. Công nhân viên và công đoàn .....	38
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN .....	38
Điều 45. Phân phối lợi nhuận .....	38
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	38
Điều 46. Tài khoản ngân hàng .....	38
Điều 47. Năm tài chính.....	39
Điều 48. Chế độ kế toán.....	39
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG .....	39
Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý .....	39
Điều 50. Báo cáo thường niên .....	39
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	39
Điều 51. Kiểm toán.....	39
XVII. CON DẤU.....	40
Điều 52. Dấu của doanh nghiệp.....	40
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY .....	40
Điều 53. Giải thể công ty .....	40
Điều 54. Gia hạn hoạt động .....	40
Điều 55. Thanh lý .....	40
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	41
Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ .....	41
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	41
Điều 57. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ .....	41
XXI. NGÀY HIỆU LỰC .....	41
Điều 58. Ngày hiệu lực .....	41

## **PHẦN MỞ ĐẦU**

Điều lệ này được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tổ chức chính thức vào ngày 28 tháng 04 năm 2022.

### **I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ**

#### **Điều 1. Giải thích thuật ngữ**

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập Công ty và được quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
- b. "Vốn có quyền biểu quyết" là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- d. "Luật chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- e. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
- f. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
- g. "Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;
- h. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- i. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;
- j. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- k. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một (01) cổ phần của Công ty;
- l. "Cổ đông sáng lập" là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
- m. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- n. "Sở giao dịch chứng khoán" là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

### **II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

**Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty**

1. Tên Công ty
  - Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỄN THÔNG ELCOM
  - Tên tiếng Anh: ELCOM TECHNOLOGY COMMUNICATIONS CORPORATION
  - Tên viết tắt: ELCOM CORP.
2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:
  - Địa chỉ: Tòa nhà Elcom, Phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
  - Điện thoại: (84-24) 3 8359359
  - Fax: (84-24) 3 8355884
  - E-mail: hn.info@elcom.com.vn
  - Website: www.elcom.com.vn
4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 53 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 54 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

**Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.**

1. Công ty có hai (02) người đại diện theo pháp luật, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Công ty.
2. Tổng Giám đốc là đại diện chủ tài khoản tại ngân hàng.
3. Công ty phải bảo đảm luôn có ít nhất một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam. Khi chỉ còn lại một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam thì người này khi xuất cảnh khỏi Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.
4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo khoản 3 Điều này mà người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì Người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.
5. Trường hợp người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc bị chết, mất tích, tạm giam, kết án tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của công ty.

### III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là :

TT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
2.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
3.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
4.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
5.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
6.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông <i>(Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)</i>	4652
7.	Sản xuất đồng hồ	2652
8.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
9.	Xuất bản phần mềm <i>(trừ xuất bản phẩm)</i>	5820
10.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
11.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
12.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
13.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
14.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
15.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu: Chi tiết: - Sản xuất, kinh doanh thực phẩm chức năng và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng; - Sản xuất, kinh doanh phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm. <i>(Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)</i>	1079
16.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
17.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
18.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng: Chi tiết: Sản xuất trang thiết bị y tế, dụng cụ y tế, khẩu trang y tế.	3250
19.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
20.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu: Chi tiết: Sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	2029

21.	<p>May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú):</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản xuất trang phục bảo hộ;</li> <li>- Sản xuất mũ mềm hoặc cứng;</li> </ul>	1410
22.	<p>Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp:</p> <p>Chi tiết: Lắp đặt thiết bị sử dụng năng lượng được khai thác từ năng lượng sạch (gió, mặt trời, địa nhiệt, nước, sinh khối...) và các nguồn năng lượng tái tạo khác.</p>	3320
23.	<p>Hoạt động viễn thông khác. Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đại lý kinh doanh dịch vụ Internet;</li> <li>- Đại lý cung cấp dịch vụ bưu chính viễn thông;</li> <li>- Lắp đặt, bảo dưỡng các thiết bị viễn thông, tổng đài điện thoại thuê bao dung lượng nhỏ, thiết bị phụ trợ, nguồn điện; lắp đặt các thiết bị truyền dẫn cho các tuyến Viba và mạng cáp thông tin.</li> <li>- Cung cấp dịch vụ viễn thông thông qua các kết nối viễn thông hiện có như VIOP (điện thoại internet);</li> <li>- Kinh doanh dịch vụ viễn thông;</li> <li>- Kinh doanh hàng hóa viễn thông;</li> <li>- Thiết lập mạng viễn thông công cộng;</li> <li>- Đại lý cung cấp các dịch vụ nội dung số: Dịch vụ lưu trữ, xử lý và khai thác cơ sở dữ liệu; quảng cáo trực tuyến, giải trí, đào tạo trực tuyến, trò chơi trực tuyến và các dịch vụ trực tuyến khác trên mạng internet, mạng điện thoại di động và điện thoại cố định;</li> <li>- Thiết lập mạng viễn thông cố định mặt đất trong phạm vi toàn quốc;</li> <li>- Cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông;</li> <li>- Cung cấp các ứng dụng viễn thông chuyên dụng như theo dõi hoạt động vệ tinh, đo xa và các trạm rada;</li> <li>- Điều hành các trạm đầu cuối vệ tinh và các trạm liên hợp nối với một hoặc nhiều hệ thống thông tin mặt đất và khả năng truyền/ nhận viễn thông từ hệ thống vệ tinh;</li> <li>- Cung cấp và làm đại lý dịch vụ ứng dụng viễn thông, làm đại lý dịch vụ viễn thông sử dụng hạ tầng viễn thông vệ tinh. Cung cấp và làm đại lý các ứng dụng viễn thông chuyên dùng gồm: Theo dõi hoạt động và giám sát tàu thuyền và các phương tiện giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy và các phương tiện nổi, công trình thủy, các tài sản và cơ sở khác trên biển, trên sông và trên đất liền. Đo, gửi thông tin và điều khiển từ xa, phát hiện cá từ xa và các trạm radar.</li> <li>- Đại lý cung cấp các dịch vụ nội dung số: Cung cấp nội dung, dịch vụ tư vấn y tế qua điện thoại và mạng internet.</li> </ul> <p><i>(Trừ dịch vụ bưu chính công ích và việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)</i></p>	6190
24.	<p>Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan. Chi tiết:</p>	6311

	Cung cấp dịch vụ đăng ký tên miền (Domain) lưu trữ Web (hosting)	
25.	<p>Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu:</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiết kế công nghệ môi trường;</li> <li>- Tư vấn, chuyển giao công nghệ, lắp đặt, thẩm định, giám sát các công trình công nghệ môi trường, tự động hóa công nghiệp, công nghệ sinh học (không bao gồm thiết kế công trình);</li> <li>- Chuyển giao công nghệ thông tin, lắp đặt các hệ thống, dây chuyền công nghệ cao;</li> <li>- Dịch vụ chuyển giao công nghệ;</li> <li>- Tư vấn về nông học.</li> </ul>	7490
26.	<p>Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê</p> <p><i>(Trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng)</i></p>	6810
27.	<p>Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính:</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dịch vụ trò chơi trực tuyến;</li> <li>- Dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng.</li> </ul>	6209
28.	<p>Lắp đặt hệ thống điện:</p> <p>Chi tiết: Xây lắp hệ thống chiếu sáng bao gồm: chiếu sáng nội ngoại nội thất và đèn điều khiển tín hiệu giao thông cả đường dây trạm điện dưới 35KV</p>	4321
29.	<p>Quảng cáo</p> <p>Chi tiết: Dịch vụ quảng cáo <i>(Trừ quảng cáo thuốc lá)</i></p>	7310
30.	<p>Vận tải hành khách đường bộ khác:</p> <p>Chi tiết: Vận tải hành khách bằng ô tô;</p>	4932
31.	<p>Vận tải hàng hóa bằng đường bộ:</p> <p>Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô</p>	4933
32.	<p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiết kế xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; Thiết kế công trình cảng đường thủy; Quản lý chi phí đầu tư xây dựng hạng 2 gồm: - Xác định, thẩm tra tổng mức đầu tư xây dựng; phân tích rủi ro và đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án; - Xác định chỉ tiêu suất vốn đầu tư định mức xây dựng giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng; - Đo bóc khối lượng; - Xác định, thẩm tra dự toán xây dựng; - Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng; - Kiểm soát chi phí xây dựng công trình; - Lập thẩm tra hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng, quy đổi vốn đầu tư công trình xây dựng sau khi hoàn thành được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng;</li> <li>- Thiết kế hệ thống phòng cháy chữa trong công trình xây dựng; Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng, công nghiệp; Thiết kế cấp thoát nước môi trường nước</li> </ul>	7110

	<p>công trình xây dựng; Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 220KV, công trình điện dân dụng, công nghiệp; Thiết kế công trình điện nhẹ, công nghệ thông tin; Thiết kế cơ khí; Thiết kế công trình giao thông cầu-đường bộ; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng công nghiệp; Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế điện tử - viễn thông</p> <p>- Giám sát công tác xây dựng bao gồm: - Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật; - Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông; - Giám sát công tác xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình. (Khoản 9 Điều 1 NĐ số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/07/2018)</p> <p>- Thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật (Khoản 8 Điều 1 NĐ số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/07/2018)</p>	
33.	<p>Giáo dục khác chưa được phân vào đâu:</p> <p>Chi tiết: Đào tạo công nghệ thông tin viễn thông</p>	8559
34.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học ( <i>Trừ sửa chữa, bảo dưỡng tàu biển, máy bay hoặc các phương tiện, thiết bị vận tải khác</i> )	3313
35.	<p>Hoạt động viễn thông vệ tinh</p> <p>Chi tiết: Hoạt động vận hành, duy trì hoặc cung cấp việc tiếp cận các phương tiện truyền giọng nói, dữ liệu, ký tự, âm thanh, hình ảnh, sử dụng hạ tầng viễn thông vệ tinh</p>	6130
36.	<p>Cổng thông tin:</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiết lập trang thông tin tổng hợp;</li> <li>- Dịch vụ mạng xã hội;</li> <li>- Hoạt động thương mại điện tử: Website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử gồm: Sàn giao dịch thương mại điện tử; Website khuyến mại trực tuyến.</li> </ul> <p><i>(Trừ hoạt động báo chí và hoạt động thu thập tin tức dưới mọi hình thức).</i></p>	6312
37.	<p>Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu:</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cung cấp nội dung, dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng (trừ những thông tin Nhà nước cấm);</li> <li>- Dịch vụ thông tin giải trí với phát thanh, truyền hình, báo chí</li> <li>- Dịch vụ kết nối vận tải.</li> </ul> <p><i>(Trừ dịch vụ kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng; Trừ hoạt động báo chí và hoạt động thu thập tin tức dưới mọi hình thức)</i></p>	6399
38.	<p>Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác:</p> <p>Chi tiết: Xây dựng mới, trung tu, đại tu và sửa chữa, duy tu, duy trì các công trình giao thông; Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, buro điện và các công trình hạ tầng kỹ thuật; Xây dựng công trình viễn thông.</p> <p><i>(Trừ Xây dựng và vận hành Thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội)</i></p>	4290

39.	<p>Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên.</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu và phát triển công nghệ sinh học;</li> <li>- Nghiên cứu và phát triển khoa học nông nghiệp;</li> <li>- Nghiên cứu khoa học, chuyển giao, ứng dụng công nghệ xử lý, tái chế chất thải, công nghệ thân thiện với môi trường</li> <li>- Các dịch vụ khoa học kỹ thuật;</li> <li>- Hoạt động nghiên cứu, phát triển chuyển giao ứng dụng công nghệ cao.</li> </ul> <p><i>(Trừ Nghiên cứu hoặc sử dụng nguồn gen giống vật nuôi mới trước khi được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, đánh giá)</i></p>	7211
40.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
41.	Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu	8699
42.	<p>Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa: Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phòng khám tư vấn sức khỏe hoặc phòng tư vấn sức khỏe qua các phương tiện công nghệ thông tin, viễn thông;</li> <li>- Phòng khám nội tổng hợp;</li> <li>- Phòng khám chuyên khoa thuộc hệ nội: Tim mạch, hô hấp, tiêu hóa, nhi và chuyên khoa khác thuộc hệ nội;</li> <li>- Phòng khám chuyên khoa ngoại;</li> <li>- Phòng khám chuyên khoa phụ sản;</li> <li>- Phòng khám chuyên khoa nam học;</li> <li>- Phòng khám chuyên khoa răng - hàm - mặt;</li> <li>- Phòng khám chuyên khoa tai - mũi - họng;</li> <li>- Phòng khám chuyên khoa mắt;</li> <li>- Phòng khám chuyên khoa thẩm mỹ;</li> <li>- Phòng khám chuyên khoa phục hồi chức năng;</li> <li>- Phòng khám chuyên khoa tâm thần;</li> <li>- Phòng khám chuyên khoa ung bướu;</li> <li>- Phòng khám chuyên khoa da liễu;</li> <li>- Phòng khám chuyên khoa dinh dưỡng;</li> <li>- Phòng chẩn trị y học cổ truyền.</li> <li>- Phòng xét nghiệm.</li> <li>- Phòng khám chẩn đoán hình ảnh, Phòng X-Quang.</li> <li>- Phòng khám, tư vấn và điều trị dự phòng.</li> <li>- Phòng khám, điều trị bệnh nghề nghiệp.</li> <li>- Cơ sở dịch vụ y tế bao gồm: Cơ sở dịch vụ tiêm (chích), thay băng, đếm mạch, đo nhiệt độ, đo huyết áp; Cơ sở dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại nhà; Cơ sở dịch vụ cấp cứu, hỗ trợ vận chuyển người bệnh trong nước và ra nước ngoài; Cơ sở dịch vụ kính thuốc; Cơ sở dịch vụ thẩm mỹ; Cơ sở dịch vụ xoa bóp;</li> </ul>	8620



43.	Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế: Chi tiết: Hoạt động của các bệnh viện	8610
44.	Xây dựng công trình điện Nhóm này gồm: Xây dựng mạng lưới đường dây truyền tải, phân phối điện và các công trình, cấu trúc có liên quan như: + Đường dây, mạng lưới truyền tải điện với khoảng cách dài. + Đường dây, mạng lưới truyền tải điện, đường cáp điện ngầm và các công trình phụ trợ ở thành phố. + Trạm biến áp. <i>(Trừ Xây dựng và vận hành Thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội)</i>	4221
45.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
46.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
47.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
48.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
49.	Xây dựng công trình thủy <i>(Trừ Xây dựng và vận hành Thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội)</i>	4291
50.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
51.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
52.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
53.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
54.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
55.	Xây dựng nhà để ở	4101
56.	Xây dựng nhà không để ở	4102
57.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
58.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Chi tiết: Bán buôn thiết bị sản xuất năng lượng được khai thác từ năng lượng sạch (gió, mặt trời, địa nhiệt, nước, sinh khối...) và các nguồn năng lượng tái tạo khác - Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác; - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường. - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế - Bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng vật tư sử dụng cho sản xuất nông nghiệp <i>(Trừ hàng hóa thuộc danh mục dự trữ quốc gia và việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được</i>	4659

	<i>thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)</i>	
59.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: Chi tiết: - Bán buôn máy móc thiết bị và các sản phẩm đo lường, thí nghiệm, tự động hóa, xử lý môi trường; - Bán buôn phân bón; - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp và hóa chất Nhà nước cấm). - Mua bán các chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế. - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại (Trừ kim loại quý) <i>(Trừ hàng hóa thuộc danh mục dự trữ quốc gia và việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)</i>	4669
60.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; <i>(Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)</i>	8299
61.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm <i>(Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)</i>	4651
62.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
63.	Đại lý, môi giới, đấu giá: Chi tiết: Đại lý mua bán sản phẩm chuyên ngành giao thông – xây dựng; Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa <i>(Trừ hoạt động đấu giá và việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)</i>	4610
64.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Dịch vụ cho thuê máy móc thiết bị điện, điện tử, viễn thông, thiết bị khoa học;	7730
65.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại nhà nước cấm) <i>(Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế</i>	4620

	<i>có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)</i>	
66.	Bán buôn thực phẩm <i>(Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)</i>	4632
67.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh <i>(Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)</i>	4721
68.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh <i>(Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)</i>	4722
69.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: Chi tiết: - Bán buôn dụng cụ y tế; - Bán buôn máy, thiết bị y tế loại sử dụng trong gia đình như: Máy đo huyết áp, máy đo nhiệt độ... - Bán buôn khẩu trang y tế; - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; <i>(Trừ hàng hóa thuộc danh mục dự trữ quốc gia và việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)</i>	4649
70.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh: Chi tiết: - Bán lẻ dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ máy, thiết bị y tế loại sử dụng trong gia đình như: Máy đo huyết áp, máy đo nhiệt độ... - Bán lẻ khẩu trang y tế - Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Điểm đ, Khoản 2 Điều 32 Luật dược số 105/2016/QH13 ngày 06/04/2016 <i>(Trừ hàng hóa thuộc danh mục dự trữ quốc gia và việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)</i>	4772

71.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet ( <i>trừ hoạt động đấu giá và việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật</i> )	4791
72.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
73.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
74.	Chăn nuôi gia cầm	0146
75.	Chăn nuôi khác. Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi ( <i>Trừ nghiên cứu hoặc sử dụng nguồn gen giống vật nuôi mới trước khi được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, đánh giá</i> ).	0149
76.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
77.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
78.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch;	0163
79.	Xử lý hạt giống để nhân giống. Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh giống cây trồng ( <i>Trừ nghiên cứu hoặc sử dụng nguồn gen giống vật nuôi mới trước khi được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, đánh giá</i> )	0164
80.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp: Chi tiết: Đầu tư phát triển chăn nuôi, trồng trọt và khu du lịch sinh thái;	0150
81.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm ( <i>Trừ nghiên cứu hoặc sử dụng nguồn gen giống vật nuôi mới trước khi được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, đánh giá</i> )	0131
82.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm ( <i>Trừ nghiên cứu hoặc sử dụng nguồn gen giống vật nuôi mới trước khi được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, đánh giá</i> )	0132
83.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
84.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tư vấn tài chính, tư vấn thuế, tư vấn kiểm toán, tư vấn kế toán, tư vấn chứng khoán) (Chương III Luật đầu tư số: 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014)	6619
85.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép Bán buôn kim loại (trừ kim loại quý) ( <i>Trừ hàng hóa thuộc danh mục dự trữ quốc gia và việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật</i> )	4662

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là mang lại lợi nhuận cao nhất cho các Cổ đông; huy động, phát triển nguồn vốn; sử dụng vốn có hiệu quả nhất trong sản xuất kinh doanh, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.

#### **Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động**

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia [Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan].

### **IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**

#### **Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập**

1. Vốn điều lệ, việc điều chỉnh vốn điều lệ của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua vào từng thời điểm, sau khi đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và công bố theo quy định của pháp luật sẽ được tự động cập nhật trong Điều lệ này mà không cần thông qua sửa đổi Điều lệ.

2. Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành các cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

3. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

4. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần chuyển nhượng có điều kiện. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo từng loại cổ phần được quy định tại Điều 11, Điều 12 Điều lệ này.

5. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

6. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục 01 đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

7. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với các điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

8. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

9. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

#### **Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu**

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

#### **Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác**

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

#### **Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần**

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

### **V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT**

#### **Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát**

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc.

### **VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

#### **Điều 11. Quyền của cổ đông**

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa hoặc bỏ phiếu điện tử hoặc một hình thức khác do Điều lệ Công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần có một phiếu biểu quyết;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

- c. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
- d. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
- e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
- f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
- h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
- i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
- j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
- k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
1. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
  2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
    - a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp ;
    - b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
    - c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
    - d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 07 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
    - e. Các quyền khác được quy định của pháp luật và Điều lệ này.
  3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

## **Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông**

Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Cổ đông có thể tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết theo một trong các hình thức sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

Thực hiện theo hướng dẫn tại Điều lệ này hoặc các quy định, quy chế nội bộ của Công ty trên cơ sở tuân thủ quy định của Pháp luật.

3. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần đã cam kết mua.

4. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a. Vi phạm pháp luật;
- b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

7. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

(Các nghĩa vụ khác đối với các loại cổ phần khác)

## **Điều 13. Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết



định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

Đại hội đồng cổ đông thường niên có thể được tổ chức dưới hình thức hội nghị trực tuyến. Cổ đông có thể đăng ký tham dự đại hội và thực hiện quyền biểu quyết của mình đối với các vấn đề tại cuộc họp thông qua mạng một cách thuận tiện và hiệu quả. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn hình thức họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp và/hoặc hội nghị trực tuyến phù hợp với quy định của Pháp luật và điều kiện thực tế của Công ty theo từng năm.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

#### **Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
- e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- đ. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

- h. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - i. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
  - f. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
  - g. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
  - h. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
  - k. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
  - l. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất của Công ty;
  - m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
  - n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
  - o. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
  - p. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
  - q. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.
3. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp.
4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
  - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
  - b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;
  - c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

## **Điều 16. Thay đổi các quyền**

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp họp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18, 19, 20 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

## **Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc đã đăng ký của cổ đông hoặc địa chỉ do cổ đông cung cấp, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông

trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 07 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

#### **Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

#### **Điều 19. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự như sau:

a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

b. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua.

a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định hình thức bỏ phiếu hằng năm và xây dựng, ban hành quy chế bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác tuân theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

#### **Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua**

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e. Tổ chức lại, giải thể Công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

**Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bất cứ khi nào khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, kể cả trường hợp quy định tại khoản 2 điều 147 Luật doanh nghiệp. Việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và việc gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời của cổ đông để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông có thể được thực hiện thông qua hình thức gửi thư, fax, thư điện tử hoặc hình thức điện tử khác hoặc kết hợp các hình thức này theo quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích lấy ý kiến;
- c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo quy định sau đây:

- a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử hoặc các phương thức điện tử khác hoặc phương thức kết hợp khác, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
- c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử, các phương thức điện tử hoặc phương thức kết hợp khác là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;



- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua quyết định;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

## **Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

### **Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 20 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

## **VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng cử viên, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác);
- e. Các lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f. Các thông tin khác (nếu có).
- g. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.

### **Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là 05 người và nhiều nhất là 07 người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

a. Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị là 05 thành viên;

b. Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 07 thành viên;

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

### **Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

- c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- j. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;
- q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

#### **Điều 27. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị:**

- 1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
- 2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

#### **Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị:**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

## **Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

e. Theo quy định trong Điều lệ này.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

### **Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định tối thiểu ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

### **Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty**

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất 01 người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị tại công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.

h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

k. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

## **VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

### **Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý**

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

### **Điều 33. Người điều hành Công ty**

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

### **Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc**

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc thuê một người khác làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;



- g. Tuyển dụng lao động;
- h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

## **IX. BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 35. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)**

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 24 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

### **Điều 36. Thành phần Ban Kiểm soát**

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 169 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

- a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d. Các trường hợp khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 37. Trưởng Ban kiểm soát**

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở

lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

3. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính tuân thủ pháp luật trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác;

4. Đảm bảo sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

### **Điều 39. Cuộc họp của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên

bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

#### **Điều 40. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát**

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

### **X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC**

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

#### **Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty .

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với giao dịch có giá trị từ 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

#### **Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang làm theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

### **XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**

#### **Điều 43. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ**

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị

quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

5. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty.

## **XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN**

### **Điều 44. Công nhân viên và công đoàn**

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

## **XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

### **Điều 45. Phân phối lợi nhuận**

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

## **XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

### **Điều 46. Tài khoản ngân hàng**

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

#### **Điều 47. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

#### **Điều 48. Chế độ kế toán**

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

### **XV. BẢO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG**

#### **Điều 49. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý**

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

#### **Điều 50. Báo cáo thường niên**

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

### **XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY**

#### **Điều 51. Kiểm toán**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

## **XVII. CON DẤU**

### **Điều 52. Dấu của doanh nghiệp**

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty.
3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

## **XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY**

### **Điều 53. Giải thể công ty**

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
  - a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
  - b. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
  - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

### **Điều 54. Gia hạn hoạt động**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 07 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

### **Điều 55. Thanh lý**

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Nợ thuế;
- đ. Các khoản nợ khác của Công ty;
- d. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

## **XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

### **Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa:

- a. Cổ đông với Công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác.

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trọng tài kinh tế chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

## **XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

### **Điều 57. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ**

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

## **XXI. NGÀY HIỆU LỰC**

### **Điều 58. Ngày hiệu lực**

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 58 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Elcom nhất trí thông qua ngày 28 tháng 04 năm 2022 tại thành phố Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.



2. Điều lệ được lập thành 02 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

*Phan Chiến Thắng*

**PHỤ LỤC 01**  
**CHI TIẾT VỐN ĐIỀU LỆ CÔNG TY TỪ NGÀY THÀNH LẬP**  
**ĐẾN THỜI ĐIỂM 28/04/2022**

**1. Chi tiết vốn Điều lệ của Công ty**

STT	Thời gian	Vốn điều lệ (đồng)	Ghi chú
1	2003	10.000.000.000	Thành lập mới
2	2007	97.500.000.000	Phát hành thêm cổ phần
3	2009	122.700.000.000	Phát hành thêm cổ phần
4	2010	221.250.000.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu và chia cổ phiếu thưởng
5	2010	293.000.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và CBCNV
6	2012	366.249.090.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2010
7	2013	373.399.090.000	Phát hành cổ phiếu cho cán bộ nhân viên theo chương trình lựa chọn cho người lao động
8	2014	379.399.090.000	Phát hành cổ phiếu cho cán bộ nhân viên theo chương trình lựa chọn cho người lao động
9	2015	409.719.980.000	Chia cổ phiếu thưởng
10	2016	415.719.980.000	Phát hành cổ phiếu cho cán bộ nhân viên theo chương trình lựa chọn cho người lao động
11	2016	423.719.980.000	Phát hành cổ phiếu cho cán bộ nhân viên theo chương trình lựa chọn cho người lao động
12	2016	465.973.750.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức
13	2017	475.973.750.000	Phát hành cổ phiếu cho cán bộ nhân viên theo chương trình lựa chọn cho người lao động
14	2017	509.282.430.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức

**2. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các Cổ đông sáng lập tại thời điểm 28/04/2022**

Stt	Họ và tên	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tổng giá trị (Đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Phan Chiến Thắng	Căn hộ số 1906, tòa P02, Khu đô thị Nam Thăng Long, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	4.434.106	44.341.060.000	8,71

2	Trần Hùng Giang	SN67, Cửa Bắc, Phường Quán Thánh, Q. Ba Đình. Hà Nội	2.988.437	29.884.370.000	5,87
3	Ngô Ngọc Hà	P116, Nhà A11, Khu tập thể Khương Thượng, P. Trung Tự, Q. Đống Đa. Hà Nội	2.432.130	24.321.300.000	4,78
4	Nguyễn Đức Thiện	Số 56B, tổ 23, cụm 4, phường Yên Phụ, Q. Tây Hồ. Hà Nội	1.220.653	12.206.530.000	2,40
5	Nguyễn Mạnh Hải	P101, nhà E2, Khu tập thể Bách Khoa, P. Bách Khoa, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội	2.967.515	29.675.150.000	5,83

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY *tpk*



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

*Phan Chiến Thắng*



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ**  
**ĐIỆN TỬ - VIỄN THÔNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(đã được kiểm toán)



**NỘI DUNG**

	<u>Trang</u>
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	2 – 4
<b>Báo cáo Kiểm toán độc lập</b>	5 – 6
<b>Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán</b>	
Bảng cân đối kế toán riêng	7 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	11-12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	13 – 51

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu theo số 0101435127 ngày 18 tháng 07 năm 2003 do số Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và được đăng ký thay đổi lần thứ 26 vào ngày 14 tháng 02 năm 2022.

Vốn điều lệ của công ty là: 509.282.430.000 VND (Năm trăm linh chín tỷ hai trăm tám hai triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng chẵn./.) tương đương 50.928.243 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Cổ phiếu của công ty có mã giao dịch là ELC và được Niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Công ty có các Chi nhánh và Văn phòng đại diện sau :

- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại 162/12 Đường Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Văn phòng đại diện Đà Nẵng tại tầng 5, tòa nhà Lighthouse, 1254 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

### CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN

Ngày 26/01/2022, Công ty đã nhận được Công văn số 528/UBCK-QLCB của UBCK Nhà nước chấp thuận việc sử dụng 109.595 cổ phiếu quỹ thưởng cho người lao động của Công ty, thời gian thực hiện dự kiến từ ngày 16/02/2022 đến ngày 15/03/2022. Dự kiến sau khi trả thưởng, số lượng cổ phiếu quỹ của Công ty sẽ còn lại bằng 0 cổ phiếu.

Ngày 14 tháng 02 năm 2022, Công ty thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần lần thứ 26, cập nhật lại một số thông tin về ngành nghề kinh doanh.

Ngoài các sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện trọng yếu nào khác xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính riêng đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phan Chiến Thắng	Chủ tịch HĐQT
Ông Trần Hùng Giang	Thành viên
Ông Ngô Ngọc Hà	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Thiện	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thành viên

Các thành viên Ban Kiểm soát công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Ngô Kiều Anh	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Vũ Thị Ngân Hà	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Hoàng Thị Phương Thúy	Thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên của Ban Điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Minh Thắng	Tổng Giám đốc
Ông Ngô Ngọc Hà	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đặng Thị Thanh Minh	Kế toán trưởng

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các công ty đại chúng, công ty đại chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu đo gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

#### **Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020; Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 về qui định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

*Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2022*

**TM. Ban Tổng Giám đốc**

**Tổng Giám đốc**



**Phạm Minh Thắng**





**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP**  
TTP AUDITTING LIMITED COMPANY

Số : 178 /BCKT/TC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

*Về Báo cáo tài chính riêng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông*

**Kính gửi:**

**Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông được lập ngày 10 tháng 03 năm 2022, từ trang 07 đến trang 51, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính đã trung thực, hợp lý không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp là cơ sở ý kiến của chúng tôi.

## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2022

### CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP

**Phó Tổng Giám đốc**



**Lê Phương Anh**  
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán  
số 0739-2018-133-1

**Kiểm toán viên**

**Trần Tuấn Ninh**  
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán  
số 3964-2022-133-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Đơn vị tính: VND Số đầu năm
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>786.337.403.323</b>	<b>1.132.671.468.502</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>139.635.157.686</b>	<b>298.810.864.818</b>
111	1. Tiền		106.635.157.686	283.430.864.818
112	2. Các khoản tương đương tiền		33.000.000.000	15.380.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4.a</b>	<b>26.545.487.699</b>	<b>21.442.295.740</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	67.295.740
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		-	-
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		26.545.487.699	21.375.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>530.143.722.239</b>	<b>626.148.023.758</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.a	416.843.446.365	536.334.523.529
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.a	116.870.431.756	84.202.893.904
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	2.900.000.000	15.450.000.000
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	8.a	28.196.267.275	29.430.057.759
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	9	(34.666.423.157)	(39.269.451.434)
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>10</b>	<b>89.006.286.451</b>	<b>185.174.943.486</b>
141	1. Hàng tồn kho		89.006.286.451	185.174.943.486
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1.006.749.248</b>	<b>1.095.340.700</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15.a	243.462.336	344.220.030
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		763.286.912	751.120.670
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	-
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
155	5. Tài sản ngắn hạn khác		-	-

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(Tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
200	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>300.301.102.683</b>	<b>337.279.969.759</b>
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		7.763.702.970	63.184.890.934
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	7.598.798.123	62.819.264.091
222	- Nguyên giá		91.863.275.636	187.440.161.908
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(84.264.477.513)	(124.620.897.817)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
225	- Nguyên giá		-	-
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	13	164.904.847	365.626.843
228	- Nguyên giá		9.344.499.881	9.344.499.881
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(9.179.595.034)	(8.978.873.038)
230	III. Bất động sản đầu tư	14	8.038.288.648	8.038.288.648
231	- Nguyên giá		10.190.534.149	10.190.534.149
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(2.152.245.501)	(2.152.245.501)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	11	246.601.885	246.601.885
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		246.601.885	246.601.885
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4.b	281.801.189.612	263.516.651.190
251	1. Đầu tư vào công ty con		62.433.425.000	62.433.425.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		122.252.784.000	108.391.740.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		122.967.748.457	122.967.748.457
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)		(25.852.767.845)	(30.276.262.267)
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		2.451.319.568	2.293.537.102
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15.b	2.451.319.568	2.293.537.102
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.086.638.506.006</b>	<b>1.469.951.438.261</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(Tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>237.215.002.967</b>	<b>614.966.822.555</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>228.241.341.234</b>	<b>611.585.234.296</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17.a	129.226.277.650	283.380.354.252
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	46.136.115.380	233.293.943.589
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	3.457.822.589	10.082.914.499
314	4. Phải trả người lao động		7.485.693.998	8.009.773.768
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	10.308.389.267	5.953.012.165
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	22	1.275.311.061	576.675.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	21.a	12.589.825.163	20.086.337.794
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	6.328.000.000	46.561.909.995
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	23.a	7.496.580.356	798.275.172
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		3.937.325.770	2.842.038.062
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>8.973.661.733</b>	<b>3.381.588.259</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	21.b	2.591.698.900	1.603.790.400
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	23.b	6.381.962.833	1.777.797.859
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>849.423.503.039</b>	<b>854.984.615.706</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>24</b>	<b>849.423.503.039</b>	<b>854.984.615.706</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		509.282.430.000	509.282.430.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		509.282.430.000	509.282.430.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		86.677.010.000	88.677.010.000
415	3. Cổ phiếu quỹ (*)		(1.349.334.820)	(3.349.334.820)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		41.410.255.576	41.410.255.576
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		5.200.000.000	5.200.000.000
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		208.203.142.283	213.764.254.950
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		181.833.066.150	181.517.218.676
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		26.370.076.133	32.247.036.274
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.086.638.506.006</b>	<b>1.469.951.438.261</b>

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu

  
Chu Hồng Hạnh

Kế toán trưởng

  
Đặng Thị Thanh Minh



Phạm Minh Thắng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH RIÊNG**  
Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Đơn vị tính: VND Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26	629.418.861.186	785.939.778.481
02	2. Các khoản giảm trừ		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)		629.418.861.186	785.939.778.481
11	4. Giá vốn hàng bán	27	515.749.415.249	657.156.175.908
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)		113.669.445.937	128.783.602.573
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	28	10.484.097.704	8.907.185.010
22	7. Chi phí tài chính	29	1.507.735.118	7.154.932.470
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		4.032.298.214	1.861.206.100
24	8. Chi phí bán hàng	30	38.340.457.807	27.131.603.722
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	47.657.331.157	63.342.913.594
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))		36.648.019.559	40.061.337.797
31	11. Thu nhập khác	32	1.211.431.379	1.280.162.647
32	12. Chi phí khác	33	3.160.359.935	227.339.766
40	13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		(1.948.928.556)	1.052.822.881
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		34.699.091.003	41.114.160.678
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	34	8.329.014.870	8.867.124.404
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)		26.370.076.133	32.247.036.274

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu

  
Chu Hồng Hạnh

Kế toán trưởng

  
Đặng Thị Thanh Minh

Tổng Giám đốc

  
Phạm Minh Thắng



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

Phương pháp gián tiếp

Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>		
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	34.699.091.003	41.114.160.678
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>	11.960.772.757	22.599.953.239
02	- Khấu hao tài sản cố định	6.666.054.934	11.096.339.701
03	- Các khoản dự phòng	2.275.947.459	17.724.226.570
04	- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	480.849.126	(736.057.687)
05	- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	(1.494.376.976)	(7.440.951.445)
06	- Chi phí lãi vay	4.032.298.214	1.861.206.100
07	- Các khoản điều chỉnh khác	-	95.190.000
08	<b>3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	46.659.863.760	63.714.113.917
09	- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	120.471.405.947	135.075.265.015
10	- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	94.809.808.790	(14.444.724.156)
11	- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	(345.732.584.795)	62.803.138.689
12	- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	(57.024.772)	(181.807.368)
13	- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	67.295.740	4.190.000.000
14	- Tiền lãi vay đã trả	(3.647.344.880)	(1.419.722.633)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(12.535.530.992)	(9.893.310.242)
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(464.712.292)	(2.876.057.886)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(100.428.823.494)</b>	<b>236.966.895.336</b>
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>		
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH	(4.010.624.545)	(921.402.726)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	19.045.909.091	645.454.545
23	3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(14.370.487.699)	(17.345.582.125)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	20.750.000.000	6.300.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(13.861.044.000)	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	5.264.150.006	23.115.733.437
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>12.817.902.853</b>	<b>11.794.203.131</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
(Tiếp theo)  
Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
	<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	215.006.447.136	77.515.899.836
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(255.240.357.131)	(61.608.604.847)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(30.324.000.210)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(70.557.910.205)	15.907.294.989
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(158.168.830.846)	264.668.393.456
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	298.810.864.818	34.142.471.362
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(1.006.876.286)	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	139.635.157.686	298.810.864.818

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu



Chu Hồng Hạnh

Kế toán trưởng



Đặng Thị Thanh Minh



Phạm Minh Thắng



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính riêng)

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu theo số 0101435127 ngày 18 tháng 07 năm 2003 do sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và được đăng ký thay đổi lần thứ 26 vào ngày 14 tháng 02 năm 2022.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ELECTRONICS COMMUNICATIONS TECHNOLOGY INVESTMENT DEVELOPMENT CORPORATION.

Tên Công ty viết tắt: ELCOM CORP.

Vốn điều lệ của công ty là: 509.282.430.000 VND (Năm trăm linh chín tỷ hai trăm tám hai triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng chẵn./.) tương đương 50.928.243 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Cổ phiếu của công ty có mã giao dịch là ELC và được Niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Công ty có các Chi nhánh và Văn phòng đại diện sau :

- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại 162/12 Đường Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Văn phòng đại diện Đà Nẵng tại tầng 5, tòa nhà Lighthouse, 1254 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

**Cơ cấu tổ chức :**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 5 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau :

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động tài chính trong năm
1	Công ty TNHH Giải pháp phần mềm Elcom	100%	100%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	Sản xuất phần mềm máy tính, lắp đặt hệ thống dây chuyền công nghệ cao.
2	Công ty Cổ phần Elcom plus	92,86%	92,86%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng.
3	Công Ty TNHH VTS Hải Phòng	65%	65%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Xây dựng hệ thống quản lý hàng hải tàu biển (VTS) luồng Hải Phòng theo hình thức BT.
4	Công ty CP ELCOMPRIME	70%	70%	Tầng 6, tòa nhà Fimexco, 231 – 233 Lê Thành Tông P. Bến Nghé, Q1. TP. HCM	Xuất bản phần mềm, sản xuất linh kiện điện tử.
5	Công ty CP Đầu tư Smartek (là công ty con của Công ty Cổ phần Elcom plus)	74,29%	74,29%	Tầng 04, TT Ươm tạo & Đào tạo Công nghệ cao, Khu CNC Hòa Lạc, Xã Thạch Hoà, Huyện Thạch Thất, TP. Hà Nội.	Xuất bản phần mềm

Số cán bộ công nhân viên : 223 người

**Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty kinh doanh trong lĩnh vực: sản xuất, thương mại.

**Ngành nghề kinh doanh:**

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất phần mềm máy tính, chuyển giao công nghệ thông tin, lắp đặt các hệ thống, dây chuyền công nghệ cao;
- Tư vấn các hệ thống thông tin, hệ thống tự động hóa và các hệ thống điện tử viễn thông;

- Dịch vụ thông tin giải trí với phát thanh, truyền hình, báo chí;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng, cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh, cho thuê tài sản;
- Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp.

## 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

### 2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3. Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

##### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### 2.4. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản tại ngày góp vốn;
- Khi nhận góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Nếu Công ty áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ thì tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

#### 2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## 2.6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Giá trị của cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý đối với cổ phiếu của công ty niêm yết là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán, đối với cổ phiếu chưa niêm yết giao dịch trên sàn UPCOM là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM, đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác là giá thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## 2.7. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.9. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 08 năm
- Phương tiện, vận tải	05 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 08 năm
- Phần mềm máy tính	03 - 05 năm
- TSCĐ vô hình	05 năm

## 2.10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi

## 2.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

## 2.12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trường hợp nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được kế toán là nợ phải trả. Trường hợp đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu. Trong quá trình thực hiện hoạt động BCC, tùy theo từng trường hợp kế toán tiếp tục thực hiện đối với các hình thức cụ thể như sau:

### a. Đối với BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát

Các bên tham gia liên doanh cùng mở sổ kế toán chi tiết trên cùng hệ thống sổ kế toán của mình để ghi chép và phản ánh trong Báo cáo tài chính riêng của mình những nội dung sau đây:

- Phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát, được phân loại theo tính chất của tài sản;
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của mỗi bên tham gia góp vốn liên doanh;
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh;
- Các khoản thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh;
- Các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Đối với tài sản cố định, bất động sản đầu tư khi mang đi góp vốn vào BCC và không chuyển quyền sở hữu từ bên góp vốn thành sở hữu chung của các bên thì bên nhận tài sản theo dõi như tài sản nhận giữ hộ, không hạch toán tăng tài sản và nguồn vốn kinh doanh; Bên góp tài sản không ghi giảm tài sản trên sổ kế toán mà chỉ theo dõi chi tiết địa điểm, vị trí, nơi đặt tài sản.

Đối với tài sản cố định, bất động sản đầu tư mang đi góp vốn có sự chuyển quyền sở hữu từ bên góp vốn thành quyền sở hữu chung, trong quá trình đang xây dựng tài sản đồng kiểm soát, bên mang tài sản đi góp phải ghi giảm tài sản trên sổ kế toán và ghi nhận giá trị tài sản vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Sau khi tài sản đồng kiểm soát hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng, căn cứ vào giá trị tài sản được chia, các bên ghi nhận tăng tài sản của mình phù hợp với mục đích sử dụng. Phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý của tài sản được chia so với chi phí đầu tư xây dựng đã bỏ ra được ghi nhận là thu nhập khác (nếu lãi) hoặc chi phí khác (nếu lỗ).

Khi tài sản đồng kiểm soát đi vào hoạt động, BCC chuyển sang hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát, mỗi bên tham gia liên doanh được nhận sản phẩm hoặc doanh thu từ việc sử dụng và khai thác tài sản đồng kiểm soát và chịu một phần chi phí phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng.

#### **b. Đối với BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát**

Các bên tham gia liên doanh cùng mở sổ kế toán để ghi chép và phản ánh trong Báo cáo tài chính riêng của mình các nội dung sau đây:

- Tài sản góp vốn liên doanh và chịu sự kiểm soát của bên góp vốn liên doanh;
- Các khoản nợ phải trả phải gánh chịu;
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh;
- Chi phí phải gánh chịu.

Các bên thực hiện phân chia doanh thu từ việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh, phân chia chi phí chung theo các thỏa thuận trong Hợp đồng liên doanh.

#### **2.13. Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### **2.14. Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

#### **2.15. Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

#### **2.16. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### **2.17. Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: tiền lương nghỉ phép, chi phí trong



thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

## 2.18. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng bảo hành công trình được trích lập từ 3% đến 5% giá trị công trình dựa trên đặc điểm của từng công trình và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về thời gian và chi phí bảo hành thực tế.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm tài chính.

## 2.19. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

Doanh thu chưa thực hiện đối với hoạt động bán hàng cho khách hàng thân thiết (VIP/truyền thống...) là giá trị hợp lý của hàng hóa, dịch vụ mà Công ty sẽ cung cấp miễn phí (hoặc số tiền phải chiết khấu, giảm giá) cho người mua khi người mua đạt được các điều kiện theo quy định của chương trình khách hàng thân thiết (VIP/truyền thống/....).

## 2.20. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## 2.21. Doanh thu

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán riêng;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

## 2.22. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

## 2.23. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## 2.24. Thuế thu nhập doanh nghiệp

### a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

### b. Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

### c. Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

## **2.25. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt tại quỹ	416.511.472	1.208.050.921
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	106.218.646.214	282.222.813.897
Các khoản tương đương tiền	33.000.000.000	15.380.000.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn từ 1-3 tháng</i>	<i>33.000.000.000</i>	<i>15.380.000.000</i>
	<b>139.635.157.686</b>	<b>298.810.864.818</b>

### 4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

#### a. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Chứng khoán kinh doanh</i>				
Ngân hàng TMCP	-	-	67.295.740	-
Quản Đội	-	-	-	-
	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>67.295.740</b>	<b>-</b>

#### *Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn*

##### *- Tiền gửi có kỳ hạn (\*)*

Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	7.893.706.170	-	5.875.000.000	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN	8.821.424.658	-	8.300.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Đồng Đô	4.830.356.871	-	2.200.000.000	-
Ngân hàng TMCP TMCP Quân đội-CN	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
	<b>26.545.487.699</b>	<b>-</b>	<b>21.375.000.000</b>	<b>-</b>

(\*) Bao gồm khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn từ 9 tháng đến dưới 12 tháng với lãi suất 4,9 %/năm đến 5,2%/năm.

**4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp)**

**b. Đầu tư tài chính dài hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	SL cổ phần	Giá gốc	SL cổ phần	Giá gốc
		VND		VND
<b>Đầu tư vào công ty con</b>				
- Công ty TNHH GP phần mềm ELCOM	3.000.000	30.000.000.000	3.000.000	30.000.000.000
- Công ty TNHH VTS Hải Phòng	1.205.230	12.052.300.000	1.205.230	12.052.300.000
- Công ty CP ELCOMPLUS	1.365.000	13.381.125.000	1.365.000	13.381.125.000
- Công ty CP ELCOMPRIME	480.000	7.000.000.000	480.000	7.000.000.000
		<b>62.433.425.000</b>		<b>62.433.425.000</b>
		<b>(17.060.513.523)</b>		<b>(22.074.010.652)</b>
				<b>40.359.414.348</b>
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>				
- Công ty CP Công nghệ VLM Bắc Kạn	626.074	17.360.740.000	626.074	17.360.740.000
- Công ty CP Máy tính và truyền thông Việt Nam	2.124.100	91.031.000.000	2.124.100	91.031.000.000
- Công ty CP Công nghệ VFT (*)	3.566.563	13.861.044.000	-	-
		<b>122.252.784.000</b>		<b>108.391.740.000</b>
		<b>(1.777.720.125)</b>		<b>(419.186.191)</b>
				<b>107.972.553.809</b>

(\*) Trong năm, Công ty đã có giao dịch mua cổ phần của Công ty Cổ phần Công nghệ VFT như sau:

- Giao dịch mua 3.566.563 cổ phần của Công ty Cổ phần Công nghệ VFT từ các nhà đầu tư khác, tương đương tổng mệnh giá 35.665.630.000 VND, giá phí là 13.861.044.000 VND.
- Sau các giao dịch trên, tại ngày 31/12/2021, Công ty đang sở hữu 3.566.563 cổ phần của Công ty Cổ phần Công nghệ VFT, tương đương tổng mệnh giá 35.665.630.000 VND, giá phí đầu tư của số cổ phần này là 13.861.044.000 VND.

**4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp)**

Đầu tư góp vốn vào công ty khác

	Số cuối năm			Số đầu năm				
	SL cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	SL cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư cổ phiếu</b>		78.933.482.500	(7.014.534.197)	71.918.948.303		78.933.482.500	(7.783.065.424)	71.150.417.076
- Công ty CP Phát triển Đông Dương Xanh	1.250.000	28.590.000.000	(1.942.085.985)	26.647.914.015	1.250.000	28.590.000.000	(1.843.580.622)	26.746.419.378
- Công ty CP Trung Văn	371.699	26.985.200.000	(912.247.568)	26.072.952.432	371.699	26.985.200.000	(903.127.572)	26.082.072.428
- Công ty CP Antani Holdings	1.473.493	14.734.933.000	(3.800.200.644)	10.934.732.356	1.473.493	14.734.933.000	(4.676.357.230)	10.058.575.770
- Công ty CP Tư vấn Hạ tầng Viễn thông	840.000	6.000.000.000	-	6.000.000.000	840.000	6.000.000.000	-	6.000.000.000
- Công ty CP GP CN Truyền thông đa phương tiện Sáng kiến	87.496	2.148.349.500	-	2.148.349.500	87.496	2.148.349.500	-	2.148.349.500
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh	36.000	360.000.000	(360.000.000)	-	36.000	360.000.000	(360.000.000)	-
- Công ty CP Tin học Viễn thông Petrolimex	19.095	115.000.000	-	115.000.000	19.095	115.000.000	-	115.000.000
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>		44.034.265.957	-	44.034.265.957		44.034.265.957	-	44.034.265.957
- Dự án Trần Phú - Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh (**)		37.771.500.000	-	37.771.500.000		37.771.500.000	-	37.771.500.000
- Dự án Thanh Trì - Công ty CP Đầu tư Bất động sản Thanh Trì		5.862.765.957	-	5.862.765.957		5.862.765.957	-	5.862.765.957
- Dự án quản lý xe buýt - Công ty CP Transmedia		400.000.000	-	400.000.000		400.000.000	-	400.000.000
		<b>122.967.748.457</b>	<b>(7.014.534.197)</b>	<b>115.953.214.260</b>		<b>122.967.748.457</b>	<b>(7.783.065.424)</b>	<b>115.184.683.033</b>

**4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp)**

(\*\*) Đây là khoản góp vốn để thực hiện dự án "Xây dựng nhà ở hỗn hợp tái định cư tại ô đất C13/DD2 thuộc phường Trần Phú, quận Hoàng Mai, Hà Nội" theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2011/HĐHTĐ/ELC-TLX ký với Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh.

Thông tin chi tiết về các công ty con, công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2021 như sau:

Tên Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động sản xuất, kinh doanh chính
- Công ty TNHH GP phần mềm ELCOM	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, Hà Nội	100,00%	100,00%	Sản xuất phần mềm máy tính, lắp đặt hệ thống dây chuyển công nghệ cao.
- Công ty TNHH VTS Hải Phòng	Tầng 11, Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, Hà Nội	65,00%	65,00%	Xây dựng hệ thống quản lý hàng hải tàu biển (VTS) luồng Hải Phòng theo hình thức BT
- Công ty CP ELCOMPLUS	Tầng 5, tòa nhà Elcom ngõ 15 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, Hà Nội	92,86%	92,86%	Cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng
- Công ty CP ELCOMPRIME	Tầng 6, Tòa nhà Fimexco, 231-233 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	70,00%	70,00%	Xuất bán phần mềm, sản xuất linh kiện điện tử
Công ty CP Đầu tư Smartek (là công ty con của Công ty Cổ phần Elcom plus)	Tầng 04, TT Ươm tạo & Đào tạo Công nghệ cao, Khu CNC Hòa Lạc, Xã Thạch Hoà, Huyện Thạch Thất, TP. Hà Nội.	74,29%	74,29%	Xuất bán phần mềm

Tên Công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động sản xuất, kinh doanh chính
- Công ty CP Công nghệ VLM Bắc Kạn	Số 91, đường Trần Hưng Đạo, tổ 1A, Phường Đức Xuân, TP. Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn	42,97%	42,97%	Khai thác quặng kim loại
- Công ty CP Máy tính và truyền thông Việt Nam	Số 18 Nguyễn Chí Thanh, Phường Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội	35,40%	35,40%	Sản xuất kinh doanh phần mềm máy tính, dịch vụ cho thuê văn phòng
- Công ty CP Công nghệ VFT	Đường 72, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội	49,00%	49,00%	Sản xuất, bán các hệ thống viễn thông và phát triển phần mềm.



**5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a. Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>		
Sở TT & truyền thông tỉnh Bắc Ninh	-	9.144.117.110
Công ty TNHH thu phí tự động VETC	53.663.715.176	40.126.047.638
TĐ Viễn thông QĐ/Viettel	25.386.789.103	61.922.079.301
TCT HT mạng/VNPT NET	15.534.200.000	15.534.200.000
Cty CP N.D.C	45.150.590.644	106.908.326.101
Tổng Công ty viễn thông Mobifone	22.303.948.671	32.601.561.518
Cty CP Tập Đoàn Thương mại Hà Nội	42.000.000.000	-
Các đối tượng khác	212.804.202.771	270.098.191.861
	<b>416.843.446.365</b>	<b>536.334.523.529</b>

**b. Phải thu các bên liên quan**

	Mối quan hệ	Số cuối năm	Số đầu năm
		VND	VND
Cty CP Atani Holdings	Cùng thành viên HĐQT	6.300.437.591	6.500.437.591
Cty CP CN Vật liệu mới Bắc Kạn	Công ty liên kết	597.770.779	597.770.779
Cty CP ELCOM PRIME	Công ty con	-	380.379.326
Công ty CP Đầu tư Smartek	Công ty con của Công ty CP Elcom Plus	499.109.028	-
		<b>7.397.317.398</b>	<b>7.478.587.696</b>

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a. Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>		
TWS International trading PTE LTD	26.709.516.000	-
Công ty CP DV kỹ thuật DELTATECH	2.840.872.250	2.840.872.250
Các đối tượng khác	87.320.043.506	81.362.021.654
	<b>116.870.431.756</b>	<b>84.202.893.904</b>

**b. Trả trước cho các bên liên quan**

	Mối quan hệ	Số cuối năm	Số đầu năm
		VND	VND
Trần Hùng Giang (*)	Thành viên HĐQT	4.030.000.000	4.030.000.000
Nguyễn Thị Lệ Thủy (*)	Vợ ông Phan Chiến Thắng - Chủ tịch HĐQT	5.980.000.000	5.980.000.000
Ngô Ngọc Hà (*)	Thành viên HĐQT	2.990.000.000	2.990.000.000
Công ty CP Elcomprime	Công ty con	359.538.000	359.538.000
		<b>13.359.538.000</b>	<b>13.359.538.000</b>

(\*) Đây là khoản tạm ứng theo Biên bản góp vốn ngày 25 tháng 10 năm 2012, được gia hạn đến 31/12/2022 giữa Công ty và các bên liên quan để đầu tư vào dự án xây dựng toà nhà, văn phòng cho thuê, siêu thị kết hợp nhà ở để bán lại tại thôn Kiều Mai, xã Phú Diễn, huyện Từ Liêm, TP Hà Nội.

## 7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Cty CP CN vật liệu mới	-	-	9.400.000.000	(9.400.000.000)
Các đối tượng khác	2.900.000.000	-	6.050.000.000	-
	<b>2.900.000.000</b>	<b>-</b>	<b>15.450.000.000</b>	<b>(9.400.000.000)</b>

Đây là các khoản cho vay với kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng. Lãi suất từ 6% năm và không có tài sản đảm bảo.

## 8. PHẢI THU KHÁC

### a. Phải thu khác ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tạm ứng	2.267.140.823	-	4.350.790.135	-
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	4.059.832.495	-	5.824.405.770	-
Phải thu khác ngắn hạn khác (*)	21.869.293.957	(6.261.845.048)	19.254.861.854	(6.461.845.048)
	<b>28.196.267.275</b>	<b>(6.261.845.048)</b>	<b>29.430.057.759</b>	<b>(6.461.845.048)</b>

(\*) Chi tiết các khoản phải thu ngắn hạn khác:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu lợi nhuận từ Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Elcom	-	965.319.334
Phải thu hàng cho mượn thử nghiệm	1.587.300.482	1.460.997.489
Phải thu lãi cho vay Công ty CP Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	3.539.885.279	3.539.885.279
Phải thu tiền cho vay Công ty CP Đầu tư Thương mại Bắc Hà	4.500.000.000	4.500.000.000
Phải thu lãi cho vay Nguyễn Phương Hải (CMT 011486928 ngày 11/08/2009)	1.005.750.000	1.005.750.000
Phải thu lãi cho vay Công ty CP CN vật liệu mới (ELCOM Industry)	1.716.209.769	1.916.209.769
Phải thu cổ tức từ Công ty CP tư vấn ĐT PT hạ tầng viễn thông	1.680.000.000	1.680.000.000
Phải thu khác từ các công ty và cá nhân khác	7.840.148.427	4.186.699.983
	<b>21.869.293.957</b>	<b>19.254.861.854</b>

### b. Số dư với các bên liên quan

		Số cuối năm	Số đầu năm
		VND	VND
Công ty CP Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	Công ty liên kết	3.539.885.279	3.539.885.279
Công ty TNHH GP Phần mềm ELCOM	Công ty con	-	965.319.334
		<b>3.539.885.279</b>	<b>4.505.204.613</b>

## 9. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Công ty CP Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	4.137.656.058	-	4.137.656.058	-
Công ty CP Công nghệ Vật liệu Mới	4.111.247.702	-	13.711.247.702	-
Tập đoàn Viễn thông Quân Đội	25.386.789.103	7.540.461.520	61.922.079.301	49.072.723.441
TCT HT mạng/VNPT NET	15.534.200.000	10.873.940.000	15.534.200.000	10.873.940.000
Cty CP Thủy sản N.G Việt Nam	12.943.377.077	11.815.871.980	12.943.377.077	11.815.871.980
Đối tượng khác	2.783.426.717	-	2.783.426.717	-
	<b>64.896.696.657</b>	<b>30.230.273.500</b>	<b>111.031.986.855</b>	<b>71.762.535.421</b>

## 10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	39.089.778.359	-	133.700.741.267	-
Thành phẩm	5.734.846.072	-	5.734.846.072	-
Hàng hoá	44.181.662.020	-	45.739.356.147	-
	<b>89.006.286.451</b>	<b>-</b>	<b>185.174.943.486</b>	<b>-</b>

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2021: 0 VND.

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2021: 0 VND.

## 11. TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

*Xây dựng cơ bản dở dang*

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND
Dự án Từ Liêm (*)	246.601.885	-	246.601.885	-
	<b>246.601.885</b>	<b>-</b>	<b>246.601.885</b>	<b>-</b>

(\*) Đây là chi phí liên quan đến việc chuẩn bị thực hiện Dự án xây dựng tòa nhà, văn phòng cho thuê, siêu thị kết hợp nhà ở để bán tại thôn Kiều Mai, xã Phú Diễn, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCD Khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số đầu năm	70.104.360.724	67.216.686.839	8.600.801.273	39.415.118.704	2.103.194.368	187.440.161.908
Số tăng trong năm	-	-	3.980.170.000	1.782.703.804	-	5.762.873.804
- Mua trong năm			3.980.170.000	1.782.703.804	-	5.762.873.804
Số giảm trong năm	(70.104.360.724)	(477.000.000)	(2.441.516.364)	(28.316.882.988)	-	(101.339.760.076)
- Thanh lý, nhượng bán	(70.104.360.724)	(477.000.000)	(2.441.516.364)	(28.316.882.988)	-	(101.339.760.076)
- Phân loại lại	-	-	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>66.739.686.839</b>	<b>10.139.454.909</b>	<b>12.880.939.520</b>	<b>2.103.194.368</b>	<b>91.863.275.636</b>
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	21.698.900.329	67.034.779.268	5.879.481.482	28.470.591.683	1.537.145.055	124.620.897.817
Số tăng trong năm	1.644.093.654	101.703.773	989.364.176	3.447.146.679	283.024.656	6.465.332.938
- Khấu hao trong năm	1.644.093.654	101.703.773	989.364.176	3.447.146.679	283.024.656	6.465.332.938
Số giảm trong năm	(23.342.993.983)	(477.000.000)	(1.391.594.614)	(21.610.164.645)	-	(46.821.753.242)
- Thanh lý nhượng bán	(23.342.993.983)	(477.000.000)	(1.391.594.614)	(21.610.164.645)	-	(46.821.753.242)
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>66.659.483.041</b>	<b>5.477.251.044</b>	<b>10.307.573.717</b>	<b>1.820.169.711</b>	<b>84.264.477.513</b>
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	48.405.460.395	181.907.571	2.721.319.791	10.944.527.021	566.049.313	62.819.264.091
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>80.203.798</b>	<b>4.662.203.865</b>	<b>2.573.365.803</b>	<b>283.024.657</b>	<b>7.598.798.123</b>

- Giá trị còn lại của TSCD hữu hình đang thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2021: 0 VND

- Nguyên giá TSCD đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31/12/2021: 78.921.402.094 VND

### 13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Phần mềm	Cộng
	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số đầu năm	9.344.499.881	9.344.499.881
Số tăng trong năm	-	-
Số giảm trong năm	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>9.344.499.881</b>	<b>9.344.499.881</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ</b>		
Số đầu năm	8.978.873.038	8.978.873.038
Số tăng trong năm	200.721.996	200.721.996
- <i>Khấu hao trong năm</i>	200.721.996	200.721.996
Số giảm trong năm	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>9.179.595.034</b>	<b>9.179.595.034</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày đầu năm	365.626.843	365.626.843
Tại ngày cuối năm	164.904.847	164.904.847

- Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình đang thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2021: 0 VND

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31/12/2021: 8.459.639.881 VND

#### 14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư chờ tăng giá

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số đầu năm	10.190.534.149	10.190.534.149
Số tăng trong năm	-	-
Số giảm trong năm	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>10.190.534.149</b>	<b>10.190.534.149</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số đầu năm	2.152.245.501	2.152.245.501
Số tăng trong năm	-	-
Số giảm trong năm	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.152.245.501</b>	<b>2.152.245.501</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày đầu năm	8.038.288.648	8.038.288.648
Tại ngày cuối năm	8.038.288.648	8.038.288.648

- Giá trị còn lại của BĐS đầu tư đang thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2021: 0 VND

- Nguyên giá BĐS đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê hoặc nắm giữ chờ tăng giá: 0 VND

#### 15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
- Chi phí bảo hiểm, chi phí thuê kho, chi phí khác	243.462.336	344.220.030
	<b>243.462.336</b>	<b>344.220.030</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
- Công cụ dụng cụ phân bổ nhiều kỳ	1.358.443.434	994.363.738
- Chi phí dài hạn khác chờ phân bổ	1.092.876.134	1.299.173.364
	<b>2.451.319.568</b>	<b>2.293.537.102</b>

**16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Tăng trong năm		Giảm trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Giá trị VND	Giá trị VND	Giá trị VND	Giá trị VND	Khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	6.328.000.000	6.328.000.000	215.006.447.136		255.240.357.131		46.561.909.995	46.561.909.995
- Vay Ngân hàng	-	-	202.306.447.136		242.540.357.131		40.233.909.995	40.233.909.995
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thăng Long (VND)	-	-	78.522.630.102		103.190.797.689		24.668.167.587	24.668.167.587
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN	-	-	123.783.817.034		139.349.559.442		15.565.742.408	15.565.742.408
- Công ty CP VTS Hải Phòng (1)	6.328.000.000	6.328.000.000	-		-		6.328.000.000	6.328.000.000
- Vay cá nhân	-	-	12.700.000.000		12.700.000.000		-	-
	<b>6.328.000.000</b>	<b>6.328.000.000</b>	<b>215.006.447.136</b>		<b>255.240.357.131</b>		<b>46.561.909.995</b>	<b>46.561.909.995</b>

**Chi tiết các khoản vay của Công ty:**

**(1) Vay Công ty CP VTS Hải Phòng theo các hợp đồng sau:**

- Hợp đồng vay vốn số 01/HĐVV/VTS-ELCOM ngày 04/07/2019, phụ lục số 01 ngày 05/07/2020
- + Số tiền vay: 4.300.000.000 VND. Mục đích: Bổ sung vốn lưu động
- + Thời hạn vay: đến ngày 05/07/2022. Lãi suất cho vay: 6,0%/năm
- + Số dư tại 31/12/2021 là: 4.300.000.000 VND.
- Hợp đồng vay vốn số 02/HĐVV/VTS-ELCOM ngày 19/08/2019, phụ lục số 01 ngày 19/08/2020
- + Số tiền vay: 2.028.000.000 VND. Mục đích: Bổ sung vốn lưu động
- + Thời hạn vay: đến ngày 19/08/2022. Lãi suất cho vay: 6,0%/năm
- + Số dư tại 31/12/2021 là: 2.028.000.000 VND.

## 17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

### a. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng
	VND	VND	VND	VND
Ciena Communications	3.091.601.958	3.091.601.958	143.039.787.926	143.039.787.926
Công ty CP uy tín Toàn Cầu	-	-	5.458.780.000	5.458.780.000
Comverse Network Ltd	73.914.535.130	73.914.535.130	45.512.767.523	45.512.767.523
ISG Technology Pte Ltd	1.803.248.672	1.803.248.672	4.121.553.210	4.121.553.210
Cty CP kỹ thuật Toàn Cầu	13.081.452.010	13.081.452.010	8.565.790.640	8.565.790.640
Hudson Capital Holding	-	-	19.462.638.794	19.462.638.794
Các đối tượng khác	37.335.439.880	37.335.439.880	57.219.036.159	57.219.036.159
	<b>129.226.277.650</b>	<b>129.226.277.650</b>	<b>283.380.354.252</b>	<b>283.380.354.252</b>

### b. Các bên liên quan

		Số cuối năm	Số đầu năm
		VND	VND
Công ty CP Elcom Plus	Công ty con	-	1.041.635.000
Công ty TNHH Giải pháp phần mềm Elcom	Công ty con	122.468.166	-
		<b>122.468.166</b>	<b>1.041.635.000</b>

## 18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công an tỉnh Thanh Hóa	-	59.175.631.528
Cục B05 - Bộ Công An	440.080.000	164.874.099.411
Cục C10 - Bộ Công An	8.427.378.500	-
Trung tâm tin học - Bộ KH và Đầu tư	34.779.835.000	-
Các đối tượng khác	2.488.821.880	9.244.212.650
	<b>46.136.115.380</b>	<b>233.293.943.589</b>



**19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	4.252.444.025	30.444.476.196	32.803.488.423	-	1.893.431.798
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	131.727.720	131.727.720	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	5.312.724.404	8.329.014.870	12.535.530.992	-	1.106.208.282
Thuế Thu nhập cá nhân	-	134.336.301	3.699.051.209	3.614.519.527	-	218.867.983
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	3.134.034	3.134.034	-	-
Các loại thuế khác	-	270.349.172	3.158.444.610	3.302.539.853	-	126.253.929
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	113.060.597	-	-	-	113.060.597
	-	<b>10.082.914.499</b>	<b>45.765.848.639</b>	<b>52.390.940.549</b>	-	<b>3.457.822.589</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

## 20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí thực hiện dự án	9.858.705.564	5.529.896.701
Chi trả phải trả khác	449.683.703	423.115.464
	<b>10.308.389.267</b>	<b>5.953.012.165</b>

## 21. PHẢI TRẢ KHÁC

### a. Phải trả khác ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	1.282.296.452	1.058.702.252
Phải trả cổ tức cho cổ đông	872.498.998	825.310.408
Phải trả hàng mang đi bảo hành	141.899.602	510.960.272
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.708.996.185	8.653.829.185
Phải trả lãi vay	1.021.585.668	636.632.334
Phải trả hợp tác kinh doanh (*)	6.930.520.000	8.016.930.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	632.028.258	383.973.343
	<b>12.589.825.163</b>	<b>20.086.337.794</b>

(\*) Bao gồm:

+ Khoản lợi nhuận trước thuế phải trả tạm tính cho Công ty CP N.D.C theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 12/03/2020 giữa Công ty CP Đầu tư phát triển công nghệ điện tử - Viễn thông (Elcom corp) và Công ty CP N.D.C (N.D.C). Theo đó 2 bên cùng hợp tác cung cấp sản phẩm dịch vụ viễn thông của hãng Ciena cho Tập đoàn Công nghiệp - Viễn Thông Quân đội Viettel; tỷ lệ lợi nhuận được hưởng: Elcom corp được hưởng 40% lợi nhuận trước thuế, N.D.C được hưởng 60% lợi nhuận trước thuế của dự án, số tiền Elcom còn phải trả cho N.D.C là 0 VND.

+ Khoản nhận góp vốn hợp tác kinh doanh của Công ty CP Công nghệ mạng Đồng Đô theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2021/HĐ/ELCOM-DONGDO ngày 24/03/2021 với số tiền: 6.930.520.000 VND.

### b. Phải trả khác dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	2.591.698.900	1.603.790.400
	<b>2.591.698.900</b>	<b>1.603.790.400</b>

### c. Phải trả khác là các bên liên quan:

Mối quan hệ	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Cty TNHH VTS Hải Phòng	1.021.585.668	636.632.334
Công ty con	<b>1.021.585.668</b>	<b>636.632.334</b>

**22. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Cho thuê văn phòng	1.275.311.061	576.675.000
	<u>1.275.311.061</u>	<u>576.675.000</u>

**23. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

**a. Ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	7.496.580.356	798.275.172
	<u>7.496.580.356</u>	<u>798.275.172</u>

**b. Dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	6.381.962.833	1.777.797.859
	<u>6.381.962.833</u>	<u>1.777.797.859</u>

**24. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Cộng
	VND		VND		VND		VND		VND		VND		
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>509.282.430.000</b>		<b>88.677.010.000</b>		<b>(3.349.334.820)</b>		<b>41.410.255.576</b>		<b>5.200.000.000</b>		<b>183.010.218.676</b>		<b>824.230.579.432</b>
- Lãi (lỗ) trong năm trước	-		-		-		-		-		32.247.036.274		32.247.036.274
- Trích lập các quỹ	-		-		-		-		-		(1.493.000.000)		(1.493.000.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>509.282.430.000</b>		<b>88.677.010.000</b>		<b>(3.349.334.820)</b>		<b>41.410.255.576</b>		<b>5.200.000.000</b>		<b>213.764.254.950</b>		<b>854.984.615.706</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>509.282.430.000</b>		<b>88.677.010.000</b>		<b>(3.349.334.820)</b>		<b>41.410.255.576</b>		<b>5.200.000.000</b>		<b>213.764.254.950</b>		<b>854.984.615.706</b>
- Lãi (lỗ) trong năm nay											26.370.076.133		26.370.076.133
- Mua cổ phiếu quỹ (1)					2.000.000.000						(1.560.000.000)		2.000.000.000
- Trích lập các quỹ (2)											(1.560.000.000)		(1.560.000.000)
- Chia cổ phiếu thưởng											(30.371.188.800)		(2.000.000.000)
- Chia Cổ tức (3)			(2.000.000.000)								(30.371.188.800)		(30.371.188.800)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>509.282.430.000</b>		<b>86.677.010.000</b>		<b>(1.349.334.820)</b>		<b>41.410.255.576</b>		<b>5.200.000.000</b>		<b>208.203.142.283</b>		<b>849.423.503.039</b>

(1) Theo Nghị quyết số 02-05/2021/NQ-HDQT ngày 28/05/2021 của HDQT Công ty CP Đầu tư phát triển Công nghệ điện tử - Viễn thông, quyết định thông qua kế hoạch sử dụng cổ phiếu quỹ thưởng cho người lao động trong Công ty: 309.595 cổ phiếu, trong đó chia làm 2 đợt:  
+ Đợt 1: Số lượng cổ phiếu quỹ thưởng cho CBNV là 200.000 cổ phiếu, giá trị theo mệnh giá 2.000.000.000 VND. Ngày 07/09/2021, Công ty đã báo cáo UBCK Nhà nước về việc hoàn thành giao dịch đợt 1.

+ Đợt 2: Số lượng cổ phiếu quỹ thưởng cho CBNV là 109.595 cổ phiếu, giá trị theo mệnh giá 1.095.950.000 VND, thời gian thực hiện sau đợt 1 và theo Quy định của pháp luật. Ngày 28/01/2022, Công ty đã gửi công bố thông tin giao dịch bán cổ phiếu quỹ tới UBCK Nhà nước, theo đó thời gian thực hiện chỉ trả đợt 2 dự kiến từ ngày 16/02/2022 đến ngày 15/03/2022.

(2) Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi theo công bố việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020 theo nghị quyết Đại hội cổ đông số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 04 năm 2021.

(3) Công ty thực hiện trả cổ tức bằng tiền mặt 6% theo nghị quyết Hội đồng quản trị số 02-06/2021/NQ-HDQT ngày 21/06/2021, với số tiền: 30.371.188.800 VND. Tính tới thời điểm ngày 31/12/2021, tổng số tiền cổ tức Công ty đã thực trả cho cổ đông là: 30.324.000.210 VND.

**24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Công ty TNHH Đầu tư DT&T	31.055.140.000	6,10%	31.055.140.000	6,10%
- Ông Phan Chiến Thắng	44.341.060.000	8,71%	42.273.060.000	8,30%
- Ông Trần Hùng Giang	29.884.370.000	5,87%	29.884.370.000	5,87%
- Ông Nguyễn Mạnh Hải	29.675.150.000	5,82%	29.675.150.000	5,82%
- Các cổ đông khác	374.326.710.000	73,50%	376.394.710.000	73,91%
	<b>509.282.430.000</b>	<b>100%</b>	<b>509.282.430.000</b>	<b>100%</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	509.282.430.000	509.282.430.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- <b>Vốn góp cuối năm</b>	<b>509.282.430.000</b>	<b>509.282.430.000</b>

**d. Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50.928.243	50.928.243
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	50.928.243	50.928.243
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>50.928.243</i>	<i>50.928.243</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	109.595	309.595
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>109.595</i>	<i>309.595</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50.818.648	50.618.648
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>50.818.648</i>	<i>50.618.648</i>

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP

**e. Cổ tức**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Cổ tức đã công bố	30.491.188.800	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông (*)	30.491.188.800	-
- Cổ tức đã chi trả trong năm	30.324.000.210	-

(\*) Nghị quyết số 02-06/2021/NQ-HĐQT của HĐQT Công ty CP ĐTPT Công nghệ điện tử - viễn thông ngày 21/06/2021 đã thông qua kế hoạch chi trả cổ tức năm 2020 và tạm ứng cổ tức năm 2021 bằng tiền mặt, cụ thể:

Tỷ lệ cổ tức bằng tiền mặt: 6% (600 đồng/ cổ phiếu), trong đó:

+ Chi trả cổ tức bằng tiền mặt năm 2020: 3% (300 đồng/ cổ phiếu)

+ Tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt năm 2021: 3% (300 đồng/ cổ phiếu).

**f. Các quỹ của doanh nghiệp**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	41.410.255.576	41.410.255.576
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	5.200.000.000	5.200.000.000

**25. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a. Ngoại tệ các loại</b>		
Đồng đô la Mỹ (USD)	3.077.451,20	7.172.131,89
<b>b. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)</b>	<b>18.307.777.778</b>	<b>8.707.777.778</b>

**26. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>a. Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ</b>		
- Doanh thu bán hàng hàng hóa	540.196.157.053	682.918.764.454
- Doanh thu bán thành phẩm phần mềm	3.950.000.000	19.560.480.000
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	85.272.704.133	83.460.534.027
	<b>629.418.861.186</b>	<b>785.939.778.481</b>
<b>b. Doanh thu với các bên liên quan</b>		
	<b>Mối quan hệ</b>	
Công ty CP Elcom Plus	Công ty con	-
Công ty CP Elcom Prime	Công ty con	-
Công ty cổ phần đầu tư Smartek	Công ty con của Công ty CP Elcom Plus	453.735.480
	<b>453.735.480</b>	<b>342.727.272</b>
		<b>345.799.387</b>
		<b>-</b>
	<b>453.735.480</b>	<b>688.526.659</b>

**27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Giá vốn bán hàng hóa	469.523.760.148	608.666.861.794
- Giá vốn bán thành phẩm phần mềm	1.939.454.596	2.440.318.890
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	44.286.200.505	46.048.995.224
	<b>515.749.415.249</b>	<b>657.156.175.908</b>

**28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Lãi tiền gửi, cho vay	2.049.645.973	3.091.266.987
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.718.190.000	3.896.957.186
- Lãi chứng khoán kinh doanh	305.956.260	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.493.119.471	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối kỳ	-	1.918.960.837
- Chiết khấu thanh toán được nhận	4.917.186.000	-
	<b>10.484.097.704</b>	<b>8.907.185.010</b>

## 29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Lãi tiền vay	4.032.298.214	1.861.206.100
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.418.082.200	1.184.942.467
- Chênh lệch tỷ giá cuối năm	480.849.126	-
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư	(4.423.494.422)	4.108.783.903
	<b>1.507.735.118</b>	<b>7.154.932.470</b>

## 30. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Chi phí nhân công	21.211.530.808	19.919.395.577
- Chi phí khấu hao	1.182.755.207	1.125.348.714
- Chi phí bảo hành	9.459.338.693	1.110.218.373
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.947.631.932	4.493.959.684
- Chi phí khác bằng tiền	539.201.167	482.681.374
	<b>38.340.457.807</b>	<b>27.131.603.722</b>

## 31. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Chi phí nguyên, vật liệu, CCDC	1.521.279.020	1.646.076.840
- Chi phí nhân công	37.202.336.096	31.926.843.950
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.061.871.788	7.732.115.406
- Hoàn nhập/ Trích dự phòng nợ phải thu khó đòi	(4.603.028.277)	13.633.668.128
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.878.633.212	5.800.536.460
- Chi phí khác bằng tiền	2.596.239.318	2.603.672.810
	<b>47.657.331.157</b>	<b>63.342.913.594</b>

## 32. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản	993.356.802	452.727.272
- Thu nhập khác	218.074.577	827.435.375
	<b>1.211.431.379</b>	<b>1.280.162.647</b>

## 33. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Chi phí khác	3.160.359.935	227.339.766
	<b>3.160.359.935</b>	<b>227.339.766</b>

### 34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	34.699.091.003	41.114.160.678
Các khoản điều chỉnh tăng	8.557.916.451	5.434.832.041
- Chi phí khấu hao vượt định mức	537.281.683	868.183.835
- Chi phí không hợp lệ	6.877.676.162	4.487.542.790
- Lỗi từ đánh giá chênh lệch tỷ giá các khoản phải thu, ký quỹ, tiền cuối kỳ theo TT 200/2014	1.142.958.606	79.105.416
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.718.190.000)	(2.213.370.700)
- Thu nhập đã tính thuế từ các khoản đầu tư	(1.718.190.000)	(2.213.370.700)
Thu nhập chịu thuế TNDN	41.538.817.454	44.335.622.019
Thuế TNDN hiện hành hoạt động SXKD thông thường	8.307.763.491	8.867.124.404
Điều chỉnh tăng thuế phải nộp theo BB quyết toán thuế	21.251.379	-
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>8.329.014.870</b>	<b>8.867.124.404</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	5.312.724.404	6.338.910.242
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(12.535.530.992)	(9.893.310.242)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>1.106.208.282</b>	<b>5.312.724.404</b>

### 35. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YÊU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí nguyên, vật liệu, CCDC, hàng hóa	374.370.964.055	620.799.087.678
- Chi phí nhân công	58.413.866.904	53.197.071.484
- Chi phí khấu hao	6.666.054.934	11.096.339.701
- Chi phí dự phòng	4.856.310.416	14.743.886.501
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	52.128.109.342	48.418.556.159
- Chi phí khác bằng tiền	11.387.067.330	24.559.418.930
	<b>507.822.372.981</b>	<b>772.814.360.453</b>



### 36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Tài sản tài chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	139.635.157.686	-	298.810.864.818	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	445.039.713.640	(34.666.423.157)	565.764.581.288	(29.869.451.434)
Các khoản cho vay	2.900.000.000	-	15.450.000.000	(9.400.000.000)
Đầu tư ngắn hạn	26.545.487.699	-	21.442.295.740	-
Đầu tư dài hạn	122.967.748.457	(7.014.534.197)	122.967.748.457	(7.783.065.424)
	<b>737.088.107.482</b>	<b>(41.680.957.354)</b>	<b>1.024.435.490.303</b>	<b>(47.052.516.858)</b>

Nợ phải trả tài chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ	6.328.000.000	-	46.561.909.995	-
Phải trả người bán, phải trả khác	144.407.801.713	-	305.070.482.446	-
Chi phí phải trả	10.308.389.267	-	5.953.012.165	-
	<b>161.044.190.980</b>	<b>-</b>	<b>357.585.404.606</b>	<b>-</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

#### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

#### Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

### Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

### Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Số cuối năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	139.635.157.686			139.635.157.686
Phải thu khách hàng, phải thu khác	445.039.713.640	-		445.039.713.640
Các khoản cho vay	2.900.000.000	-		2.900.000.000
Đầu tư ngắn hạn	26.545.487.699			26.545.487.699
Đầu tư dài hạn			122.967.748.457	122.967.748.457
	<b>614.120.359.025</b>	<b>-</b>	<b>122.967.748.457</b>	<b>737.088.107.482</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	298.810.864.818			298.810.864.818
Phải thu khách hàng, phải thu khác	565.764.581.288	-		565.764.581.288
Các khoản cho vay	15.450.000.000	-		15.450.000.000
Đầu tư ngắn hạn	21.442.295.740			21.442.295.740
Đầu tư dài hạn			122.967.748.457	122.967.748.457
	<b>901.467.741.846</b>	<b>-</b>	<b>122.967.748.457</b>	<b>1.024.435.490.303</b>

### Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Số cuối năm</b>				
Vay và nợ	6.328.000.000	-	-	6.328.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	141.816.102.813	2.591.698.900	-	144.407.801.713
Chi phí phải trả	10.308.389.267	-	-	10.308.389.267
	<b>158.452.492.080</b>	<b>2.591.698.900</b>	<b>-</b>	<b>161.044.190.980</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	46.561.909.995	-	-	46.561.909.995
Phải trả người bán, phải trả khác	303.466.692.046	1.603.790.400	-	305.070.482.446
Chi phí phải trả	5.953.012.165	-	-	5.953.012.165
	<b>355.981.614.206</b>	<b>1.603.790.400</b>	<b>-</b>	<b>357.585.404.606</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### 37. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

- Ngày 26/01/2022, Công ty đã nhận được Công văn số 528/UBCK-QLCB của UBCK Nhà nước chấp thuận việc sử dụng 109.595 cổ phiếu quỹ thưởng cho người lao động của Công ty, thời gian thực hiện dự kiến từ ngày 16/02/2022 đến ngày 15/03/2022. Dự kiến sau khi trả thưởng, số lượng cổ phiếu quỹ của Công ty sẽ còn lại bằng 0 cổ phiếu.
- Ngày 14 tháng 02 năm 2022, Công ty thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần lần thứ 26, cập nhật lại một số thông tin về ngành nghề kinh doanh.
- Ngoài các sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện trọng yếu nào khác xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính riêng đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

### 38. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước)  
Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh  
Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Doanh thu thành phẩm phần mềm	Doanh thu bán hàng và CCDV	Tổng
Doanh thu thuần ra bên ngoài	3.950.000.000	625.468.861.186	629.418.861.186
Chi phí bộ phận	1.939.454.596	513.809.960.653	515.749.415.249
<b>Kết quả kinh doanh</b>	<b>2.010.545.404</b>	<b>111.658.900.533</b>	<b>113.669.445.937</b>
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			85.997.788.964
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			27.671.656.973
Doanh thu hoạt động tài chính			10.484.097.704
Chi phí tài chính			1.507.735.118
Thu nhập khác			1.211.431.379
Chi phí khác			3.160.359.935
Thuế TNDN hiện hành			8.329.014.870
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>			<b>26.370.076.133</b>

### 39. NGHIỆP VỤ VÀ CÁC SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN

#### a. Thông tin các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Giải pháp phần mềm ELCOM	Công ty con
Công ty CP Elcom Plus	Công ty con
Công ty CP Elcom Prime	Công ty con
Cty TNHH VTS Hải Phòng	Công ty con
Công ty cổ phần đầu tư Smartek	Công ty con của Công ty CP Elcom Plus
Ông Phan Chiến Thắng	Chủ tịch HĐQT
Ông Phạm Minh Thắng	Tổng giám đốc

### 39. NGHIỆP VỤ VÀ CÁC SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN (tiếp)

#### b. Giao dịch với bên liên quan

##### *Công ty TNHH Giải pháp phần mềm ELCOM*

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Mua hàng hóa, dịch vụ	1.087.787.500	14.850.000
+ Giá trị hàng hóa chưa có thuế GTGT	1.081.625.000	13.500.000
+ Thuế GTGT hàng hóa mua vào	6.162.500	1.350.000
- Bù trừ công nợ phải thu khác và phải trả		14.850.000
- Bù trừ công nợ phải trả sang khoản phải thu lợi nhuận	965.319.334	
- Thu tiền lợi nhuận, cổ tức được chia		18.520.000.000

##### *Công ty CP Elcom Plus*

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Mua hàng hóa, dịch vụ	55.000.000	41.690.000
+ Giá trị hàng hóa chưa có thuế GTGT	50.000.000	37.900.000
+ Thuế GTGT hàng hóa mua vào	5.000.000	3.790.000
- Thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ	1.096.635.000	693.668.475
- Bù trừ công nợ		482.582.125
- Bán hàng hóa, dịch vụ cho Công ty CP Elcom Plus	-	377.000.000
+ Giá trị hàng hóa chưa có thuế GTGT	-	342.727.273
+ Thuế GTGT hàng hóa bán ra	-	34.272.727

##### *Công ty CP Elcom Prime*

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Mua hàng hóa, dịch vụ	-	191.654.540
+ Giá trị hàng hóa chưa có thuế GTGT	-	174.231.400
+ Thuế GTGT hàng hóa mua vào	-	17.423.140
- Thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ	-	504.430.287
- Bán hàng hóa, dịch vụ cho Công ty CP Elcom Prime	-	380.379.326
+ Giá trị hàng hóa chưa có thuế GTGT	-	345.799.387
+ Thuế GTGT hàng hóa bán ra	-	34.579.939
- Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	380.379.326	-

##### *Cty TNHH VTS Hải Phòng*

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Chi phí lãi vay phải trả	384.953.334	441.483.467

### 39. NGHIỆP VỤ VÀ CÁC SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN (tiếp)

#### Công ty cổ phần đầu tư Smartek

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Bán hàng hóa, dịch vụ cho Công ty CP Đầu tư Smartek	499.109.028	-
+ Giá trị hàng hóa chưa có thuế GTGT	453.735.480	-
+ Thuế GTGT hàng hóa bán ra	45.373.548	-

#### Ông Phan Chiến Thắng

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Cho công ty thuê văn phòng tại CN TP HCM	300.000.000	300.000.000

#### Ông Phạm Minh Thắng

	Số lượng	Giá trị (theo mệnh giá)
	cổ phiếu	VND
- Thường cổ phiếu quỹ	150.000	1.500.000.000

#### Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Chức vụ	Năm nay VND
- Thu nhập của HĐQT, BKS và Ban điều hành Công ty		3.342.256.460
+ Thu nhập HĐQT		1.714.400.000
Ông Phan Chiến Thắng	Chủ tịch HĐQT	532.000.000
Ông Trần Hùng Giang	TV HĐQT	170.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Hải	TV HĐQT	170.000.000
Ông Nguyễn Đức Thiện	TV HĐQT	170.000.000
Ông Ngô Ngọc Hà	TV HĐQT, Phó TGĐ	432.400.000
Nguyễn Mạnh Hùng	TV HĐQT	120.000.000
Nguyễn Thị Thanh Thủy	TV HĐQT	120.000.000
+ Thu nhập BKS		660.872.260
Bà Ngô Kiều Anh	Trưởng Ban kiểm soát	290.541.500
Bà Vũ Thị Ngân Hà	Thành viên BKS	334.330.760
Bà Hoàng Thị Phương Thủy	Thành viên BKS	36.000.000
+ Thu nhập Ban điều hành		966.984.200
Ông Phạm Minh Thắng	Tổng Giám đốc	418.700.000
Bà Đặng Thị Thanh Minh	Kế toán trưởng	548.284.200

Ngoài các thuyết minh với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần trên, Ban Tổng Giám đốc cam kết không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

#### 40. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP.

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu



Chu Hồng Hạnh

Kế toán trưởng



Đặng Thị Thanh Minh



Tổng Giám đốc

Phạm Minh Thăng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ**  
**ĐIỆN TỬ VIỆT THÔNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(đã được kiểm toán)





**NỘI DUNG**

	<u>Trang</u>
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	2 – 4
<b>Báo cáo Kiểm toán độc lập</b>	5 – 6
<b>Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán</b>	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	7 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11-12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	13 – 45

www.kimchi.vn

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu theo số 0101435127 ngày 18 tháng 07 năm 2003 do sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và được đăng ký thay đổi lần thứ 26 vào ngày 14 tháng 02 năm 2022.

Vốn điều lệ của công ty là: 509.282.430.000 VND (Năm trăm linh chín tỷ hai trăm tám hai triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng chẵn./.) tương đương 50.928.243 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Cổ phiếu của công ty có mã giao dịch là ELC và được Niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Công ty có các Chi nhánh và Văn phòng đại diện sau :

- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại 162/12 Đường Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Văn phòng đại diện Đà Nẵng tại tầng 5, tòa nhà Lighthouse, 1254 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN**

Ngày 26/01/2022, Công ty đã nhận được Công văn số 528/UBCK-QLCB của UBCK Nhà nước chấp thuận việc sử dụng 109.595 cổ phiếu quỹ thương cho người lao động của Công ty, thời gian thực hiện dự kiến từ ngày 16/02/2022 đến ngày 15/03/2022. Dự kiến sau khi trả thưởng, số lượng cổ phiếu quỹ của Công ty sẽ còn lại bằng 0 cổ phiếu.

Ngày 14 tháng 02 năm 2022, Công ty thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần lần thứ 26, cập nhật lại một số thông tin về ngành nghề kinh doanh.

Ngoài các sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện trọng yếu nào khác xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phan Chiến Thắng	Chủ tịch HĐQT
Ông Trần Hùng Giang	Thành viên
Ông Ngô Ngọc Hà	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Thiện	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thành viên

Các thành viên Ban Kiểm soát công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Ngô Kiều Anh	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Vũ Thị Ngân Hà	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Hoàng Thị Phương Thúy	Thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên của Ban Điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Minh Thắng	Tổng Giám đốc
Ông Ngô Ngọc Hà	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đặng Thị Thanh Minh	Kế toán trưởng

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các công ty đại chúng, công ty đại chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020; Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 về qui định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

*Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2022*

**TM. Ban Tổng Giám đốc**

**Tổng Giám đốc**



**Phạm Minh Thắng**



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP**  
TTP AUDITTING LIMITED COMPANY

Số : 179 /BCKT/TC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

*Về Báo cáo tài chính hợp nhất kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông*

**Kính gửi:**

**Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông được lập ngày 10 tháng 03 năm 2022, từ trang 07 đến trang 45, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính đã trung thực, hợp lý không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp là cơ sở ý kiến của chúng tôi.

## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2022

### CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP

Phó Tổng Giám đốc



**Lê Phương Anh**  
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán  
số 0739-2018-133-1

Kiểm toán viên

**Trần Tuấn Ninh**  
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán  
số 3964-2022-133-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

<b>Mã số TÀI SẢN</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Đơn vị tính: VND Số đầu năm</b>
<b>100 TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>878.345.287.612</b>	<b>1.205.815.319.102</b>
<b>110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>154.654.621.594</b>	<b>305.194.698.884</b>
111 1. Tiền		118.932.163.512	288.814.698.884
112 2. Các khoản tương đương tiền		35.722.458.082	16.380.000.000
<b>120 II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4.a</b>	<b>27.245.487.699</b>	<b>23.922.295.740</b>
121 1. Chứng khoán kinh doanh		-	67.295.740
122 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		-	-
123 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		27.245.487.699	23.855.000.000
<b>130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>556.366.668.916</b>	<b>643.216.523.353</b>
131 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.a	429.460.309.137	544.086.916.320
132 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.a	123.025.012.931	87.833.842.603
133 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
135 4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	6.292.000.000	18.842.000.000
136 5. Phải thu ngắn hạn khác	8.a	32.255.770.005	31.723.215.864
137 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	9	(34.666.423.157)	(39.269.451.434)
139 7. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
<b>140 IV. Hàng tồn kho</b>	<b>10</b>	<b>138.755.044.899</b>	<b>232.086.855.136</b>
141 1. Hàng tồn kho		138.755.044.899	232.086.855.136
149 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
<b>150 V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1.323.464.504</b>	<b>1.394.945.989</b>
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15.a	466.154.828	570.526.862
152 2. Thuế GTGT được khấu trừ		857.309.676	800.687.938
153 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	23.731.189
154 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
155 5. Tài sản ngắn hạn khác		-	-

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(Tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
200	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>266.981.070.897</b>	<b>292.342.684.894</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>181.700.000</b>	<b>181.700.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	8.b	181.700.000	181.700.000
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)		-	-
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>10.808.666.196</b>	<b>66.946.209.283</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	8.728.885.895	64.217.613.459
222	- Nguyên giá		87.619.347.126	183.196.233.398
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(78.890.461.231)	(118.978.619.939)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	13	2.079.780.301	2.728.595.825
228	- Nguyên giá		7.833.342.257	7.833.342.257
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(5.753.561.956)	(5.104.746.432)
230	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	14	<b>8.038.288.648</b>	<b>8.038.288.648</b>
231	- Nguyên giá		10.190.534.149	10.190.534.149
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(2.152.245.501)	(2.152.245.501)
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	11	<b>246.601.885</b>	<b>246.601.885</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		246.601.885	246.601.885
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	4.b	<b>244.355.714.848</b>	<b>213.155.316.940</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		128.012.500.588	97.580.633.907
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		123.357.748.457	123.357.748.457
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)		(7.014.534.197)	(7.783.065.424)
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>3.350.099.320</b>	<b>3.774.568.138</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15.b	3.066.095.874	3.435.247.419
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		284.003.446	339.320.719
269	3. Lợi thế thương mại		-	-
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.145.326.358.509</b>	<b>1.498.158.003.996</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(Tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Đơn vị tính: VND Số đầu năm
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>276.940.734.187</b>	<b>644.865.449.194</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>267.967.072.454</b>	<b>635.692.672.512</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	129.412.323.384	282.417.078.702
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	58.079.784.283	240.248.825.171
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	4.169.586.751	10.297.574.765
314	4. Phải trả người lao động		8.851.712.561	8.534.665.484
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	10.393.017.830	5.953.012.165
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	22	1.391.019.396	662.758.335
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	21.a	11.843.812.494	19.694.403.077
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	31.385.928.049	63.238.059.999
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	23.a	7.496.580.356	798.275.172
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4.943.307.350	3.848.019.642
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>8.973.661.733</b>	<b>9.172.776.682</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	21.b	2.591.698.900	1.603.790.400
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	16.b	-	5.791.188.423
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn	23.b	6.381.962.833	1.777.797.859
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>868.385.624.322</b>	<b>853.292.554.802</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>24</b>	<b>868.385.624.322</b>	<b>853.292.554.802</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		509.282.430.000	509.282.430.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		509.282.430.000	509.282.430.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		86.677.010.000	88.677.010.000
415	3. Cổ phiếu quỹ (*)		(1.349.334.820)	(3.349.334.820)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		41.410.255.576	41.410.255.576
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		5.200.000.000	5.200.000.000
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		213.858.698.235	201.462.354.663
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		165.746.469.178	169.659.698.407
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		48.112.229.057	31.802.656.256
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		13.306.565.331	10.609.839.384
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.145.326.358.509</b>	<b>1.498.158.003.996</b>

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu



Chu Hồng Hạnh

Kế toán trưởng



Đặng Thị Thanh Minh



Phạm Minh Thắng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26	659.260.549.082	802.240.521.980
02	2. Các khoản giảm trừ	27	128.383.270	7.081.818
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	28	659.132.165.812	802.233.440.162
11	4. Giá vốn hàng bán	29	530.050.105.850	666.857.279.950
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)		129.082.059.962	135.376.160.212
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	30	10.847.323.144	12.713.639.816
22	7. Chi phí tài chính	31	4.923.757.053	7.038.160.993
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		3.676.728.124	4.552.577.118
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên doanh, liên kết		20.355.519.365	(40.737.120)
25	9. Chi phí bán hàng	32	40.036.046.250	30.884.294.947
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	33	54.565.236.220	70.810.400.304
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))		60.759.862.948	39.316.206.664
31	12. Thu nhập khác	34	1.213.702.195	1.285.621.089
32	13. Chi phí khác	35	3.179.248.652	344.453.012
40	14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		(1.965.546.457)	941.168.077
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		58.794.316.491	40.257.374.741
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	36	8.430.044.214	8.896.727.612
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		55.317.273	161.304.648
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)		50.308.955.004	31.199.342.481
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		48.112.229.057	31.802.656.256
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		2.196.725.947	(603.313.775)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	37	947	628

Người lập biểu



Chu Hồng Hạnh

Kế toán trưởng



Đặng Thị Thanh Minh

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2022



Phạm Minh Thăng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
**Phương pháp gián tiếp**  
**Năm 2021**

Mã số	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>		
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>58.794.316.491</b>	<b>40.257.374.741</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>	<b>7.681.559.946</b>	<b>19.208.933.919</b>
02	- Khấu hao tài sản cố định	7.394.161.230	11.565.776.797
03	- Các khoản dự phòng	5.930.910.654	14.720.101.366
04	- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	597.477.956	(713.749.655)
05	- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	(9.917.718.018)	(11.010.961.707)
06	- Chi phí lãi vay	3.676.728.124	4.552.577.118
07	- Các khoản điều chỉnh khác	-	95.190.000
08	<b>3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>66.475.876.437</b>	<b>59.466.308.660</b>
09	- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	69.834.693.785	177.023.996.026
10	- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	91.972.961.992	(11.484.016.703)
11	- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	(309.454.076.562)	51.499.195.403
12	- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	473.523.579	(723.323.583)
13	- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	67.295.740	4.190.000.000
14	- Tiền lãi vay đã trả	(3.676.728.124)	(1.484.811.581)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(12.606.409.301)	(10.919.242.635)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	-	1.392.000
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(464.712.292)	(2.876.057.886)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(97.377.574.746)</b>	<b>264.693.439.701</b>
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>		
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(4.010.624.545)	(921.402.726)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	19.045.909.091	645.454.545
23	3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị	(14.370.487.699)	(17.745.582.125)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	22.530.000.000	6.700.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(13.861.044.000)	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	5.977.809.836	8.607.227.166
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>15.311.562.683</b>	<b>(2.714.303.140)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Tiếp theo)  
Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	500.000.000	
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	-	
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	217.949.786.751	81.284.952.023
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(255.593.107.124)	(81.303.094.356)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(30.324.000.210)	-
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>(67.467.320.583)</b>	<b>(18.142.333)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>(149.533.332.645)</b>	<b>261.960.994.228</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	305.194.698.884	43.233.704.656
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(1.006.744.645)	
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>154.654.621.594</b>	<b>305.194.698.884</b>

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu



Chu Hồng Hạnh

Kế toán trưởng



Đặng Thị Thanh Minh



Phạm Minh Thắng

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu theo số 0101435127 ngày 18 tháng 07 năm 2003 do sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và được đăng ký thay đổi lần thứ 26 vào ngày 14 tháng 02 năm 2022.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ELECTRONICS COMMUNICATIONS TECHNOLOGY INVESTMENT DEVELOPMENT CORPORATION.

Tên Công ty viết tắt: ELCOM CORP.

Vốn điều lệ của công ty là: 509.282.430.000 VND (Năm trăm linh chín tỷ hai trăm tám hai triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng chẵn./.) tương đương 50.928.243 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Cổ phiếu của công ty có mã giao dịch là ELC và được Niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Công ty có các Chi nhánh và Văn phòng đại diện sau :

- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại 162/12 Đường Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Văn phòng đại diện Đà Nẵng tại tầng 5, tòa nhà Lighthouse, 1254 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

Số cán bộ công nhân viên : 223 người

#### Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong lĩnh vực: sản xuất, thương mại.

#### Ngành nghề kinh doanh:

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất phần mềm máy tính, chuyển giao công nghệ thông tin, lắp đặt các hệ thống, dây chuyền công nghệ cao;
- Tư vấn các hệ thống thông tin, hệ thống tự động hóa và các hệ thống điện tử viễn thông;

- Dịch vụ thông tin giải trí với phát thanh, truyền hình, báo chí;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng, cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh, cho thuê tài sản;
- Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp.

## 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

### 2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực đo Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3. Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

##### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## **2.5. Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## **2.6. Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.7. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 08 năm
- Phương tiện, vận tải	05 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 08 năm
- Phần mềm máy tính	03 - 05 năm.
- TSCĐ vô hình	05 năm

## 2.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

## 2.9. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## 2.10. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

## 2.11. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tính hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa



phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## **2.12. Doanh thu**

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

## **2.13. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

## **2.14. Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;

- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## **2.15. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

### ***a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả***

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

### ***b. Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại***

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

### ***c. Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành***

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

## **2.16. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 2.17 Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

### a. Mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty lập Báo cáo tài chính hợp nhất này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC – hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Theo đó, Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập trên cơ sở số liệu của Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông và các Công ty con, bao gồm:

TT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính
	<b>Công ty con</b>			
1	Công ty TNHH Giải pháp phần mềm Elcom	100%	100%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
2	Công ty Cổ phần Elcom plus	92,86%	92,86%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội
3	Công Ty TNHH VTS Hải Phòng	65%	65%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội
4	Công ty CP ELCOMPRIME	70%	70%	Tầng 6, tòa nhà Fimexco, 231 – 233 Lê Thành Tông P. Bến Nghé, Q1. TP. HCM
5	Công ty CP Đầu tư Smartek (là công ty con của Công ty Cổ phần Elcom plus)	74,29%	74,29%	Tầng 04, TT Ươm tạo & Đào tạo Công nghệ cao, Khu CNC Hòa Lạc, Xã Thạch Hoà, Huyện Thạch Thất, TP. Hà Nội.
	<b>Công ty liên kết</b>			
1	Công ty CP Công nghệ VLM Bắc Kạn	42,97%	42,97%	Số 91, đường Trần Hưng Đạo, tổ 1A, Phường Đức Xuân, TP. Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn
2	Công ty CP Máy tính và truyền thông Việt Nam	35,40%	35,40%	Số 18 Nguyễn Chí Thanh, Phường Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội
3	Công ty CP Công nghệ VFT	49,00%	49,00%	Đường 72, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

## b. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính từ Công ty mẹ và các Công ty con. Các Công ty được xác định là công ty con của Công ty khi có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của các Công ty này.

### (i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Báo cáo tài chính của các công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Các chính sách kế toán của các Công ty con có thể được điều chỉnh nhằm đảm bảo chính sách kế toán được áp dụng ở Công ty mẹ và các Công ty con không có sự khác biệt đáng kể.

Tất cả các nghiệp vụ (giao dịch) và số dư chủ yếu giữa các Công ty con trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Giá trị khoản đầu tư của Công ty vào các Công ty liên kết được phản ánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào Công ty liên kết được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ tại Công ty liên kết tương ứng vượt quá phần vốn góp của Tổng Công ty tại các Công ty này đều không được ghi nhận.

### (ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt, tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào lợi ích của Công ty trừ đi Cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

### (iv) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Công ty mẹ được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Công ty mẹ, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các công ty này.

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Công ty mẹ phải chia sẽ vượt quá lợi ích của công ty mẹ trong công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Công ty mẹ có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

### 3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	533.336.603	2.024.101.977
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	118.398.826.909	286.790.596.907
Các khoản tương đương tiền	35.722.458.082	16.380.000.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 - 3 tháng</i>	<i>35.722.458.082</i>	<i>16.380.000.000</i>
<b>Cộng</b>	<b>154.654.621.594</b>	<b>305.194.698.884</b>

### 4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

#### a. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chứng khoán kinh doanh	-	-	67.295.740	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội	-	-	67.295.740	-
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	<b>27.245.487.699</b>	<b>-</b>	<b>23.855.000.000</b>	<b>-</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	27.245.487.699	-	23.855.000.000	-
<i>Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội</i>	<i>7.893.706.170</i>	<i>-</i>	<i>5.875.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN</i>	<i>8.821.424.658</i>	<i>-</i>	<i>8.300.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Đông Đô</i>	<i>4.830.356.871</i>	<i>-</i>	<i>2.200.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội-CN Thăng Long</i>	<i>5.000.000.000</i>	<i>-</i>	<i>5.000.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Ngân hàng Indovinabank</i>	<i>700.000.000</i>	<i>-</i>	<i>1.000.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>1.480.000.000</i>	<i>-</i>
<b>Cộng</b>	<b>27.245.487.699</b>	<b>-</b>	<b>23.922.295.740</b>	<b>-</b>

(\*) Bao gồm khoản tiền gửi đồng có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng với lãi suất 4,35 %/năm đến 5,2%/năm.

**CÔNG TY CP ĐTVT CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ- VIỄN THÔNG**

Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021**4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

b. Đầu tư tài chính dài hạn	SL cổ phiếu	Giá gốc	Số cuối năm		Số đầu năm	
			GT dự phòng	GT hợp lý	GT dự phòng	GT hợp lý
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>		128.012.500.588	-	128.012.500.588	97.580.633.907	97.580.633.907
Công ty CP Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	626.074	5.841.463.627	-	5.841.463.627	5.841.553.809	5.841.553.809
Công ty CP máy tính & truyền thông Việt Nam	2.124.100	91.648.547.778	-	91.648.547.778	91.739.080.098	91.739.080.098
Công ty CP Viễn thông VFT (*)	3.566.563	30.522.489.183		30.522.489.183		
<b>Đầu tư khác</b>		123.357.748.457	(7.014.534.197)	116.343.214.260	123.357.748.457	115.574.683.033
<b>Đầu tư cổ phiếu</b>		78.933.482.500	(7.014.534.197)	71.918.948.303	78.933.482.500	71.150.417.076
Công ty CP Phát triển Đông Dương Xanh	1.250.000	28.590.000.000	(1.942.085.985)	26.647.914.015	28.590.000.000	26.746.419.378
Công ty CP tư vấn hạ tầng Viễn thông	840.000	6.000.000.000		6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
Công ty CP Giải pháp Đa phương tiện Sáng kiến	87.496	2.148.349.500	-	2.148.349.500	2.148.349.500	2.148.349.500
Công ty CP Tin học Viễn thông Petrolimex	19.095	115.000.000	-	115.000.000	115.000.000	115.000.000
Công ty CP Đầu tư & phát triển Thăng Long Xanh	36.000	360.000.000	(360.000.000)	-	360.000.000	-
Công ty CP Trung Văn	371.699	26.985.200.000	(912.247.568)	26.072.952.432	26.985.200.000	26.082.072.428
Công ty CP Atani Holdings	1.473.493	14.734.933.000	(3.800.200.644)	10.934.732.356	14.734.933.000	10.058.575.770

**CÔNG TY CP ĐĐT CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ- VIỄN THỐNG**

Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021**4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Đầu tư dài hạn khác	44.424.265.957		44.424.265.957	-	44.424.265.957
Dự án Trần Phú - Công ty CP Đầu tư & PT Thăng Long Xanh (**)	37.771.500.000	-	37.771.500.000	-	37.771.500.000
Công ty CP TRANSMEDIA	400.000.000	-	400.000.000	-	400.000.000
Công ty CP Đầu tư Bất động sản Thanh Trì	5.862.765.957	-	5.862.765.957	-	5.862.765.957
Công ty TNHH Luckybest Việt Nam	390.000.000	-	390.000.000	-	390.000.000
<b>Cộng các khoản đầu tư</b>	<b>251.370.249.045</b>	<b>(7.014.534.197)</b>	<b>244.355.714.848</b>	<b>220.938.382.364</b>	<b>213.155.316.940</b>

(\*) Trong năm, Công ty đã có giao dịch mua cổ phần của Công ty Cổ phần Công nghệ VFT như sau:

- Giao dịch mua 3.566.563 cổ phần của Công ty Cổ phần Công nghệ VFT từ các nhà đầu tư khác, tương đương tổng mệnh giá 35.665.630.000 VND, giá phí là 13.861.044.000 VND.

- Sau các giao dịch trên, tại ngày 31/12/2021, Công ty đang sở hữu 3.566.563 cổ phần của Công ty Cổ phần Công nghệ VFT, tương đương tổng mệnh giá 35.665.630.000 VND, giá phí đầu tư của số cổ phần này là 13.861.044.000 VND.

(\*\*) Đây là khoản góp vốn để thực hiện Dự án "Xây dựng nhà ở hỗn hợp tái định cư tại ô đất C13/DD2 thuộc phường Trần Phú, quận Hoàng Mai, Hà Nội theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2011/HĐHTĐT/ELC-TLX ký với Công ty CP Đầu tư &amp; Phát triển Thăng Long Xanh.

## 5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>		
Sở TT & truyền thông tỉnh Bắc Ninh	-	9.144.117.110
Công ty TNHH thu phí tự động VETC	53.663.715.176	40.126.047.638
Công ty TNHH KTCN cao QT Global	5.935.044.000	8.935.044.000
TĐ Viễn thông QĐ/Viettel	25.386.789.103	61.922.079.301
TCT HT mạng/VNPT NET	15.534.200.000	15.534.200.000
Cty CP N.D.C	45.150.590.644	106.908.326.101
Cục Hàng Hải Việt Nam	266.437.581	266.437.581
Tổng Công ty viễn thông Mobifone	22.303.948.671	32.601.561.518
Cty CP Tập Đoàn Thương mại Hà Nội	42.000.000.000	-
Các đối tượng khác	219.219.583.962	268.649.103.071
<b>Cộng</b>	<b>429.460.309.137</b>	<b>544.086.916.320</b>

## b. Phải thu các bên liên quan

	Mối quan hệ	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cty CP Atani Holdings	Cộng thành viên HĐQT	6.300.437.591	6.500.437.591
Cty CP CN Vật liệu mới Bắc Kạn	Công ty liên kết	597.770.779	597.770.779
<b>Cộng</b>		<b>6.898.208.370</b>	<b>7.098.208.370</b>

## 6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

### a. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty CP DV kỹ thuật DELTATECH	2.840.872.250	2.840.872.250
TWS International trading PTE LTD	26.709.516.000	-
Các đối tượng khác	93.474.624.681	84.992.970.353
<b>Cộng</b>	<b>123.025.012.931</b>	<b>87.833.842.603</b>

### b. Trả trước cho các bên liên quan

	Mối quan hệ	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ông Trần Hùng Giang (*)	Thành viên HĐQT	4.030.000.000	4.030.000.000
Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy (*)	Vợ ông Phan Chiến Thắng - Chủ tịch HĐQT	5.980.000.000	5.980.000.000
Ông Ngô Ngọc Hà (*)	Thành viên HĐQT	2.990.000.000	2.990.000.000
<b>Cộng</b>		<b>13.000.000.000</b>	<b>13.000.000.000</b>

(\*) Đây là khoản tạm ứng theo Biên bản góp vốn ngày 25 tháng 10 năm 2012, được gia hạn đến 31/12/2022 giữa Công ty và các bên liên quan để đầu tư vào dự án xây dựng toà nhà, văn phòng cho thuê, siêu thị kết hợp nhà ở để bán lại tại thôn Kiều Mai, xã Phú Diễn, huyện Từ Liêm, TP Hà Nội.



**7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Cty CP CN vật liệu mới			9.400.000.000	(9.400.000.000)
Cho vay khác (*)	6.292.000.000	-	9.442.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>6.292.000.000</b>	<b>-</b>	<b>18.842.000.000</b>	<b>(9.400.000.000)</b>

Đây là các khoản cho vay với kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng. Lãi suất 6%/năm và không có tài sản đảm bảo.

**8. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a. Phải thu khác ngắn hạn</b>	<b>32.255.770.005</b>	<b>(6.461.845.048)</b>	<b>31.723.215.864</b>	<b>(6.461.845.048)</b>
Tạm ứng	5.745.837.823	-	7.233.487.135	-
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	4.059.832.495	-	5.824.405.770	-
Phải thu khác ngắn hạn khác (*)	22.450.099.687	(6.461.845.048)	18.665.322.959	(6.461.845.048)
<b>b. Phải thu khác dài hạn</b>	<b>181.700.000</b>	<b>-</b>	<b>181.700.000</b>	<b>-</b>
Phải thu khác	181.700.000	-	181.700.000	-
<b>Cộng</b>	<b>32.437.470.005</b>	<b>(6.461.845.048)</b>	<b>31.904.915.864</b>	<b>(6.461.845.048)</b>

(\*) Chi tiết các khoản phải thu ngắn hạn khác:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu hàng cho mượn thử nghiệm	1.588.900.482	1.460.997.489
Phải thu lãi cho vay Công ty CP Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	3.539.885.279	3.539.885.279
Phải thu tiền cho vay Công ty CP Đầu tư Thương mại Bắc Hà	4.500.000.000	4.500.000.000
Phải thu lãi cho vay Nguyễn Phương Hải (CMT 011486928 ngày 11/08/2009)	1.005.750.000	1.005.750.000
Phải thu lãi cho vay Công ty CP CN vật liệu mới (ELCOM Industry)	1.716.209.769	1.916.209.769
Phải thu cổ tức từ Công ty CP tư vấn ĐT PT hạ tầng viễn thông	1.680.000.000	1.680.000.000
Phải thu khác từ các công ty và cá nhân khác	8.419.354.157	4.562.480.422
<b>Cộng</b>	<b>22.450.099.687</b>	<b>18.665.322.959</b>

**c. Số dư với các bên liên quan**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty CP Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	3.539.885.279	3.539.885.279
<b>Cộng</b>	<b>3.539.885.279</b>	<b>3.539.885.279</b>

## 9. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Công ty CP Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	4.137.656.058	-	4.137.656.058	-
Công ty CP Công nghệ Vật liệu Mới	4.111.247.702	-	13.711.247.702	-
Tập đoàn Viễn thông Quân Đội	25.386.789.103	7.540.461.520	61.922.079.301	49.072.723.441
TCT HT mạng/VNPT NET	15.534.200.000	10.873.940.000	15.534.200.000	10.873.940.000
Cty CP Thủy sản N.G Việt Nam	12.943.377.077	11.815.871.980	12.943.377.077	11.815.871.980
Đối tượng khác	2.783.426.717	-	2.783.426.717	-
<b>Cộng</b>	<b>64.896.696.657</b>	<b>30.230.273.500</b>	<b>111.031.986.855</b>	<b>71.762.535.421</b>

## 10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	2.532.000	-	2.532.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	81.087.719.321	-	171.644.574.712	-
Thành phẩm	13.517.846.157	-	14.503.858.750	-
Hàng hoá	44.146.947.421	-	45.935.889.674	-
<b>Cộng</b>	<b>138.755.044.899</b>	<b>-</b>	<b>232.086.855.136</b>	<b>-</b>

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại ngày 31/12/2021: 0 VND.

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại ngày 31/12/2021: 0 VND.

## 11. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>		
Dự án Từ Liêm (*)	246.601.885	246.601.885
<b>Cộng</b>	<b>246.601.885</b>	<b>246.601.885</b>

(\*) Đây là chi phí liên quan đến việc chuẩn bị thực hiện Dự án xây dựng tòa nhà, văn phòng cho thuê, siêu thị kết hợp nhà ở để bán tại thôn Kiều Mai, xã Phú Diễn, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

**CÔNG TY CP ĐPTT CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ- VIỄN THÔNG**

Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc		Máy móc thiết bị		Phương tiện vận tải		Thiết bị DCQL		Tài sản cố định khác		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá TSCĐ												
Số dư đầu năm	69.837.204.029	62.638.476.859	9.541.624.000	38.847.384.142	2.331.544.368	183.196.233.398						
Số tăng trong năm	267.156.695	-	3.980.170.000	1.782.703.804	(267.156.695)	5.762.873.804						
- Mua trong năm	-	-	3.980.170.000	1.782.703.804	-	5.762.873.804						
- Phân loại lại	267.156.695	-	-	-	(267.156.695)	-						
Số giảm trong năm	(70.104.360.724)	(477.000.000)	(2.441.516.364)	(28.316.882.988)	-	(101.339.760.076)						
- Thanh lý, nhượng bán	(70.104.360.724)	(477.000.000)	(2.441.516.364)	(28.316.882.988)	-	(101.339.760.076)						
<b>Số cuối năm</b>	-	<b>62.161.476.859</b>	<b>11.080.277.636</b>	<b>12.313.204.958</b>	<b>2.064.387.673</b>	<b>87.619.347.126</b>						
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>												
Số dư đầu năm	21.710.651.502	60.785.641.489	6.177.726.662	28.665.966.335	1.638.633.951	118.978.619.939						
Số tăng trong năm	1.644.093.654	255.600.901	1.156.233.104	3.318.525.547	370.892.501	6.745.345.707						
- Khấu hao trong năm	1.644.093.654	255.600.901	1.156.233.104	3.318.525.547	370.892.501	6.745.345.707						
Số giảm trong năm	(23.354.745.156)	(477.000.000)	(1.391.594.614)	(21.610.164.645)	-	(46.833.504.415)						
- Thanh lý, nhượng bán	(23.354.745.156)	(477.000.000)	(1.391.594.614)	(21.610.164.645)	-	(46.833.504.415)						
<b>Số cuối năm</b>	-	<b>60.564.242.390</b>	<b>5.942.365.152</b>	<b>10.374.327.237</b>	<b>2.009.526.452</b>	<b>78.890.461.231</b>						
<b>Giá trị còn lại</b>												
Tại ngày đầu năm	48.126.552.527	1.852.835.370	3.363.897.338	10.181.417.807	692.910.417	64.217.613.459						
<b>Tại ngày cuối năm</b>	-	<b>1.597.234.469</b>	<b>5.137.912.484</b>	<b>1.938.877.721</b>	<b>54.861.221</b>	<b>8.728.885.895</b>						

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2021:

79.121.902.094 VND

### 13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Phần mềm	TSCĐ khác VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số đầu năm	7.088.902.376	744.439.881	7.833.342.257
Số tăng trong năm	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>7.088.902.376</b>	<b>744.439.881</b>	<b>7.833.342.257</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số đầu năm	5.056.685.254	48.061.178	5.104.746.432
Số tăng trong năm	648.815.524	-	648.815.524
- <i>Khấu hao trong năm</i>	<i>648.815.524</i>	-	<i>648.815.524</i>
Số giảm trong năm	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>5.705.500.778</b>	<b>48.061.178</b>	<b>5.753.561.956</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày đầu năm	2.032.217.122	696.378.703	2.728.595.825
Tại ngày cuối năm	1.383.401.598	696.378.703	2.079.780.301

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31/12/2021: 8.459.639.881 VND

### 14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số đầu năm	10.190.534.149	10.190.534.149
Số tăng trong năm	-	-
Số giảm trong năm	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>10.190.534.149</b>	<b>10.190.534.149</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số đầu năm	2.152.245.501	2.152.245.501
Số tăng trong năm	-	-
Số giảm trong năm	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.152.245.501</b>	<b>2.152.245.501</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày đầu năm	8.038.288.648	8.038.288.648
Tại ngày cuối năm	8.038.288.648	8.038.288.648

- Giá trị còn lại của BĐS đầu tư đang thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2021: 0 VND

### 15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
- Chi phí bảo hiểm, chi phí thuê kho, chi phí khác	466.154.828	570.526.862
<b>Cộng</b>	<b>466.154.828</b>	<b>570.526.862</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
- Công cụ dụng cụ phân bổ nhiều kỳ	1.973.219.740	2.136.074.055
- Chi phí dài hạn khác chờ phân bổ	1.092.876.134	1.299.173.364
<b>Cộng</b>	<b>3.066.095.874</b>	<b>3.435.247.419</b>

**16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	Số cuối năm		Tăng trong năm		Giảm trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Giá trị VND	Giá trị VND	Giá trị VND	Giá trị VND	Khả năng trả nợ VND
<b>a. Vay ngắn hạn</b>	31.385.928.049	31.385.928.049	223.471.225.185	255.323.357.135	63.238.059.999	63.238.059.999	63.238.059.999	63.238.059.999
Vay Ngân hàng	486.000.000	486.000.000	215.492.447.136	255.323.357.135	40.316.909.999	40.316.909.999	40.316.909.999	40.316.909.999
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thăng Long	-	-	78.522.630.102	103.190.797.689	24.668.167.587	24.668.167.587	24.668.167.587	24.668.167.587
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	-	123.783.817.034	139.349.559.442	15.565.742.408	15.565.742.408	15.565.742.408	15.565.742.408
- Vay ngắn hạn Ngân hàng BIDV	486.000.000	486.000.000	486.000.000	83.000.004	83.000.004	83.000.004	83.000.004	83.000.004
- Vay ngắn hạn cá nhân	-	-	12.700.000.000	12.700.000.000	-	-	-	-
<b>Nợ Dài hạn đến hạn trả</b>	30.899.928.049	30.899.928.049	7.978.778.049	-	22.921.150.000	22.921.150.000	22.921.150.000	22.921.150.000
Vay dài hạn trả (Ngân hàng Bưu điện Liên Việt)	30.899.928.049	30.899.928.049	7.978.778.049	-	22.921.150.000	22.921.150.000	22.921.150.000	22.921.150.000
<b>b. Vay dài hạn</b>	-	-	-	5.791.188.423	5.791.188.423	5.791.188.423	5.791.188.423	5.791.188.423
Vay dài hạn Ngân hàng Bưu điện Liên Việt	-	-	-	5.521.438.434	5.521.438.434	5.521.438.434	5.521.438.434	5.521.438.434
Vay dài hạn Ngân hàng Tiên Phong	-	-	-	269.749.989	269.749.989	269.749.989	269.749.989	269.749.989
<b>Cộng</b>	31.385.928.049	31.385.928.049	223.471.225.185	261.114.545.558	69.029.248.422	69.029.248.422	69.029.248.422	69.029.248.422

**17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Ciena Communications Inc	3.091.601.958	3.091.601.958	143.039.787.926	143.039.787.926
Cty CP chuyển giao CN Tam Hoa (*)	-	-	3.075.820.000	3.075.820.000
Công ty CP uy tín Toàn Cầu	-	-	5.458.780.000	5.458.780.000
Converse Network Ltd	73.914.535.130	73.914.535.130	45.512.767.523	45.512.767.523
ISG Technology Pte Ltd	1.803.248.672	1.803.248.672	4.121.553.210	4.121.553.210
Cty CP kỹ thuật Toàn Cầu	13.081.452.010	13.081.452.010	8.565.790.640	8.565.790.640
Hudson Capital Holding		-	19.462.638.794	19.462.638.794
Các đối tượng khác	37.521.485.614	37.521.485.614	53.179.940.609	53.179.940.609
<b>Cộng</b>	<b>129.412.323.384</b>	<b>129.412.323.384</b>	<b>282.417.078.702</b>	<b>282.417.078.702</b>

(\*) Trước đây là Công ty CP Khoa học ứng dụng PPH, hiện nay đã đổi tên thành Công ty CP chuyển giao Công nghệ Tam Hoa.

**18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công an tỉnh Thanh Hóa	-	59.175.631.528
Cục B05 - Bộ Công An	440.080.000	164.874.099.411
Cục CSQL trại giam - Bộ Công An	8.427.378.500	-
TT tin học - Bộ Kế hoạch đầu tư	34.779.835.000	-
Các đối tượng khác	14.432.490.783	16.199.094.232
<b>Cộng</b>	<b>58.079.784.283</b>	<b>240.248.825.171</b>

**19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Chỉ tiêu	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số còn phải thu cuối năm	Số còn phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	4.314.222.329	30.865.890.881	32.921.040.261	-	2.259.072.949
Thuế Tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-	-	-
Thuế Xuất nhập khẩu	-	-	131.796.123	131.796.123	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	5.312.724.404	8.430.044.214	12.630.140.490	-	1.112.628.128
Thuế Thu nhập cá nhân	-	287.218.263	4.426.433.893	4.155.081.008	-	558.571.148
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	3.134.034	3.134.034	-	-
Thuế nhà thầu	-	270.349.172	3.158.444.610	3.302.539.853	-	126.253.929
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	113.060.597	-	-	-	113.060.597
<b>Cộng</b>	-	<b>10.297.574.765</b>	<b>47.015.743.755</b>	<b>53.143.731.769</b>	-	<b>4.169.586.751</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

## 20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí thực hiện dự án	9.858.705.564	5.529.896.701
Chi trả phải trả khác	534.312.266	423.115.464
<b>Cộng</b>	<b>10.393.017.830</b>	<b>5.953.012.165</b>

## 21. PHẢI TRẢ KHÁC

### a. Phải trả khác ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	1.521.117.116	1.275.842.916
Phải trả cổ tức cho cổ đông	872.498.998	825.310.408
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.708.996.185	8.653.829.185
Phải trả hàng mang đi bảo hành	141.899.602	510.960.272
Phải trả hợp tác kinh doanh (*)	6.930.520.000	8.016.930.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	668.780.593	411.530.296
<b>Cộng</b>	<b>11.843.812.494</b>	<b>19.694.403.077</b>

(\*) Bao gồm:

- + Khoản lợi nhuận trước thuế phải trả tạm tính cho Công ty CP N.D.C theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 12/03/2020 giữa Công ty CP Đầu tư phát triển công nghệ điện tử - Viễn thông (Elcom corp) và Công ty CP N.D.C (N.D.C). Theo đó 2 bên cùng hợp tác cung cấp sản phẩm dịch vụ viễn thông của hãng Ciena cho Tập đoàn Công nghiệp - Viễn Thông Quân đội Viettel; tỷ lệ lợi nhuận được hưởng: Elcom corp được hưởng 40% lợi nhuận trước thuế, N.D.C được hưởng 60% lợi nhuận trước thuế của dự án, số tiền Elcom còn phải trả cho N.D.C là 0 VND.
- + Khoản nhận góp vốn hợp tác kinh doanh của Công ty CP Công nghệ mạng Đồng Đô theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2021/HĐ/ELCOM-DONGDO ngày 24/03/2021 với số tiền: 6.930.520.000 VND.

### b. Phải trả khác dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	2.591.698.900	1.603.790.400
<b>Cộng</b>	<b>2.591.698.900</b>	<b>1.603.790.400</b>



**22. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		
Cho thuê văn phòng	1.391.019.396	662.758.335
<b>Cộng</b>	<b><u>1.391.019.396</u></b>	<b><u>662.758.335</u></b>

**23. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	7.496.580.356	798.275.172
<b>Cộng</b>	<b><u>7.496.580.356</u></b>	<b><u>798.275.172</u></b>
<b>b. Dài hạn</b>		
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	6.381.962.833	1.777.797.859
<b>Cộng</b>	<b><u>6.381.962.833</u></b>	<b><u>1.777.797.859</u></b>

**24. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn Chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND							
Số dư đầu năm trước	509.282.430.000	88.677.010.000	(3.349.334.820)	41.410.255.576	5.200.000.000	171.152.698.406	11.213.153.159	823.586.212.321	
Lãi trong năm						31.802.656.256		31.802.656.256	
Thay đổi do mất quyền kiểm soát công ty con							(603.313.775)	(603.313.775)	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi								(1.493.000.000)	
Số dư đầu năm nay	<u>509.282.430.000</u>	<u>88.677.010.000</u>	<u>(3.349.334.820)</u>	<u>41.410.255.576</u>	<u>5.200.000.000</u>	<u>201.462.354.662</u>	<u>10.609.839.384</u>	<u>853.292.554.802</u>	
Lãi trong kỳ						48.112.229.057	2.196.725.947	50.308.955.004	
Trích lập các quỹ (1)						(1.560.000.000)		(1.560.000.000)	
Tặng khác							500.000.000	500.000.000	
Chia cổ tức (2)						(30.371.188.800)		(30.371.188.800)	
Mua lại cổ phiếu quỹ				2.000.000.000				2.000.000.000	
Chúa cổ phiếu thưởng (3)								(2.000.000.000)	
Giảm khác								(3.784.696.684)	
Số cuối năm	<u>509.282.430.000</u>	<u>86.677.010.000</u>	<u>(1.349.334.820)</u>	<u>41.410.255.576</u>	<u>5.200.000.000</u>	<u>213.858.698.235</u>	<u>13.306.565.331</u>	<u>868.385.624.322</u>	

(1) Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020 theo nghị quyết Đại hội cổ đông số 01/2021/NQ-DHĐCĐ ngày 27 tháng 04 năm 2021 như sau:

	Số tiền
	VND
Trích quỹ khen thưởng	1.560.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.560.000.000</b>

**24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

(2) Công ty thực hiện trả cổ tức bằng tiền mặt 6% theo nghị quyết Hội đồng quản trị số 02-06/2021/NQ-HĐQT ngày 21/06/2021, với số tiền: 30.371.188.800 VND. Tính tới thời điểm ngày 31/12/2021, tổng số tiền cổ tức Công ty đã thực trả cho cổ đông là: 30.324.000.210 VND.

(3) Theo Nghị quyết số 02-05/2021/NQ-HĐQT ngày 28/05/2021 của HĐQT Công ty CP Đầu tư phát triển Công nghệ điện tử - Viễn thông, quyết định thông qua kế hoạch sử dụng cổ phiếu quỹ thưởng cho người lao động trong Công ty: 309.595 cổ phiếu, trong đó chia làm 2 đợt:

+ Đợt 1: Số lượng cổ phiếu quỹ thưởng cho CBNV là 200.000 cổ phiếu, giá trị theo mệnh giá 2.000.000.000 VND. Ngày 07/09/2021, Công ty đã báo cáo UBCK Nhà nước về việc hoàn thành giao dịch đợt 1.

+ Đợt 2: Số lượng cổ phiếu quỹ thưởng cho CBNV là 109.595 cổ phiếu, giá trị theo mệnh giá 1.095.950.000 VND, thời gian thực hiện sau đợt 1 và theo Quy định của pháp luật. Ngày 28/01/2022, Công ty đã gửi công bố thông tin giao dịch bán cổ phiếu quỹ tới UBCK Nhà nước, theo đó thời gian thực hiện chỉ trả đợt 2 dự kiến từ ngày 16/02/2022 đến ngày 15/03/2022.

**24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp)**

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Công ty TNHH Đầu tư DT&T	31.055.140.000	6,10%	31.055.140.000	6,10%
- Ông Phan Chiến Thắng	44.341.060.000	8,71%	42.273.060.000	8,30%
- Ông Trần Hùng Giang	29.884.370.000	5,87%	29.884.370.000	5,87%
- Ông Nguyễn Mạnh Hải	29.675.150.000	5,82%	29.675.150.000	5,82%
- Các cổ đông khác	374.326.710.000	73,50%	376.394.710.000	73,91%
	<b>509.282.430.000</b>	<b>100%</b>	<b>509.282.430.000</b>	<b>100%</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	509.282.430.000	509.282.430.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- <b>Vốn góp cuối năm</b>	<b>509.282.430.000</b>	<b>509.282.430.000</b>

**d. Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50.928.243	50.928.243
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	50.928.243	50.928.243
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>50.928.243</i>	<i>50.928.243</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	109.595	309.595
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>109.595</i>	<i>309.595</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50.818.648	50.618.648
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>50.818.648</i>	<i>50.618.648</i>

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP

**e. Cổ tức**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán	30.371.188.800	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông (*)	30.371.188.800	-
- Cổ tức đã chi trả trong năm	30.324.000.210	-

(\*) Nghị quyết số 02-06/2021/NQ-HĐQT của HĐQT Công ty CP ĐTPT Công nghệ điện tử - viễn thông ngày 21/06/2021 đã thông qua kế hoạch chi trả cổ tức năm 2020 và tạm ứng cổ tức năm 2021 bằng tiền mặt, cụ thể:

Tỷ lệ cổ tức bằng tiền mặt: 6% (600 đồng/ cổ phiếu), trong đó:

+ Chi trả cổ tức bằng tiền mặt năm 2020: 3% (300 đồng/ cổ phiếu)

+ Tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt năm 2021: 3% (300 đồng/ cổ phiếu).

**e. Các quỹ của doanh nghiệp**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	41.410.255.576	41.410.255.576
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	5.200.000.000	5.200.000.000

**25. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a. Ngoại tệ các loại		
Đồng đô la Mỹ (USD)	3.077.451,20	7.172.131,89
b. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	18.307.777.778	8.707.777.778

**26. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
- Doanh thu bán hàng hàng hóa	18.214.471.070	691.409.355.196
- Doanh thu bán thành phẩm phần mềm	551.622.161.245	25.217.022.000
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	89.423.916.767	85.614.144.784
<b>Cộng</b>	<b>659.260.549.082</b>	<b>802.240.521.980</b>

**27. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
- Giảm giá hàng bán	128.383.270	7.081.818
<b>Cộng</b>	<b>128.383.270</b>	<b>7.081.818</b>

**28. DOANH THU THUẬN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
- Doanh thu bán hàng hàng hóa	18.086.087.800	691.402.273.378
- Doanh thu bán thành phẩm phần mềm	551.622.161.245	25.217.022.000
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	89.423.916.767	85.614.144.784
<b>Cộng</b>	<b>659.132.165.812</b>	<b>802.233.440.162</b>

**29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
- Giá vốn bán hàng hóa	3.921.865.322	615.846.154.189
- Giá vốn bán thành phẩm phần mềm	479.648.587.231	4.718.030.952
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	46.479.653.297	46.293.094.809
<b>Cộng</b>	<b>530.050.105.850</b>	<b>666.857.279.950</b>

### 30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, cho vay	2.412.871.413	6.661.277.254
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.718.190.000	3.896.957.186
- Lãi chứng khoán kinh doanh	305.956.260	-
- Chiết khấu thanh toán được nhận	4.917.186.000	-
- Lãi từ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	1.493.119.471	2.155.405.376
<b>Cộng</b>	<b>10.847.323.144</b>	<b>12.713.639.816</b>

### 31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Lãi tiền vay	3.676.728.124	4.552.577.118
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.418.082.200	1.380.925.176
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	597.477.956	-
- Chi phí dự phòng các khoản đầu tư	(768.531.227)	1.104.658.699
<b>Cộng</b>	<b>4.923.757.053</b>	<b>7.038.160.993</b>

### 32. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Chi phí nhân công	22.008.817.117	21.314.518.908
- Chi phí khấu hao	1.672.157.526	1.501.895.612
- Chi phí dự phòng báo hành	9.459.338.693	1.189.938.520
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.947.631.932	4.582.531.806
- Chi phí khác bằng tiền	948.100.982	2.295.410.101
<b>Cộng</b>	<b>40.036.046.250</b>	<b>30.884.294.947</b>

### 33. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Chi phí nhân công	42.596.089.121	37.078.963.958
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.507.420.724	8.656.958.998
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.133.535.906	13.633.668.128
- Hoàn nhập/ Trích dự phòng nợ phải thu khó đòi	(4.603.028.277)	8.481.654.000
- Chi phí khác bằng tiền	2.931.218.746	2.959.155.220
<b>Cộng</b>	<b>54.565.236.220</b>	<b>70.810.400.304</b>

### 34. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản	993.356.802	645.454.545
- Thu nhập khác	220.345.393	640.166.544
<b>Cộng</b>	<b>1.213.702.195</b>	<b>1.285.621.089</b>

**35. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Chi phí khác	3.179.248.652	344.453.012
<b>Cộng</b>	<b>3.179.248.652</b>	<b>344.453.012</b>

**36. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	8.430.044.214	8.896.727.612
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	55.317.273	161.304.648

**37. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	48.112.229.057	31.802.656.256
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	48.112.229.057	31.802.656.256
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	50.818.648	50.618.648
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>947</b>	<b>628</b>

**38. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Chi phí nguyên, vật liệu, CCDC, hàng hóa	383.913.514.025	626.621.727.947
- Chi phí nhân công	67.341.341.783	62.022.026.885
- Chi phí khấu hao	7.394.161.230	11.565.776.797
- Chi phí bảo hành, dự phòng phải thu khó đòi	54.594.017.070	51.496.487.890
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.856.310.416	14.743.886.501
- Chi phí khác bằng tiền	12.399.486.964	26.991.424.354
<b>Cộng</b>	<b>530.498.831.488</b>	<b>793.441.330.374</b>

### 39. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Tài sản tài chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	154.654.621.594	-	305.194.698.884	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	461.897.779.142	(34.666.423.157)	575.991.832.184	(29.869.451.434)
Các khoản cho vay	6.292.000.000	-	18.842.000.000	(9.400.000.000)
Đầu tư ngắn hạn	27.245.487.699	-	23.922.295.740	-
Đầu tư dài hạn	251.370.249.045	(7.014.534.197)	220.938.382.364	(7.783.065.424)
	<b>901.460.137.480</b>	<b>(41.680.957.354)</b>	<b>1.144.889.209.172</b>	<b>(47.052.516.858)</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>			<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
			VND	VND
Vay và nợ			31.385.928.049	69.029.248.422
Phải trả người bán, phải trả khác			143.847.834.778	303.715.272.179
Chi phí phải trả			10.393.017.830	5.953.012.165
			<b>185.626.780.657</b>	<b>378.697.532.766</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

#### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

#### Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.



#### Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

#### Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

#### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
<b>Số cuối năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	154.654.621.594	-	-	154.654.621.594
Phải thu khách hàng, phải thu khác	461.716.079.142	181.700.000	-	461.897.779.142
Các khoản cho vay	6.292.000.000	-	-	6.292.000.000
Đầu tư ngắn hạn	27.245.487.699	-	-	27.245.487.699
Đầu tư dài hạn	-	-	251.370.249.045	251.370.249.045
<b>Cộng</b>	<b>649.908.188.435</b>	<b>181.700.000</b>	<b>251.370.249.045</b>	<b>901.460.137.480</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	305.194.698.884	-	-	305.194.698.884
Phải thu khách hàng, phải thu khác	575.810.132.184	181.700.000	-	575.991.832.184
Các khoản cho vay	18.842.000.000	-	-	18.842.000.000
Đầu tư ngắn hạn	23.922.295.740	-	-	23.922.295.740
Đầu tư dài hạn	-	-	220.938.382.364	220.938.382.364
<b>Cộng</b>	<b>923.769.126.808</b>	<b>181.700.000</b>	<b>220.938.382.364</b>	<b>1.144.889.209.172</b>

#### **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
<b>Số cuối năm</b>				
Vay và nợ	31.385.928.049	-	-	31.385.928.049
Phải trả người bán, phải trả khác	141.256.135.878	2.591.698.900	-	143.847.834.778
Chi phí phải trả	10.393.017.830	-	-	10.393.017.830
<b>Cộng</b>	<b>183.035.081.757</b>	<b>2.591.698.900</b>	<b>-</b>	<b>185.626.780.657</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	63.238.059.999	5.791.188.423	-	69.029.248.422
Phải trả người bán, phải trả khác	302.111.481.779	1.603.790.400	-	303.715.272.179
Chi phí phải trả	5.953.012.165	-	-	5.953.012.165
<b>Cộng</b>	<b>371.302.553.943</b>	<b>7.394.978.823</b>	<b>-</b>	<b>378.697.532.766</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

#### **40. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

- Ngày 26/01/2022, Công ty đã nhận được Công văn số 528/UBCK-QLCB của UBCK Nhà nước chấp thuận việc sử dụng 109.595 cổ phiếu quỹ thưởng cho người lao động của Công ty, thời gian thực hiện dự kiến từ ngày 16/02/2022 đến ngày 15/03/2022. Dự kiến sau khi trả thưởng, số lượng cổ phiếu quỹ của Công ty sẽ còn lại bằng 0 cổ phiếu.
- Ngày 14 tháng 02 năm 2022, Công ty thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần lần thứ 26, cập nhật lại một số thông tin về ngành nghề kinh doanh.
- Ngoài các sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện trọng yếu nào khác xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

**CÔNG TY CP ĐĐT CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ- VIỄN THÔNG**

Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021**41. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Thành phẩm phần mềm	Hàng hóa	Dịch vụ	Thành phẩm khác (SP eBop)	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND		VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	18.086.087.800	551.622.161.245	89.423.916.767		659.132.165.812
Giá vốn của các bộ phận	3.921.865.322	479.648.587.231	46.479.653.297		530.050.105.850
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>14.164.222.478</b>	<b>71.973.574.014</b>	<b>42.944.263.470</b>	-	<b>129.082.059.962</b>
Tổng chi phí mua tài sản cố định	110.048.502	3.356.457.922	544.118.121	-	4.010.624.545
Tài sản bộ phận	31.426.888.497	958.513.988.516	155.385.481.496	-	1.145.326.358.509
<b>Tổng tài sản</b>	<b>31.426.888.497</b>	<b>958.513.988.516</b>	<b>155.385.481.496</b>	-	<b>1.145.326.358.509</b>
Nợ phải trả các bộ phận	7.599.044.158	231.769.369.260	37.572.320.769	-	276.940.734.187
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>7.599.044.158</b>	<b>231.769.369.260</b>	<b>37.572.320.769</b>	-	<b>276.940.734.187</b>

## 42. NGHIỆP VỤ VÀ CÁC SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN

### a. Thông tin các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Giải pháp phần mềm ELCOM	Công ty con
Công ty CP Elcom Plus	Công ty con
Công ty CP Elcom Prime	Công ty con
Cty TNHH VTS Hải Phòng	Công ty con
Công ty CP Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	Công ty liên kết
Công ty CP máy tính và truyền thông Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty CP Công nghệ VFT	Công ty liên kết
Ông Phan Chiến Thắng	Chủ tịch HĐQT
Ông Phạm Minh Thắng	Tổng Giám đốc

### b. Giao dịch với bên liên quan

#### Ông Phan Chiến Thắng

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Cho công ty thuê văn phòng tại CN TP HCM	300.000.000	300.000.000

#### Ông Phạm Minh Thắng

	Số lượng	Giá trị (theo mệnh giá)
	cổ phiếu	VND
- Thương cổ phiếu quỹ	150.000	1.500.000.000

#### Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Chức vụ	Năm nay
		VND
- Thu nhập của HĐQT, BKS và Ban Điều hành		3.342.256.460
+ Thu nhập HĐQT		1.714.400.000
Ông Phan Chiến Thắng	Chủ tịch HĐQT	532.000.000
Ông Trần Hưng Giang	TV HĐQT	170.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Hải	TV HĐQT	170.000.000
Ông Nguyễn Đức Thiện	TV HĐQT	170.000.000
Ông Ngô Ngọc Hà	TV HĐQT, Phó TGD	432.400.000
Nguyễn Mạnh Hùng	TV HĐQT	120.000.000
Nguyễn Thị Thanh Thùy	TV HĐQT	120.000.000
+ Thu nhập BKS		660.872.260
Bà Ngô Kiều Anh	Trưởng Ban kiểm soát	290.541.500
Bà Vũ Thị Ngân Hà	Thành viên BKS	334.330.760
Bà Hoàng Thị Phương Thủy	Thành viên BKS	36.000.000
+ Thu nhập Ban Điều hành		966.984.200
Ông Phạm Minh Thắng	Tổng Giám đốc	418.700.000
Bà Đặng Thị Thanh Minh	Kế toán trưởng	548.284.200

Ngoài các thuyết minh với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần trên, Ban Tổng Giám đốc cam kết không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

### 43. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP.

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu



Chu Hồng Hạnh

Kế toán trưởng



Đặng Thị Thanh Minh



Phạm Minh Thắng